

# CON RÙA

(Truyện)

Cốc! Cốc! Cốc!

- Ai đấy? Ông Xã, lý trưởng làng La Lo\*, vừa hỏi to vừa bước ra mở cổng cái vườn con... Chào ông anh ạ! Ông nói với người vừa ló ra. May mắn làm sao tẻ xá lại được vinh hạnh đón tiếp ông anh quá bộ lại chơi thế này?

- Trời bao nhiêu sao thì xin mừng bác phúc lộc bấy nhiêu, khách lạ trả lời. Chả là tôi mang đến bác tờ trát của quan sứ.

Xem lướt xong lệnh của quan trên, ông Xã gãi đầu gãi tai. Ông có vẻ quýnh lắm.

- Gì thế, ông? Bà vợ lo lắng hỏi.

Ông Xã không đáp, chỉ ra hiệu cho người bạn đòi thân quý của ông đi theo ông.

Khi chỉ còn hai người, ông nói: "Hiền thê ta ơi! Sự thể như thế này. Quan sứ đòi tôi lên dinh ngài. Nhà nó cũng biết đấy: Quan là một ông Tây tốt chỉ thích của tốt, cho nên mình mà vào nhà ngài hai tay rỗng không thì khi ra khỏi nhà ngài là đôi mông no đòn. Thế nhưng nhà mình có gì coi được: gà, thỏ, vịt, gà tây, thì đã bán sạch để nộp thuế cả rồi còn đâu! Lấy gì dâng quan bây giờ?".

---

\* *La Lo*, tên làng đặt hài hước bằng cách gộp yếu tố ngữ pháp Pháp *la* thường đứng trước danh từ, có thể coi tương đương như *sự*, *cái*, *nỗi*... và từ Việt *lo* (lo lắng).

Đến lượt bà vợ ông Xã trở nên tư lự. Bà biết rằng cái con người đáng sợ mà ông chồng thân yêu của bà sắp phải lên trình diện này, trước kia - trong thời kỳ bình định - đã từng chặt 75 cái đầu hào mục xứ Bắc Kỳ. Lên làm quan sứ, ông ra lệnh nện đòn bắt luận tên dân An Nam nào, đàn ông hay đàn bà cũng thế, qua cổng nhà ông mà không hạ mũ nón. Tính ông hung bạo làm dân chúng khiếp vía. Muốn vui chuồng gà, ông mượn gà mái của dân trong vùng, rồi chẳng bao giờ trả lại sau khi đã có cả trứng lẫn gà con. Nói tóm lại là bà biết rằng ông quan đa trắng này dữ tợn lắm, và bà run sợ sẵn khi nghĩ trước đến cảnh tượng chồng bà sẽ được tiếp đón như thế nào nếu không mang gì đến đấm cái mồm công sứ.

- Tôi nghĩ ra rồi, im lặng mấy phút rồi bà nói, nghĩ cái hay lắm!

...

Đặt xong xuôi con rùa ngay ngắn trên cái khay bạc thuê của chính nàng hầu quan sứ, bày xong xuôi cả khay lẫn rùa lên chiếc chiếu trải trước cửa phòng giấy ngài công sứ, ông Xã đến trình diện với tất cả nỗi niềm cung kính tất phải có đối với vị đại diện của Nhà nước bảo hộ.

- Lạy quan lớn, ông vừa thưa vừa quay lại phía chiếu, dám xin quan lớn nhận cho, của mọn thôi ạ! Cái món qu... qu... \*

Ông không nói hết được tiếng quà, vì thoát nhận ra rằng trên khay thế là đã khuất bóng rùa. Cái con vật, không buộc, đã thừa lúc ông Xã khốn khổ nhà ta quay đi mà chuồn mất.

Nhưng quan sứ - ngài khoan hòa rất mực - reo lên:

---

\* Nguyên bản: *Ce petit ca... ca...* (Chơi chữ: Mời quan ăn lễ nhận "quà", "quà" trong tiếng Pháp là *cadeau*, nhưng cuống không nói hết được, lấp bắp thành *ca... ca...*; mà *caca* thì có nghĩa là phân người. Chỉ chuyển được phần nào ý đùa nhạo sang tiếng Việt.



- Ô cái khay đẹp quá thôi! Để ta phải gửi lên biểu quan toàn quyền mới được! Đúng hôm nay lại là ngày lễ sinh nhật toàn quyền phu nhân, hẳn bà sẽ thích lắm đấy!

"Và ông thì ông sẽ thăng cấp cho ta", ngài công sứ nghĩ thầm thêm trong bụng.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *Le Paria*, số 32, Theo bài in trong sách  
tháng 2 và tháng 3-1925 *Truyện và ký* Nguyễn Ái Quốc  
Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1974, tr.39-41.

## NHỮNG TRÒ LỖ HAY LÀ VAREN VÀ PHAN BỘI CHÂU

Do sức ép của công luận ở Pháp và Đông Dương, ông Varen đã nửa chính thức hứa sẽ chăm sóc cụ Phan Bội Châu. Ông hứa thế; giả thử cứ cho rằng một vị toàn quyền Đông Dương mà lại biết giữ lời hứa đi chăng nữa, thì chúng ta vẫn được phép tự hỏi liệu quan toàn quyền Varen sẽ "chăm sóc" ấy vào lúc nào và ra làm sao.

Trước hết, ngài chỉ muốn chăm sóc đến khi nào yên vị thật xong xuôi ở bên ấy đã.

Nhưng ngài lại chỉ vừa mới xuống tàu, mà hành trình từ Mácxây đến Sài Gòn kéo dài chừng bốn tuần lễ cơ. Như vậy có nghĩa là trong bốn tuần lễ đó, Phan Bội Châu vẫn bị giam trong tù.

\*

\*       \*

Đến Sài Gòn thì ông Varen, có gì mà không lường trước được, sẽ bị quần quít lấy, lôi kéo đi, giằng co, ru võ, áp ủ trong mớ bông bong những buổi chiều đái, những cuộc tiếp với rước, những lời chúc với tụng. Tiếp đấy là một cuộc tuần du linh đình qua khu phố bản xứ, giữa hàng nghìn người da vàng đã được nước Pháp hàng phục bằng sức mạnh của lưỡi lê, nay giao phó vận mệnh trong tay quan toàn quyền. Và đó cũng là lần đầu tiên trong đời mình, hai con mắt của ông Varen được thấy hiển hiện cái huyền diệu của một thành phố Đông Dương, dưới lòng



đường, trên vỉa hè, trong cửa tiệm. Những cu li xe\* kéo tay phóng cật lực, đôi bàn chân trần giẫm lạch bạch trên mặt đường nóng bỏng; những quả dưa hấu bồ phanh đồ lồm lồm; những xôi lạp xường lũng lảng dưới mái hiên các hiệu cơm; cái rồn của một chú khách trưng ra giữa trời; một viên quan uể oải bước qua, tay phe phẩy cái quạt, ngực đeo tám bắc đầu bội tinh\*\* hình chữ thập. Thật là lộn xộn! Thật là nhốn nháo!

Bỗng dưng tất cả dừng lại, dưới cây dừa thần, hay đúng hơn dưới ngọn roi gân bò mà viên đội xếp Tây vừa vung lên vừa quát tháo: "Cái giống tằm nhà mày! Có cút đi không, cái giống tằm!". Thế là cái đám đông lúc nhúc đứng sắp hàng, vừa yên lại vừa lạng, hai bên lề đường. Gì thế nhỉ? Xe ô tô quan toàn quyền sắp đi qua đấy... Xe kia rồi! Lại cả ông Toàn quyền đây rồi!

- Quan có cái mũ hai sừng trên chóp sọ! Một chú bé con thàm thì.

- Ô! Cái áo dài đẹp chưa! Một chị con gái thót lên.

- Ngài sắp diễn thuyết đấy! Một anh sinh viên kêu lên.

- Đôi bắp chân ngài bọc ủng! Một bác cu li xe thở dài.

- *Rậm râu, sâu mắt*\*\*\*! Một nhà nho lảm bảm.

Thế là ô tô ông Varen chạy qua giữa hai hàng rào con người, lưng khom lại khi ngài đến gần. Cùng lúc, một tiếng rào rào nổi lên: "*Lạy quan lớn! Bẩm lạy quan lớn ạ!*"\*\*\*\*.

Trong khi đó thì Phan Bội Châu vẫn nằm tù.

\* Trong nguyên bản, từ "xe" viết tiếng Việt.

\*\* Tên quen gọi trước đây của một thứ huân chương của Pháp.

\*\*\* - "*Rậm râu, sâu mắt*". Ngạn ngữ nước Nam, chỉ đồ bất lương (Chú thích của tác giả).

- Trong nguyên bản viết bằng tiếng Việt, "*Dậm râu, sâu mắt*" có dịch ra tiếng Pháp và giảng nghĩa trong chú thích của tác giả.

\*\*\*\* Câu này trong nguyên bản cũng viết bằng tiếng Việt, nhưng dịch ngay ra tiếng Pháp.

\*

\* \*

Từ Sài Gòn ra Hà Nội, ông Varen sẽ dừng lại Huế. Triều đình An Nam, do hoàng đế hay hình bóng hoàng đế dẫn đầu sẽ tất tưởi đi nghênh tiếp hiện thân tôn nghiêm của nước Pháp. Đức kim thượng Khải Định sẽ thỉnh ông Varen thăm hoàng cung, và ông Varen sẽ vào. Hoàng thượng Khải Định sẽ thỉnh ông Varen dự yến, và ông Varen sẽ ăn. Đến lúc tráng miệng, hoàng thượng đứng dậy, ngài uy nghi tiến đến gần quan toàn quyền; đưa những ngón tay dài và mảnh, lấp lánh châu ngọc đỏ xanh, ngài cài lên ngực ông Varen loại tưởng lệ phong tặng cao quý nhất của hoàng triều: Nam long bội tinh, và thế là ông Varen được gắn mẽ đay.

Trong khi đó thì Phan Bội Châu vẫn nằm tù.

\*

\* \*

Nhưng chúng ta hãy theo dõi, theo dõi bằng đôi cánh của trí tưởng tượng, những trò lơ chính thức của ông Varen. Hãy theo ông đến tận Hà Nội, tận cổng nhà lao chính, tận xà lim, nơi người đồng bào tôn kính của chúng ta đang rên xiết.

Ôi thật là một tấn kịch! Ôi thật là một cuộc chạm trán! Con người đã phản bội giai cấp vô sản Pháp, tên chính khách đã bị đồng bọn đuổi ra khỏi tập đoàn, kẻ đã ruồng bỏ quá khứ, ruồng bỏ lòng tin, ruồng bỏ giai cấp mình, lúc này đang mặt đối mặt với người kia, con người đã hy sinh cả gia đình và của cải để xa lánh khỏi thấy mặt bọn cướp nước mình, sống xa lìa quê hương, luôn luôn bị lũ này săn đuổi, bị chúng nhử vào muôn nghìn cạm bẫy, bị chúng kết án tử hình vắng mặt, và giờ đây đang bị, vẫn chúng, đeo gông lên vai, dày dọa trong nhà giam, ngày đêm bị bóng dáng của máy chém như một bóng ma ám kề bên cổ.



Giữa kẻ phản bội nhục nhã và bậc anh hùng, vị thiên sứ, đáng xả thân vì độc lập, được 20 triệu con người trong vòng nô lệ tôn sùng, giữa hai con người đó xảy ra chuyện gì đây?

- Tôi đem tự do đến cho ông đây! Varen tuyên bố vậy, tay phải giơ ra bắt tay Phan Bội Châu, còn tay trái thì nâng cái gong to kích đang xiết chặt Phan Bội Châu trong nhà tù ảm đạm.

"Nhưng, có đi phải có lại, tôi yêu cầu ông lấy danh dự hứa với tôi là sẽ trung thành với nước Pháp, hãy cộng tác, hãy hợp lực với nước Pháp để tiến hành ở Đông Dương một sự nghiệp khai hóa và công lý.

"Ông Phan Bội Châu, tôi biết rõ tâm hồn cao thượng và cuộc đời đầy hy sinh, nhiều nguy nan của ông, và chính tôi, tôi xin là người đầu tiên, với tư cách là toàn quyền Đông Dương, được bày tỏ tấm lòng rất mực quý trọng ông. Song những ý tưởng hào hiệp nhất phải chăng bao giờ cũng hay nhất? Phải chăng bao giờ cũng thực hiện được? Than ôi, không đâu, ông ạ! Vả lại, trời ơi! Tại sao chúng ta lại cứ cố chấp cãi lộn nhau mãi thế này, trong lúc ông và tôi, tay nắm chặt tay, chúng ta có thể làm được biết bao công việc tốt đẹp cho xứ Đông Dương này? Chúng ta có thể cùng nhau làm cho nước ông trở thành một quốc gia tân tiến lớn, một xứ tự trị, một nước Pháp ở châu Á!

"Ô! Ông nghe tôi, ông Phan Bội Châu này! Ông hãy để mặc đấy những ý nghĩ phục thù của ông, hãy từ bỏ đi những mưu đồ xưa cũ, và, thôi, chớ tìm cách xúi giục đồng bào ông nổi lên chống lại chúng tôi nữa; trái lại, ông hãy bảo họ cộng tác với người Pháp, và, làm như vậy là ông sẽ được tất cả, được cho đất nước ông, được cho bản thân ông!

"Về chuyện này, tôi có thể kể ông nghe gương của một trong những trợ thủ cũ của ông, là ông Nguyễn Bá Trắc; ông biết đấy, ông này đã biết điều rồi và hiện nay thì đã đứng về phía chúng tôi. Nhưng nếu gương của người đồng bào ông, ông cho là chưa đủ, thì tôi xin kể gương đồng bào của chính tôi cho ông nghe, gương các bạn học của tôi từ hồi còn nhỏ, các chiến hữu



của tôi, Guyxtavơ, Aléchxăng, Arixlít, Anbe, Pôn và Lêông\*. Những vị ấy, ngày nay lừng danh cả, đều đã lần lượt đốt cháy những cái mà mình đã tôn thờ và đang tôn thờ những cái mà mình đã đốt cháy. Như vậy các vị ấy có sao không? Chẳng sao cả. Nền dân chủ của chúng tôi, nhờ Chúa! Rất là tốt! Thật thế, nền dân chủ hào hùng của nước Pháp, mà hôm nay tôi được vinh dự thay mặt giữa các ông, khoan dung với những người, như tôi, đã đoạn tuyệt với những lầm lạc của tuổi trẻ.

"Nhưng sao thế, ông hãy nhìn tôi này, ông Phan Bội Châu! Trước tôi là đảng viên xã hội đấy, và giờ đây thì tôi làm toàn quyền...!".

Ừ thì Phan Bội Châu nhìn Varen. Nhưng, lạ chưa! Những lời nói của Varen hình như lọt vào tai Phan Bội Châu chẳng khác gì "nước đổ lá khoai"\*\*, và cái im lặng dửng dưng của Bội Châu suốt buổi gặp gỡ hình như làm cho Varen sững sốt cả người.

Không phải vì một bên nói tiếng Nam, một bên nói tiếng Tây: đã có một viên quan ở đây làm thông ngôn cơ mà. Nhưng cứ xét bình tình, thì đó chỉ là vì Phan Bội Châu không hiểu Varen cũng như Varen không hiểu Bội Châu.

\*

\* \*

Cuộc gặp gỡ chấm dứt ở đây, hay ít ra là không ai biết được gì hơn nữa. Chỉ có anh lính đồng An Nam bỗng sững chào ở cửa

---

\* *Gustave, Hervé, Alexandre Millerand, Aristide Briand, Albert Thomas, Paul Boncour, Léon Jouhaux* (Chú thích của tác giả).

- Chỉ dùng tên trước để gọi một cách thân mật, nhấn mạnh sự quen biết nhau. Với cách gọi thân mật không đầy đủ tính danh đó, có thể không biết đích xác là chỉ ai, nhưng tác giả đã ghi rõ là ai trong chú thích. Đó là một số chính khách, cũng như Varen, vốn là đảng viên Đảng Xã hội Pháp nhưng đã phản bội quyền lợi của giai cấp công nhân, trở nên toàn quyền, thượng thư, thủ tướng, tổng thống, v.v..

\*\* Một ngụm nước mà nông dân Bắc Kỳ ưa thích. Lá khoai trơn và không thấm nước, nước đổ lên chảy tuột đi ngay. Nông dân Pháp thì nói: "Không cần câu!" (Chú thích của tác giả).

ngực là cứ bảo rằng, nhìn qua chân song, có thấy một sự thay đổi nhẹ trên nét mặt người tù lưng tiếng. Anh quả quyết - cái anh chàng ranh mãnh đó - rằng có thấy đôi ngọn râu mép người tù nhếch lên một chút rồi hạ xuống ngay, và cái đó chỉ diễn ra có một lần thôi.

Nếu quả thật thế, thì có thể là lúc ấy Bội Châu có mím cười, mím cười một cách kín đáo, vô hình và im lặng, như cánh ruồi lướt qua vậy\*.

T.B. - Một nhân chứng thứ hai của hội kiến Varen - Phan Bội Châu (xin chằng dám nêu tên nhân chứng này) lại quả quyết rằng Bội Châu\*\* đã nhô vào mặt Varen; cái đó thì cũng có thể.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *Le Paria*, số 32, Theo bài in trong sách tháng 2 và tháng 3-1925 *Truyện và ký* Nguyễn Ái Quốc, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1974, tr.31-37.

---

\* - "Cười ruồi": lời ví von quen thuộc của người Nam, dùng để tả cái cười bí ẩn của người da vàng. Tiếng Pháp có nói: "cỡ cân ruồi", "chim ruồi", "tàu ruồi") (Chú thích của tác giả).

- "Cỡ cân ruồi" chỉ loại nhẹ cân trong các đấu sĩ môn quyền Anh.

"Chim ruồi" chỉ loại chim sâu rất nhỏ.

"Tàu ruồi" chỉ thứ tàu thủy nhỏ chạy chơi sông hồ.

\*\* Ở đoạn cuối, nhiều chỗ chỉ gọi Phan Bội Châu bằng Bội Châu. Trong khi đó, cũng không gọi Varen bằng ông nữa, mà gọi trống không Varen. Cũng cùng gọi trống không cho "thân" nhưng tác giả đã khéo sử dụng song song hai chữ thân có thể có trong cách xưng hô của Pháp: thân quý mến đối với Phan Bội Châu, thân coi thường đối với Varen.



## TRUYỆN NGỤ NGÔN

*Quảng Châu, năm 1925*

Hãy nghe câu chuyện ngụ ngôn này. Tất cả các bạn, hãy im lặng và lắng nghe!

*Loài vật tranh nhau công trạng*

Con rồng mây râu óng ánh, mào và vẩy rực rỡ lên tiếng trước tiên:

- Ta là thủy tổ của giống nòi An Nam từng chứng kiến sinh ra biết bao vị anh hùng lừng lẫy.

Đến lượt tôm: "Anh bạn nói đùa đấy chứ. Phận tôi còn sướng hơn phận người An Nam. Anh hãy nhìn thân hình tôi. Nó còng xuống là theo ý trời, trong khi đó con cháu anh thì xương sống gập xuống dưới gánh nặng sưu thuế và khổ sai.

Cừu nói: - Lời anh nói khiến tôi buồn. Thực ra người An Nam cũng tựa như loài thỏ. Anh biết đấy, mỗi năm tôi bị cắt lông có một lần, còn những con người tội nghiệp kia thì bị Pháp bóc lột tứ thời.

Bò lên tiếng: - Chưa hết đâu nhé. Tôi dám khẳng định rằng người An Nam còn khổ hơn loài bò. Chúng tôi có nước da tươi tắn, bụng đầy cỏ và xương sườn dạng mo cau, nhưng chúng tôi có thể kiêu hãnh vì được hưởng một thứ tự do còn lớn hơn thứ tự do của họ.

Cua cười chua chát mà rằng:

- Chúng tôi hơn đứt những người An Nam đang cúi mình trước mọi sự đồng đánh của người Pháp và những kẻ nô lệ tội nghiệp kia vẫn cam phục vụ bọn chúng mà không hề hể răng nửa lời.

Rắn nói: - Các chị châm chọc mỉa mai nữa kia. Thử xem, ai là người chiến thắng bằng sự cao quý của tình cảm? Tôi, hay là

những người Pháp khẩu Phật tâm xà mà người An Nam đưa vào nước họ?

Voi nói: - Người An Nam sẽ muôn đời phải gánh chịu hậu quả những lầm lỗi mà họ vô tình phạm phải. Họ đã rước voi về giày mà tổ lại còn bỏ mặc cho người Pháp cái quyền lãnh đạo cả Tổ quốc của họ nữa.

Lươn nói: - Nghĩ đến người An Nam mà tôi buồn.

Họ để cho đồng tiền cám dỗ cứ như mật dụ ruồi. Với những kẻ nô lệ ấy, cúi mình hạ nhục cốt để kiếm chút danh tước bạc béo có hề gì.

Chuột nói: - Hãy xem loài chuột chúng tôi, ai cũng có bản mệnh của mình. Còn người An Nam không còn nghĩ gì đến đất nước của họ nữa. U mê vì của cải và giàu có, họ đang thờ ơ can dự vào cuộc diệt chủng giống nòi và vong quốc.

Gà trống nói: - Ta là ông hoàng trên sân gà. Ta sống hòa hợp với các ả thần dân của ta và chúng ta không bao giờ tranh nhau miếng ăn ngon lành như bọn người An Nam vì tiền bạc mà bội bạc phản trắc.

Cá chép: - Nước với tôi cùng nhau sung sướng, rồi nhất định có ngày hóa được thành rồng, tôi sẽ bay đến tận cung tiên. Còn người An Nam thì suốt đời chỉ khoanh tay quý gối trong cảnh nô lệ mà không dám vùng lên.

Ếch: - Hỡi anh em, suy đi tính lại, nếu thực sự chúng ta thương xót người An Nam thì hãy cùng nhau đi cứu họ. Loài ếch hèn mọn chúng tôi nhờ có kêu ca mà làm trời phải mủi lòng, và lẽ nào vô cớ trời lại bỏ ngoài tai lời cầu khẩn mà để loài ếch bị tận diệt? Nếu họ đồng tâm và đồng sức, nếu họ kết liên trong, ngoài thì người Pháp sẽ mất tinh thần, kinh hãi và phải trả lại cho họ những quyền tự do của họ.

Ôi, những người An Nam, các anh phải luôn nhớ rằng đoàn kết làm nên sức mạnh!

*Dịch lại từ bản dịch ra tiếng Pháp,  
lưu tại Viện Hồ Chí Minh.*



## NHẬT KÝ CHÌM TÀU<sup>(38)</sup>

(Qua các bản sưu tầm đã được công bố)

### LỜI MỞ ĐẦU:

Một chiếc tàu thủy của Pháp bị chìm ở biển khơi. Hầu hết hành khách đều bị chết đuối. Chỉ có ba anh Pôn (Paul), Zô và Râu, một người Âu, một người Phi và một người Việt\* làm công trên tàu còn sống sót. Họ bị giạt vào một hoang đảo. Về sau có chiếc tàu Nga đi qua, thủy thủ thấy họ, bỏ xuống xuống cứu, rồi mang về nước. Trong thời gian ở Nga, họ đã được đối đãi rất tử tế. Không những được bồi dưỡng sức khỏe, họ còn được tham quan đây đó, trò chuyện và tìm hiểu về đời sống của công nhân và nông dân Nga, tìm hiểu về các mặt kinh tế, chính trị, quân sự, văn hóa... của Nhà nước Xô Viết đầu tiên trên thế giới. Cuối cùng, theo nguyện vọng của họ, ba anh em được các đồng chí Nga cho về sứ sở.

*Nhật ký chìm tàu* kể lại những điều mắt thấy tai nghe của ba nhân vật ấy trên quê hương Cách mạng tháng Mười dưới hình thức hồi ký du lịch, đã gửi cho Đảng Cộng sản Đông Dương để lưu hành, đặt quân chúng xem biết.

---

\* Trong bài của Phạm Lân và Tống Trần Ngọc (đã dẫn) thì tên của ba người là Pôn, Ba và Râu, nhưng đồng chí Bùi Quán và nhiều người nữa nói chắc rằng tên của họ là Pôn, Zô và Râu. Chúng tôi tạm ghi lại để bạn đọc tham khảo. Zô là một tên người, gọi tắt, thường được dùng ở châu Phi da đen. Râu, qua câu chuyện được tường thuật lại, ta được biết đó là một người Việt Nam. Trong bản của Ninh Viết Giao ghi tên của ba nhân vật như trên.



Hội nghị thành lập Đảng cộng sản Việt Nam năm 1930

*Ảnh: Bảo tàng Hồ Chí Minh*



## CHƯƠNG I.

Ba anh Pôn, Zô và Râu là những người dân mất nước hoặc nô lệ, quyết chọn đường đi tìm chân lý đầy chông gai, khổ cực, ấp ủ hoài vọng được thấy tận mắt chân trời tươi sáng độc lập tự do. Họ bị mất quyền chính trị, kinh tế nên cùng nhau đem bán sức lao động cho tư bản Pháp trên một chiếc tàu thủy. Trong một chuyến đi, chiếc tàu này vớt được rất nhiều nguyên vật liệu của xứ thuộc địa Đông Dương mang về nước Pháp như các thứ khoáng chất vàng, bạc, đồng, thiếc, rêu than, gỗ quý, các loại ngà voi, sừng tê giác v.v... Ngoài ra chiếc tàu cũng chở khá nhiều trâu, bò, dê... Bọn thực dân Pháp mang các sản vật ở thuộc địa về để cống hiến cho đế quốc Anh, Mỹ, hòng trừ nợ khoản chiến phí trong cuộc Âu châu đại chiến (từ 1 tháng 8 năm 1941 đến 11 tháng 11 năm 1918).

Do tham lam chở nặng quá, đi được một số ngày đường, ra đến giữa biển khơi, tàu bị đắm. Nhiều người Âu, người Phi, người Việt khác trên tàu đều bị chết. Ba anh Pôn, Zô và Râu ôm được một mảnh ván. Sóng đánh giạt các anh vào một hoang đảo. Thật là:

*Mênh mông trên biển dưới trời  
Một hòn hoang đảo ba người lưu ly.*

## CHƯƠNG II.

Đã bị uống nước nhiều, lại phải nhịn đói lâu ngày, ba người nằm trên hoang đảo chỉ chờ chết. Có lúc họ lết đi quanh đảo, nhưng đảo này toàn cát trắng, vỏ ốc hoa, xà cừ và các loài chim cò đến ỉa rác. Họ đã xé áo, buộc vào một cái que làm cờ hiệu rồi cắm lên để họa may có chiếc tàu nào đi qua biết mà đến cứu.

Đang lúc thần chết đến kề bên thì may thay có một chiếc tàu Nga đi tuần tiễu trên hải phận quốc tế. Nhờ có kính viễn

vọng nên nhìn lên hoang đảo, thuyền trưởng tàu này nhìn thấy bóng cờ trắng rồi nhận ra ba người. Họ được thủy thủ cập xuống đến cứu. Lúc đó, ba người đã gần như bất tỉnh. Đưa lên tàu, họ được cứu chữa ngay. Các thủy thủ Nga đưa áo quần cho ba anh thay, làm ấm phòng cho ba anh sưởi, đem bơ sữa cho ba anh ăn. Khi tỉnh hẳn, ba anh cảm động và biết ơn những người đã cứu mình vô cùng. Vì ngôn ngữ bất đồng, nên ba anh không trao đổi ý kiến được nhiều mà chỉ biết đây là thủy thủ một chiếc tàu Nga đã cứu mình. Dần dần, bằng nhận xét thực tế, ba anh thấy rõ chiếc tàu Nga này khác hẳn chiếc tàu Tây về nhiều mặt: về quan hệ giữa người với người trên tàu, về thái độ đối xử với nhau, về chế độ đãi ngộ, chế độ lao động, v.v..., tất cả đều bình đẳng, tự giác, thân ái. Đặc biệt mọi người xưng hô với nhau bằng danh từ “đồng chí”. Ba anh chú ý nhất là cây cờ búa liềm và hai bức chân dung khổ lớn có lồng khung treo trang trọng ở phòng sĩ quan; hỏi ra thì một bức là Các Mác, một bức là Lênin. Ba anh đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác.

*Lạ thay trong chiếc tàu này,  
Cái gì cũng khác tàu Tây mình làm.*

### CHƯƠNG III.

Chiếc tàu Nga cứu ba anh xong liền đánh điện về nước. Khi tàu cập bến Nga, ba anh thấy dưới bóng cờ đỏ chói lọi, nhân dân Nga đứng chờ khá đông. Một ít anh em Hồng quân cũng có mặt. Từ thân phận thấp hèn phải đi làm công, bị mắng, bị đánh, bị cúp tiền lương, ba anh không ngờ mình lại được đón tiếp một cách long trọng, niềm nở như vậy. Bao nhiêu suy nghĩ xôn xang, bao nhiêu câu hỏi náo nức trong lòng. Cảm động quá, ba anh không nói được câu nào trước thái độ vồn vã và cởi mở của những người bạn Nga. Một bầu không khí dạt dào, vừa triu mến thân thương, vừa dằm thắm chí tình bao phủ lấy họ:



*Gió cao tiếng hạc càng cao,  
Ba quân chỉ ngọn cờ đào kéo ra\**

#### CHƯƠNG IV.

Pôn, Zô và Râu được coi là những khách quý. Ba anh được các đồng chí Nga đưa tới một khách sạn Ôđétxa để nghỉ chân. Vừa mới bước tới ngưỡng cửa, có một cô gái xinh đẹp khoảng hai mươi tuổi ra chào, rồi mời ba anh vào phòng thay quần áo. Mặc những bộ quần áo mới thơm tho xong, ba anh được cô gái ấy bung sữa tới mời uống. Tiếng họ ngạc nhiên nhất vẫn là tiếng “đồng chí”. Ai cũng là đồng chí.

Không phải chỉ cô gái ấy mà những người phục vụ khác cũng đều niềm nở vui tính, cởi mở. Lúc nào họ cũng coi ba anh em như anh em ruột thịt. Cả khách khứa ra vào cũng thế, ai cũng tay bắt mặt mừng. Tất cả đều tận tình với một tinh thần quốc tế vô sản rất trong sáng:

*Rằng nay bốn bể một nhà,  
Cùng là bè bạn, cùng là thân yêu.*

#### CHƯƠNG V.

Sau ba tháng trời nghỉ ngơi, tắm bờ, giải trí ở Ôđétxa, Pôn, Zô và Râu, được các đồng chí Liên Xô đưa đi thăm quan từ nhà máy này đến nông trường khác. Công cuộc cơ khí hóa của Liên Xô đang được tiến hành. Ba anh thấy nhiều máy móc thay thế sức người. Máy làm việc nặng, người làm việc nhẹ. Máy chạy rầm rầm. Bất cứ chỗ nào việc sản xuất ra của cải vật chất của chủ nghĩa xã hội cũng được Chính phủ công nông tổ chức một cách quy mô, có kế hoạch. Công nhân làm chủ các

---

\* Hai câu này không khớp lắm với nội dung chương III, nhưng nhiều người kể như vậy, nhiều bản ghi như vậy, nên vẫn giữ nguyên, không lược bỏ, chờ xác minh sau.

nhà máy. Đoàn kết trong các tổ chức công hội, họ quản lý xí nghiệp. Họ làm việc một cách tự giác, phấn khởi với ý thức kỷ luật cao.

Cũng như nhà máy là của công nhân, nông trường là của dân cày. Có hai loại nông trường: nông trường quốc doanh (sovkhos) và nông trường tập thể (kolkhos). Nông trường quốc doanh do Nhà nước quản lý. Nông trường tập thể do nông dân tập thể quản lý. Nông trường nào cũng có nhiều máy móc thay thế sức người và sức trâu bò, như máy cày, máy bừa, máy gặt, máy cắt cỏ, máy đưa cỏ về cho trâu bò ăn...

So với trước Cách mạng, công nông Nga đã thay đổi hẳn:

*Công nông Nga có ngày nay,  
Cũng đã nếm mật nằm gai mấy lần.*

## CHƯƠNG VI.

Trên đường đi tham quan các nơi, ba anh lại được đi an dưỡng. Họ an dưỡng tại một khu vực dành riêng cho thợ thuyền. Ở đây, họ thấy một số thợ già yếu, mệt mỏi, được Nhà nước cho đến nghỉ ngơi, nhưng vẫn được bồi dưỡng, được hưởng lương cùng mọi quyền lợi khác như khi đang làm việc. Những cụ già ngoài sáu mươi tuổi kể cho ba anh nghe rằng: Dưới chế độ Nga hoàng, chúng tôi đã phải lao động mười bốn tiếng đồng hồ một ngày mà chưa đủ cơm ăn, áo mặc. Bao nhiêu tật bệnh đến hoành hành. Bao nhiêu cảnh thất nghiệp, đói khát đe dọa. Rồi bị đánh, bị phạt. Thân hình chúng tôi tiều tụy, con cái nheo nhóc. Nghèo đói bám riết lấy chúng tôi. Bây giờ Chính phủ cách mạng thi hành luật lao động mới. Mỗi người làm việc tám giờ một ngày. Ai làm những công việc nặng nhọc, thời gian lao động có thể ít hơn. Lao động có thành tích thì được khen, thưởng. Ấy là chưa kể các chính sách bảo hiểm lao động khác để giữ gìn sức khỏe cho công nhân. Cách mạng Nga mới thành



công được một thời gian ngắn mà số người sống trên sáu mươi tuổi đã tăng hẳn lên so với trước:

*Sung sướng thay thợ thuyền Nga,  
Ngày làm ngày nghỉ đều là có lương.*

Râu nghĩ đến Công xã Pari (18 tháng 3 năm 1871) sáng tác mấy câu thơ:

*Công xã thất bại nhưng mà  
Ảnh hưởng công xã sâu xa vô cùng:  
Nước Nga cách mạng thành công  
Cũng bởi công xã treo gương sau này.  
Anh em hỡi gặp ngày kỷ niệm (18 tháng 3)  
Nghiên cứu tường kinh nghiệm lớn lao  
Rồi đem phổ biến cho nhau...*

## CHƯƠNG VII.

An dưỡng thêm một thời gian, ba anh em được đi thăm một vùng nông thôn. Ba anh em được biết rằng, sau khi Chính phủ Xô viết giành chính quyền, bọn cu lăc đã bị phân hóa, rồi sau đó bị tiêu diệt. Nông thôn ngày càng xích hóa. Bọn mensêvích và bọn torótkít cũng lần lượt bị quét sạch. Bao nhiêu ruộng đất đều chia cho dân cày nghèo. Gặp những người nông dân đang chăm chỉ, vui vẻ cày trên những cánh đồng mênh mông bát ngát thẳng cánh cò bay, do mình làm chủ, ba anh em được nghe họ nói lên những lời biết ơn cách mạng, biết ơn Đảng của giai cấp vô sản Nga, Đảng Bôn-sê-vích. Đúng là:

*Bản nông có ruộng mà cày,  
Cũng bởi Cách mạng ra tay đỡ đần.*

## CHƯƠNG VIII.

Có ruộng đất rồi, nông dân không còn làm ăn riêng rẽ. Trước khi thành lập các nông trường, họ xây dựng các hợp tác

xã nông nghiệp. Khắp mọi nơi đều có hợp tác xã. Sự ăn ở đều có tổ chức. Ruộng đất, sức kéo, công cụ canh tác đều là của chung. Việc làm có giờ giấc và được quản lý chặt chẽ. Ai cũng có ý thức làm chủ, do đó, lợi người, lợi công, lợi của. Nhờ vậy, họ có điều kiện học thêm văn hóa, nâng cao hiểu biết về khoa học kỹ thuật, luyện tập thể dục thể thao, xem chớp bóng, diễn kịch, thưởng thức ca nhạc, đọc sách báo... Rõ ràng là:

*Lẽ loi đã tồn tại hao,  
Chung nhau hợp tác, đường nào lợi hơn.*

## CHƯƠNG IX.

Pôn, Zô, Râu đến thăm một cái chợ hàng sách. Ba anh thấy không biết cơ man nào là sách. Họ được biết ở Nga cứ một vùng thì có một cái chợ hàng sách. Các chợ hàng sách mới có vào khoảng đầu kế hoạch 5 năm xây dựng kinh tế lần thứ nhất (1928 -1933). Sách in nhiều và ở đâu cũng có bán như vậy là vì 95% nhân dân Nga đã biết chữ. Ở đây, học trung học mới gọi là học. Dân Nga ai cũng đi học. Trẻ con học trong các trường phổ thông. Người lớn học tại các lớp học ban đêm, các lớp học ngoài giờ lao động. Sách là người bạn của dân Nga. Sách đã góp phần nâng cao dân trí:

*Sách là bổ ích tinh thần,  
Sách mà vào tới tai dân mới là...*

## CHƯƠNG X.

Rời chợ hàng sách, ba anh vào thăm một thư viện. Ở Nga, mỗi nhà máy, công trường, nông trường, trường học... đều có một thư viện. Mỗi thư viện có nhiều loại sách báo của các nước. Ngoài Nga văn, còn có Anh văn, Pháp văn, Trung văn, Quốc tế ngữ...

Ba anh giờ một cuốn sách nhỏ có thể bỏ túi được. Đó là cuốn huấn luyện chính trị thường thức. Ba anh lật nhiều cuốn



khác, nào luận cương chính trị, duy vật sử quan, lịch sử nhân loại, vấn đề dân tộc... Đọc qua những cuốn sách ấy, ba anh thấy mình mở mắt được ra nhiều, biết thêm nhiều điều mới lạ mà trước đây còn mờ mịt. Bất giác Râu nhớ câu: “Đọc thư bất vong cứu quốc, cứu quốc bất vong độc thư” (nghĩa là: đọc sách chớ quên cứu nước, cứu nước chớ quên đọc sách) mà trước đây anh đã đọc.

Trong thư viện, ba anh thấy các độc giả, nam có, nữ có, già có, trẻ có, đang chăm chú đọc sách. Có ba anh đến thăm, họ đưa mắt nhìn với vẻ tò mò rồi lại say mê đọc sách:

*Sách là thuốc chữa tội ngu,  
Dân Nga ham sách nên mau thịnh cường.*

## CHƯƠNG XI.

Rời thư viện, ba anh đi thăm một số đơn vị bộ đội và công binh xưởng. Ba anh thấy rõ một điều là ở Nga, mọi công nhân đều có nhiệm vụ tòng quân. Tạm biệt quê hương để đi nhập ngũ bảo vệ Tổ quốc, là một vinh dự lớn, ai cũng tự nguyện, phấn khởi. Quan hệ giữa sĩ quan và binh lính cũng khác hẳn: bình đẳng, thương yêu. Các quân nhân luyện tập về chiến thuật tác chiến, về kỹ thuật chiến đấu, và được học nhiều về chính trị văn hóa.

Ở Liên Xô, kỹ nghệ quốc phòng được đặt vào hàng trọng yếu. Mà kỹ nghệ quốc phòng cũng phải độc lập. Mặt khác, vũ khí cũng phải nằm trong tay nhân dân, vũ khí không thể hay thế sức người. Sức mạnh căn bản để bảo vệ nước nhà là công nông. Ba anh tin tưởng rằng nếu mai đây có xảy một cuộc chiến tranh xâm lược đất nước Liên Xô thân yêu, thì Liên Xô có khả năng, có điều kiện để thực hiện “toàn dân vi binh”, và nhất định giành chiến thắng về mình:

*Công nông gìn giữ nước nhà  
Dân là dân lính, lính là lính dân.*

## CHƯƠNG XII.

Có lính, có vũ khí rồi mà không có lương ăn cũng chẳng làm nên trò chống gì. Pôn, Zô, Râu được nghe giới thiệu về nhân dân Nga đang ra sức thi đua xã hội chủ nghĩa để vượt mức kế hoạch 5 năm lần thứ nhất. Trong kế hoạch này, lúa mì sẽ không những đủ ăn mà còn bán ra nước ngoài. Rồi các loại cây công nghiệp, cây thực phẩm cũng sẽ phát triển. Có như thế thành trì mới giữ vững, quần chúng mới yên vui. Đế quốc chẳng dám ngo ngoe. Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất mới được thực hiện chưa được hai năm mà công nghiệp Liên Xô đã khá lắm. Thật là “Túc thực, túc binh, dân tin chi hĩ” (nghĩa là: lương đủ, binh đủ, dân tin - chế độ sẽ vững vậy). Ta cũng có câu: “thực túc binh cường, non lương xếu rêu”<sup>\*</sup>.

.....  
\*\*  
.....

## CHƯƠNG XIII.

Nhà nước Xô viết phát triển kinh tế, cố nhiên là sẽ mở thêm nhiều hải cảng, lập thêm nhiều nhà máy, sản xuất thêm nhiều mặt hàng... để làm cho đất nước phồn vinh. Kỹ nghệ nặng được ưu tiên phát triển. Nhiều nước đã đặt mua hàng của Nga.

Trong bước đầu thực hiện nền công nghiệp hóa vĩ đại của nước nhà, nhân dân Liên bang Xô viết đã phải tự lực cánh sinh, chịu đựng gian khổ, cần cù sáng tạo trong lao động, nêu một tấm gương chói lọi cho vô sản năm châu: Dù rằng “canh điền

---

<sup>\*</sup> Câu này là thành ngữ của địa phương Nghệ - Tĩnh.

<sup>\*\*</sup> Những chỗ chấm chấm là những câu lục bát chưa tìm ra.



nhi thực, tạc tỉnh nhi ẩm” (cày ruộng mà ăn, đào giếng mà uống), song Liên Xô vẫn nghĩ nhiều đến việc giúp đỡ vô sản năm châu. Bởi cách mạng xã hội chủ nghĩa không chỉ thành công trong một nước mà sẽ thành công trong nhiều nước. Vô sản năm châu đang đói cơm khát nước. Liên Xô xây dựng chủ nghĩa xã hội là thúc đẩy vô sản các nước đấu tranh.

.....

.....

#### CHƯƠNG XIV.

Ba anh được đến xem một phòng triển lãm. Tại đây, người ta giới thiệu cho ba anh, bằng hiện vật và bằng tranh ảnh, lịch sử đấu tranh của giai cấp vô sản từ khi học thuyết Mác ra đời cho đến ngày Cách mạng tháng Mười thành công. Ba anh cũng chú ý đến một gian phòng thể hiện giai đoạn lịch sử nhục nhã của nước Nga. Cũng bởi vì chế độ Nga hoàng hà khắc, tham lam muốn chiếm Bắc Mãn Châu, bán đảo Liêu Đông, thành Phụng Thiên và nhiều nơi khác... nên đem công nông Nga ra chiến trường đánh nhau với một tên cướp hung hãn khác là Nhật Bản, và cuối cùng bị Nhật Bản đánh thua liểng xiểng. Trong cuộc chiến tranh như bản ấy, bao nhiêu công nông Nga đã bị đâm chém bởi lưỡi lê của đế quốc Nhật Bản. Một trận ở thành Phụng Thiên, quân đội Nga hoàng đã mất mười hai vạn người. Bao gia đình tang tóc.

Hết những khốc liệt ấy đến Đại chiến thế giới thứ nhất. Ngày 1 tháng 8 năm 1914, Đức tuyên chiến với Pháp. Sau đó Nga cũng tham chiến. Chiến tranh xảy ra ác liệt. Chiến tranh đế quốc đã lấy đi hàng triệu mạng người, chết trận, bị thương, chết vì bệnh dịch. Chiến tranh tàn phá nền kinh tế quốc dân Nga. Đảng cộng sản (B\*) ra khẩu hiệu:

---

\* Bôn-sê-vích

- Đả đảo đế quốc chiến tranh.
- Đối đế quốc chiến tranh ra chiến tranh cách mạng.
- Thiết lập chính quyền công nông.

Được nhân dân hưởng ứng, Nga hoàng đánh đổ, Chính phủ cộng hòa Liên bang xã hội Xô viết được thành lập, bao gồm mười sáu dân tộc.

Hết sức phấn khởi trước thành công của Cách mạng tháng Mười và việc chấm dứt cuộc Đại chiến thế giới lần thứ nhất, nhưng ba anh cũng không khỏi buồn ngủi khi nghe nói đến những đau thương do chiến tranh đế quốc gây ra. Càng căm thù chủ nghĩa đế quốc, ba anh càng thấy phải tiến hành cách mạng vô sản để giải phóng dân tộc và giai cấp.

.....

.....

## CHƯƠNG XV.

Đại chiến thế giới lần thứ nhất vừa kết liễu thì sau đó mười bốn nước đế quốc thi nhau phá hoại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới. Rồi bọn tư sản, địa chủ, bạch vệ... cũng nổi dậy khắp nơi trong nước. Liên Xô đã phải qua một thời gian chống thù trong giặc ngoài vô cùng gian khổ, song cũng vô cùng anh dũng. Mãi năm 1921, nhân dân Liên Xô mới đánh bại bọn phản động, tay chân của đế quốc, và đề bẹp các cuộc tấn công bằng quân sự của tư bản quốc tế, chuyển sang thời kỳ hòa bình khôi phục nền kinh tế quốc dân, thực hiện chính sách kinh tế mới. Đó là “an nhi tư nguy, trị nhi tư loạn” (nghĩa là: trong lúc yên mà nghĩ đến lúc nguy, trong lúc trị mà nghĩ đến lúc loạn). Tinh thần độc lập tự chủ, tự lực cánh sinh càng được nâng cao. Thật là “Nhật xuất nhi tác, nhật nhập nhi tức, tác tinh nhi ẩm, canh điền nhi thực, đế nhi lực, hà hữu ư



ngã tai” (nghĩa là: Mặt trời mọc đi làm, mặt trời lặn về nghỉ, đào giếng mà uống, cày ruộng mà ăn, quyền lực hoàng đế, với ta có gì).

## CHƯƠNG XVI.

Hiểu rằng nếu quốc phòng không củng cố, không phát triển thì không bảo vệ được đất nước, cho nên trong kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, Liên Xô đã mở rộng việc chế tạo tàu thủy, bắt đầu chế tạo được tàu ngầm và tàu phá băng để chuẩn bị đi qua miền Bắc cực. Như vậy là hải quân của Liên Xô sẽ lớn mạnh.

Còn về không quân thì máy bay của Liên Xô đã đuổi được “con chim đại bàng”, một loại máy bay của Đức. Máy bay của Mỹ lúc đó còn phải lánh “con chim đại bàng”. Nhưng Liên Xô vẫn chưa bằng lòng với mình. Các kỹ sư hàng không Liên Xô đang ra sức nghiên cứu để chế tạo nhiều loại máy bay tinh xảo hơn, tối tân hơn.

.....

.....

## CHƯƠNG XVII.

Pôn, Zô, Râu đi thăm một số nơi khác. Các làng mới ở liên Xô không khác gì các thị trấn. Ở đây, nhiều làng đã có máy điện và máy thu thanh. Nông dân người nào cũng có nhà ở. Họ được tự do hội nghị, tự do bầu cử, ứng cử. Họ không phải luôn cúi, phải “tha phương cầu thực” như ngày trước nữa. Cái quý nhất đối với họ là tự do.

Còn ở thành thị thì các nhà máy cũ đang được củng cố, mở rộng, các công trường xây dựng nhà máy mới chỗ nào cũng có. Ngoài ra, là các công sở. Cũng như nông dân, công nhân đều có nhà ở, trái hẳn với nước Mỹ, hàng chục vạn công nhân

không có nhà ở, trong khi bọn tư bản có những tòa nhà cao ngất trời. Công nhân ở nga là giai cấp lãnh đạo cách mạng. Họ có Đảng tiên phong (B) vô cùng anh hùng và sáng suốt. Chính Đảng này đã đem lại tự do thực sự cho các dân tộc, cho vô sản giai cấp, cho quần chúng trong Liên bang:

*Nước Nga có chuyện lạ đời  
Biến người nô lệ thành người tự do.*

### CHƯƠNG XVIII.

Ở chương này ba anh trích dịch một đoạn trong một bài học ở nhà trường phổ thông, đại ý như sau:

Do hai nguyên nhân chính về chính trị và kinh tế mà sinh ra bất bình đẳng. Tư bản có chính phủ, chính phủ của giai cấp tư bản. Bọn chúng đưa người ra làm vua, làm tổng thống. Bọn chúng là giai cấp thống trị. Về chính trị, chúng không cho những người bị trị, những người lao động một chút tự do. Về kinh tế, bọn chúng bóc lột sức lao động của người bị trị bằng thặng dư giá trị. Tiền lương chúng trả quá bất công. Ví dụ, trong khi chúng trả cho những kỹ sư tay chân của chúng 1.200 đồng một tháng thì lương công nhân chỉ 6 đồng. Đó là chưa nói bọn tư bản ngồi mát ăn bát vàng. Người công nhân đói khổ không biết kêu ai. Chỉ có tự cứu lấy mình bằng cách liên hiệp lại làm cách mạng. Chỉ bằng con đường ấy mới thoát khỏi cái cảnh:

*Con vua thì lại làm vua,  
Con sãi ở chùa thì quét lá đa.\**

### CHƯƠNG XIX.

Dưới chế độ phong kiến, Nga hoàng rất dâm bạo, tàn ác, bao nhiêu cô gái đẹp phải làm “đồ tiến” - món hàng chơi - cho

---

\* Có người nhớ chữ quét là cướp.



vua. Nếu không cũng bị vua hay bọn quan lại hãm hiếp. Mang uất hận này, Narêđin đã làm náo động hoàng cung để cứu Miara, người yêu của mình, ra khỏi hang hùm nọc rắn.

Đâu phải chỉ Nga hoàng nhiều vợ mà bọn tư bản, bọn culắc đưa nào cũng lắm vợ không chính thức.

Còn công nhân và nông dân, những người khổ rách áo ôm, rất khó khăn trong việc lấy vợ, lấy chồng.

Chế độ Nga hoàng bị đánh đổ, Nhà nước Xô viết đã thi hành luật “nhất phu nhất phụ”, nam nữ bình đẳng bình quyền. Trong xã hội không còn cái cảnh:

*Trai làm nên năm the bảy thiếp  
Kẻ nghèo hèn suốt kiếp không chồng.\**

Đàn bà ở Nga được hưởng mọi quyền tự do, hạnh phúc như nam giới, có nhiều người làm chủ tịch các nông trường, làm thủ trưởng các cơ quan của Nhà nước:

*Khắp năm châu phận đàn bà,  
Có đâu mà được như Nga bây giờ.*

## CHƯƠNG XX.

Ba anh được đến thăm một trại nhi đồng (ấu trĩ viên). Nhà nuôi dạy trẻ này sắp xếp các cháu nhi đồng theo lứa tuổi lớn bé khác nhau. Những người cử ra chăm sóc thường là phụ nữ. Họ có nhiệm vụ nuôi các cháu: chóng lớn, chóng khôn, không chết. Ở đây các cháu được tập chơi, tập hát, tập giữ vệ sinh, tập ăn nói... tập làm một công dân tí hon của Nhà nước Xô viết. Nhiều cháu khôi ngô, ngoan ngoãn và hết sức bụ bẫm. Các cháu hiểu biết rất nhanh. Có cháu mới lên năm tuổi đã biết nặn tượng theo hình vẽ truyền thần và nhiều hình khác. Những người phụ trách trại nhi đồng nói cho anh Pôn, Zô và Râu biết rằng: đó là

---

\* Không: tiếng Nghệ nghĩa là chồng.

mầm non, là tương lai của Tổ quốc, của chế độ xã hội chủ nghĩa, nên phải hết sức nâng niu, nuôi dạy:

*Từ khi mới lọt lòng ra,  
Trẻ con đã được dân Nga phù trì.*

## CHƯƠNG XXI.

Các em thiếu nhi từ những trẻ chăn dê, cừu, trâu bò... ngoài đồng cũng được tổ chức thành đội ngũ cách mạng gọi là đồng tử quân (pionnier). Các em được các bậc huynh trưởng bày dạy cho hiểu cách mạng từ khi lên bảy, tám tuổi, ngoài việc học văn hóa trong các trường phổ thông. Nhà trường và đoàn thể phối hợp với nhau để giáo dục cho các em: lòng yêu Tổ quốc, tính thật thà, dũng cảm, tính ham học, biết trọng người lớn...

Râu liên tưởng đến những người anh hùng dân tộc từ lứa tuổi trẻ măng, như Thánh Gióng phá tan giặc Ân; Đinh Bộ Lĩnh thừa bé chăn trâu cùng với các bạn mục đồng, lấy bông lau làm cờ tập trận, thao luyện quân sự; Trần Quốc Toản mới tuổi thiếu niên đã tham gia cùng cha anh cầm quân đánh thắng giặc Nguyên; Hoàng Hoa Thám lúc nhỏ mồ côi cha mẹ, đã từng đi hầu hạ người ta, chăn trâu vất vả...

Ba anh được nghe những mẩu chuyện về thiếu nhi Liên Xô đã anh dũng thông minh trong cuộc kháng chiến vệ quốc:

*Trẻ sao khôn lớn lạ đời  
Cũng bởi cách mạng dạy cách nuôi phải đường.*

## CHƯƠNG XXII.

Ngoài các trường học khác, ở Liên Xô còn có trường học làm cách mạng. Đầu kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, tại Mạc Tư Khoa, đã có trường dành riêng cho các nước, thuộc đủ các lục địa, các màu da. Liên Xô không xuất cảng cách mạng, nhưng



đào tạo cán bộ cách mạng cho các nước. Liên Xô đặc biệt chú ý đến châu Á, nên đã xây dựng riêng cho các dân tộc phương Đông một ngôi trường lớn. Người các nước sang học không những học chủ nghĩa Mác - Lênin, học phương pháp làm cách mạng, học Liên Xô, mà còn học lẫn nhau để cùng tiến bộ. Học sinh học tại các trường ấy đối xử với nhau rất thân ái, không phân biệt chủng tộc, không phân biệt màu da, không phân biệt trình độ văn minh. Họ coi nhau như ruột thịt. Bởi họ cùng mang một lý tưởng cao đẹp là giải phóng nhân loại ra khỏi ách áp bức, đưa loài người đến chỗ no ấm, tự do. Cho nên:

*Rằng đây bốn bể một nhà,  
Vàng đen trắng đỏ đều là anh em.*

### CHƯƠNG XXIII.

Ba anh Pôn, Zô, Râu, được các đồng chí Nga đưa vào học tại một trường huấn luyện cán bộ. Càng học ba anh càng thấy học thuyết Mác - Lênin vô cùng quý giá. Lần đầu tiên đọc bản luận cương tóm tắt của Lênin về vấn đề dân tộc và cách mạng thuộc địa, Râu nhận thấy sức thuyết phục và sức hấp dẫn vô cùng mãnh liệt của học thuyết Lênin đối với những người dân mất nước khát khao độc lập tự do. Anh nghĩ rằng: cách mạng thuộc địa là bộ phận khăng khít của cách mạng thế giới; cách mạng thế giới chẳng khác gì con chim có hai cánh mà khối liên hiệp các dân tộc thuộc địa là một trong hai cánh đó. Rằng: chủ nghĩa tư bản chẳng khác gì một con đĩa đói có một cái vôi bám vào giai cấp vô sản trong nước và một cái vôi bám vào giai cấp vô sản các nước thuộc địa và phụ thuộc. Nếu người ta muốn giết con vật đó thì phải đồng thời cắt cả hai vôi; nếu chỉ cắt một cái vôi thôi thì cái vôi kia vẫn tiếp tục sống và cái vôi đã bị cắt sẽ lại mọc ra...

Râu đọc xong, đặt tài liệu lên án sách, tiếp tục nghiên ngẫm, phân khởi, hồ hởi, nhưng vẫn không nén được nỗi niềm

cầm hờn uất ức chủ nghĩa đế quốc nói chung và đế quốc thực dân Pháp nói riêng. Anh có mấy dòng thơ:

*Đế quốc Pháp!  
Mày ơi mày,  
Nạn đào thoát  
Về phương Tây...  
Sắp đến ngày  
Mày tan xương*

Học thuyết Mác - Lênin, đó là cái chìa khóa để mở ra con đường độc lập, tự do, hạnh phúc, con đường cải tạo thiên nhiên, cải tạo xã hội, giải phóng loài người. Ba anh muốn Việt Nam và các nước khác cũng đi theo con đường mà Liên Xô đã dẫn đầu.

Tiếp đó, ba anh gặp một cuộc họp của Quốc tế cộng sản tại Mạc Tư Khoa. Ba anh mừng rỡ thấy trong số đại biểu đi họp và trúng cử vào Ban chấp hành có một người Việt Nam. Như vậy là người Á Đông biết làm cách mạng:

*Dân Nga cách mạng thành công,  
Dạy cho dân tộc Á Đông cách làm.*

#### CHƯƠNG XXIV.

Trong thời gian ở Nga, ba anh đã được nghe kể nhiều chuyện, đi thăm nhiều nơi, đã được học ở trường Đảng. Ba anh nghĩ đến xứ sở quê hương, muốn đem những điều mình học được, hiểu được về nói cho bà con nghe để bà con nghĩ đến thân phận nước mình, người mình. Song người nào cũng có tâm trạng: ở cũng tiếc mà ra về cũng tiếc. Cuối cùng ba anh quyết tâm ra về. Anh người Âu và anh người Phi dùng dằng mãi vì thấy nước Nga đẹp quá, tốt quá, cái gì cũng lạ, cũng tài. Song một người Nga nói: “muốn thế cũng khó mà cũng không khó. Nước Nga đã làm được chắc các nước khác cũng làm được”. Anh Râu thì nghĩ rằng Việt Nam nhất định làm được. Nhiệt liệt



cám ơn nhân dân Liên Xô đã làm cho họ giấc ngộ, một buổi sáng, cũng tại cửa biển Ôđétxa, ba anh xuống tàu về nước:

*Bâng khuâng muốn ở muốn về,  
Đem lời vàng đá đền nghì công nông.*

\*

*Phần kết luận* nhìn lại bao quát quá trình chiến thắng của cách mạng Nga, sự lãnh đạo sáng suốt, dũng cảm, tài tình, nhân đạo cao cả của Lênin và Đảng Cộng sản bôn-sê-vích vĩ đại:

*Không bột sao gột nên hồ  
Tay không xốc nổi cơ đồ, cừ không!*

## CHÚ ẾCH VÀ CON BÒ

Một chú ếch nhìn thấy một con bò, trong bụng rất thèm được to như bò, bèn cố hết sức bình sinh ra phình người rõ to để mong được như bò. Vì cố sức quá, cái thân bé tí của ếch ta đã bị nổ tung và chàng ếch không biết lượng sức mình cũng ô hô toi mạng. Đó là câu chuyện ngụ ngôn của Pháp.

Những người như kiểu chú ếch kia trên thế giới này quả không ít. Mút-xô-lini đánh Hy Lạp, dẫm phải đinh, là một ví dụ. Thấy quân Nadi\* một ngày nuốt trôi được cả Đan Mạch và Lục Xâm Bảo\*\*, hai tuần lấy được Hà Lan và Bỉ, 18 ngày chiếm được Ba Lan, một tháng chinh phục được nước Pháp, "Hắc y" tể tướng không cảm nổi sự thèm thuồng những "cao công vĩ tích" của Hít-le. Thế là y cũng đem hết sức bình sinh ra làm "chiến tranh chớp nhoáng, hồng nuốt chửng nước Hy Lạp, đặng ra oai với họ Hít. Không ngờ quân Ý xúi quẩy to, kể từ khi khai chiến, nhiều phen bị thất bại, thậm chí có nơi thua "mảnh giáp không còn". Áo tưởng thắng lợi của họ Mút cũng vỡ toang như chú ếch kia. Ông anh Hít-le của y chắc hẳn cũng chửi thề: "Cái thằng vô tích sự. Mày chỉ làm tăng nhuệ khí của kẻ thù, mất cả oai phong phe trọc! Poucos Madona!"\*\*\*.

BÌNH SON

*Cứu vong nhật báo* (Trung Quốc),  
ngày 24-11-1940, bản chụp lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

---

\* Chỉ quân phát xít Đức.

\*\* Luxembua.

\*\*\* "Lạy Đức Thánh Mẫu".



# ĐÁNH DU KÍCH NHƯ ĐÁNH CỜ \*

(Trích)

## I

*Một ông già, một sợi dây,  
Làm cho điêu đứng một bầy địch nhân.*

Một người nông dân ở tỉnh H.B., tên là Trần Trí, vì già yếu mà không được vào đội du kích. Ông Trí nghĩ rằng già yếu cũng là quốc dân. Quốc dân thì phải giúp nước kháng chiến, không được vào bộ đội, một mình ta cũng đánh du kích được.

Một đêm, trời tối như mực, lại thêm mưa phùn, ông Trí ăn cơm xong rồi liền từ nhà ra đi. Vợ con hỏi ông đi đâu, ông nói qua chơi làng bên cạnh. Vì muốn giữ bí mật, nên ông phải nói dối. Kỳ thực ông đi đánh du kích.

Hôm trước, ông Trí đã dò biết rõ ràng ở làng Kim có 100 lính địch đóng. Xung quanh đồn, chúng cắm cọc chằng dây thép và treo nhiều đục đặc, phòng đêm bị du kích đánh úp, đục đặc kêu âm ỉ, chúng sẽ biết mà chống giữ. Gần đồn thì có một đám nghĩa địa...

---

\* Để chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền, từ năm 1941, Đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã chỉ thị tổ chức Đội tự vệ vũ trang ở Cao Bằng. Từ những năm đó cho đến khi Cách mạng tháng Tám thắng lợi trong toàn quốc, Người đã tự tay biên soạn một số tài liệu quan trọng về chiến thuật du kích, Người còn sáng tác một tập truyện ký, gồm mười hai chương và một phần kết luận.

Mở đầu tác phẩm đó là lời đề từ: “Đánh du kích không cần phải có sức mạnh... Hề là người có lòng yêu nước, không chịu làm nô lệ, lại có một chút gan dạ và mưu trí, thì bất kỳ trai gái, già trẻ, bất kỳ có súng hay không đều có thể đánh du kích”.

Chúng tôi trích in tác phẩm này, dựa theo văn bản in lần thứ hai, năm 1948, của Nhà xuất bản Sự thật. Đầu đề chung cho các đoạn trích là do chúng tôi tạm đặt, dựa theo ý một câu thơ của tác giả trong chương XII tác phẩm này.

Tối hôm đó, ông Trí khe khẽ bò đến gần đèn, cột dây thừng vào một sợi dây thép, rồi lại khe khẽ bò ra núp vào nơi nghỉ địa.

Chừng 9, 10 giờ tối, ông Trí cầm dây thừng giật mấy cái. Đục đục kêu om sòm, quả nhiên lính địch nghe tiếng động tưởng du kích đánh vào. Trời lại tối đen không trông thấy gì hết. Lính địch ra sức bắn một hồi lâu, không thấy du kích xung phong, mới dám thôi bắn.

Cách vài tiếng đồng hồ, ông Trí lại giật. Lính địch lại bắn. Mỗi lần ông Trí giật là mỗi lần giặc tứ tung.

Bốn, năm lần như thế, thì trời gần sáng. Ông Trí bò vào mở dây thừng ra, cuộn lại tử tế rồi đi đường tắt về nhà, bình yên vô sự. Chỉ mất ngủ một đêm mà ông Trí đã làm cho địch hao tổn bao nhiêu tinh thần, và mất hàng vạn viên đạn chỉ nhờ một sợi dây!

## II

### *Tuổi nhỏ mà gan thì to*

#### *Đem hai trứng bán cho quân thù*

Em Nam 11 tuổi là nhi đồng làng Thượng Xá. Em giúp việc giao thông cho đội du kích. Nhưng mỗi khi đi đánh úp, đội trưởng không dám cho em đi theo, vì em còn ít tuổi.

Ngày gần hết, địch kéo đến gần làng Hạ Xá. Dân làng đã làm “vườn không nhà trống”, của cải, trâu bò, lương thực đã sơ tán sạch. Địch không tìm được một hạt gạo, một con gà nào, đói lắm. Muốn đi nữa thì mệt quá rồi, và trời gần tối, không dám đi xa nữa.

Em Nam biết vậy, về nhà lấy ba quả trứng gà, đi xuống làng Hạ Xá. Gần đến cổng làng thì thấy 6, 7 lính địch đang thơ thẩn ở đó. Em Nam cố ý làm cho chúng nhìn thấy mấy quả trứng gà đang cầm ở tay.

Quả nhiên, bọn lính địch thấy trứng thì ùa nhau lại. Khi chúng đến gần em Nam chừng mười thước, thì thành lĩnh có một tiếng nổ long tai điếc óc, và cả 6 tên địch đã ngã lăn xuống trong vũng máu. Còn Nam cũng biến đi đâu mất.



Sự thật là thế này: Khi em Nam đi xuống làng Hạ Xá, trong tay thì cầm ba quả trứng mà sau lưng thì giắt một quả lựu đạn. Khi bọn lính địch đến gần thì Nam tung quả lựu đạn vào giữa đám chúng rồi vút luôn cả trứng, chui nhanh vào bụi lèn về nhà.

Quân địch nghe tiếng nổ, tưởng là du kích đã xông đến, vội vàng kéo nhau ra bắn lung tung. Thế là một em bé 11 tuổi chỉ mất có ba quả trứng mà giết được 6 lính địch, lại làm cho lính địch hoảng sợ và hao tổn rất nhiều đạn.

Thường thường, các em nhi đồng thấy địch đến đóng chỗ nào, thì chẳng những đi do thám rồi báo tin cho du kích, các em đó lại phao tin cho đến tai địch rằng mấy trăm nghìn du kích sắp từ đâu kéo đến, làm cho địch hoảng sợ không dám đóng lại trong làng.

### III

*Tuổi già, gan lại càng già,  
Làm cho địch biết tay bà cao mưu.*

Quân địch kéo gần đến làng Phú Mã. Dân làng làm xong “vườn không nhà trống” tản cư hết, trừ những thanh niên thì nấp kín ở các bụi bờ, chờ dịp đánh úp quân địch.

Bà cụ Trương, 70 tuổi, nhất định không tản cư, dù con cháu, bà con khuyên dỗ mấy, bà cụ cũng không nghe. Bà cụ lại bảo con cháu để lại một ít lương thực và chăn chiếu. Thấy vậy, ai cũng tưởng bà cụ muốn ở lại lâu trong làng.

Quân địch đến, lùng khắp làng, chẳng thấy vật gì ăn được. Khi đi đến nhà bà cụ Trương, thấy giường chiếu sạch sẽ, lại có gạo, có thức ăn. Hơn nữa còn mấy chai rượu! Cố nhiên, chỗ tốt như thế, phải để cho quan địch đóng.

Nào... tham mưu trưởng, gì gì trưởng, tất cả 9 người quân địch đến đóng tại nhà bà cụ Trương. Trời tối, bụng đói, chúng lập tức bắt cụ Trương làm cơm cho chúng ăn.

Chà! Thức ăn bà cụ làm khéo quá! Rượu của bà cụ ngon quá! Không ngon sao 9 người chưa uống hết hai chai mà đã

gục lên gục xuống. Sau nửa tiếng đồng hồ, chúng đều nằm ngáy khò khò.

Bà cụ thông thả cời lấy 9 khẩu súng lục và mấy cái cặp da đựng giấy. Ôi! Nặng quá, mang sao hết. Bà cụ chỉ mang được vài khẩu, còn bao nhiêu thì giấu vào bụi kín. Xong đâu đấy, bà cụ khóa trái cửa lại, nhen bốn góc nhà bốn đám lửa, rồi lên ra khỏi làng.

Bọn thanh niên thấy lửa cháy đánh úp vào. Trong thì cháy, ngoài thì du kích ủa vào, mấy quan chỉ huy chết cháy hết, quân địch như rắn không đầu, người bị du kích giết, người chạy trốn.

Thế là do mưu trí và lòng hy sinh mà bà cụ đã 70 tuổi cũng đánh du kích thắng lợi. Đội du kích nam nữ trong làng lại nhờ được bà cụ Trương mà lấy được nhiều súng ống của địch.

\*

\*      \*

Một bà cụ nữa thì giúp đội du kích một cách khác.

Lều bà cụ ở một bên đường. Trên đường đó, xe địch thường đi qua. Đội du kích muốn đánh úp các toán xe của địch, nhờ bà cụ do thám. Địch có nhiều thứ xe, nào xe tăng, nào thiết giáp, xe cam nhông, v.v... Bà cụ không biết chữ để chép, nhớ thì nhớ sao cho hết, mà tin tức không chính xác thì du kích không đánh được.

Bà cụ nghĩ ra một cách rất khéo. Cụ lấy mấy thứ đậu, đậu xanh, đậu đỏ, đậu trắng, v.v... Thấy một xe ô tô đi qua, cụ bỏ một hạt đậu xanh vào một cái bát; một xe tăng đi qua thì bỏ một hạt đậu đỏ. Mỗi thứ đậu đại biểu cho một thứ xe.

Mỗi ngày một lần, bà cụ bí mật gửi cho đội du kích một nắm đậu, không cần nói gì hết. Đội du kích cứ xem nắm đậu mà đặt kế hoạch. Trận nào địch cũng bị thua.

Thế là: có lòng sốt sắng yêu nước, thì không mưu cũng nghĩ ra mưu, không gan rồi cũng có gan, mà ai cũng có thể đánh du kích, giúp du kích.



## IV

*Không súng thì đánh bằng dao,  
Có mưu, có kế, súng nào thiếu chi.*

Anh Nhân là một học sinh, 23 tuổi, ở tỉnh S. Anh cùng 12 người công nhân, nông dân và bạn học, tổ chức một tiểu đội du kích, chỉ có giáo mác, chuyên môn đi phá hoại. Tuy phá hoại có thành công, nhưng ai cũng băn khoăn vì không có súng.

Một hôm, quân địch kéo qua làng. Dân làng biết trước đã làm “vườn không nhà trống”, kéo lên núi hết. Đội du kích của anh Nhân ở lại trong làng, bị quân địch bắt làm phu chõ khí giới cho chúng.

Mấy người đẩy xe nhỏ, chõ lương thực và súng đạn đi trước, bốn người đẩy một khẩu đại bác đi sau. Quân địch kéo đi sau hết. Trời nắng to, đường thì đường núi. Quân địch mệt mỏi, chậm rãi đi theo. Máy người phu rán sức đẩy xe lên núi.

Khi lên đến một chỗ dốc rất cao, lại có đường rẽ, thành thành cả xe, cả đại bác từ trên lăn xuống như mưa sa, sầm dậy. Bọn lính đi trước tránh không kịp bị xe dằn chết hết. Bọn đi sau tưởng bị du kích đánh úp, đâm đầu chạy hết.

Khẩu đại bác lăn xuống dốc rồi rơi xuống hố. Máy xe lương thực, súng đạn thì chuồn vào rừng. Còn mấy người công nhân lên theo đường tắt mò xuống hố, tháo khẩu đại bác ra từng đoạn rồi mang về rừng.

Thế là đội du kích anh Nhân, chỉ có hai bàn tay trắng, nhưng nhờ có gan, có mưu, mà giết được 20 lính, lấy được rất nhiều khí giới.

Từ hôm đó, đội anh Nhân chẳng những có súng mà lại có cả đại bác. Chẳng những đủ súng cho các đội viên mà lại còn thừa súng và giáo mác để mộ thêm đội viên mới.

Hơn nữa, nhờ trận thắng lợi đó mà danh tiếng của đội lừng lẫy, càng được dân chúng ủng hộ và phát triển rất mau.

V

*Du kích mà có mưu cao,  
Ít người có thể tiêu hao quân thù.*

Bốn chàng thanh niên làng Ngũ Phúc do anh Kha cầm đầu, hăng hái, muốn tổ chức đội du kích. Nhưng khôn nổi không có súng ống, chỉ có mấy con dao. Và lại ít tuổi, kêu gọi ít người nghe. Song anh Kha là người bền gan, thường bảo ba người kia rằng: một là phải luyện tập, hai là do thám quân địch, ba là phải chờ dịp tốt.

Dịp tốt quả nhiên đến, không phải chờ lâu.

Tại làng Đa Thọ, cách Đa Phúc 14 cây số, có 50 lính địch đóng. Bốn thanh niên ta dò biết từng ly từng tý chúng nó canh gác thế nào, ăn ngủ thế nào, v.v...

Một đêm mưa to sấm sét như trời sa đất lở, bốn chàng thanh niên lặng lẽ vác dao đi. Mò gần đến cửa đồn, hai người bò đến sau lưng hai tên lính gác. Chưa đầy nháy mắt, hai tên lính địch đã rơi đầu. Rồi thì bốn người, hai dao, hai súng, xông vào đồn. Lúc họ vào đồn thì như cọp vào bầy dê, vì quân địch đang còn ngủ kỹ, tha hồ họ chặt.

Sau khi đã giết được hơn mười tên địch, bọn kia tỉnh dậy mắt nhắm mắt mở, hoảng hốt không biết là du kích đông hay là ít, đưa thì vợ được cái áo, đưa thì vợ được đôi giày, rồi đâm đầu chạy.

Trận đó chỉ có 4 thanh niên, mà đốt được một cái đồn, giết được 25 tên địch và lấy được hơn 40 khẩu súng.

Cách vài hôm sau, đội du kích anh Kha từ 4 người đã phát triển thành 100 người, vừa dao vừa súng.



## VI

*Đàn bà dễ có mấy tay,  
Đời xưa mấy mặt, đời này mấy gan.*

Bà cụ Triệu là người buôn bán nhỏ, đã 60 tuổi (...) Khi bà đi khuyên dân tổ chức du kích, thì ai cũng cười... là dân không có súng đánh thế nào... một cụ già, cầm quân khiến tướng sao được?

Ai cười mặc họ, lòng bà đã quyết, bà nhất định làm được. Cách ít lâu, bà tổ chức được một đội gần 100 người vừa đàn ông, vừa đàn bà, vừa trẻ con.

Tại vùng Tân Dân, có một đại đội địch đóng, hơn 300 người. Một đêm, trời tối, trong một lùm cây rậm, cách địch chừng vài cây số, thoạt có hai tiếng chim kêu. Một chốc, có một tiếng đàn bà khe khẽ hỏi: Xong chưa? Một tiếng khác khe khẽ trả lời: Thưa cụ, xong rồi.

Đến chừng canh một, về phía đông của quân địch, bỗng có tiếng ồn ào, tiếng trống, tiếng mõ, tiếng súng, tiếng hàng nghìn người la hét. Chắc là đại đội du kích kéo đến. Tiếp đến tiếng súng đùng đùng của địch trong đồn bắn ra, sau vài mươi phút mới im lặng.

Qua canh hai, canh ba, canh tư, thì phía tây, phía nam, phía bắc lại có du kích ồn ào đến như trước. Địch trong đồn cũng bắn ra dữ tợn như trước.

Gần sáng, bà cụ Triệu và gần 90 nam nữ đội viên lặng lẽ mò vào đồn địch. Lúc bấy giờ, một mặt quân địch nghĩ rằng: trời gần sáng rồi, du kích không dám quấy rối nữa, một mặt cả đêm chúng không được ngủ, tên nào tên ấy đều mỏi mệt gần chết. Đội của bà cụ Triệu nhân dịp đó kéo vào, tha hồ tung hoành.

Vì khéo dùng nghi binh (bốn đám du kích ồ ạt cả đêm, đều là dân làng đánh trống đánh mõ, đốt pháo reo hò, chứ có phải du kích thật đâu) mà bà cụ Triệu đem một sức rất nhỏ, đánh được một toán địch rất to.

Từ đó, nhân dân và các đội du kích đều gọi bà cụ Triệu là "Mẹ du kích". Mà địch nghe nói đến tên bà cụ Triệu là sợ.

VII

*Chớ rằng son phấn là hèn  
Cô Lan đã tỏ mấy phen anh hùng*

Cô Lan là nữ học sinh, 20 tuổi.

... Ngày địch chiếm H.N. và các tỉnh xung quanh, cô Lan giả làm một người nông dân chạy đến phủ Đ. Cô xin làm con nuôi một bà cụ già mà con cháu đã bị địch giết chết. Giúp việc nhà bà cụ rồi, cô đi giúp việc hàng xóm. Tắm rửa cho trẻ con, xay lúa giã gạo, gấp việc gì cô cũng làm. Thành thử ai cũng yêu. Đầu thì cô kết nghĩa làm chị em với đàn bà trong làng, sau thành chị em của cả đàn ông. Cả làng đều hóa ra bà con của cô, vì cô khéo ở khéo nói, cho nên ai cũng nghe lời. Lúc đó cô bắt đầu tổ chức đội du kích.

Bất kỳ ở đâu, nói đến tổ chức du kích, thì người ta hỏi: súng đâu? Bất kỳ bao giờ, những người đứng ra tổ chức đều trả lời: phải cướp súng của địch. Cô Lan cũng thế.

Trước hết, cô Lan cho mấy người vào phủ do thám kỹ càng, địch đóng những nhà nào, đường nào, súng đạn, lương thực chúng cất ở đâu, v.v...

Biết rõ tình hình của địch rồi, cô Lan phái một số nông dân vào ở lẫn với dân trong phủ. Hôm sau phụ nữ trong phủ đi hái củi, khi đi thì ít, khi về thì đông. Trong mỗi bó củi đều có lựu đạn hoặc gươm dao.

Khuya hôm đó, thành linh lửa cháy tứ bề. Địch lo cứu kho lương thực. Còn du kích thì trong đánh ra, ngoài đánh vào. Địch chạy phía nào cũng bị đánh chặn. Một trung đội của địch bị tiêu diệt hết.

Trận này thắng lợi to, một là vì cô Lan mưu cao, gan cả. Hai là nhờ chị em phụ nữ gan góc, kiên quyết. Ba là nhờ dân trong phủ sẵn sàng hy sinh, mình tự đốt nhà mình mà không tiếc. Tiêu diệt xong quân địch, mọi người ra sức chữa lửa.



Bao nhiêu lương thực, tiền bạc lấy được của địch đem phát cho dân. Còn khí giới thì đem về để phát triển đội du kích.

## VIII

*Du kích phải cho khôn ngoan,  
Tuy người ít cũng đánh tan quân thù.*

Ông Lê Ba là một vị giáo sư gần 30 tuổi... Ban đầu, ông Lê cùng mười cậu học sinh tổ chức một đội du kích, mỗi người chỉ có một con dao để hộ thân, ngoài ra chẳng có khí giới gì khác.

Mỗi đêm trời tối, thầy trò dắt nhau đi, mò đến xung quanh nơi địch đóng, đốt mấy cái pháo. Thế là địch bắn tứ tung. Thầy trò lại kéo nhau đến nơi khác. Mục đích ông Lê là cốt làm cho địch tổn đạn dược và tinh thần.

Dần dần có nông dân vào đội, được vài khẩu súng kíp, ông Lê chỉ đánh úp bọn địch lẻ tẻ như đội vận tải nhỏ và những lính địch đi tìm thức ăn. Đánh trận nào cũng được. Địch giận quá, treo giải thưởng 10 vạn đồng để bắt ông Lê. Từ đó, tiếng ông Lê lại càng to.

Chiều ngày 1 tháng 2 năm 1943, một bọn lính địch súng ống hẵn hoi, giải một người đeo gông đến phủ T.Đ. để giao cho quân địch đóng ở đó. Địch giở giấy xem thì thấy trong giấy viết rằng: người đeo gông tức là Lê Ba.

Địch mừng rỡ, xúm nhau lại xem Lê Ba.

Bất thành lình Lê Ba quát một tiếng, gông liền rơi xuống, dao rút ra ngay. Trong nháy mắt bọn địch xung quanh đều hồn về chín suối. Mấy người giả làm quân địch ào ạt xung phong, người thì dùng dao, người thì ném lựu đạn.

Vì xuất kỳ bất ý, địch ngơ ngác trở tay không kịp, hơn 60 tên bị tiêu diệt hết, không còn mống nào.

Ông Lê ba lấy một số súng ống, còn bao nhiêu phát cho dân ở phủ, tổ chức ngay một đội du kích mới, rồi để lại một người có kinh nghiệm giúp họ.

IX

*Tiếng đồn du kích công nhân,  
Đánh đâu được đó xa gần ngợi khen.*

Hai mươi anh em công nhân xe lửa N. tự tổ chức một đội du kích do anh Phi Hồ chỉ huy. Cũng như các đội du kích khác, đội Phi Hồ lúc đầu cũng chẳng có khẩu súng nào. Về sau cướp được của địch mới có súng mà dùng.

Đội Phi Hồ mỗi đội viên chỉ có một cái búa, một cái kim và một vài thứ đồ sắt lặt vặt. Họ chuyên môn tháo đường xe lửa, làm cho địch đã bị đổ xe nhiều lần, chết người, hại của vô số.

Sau mấy lần, địch đổ xe, đội Phi Hồ hồi được súng, thì chuyên môn hai việc, một mặt phá xe lửa, một mặt đánh úp đội vận tải của địch.

Cách đội Phi Hồ làm rất giản đơn. Trước hết phải do thám rõ ràng xe địch đi đường nào. Hai là chiều tối chúng đến nơi nào. Biết rõ ràng rồi, đội Phi Hồ tìm chỗ có địa thế tốt, có cây cối, căng một sợi dây thép bên này qua bên kia đường, cao bằng nửa đầu xe. Rồi im lặng mai phục hai bên đường.

Trời chiều, bóng cây tối. Lính lái xe vội chạy cho mau. Xe trước húc vào dây thép, hoặc đổ lăn ra, hoặc lao xuống vệ đường. Thế nào xe sau cũng húc vào xe trước. Thế nào lính địch cũng nhảy xuống xe. Lúc đó, đội du kích nấp sẵn trong bụi cây, cứ mỗi viên đạn là một tên địch.

X

*Nói ra chắc ít người tin  
Hai mươi du kích phá nghìn địch quân.*

Nếu ai nói rằng hai mươi đội viên du kích giết hơn một trăm địch và cản hơn một nghìn địch không tiến lên được, thì chắc ít người tin. Sự thật lại có như vậy.

Huyện T.Đ. trước bị địch chiếm. Sau một đội du kích đánh bật địch ra khỏi huyện, lấy làm căn cứ địa tạm thời.



Cách T.Đ. chừng 30 cây số, làng Phú An, có địch đóng. Từ Phú An đến T.Đ. hai bên đều núi, giữa chỉ có một con đường.

Đội du kích dò biết rằng: bọn địch ở Phú An quyết đến đánh trả thù. Nhưng vô luận thế nào cũng phải ngăn địch lại một ngày mới đủ thì giờ bố trí.

Tiểu đội trưởng Lai xin đem 20 người cảm tử đi cản địch.

Trời lờ mờ sáng, địch vừa kéo đến một đoạn đường thì thành linh nghe một loạt súng hai bên núi bắn xuống. Địch không kịp phòng bị, đã thiệt hơn 10 tên. Mấy người du kích nấp chỗ này bắn một phát, rồi lại chạy nấp chỗ kia bắn một phát. Thành thử địch không biết du kích đông hay ít. Địch phái lính lên núi dò. Tên nào trèo lên nửa chừng cũng bị đá trên núi lăn xuống chết hết. Kết quả là suốt ngày đó, địch chết hơn 100 tên, mà không qua lọt, đành phải kéo lui.

Thế là 20 người có gan, có mưu, biết lợi dụng địa thế, đã đại thắng địch quân.

## XI

*Tiếng đồn du kích Văn Tân,  
Dùng địch quân đánh địch quân mới cừ.*

Văn Tân cũng là một đội du kích có tiếng. Nhiều khi đội đó kéo đến một làng gần nơi địch đóng, rồi bảo dân làng đi báo. Dân làng không biết mưu của họ, không nỡ đi báo, sợ địch làm hại đến anh em du kích. Phải khuyên mãi dân làng mới chịu đi.

Địch nghe tin, hăm hở kéo đến vây đánh. Nhưng chưa đến nơi, đã bị đội Văn Tân mai phục đánh cho tan hoang.

Một hôm trời tối, đội Văn Tân chia ra, kéo đến hai làng gần nhau, rồi bảo cả hai làng đi báo cho hai nơi có địch đóng biết. Đồng thời phái đội viên nấp sẵn các nẻo đường địch phải đi qua. Địch đến đâu thì chạy về báo cáo ngay.

Khi biết tin hai toán địch đã gần nhau, đội Văn Tân mò vào quăng giữa bắn lung tung. Hai toán địch bắt đầu bắn lại, thì đội du kích chuồn đi im phăng phắc.

Toán địch này tương toán địch kia là du kích. Toán địch kia tương toán địch này là du kích. Hai toán đều ra sức bắn nhau. Khi biết là lầm thì đã thiệt hại nhiều rồi.

Lúc hai toán địch còn đang “anh xin lỗi tôi, tôi xin lỗi anh” thì lại bị đội Văn Tân lên đánh úp sau lưng cả hai toán. Địch lại chết một mẻ nữa.

Thế là, nếu du kích không khéo, thì có thể lấy súng địch bắn địch, dùng lính địch đánh lại địch.

## XII

*Du kích cũng như đánh cờ,  
Mưu cao, kế khéo bao giờ cũng ăn.*

Ai đánh du kích thì phải nhớ kỹ bốn điều này: một là phải dò rất rõ ràng, kỹ lưỡng quân địch; hai là tin tức phải hết sức nhanh chóng; ba là việc của mình phải hết sức bí mật; bốn là kế hoạch rất đầy đủ và khôn khéo.

Đội L.H. luôn luôn thắng lợi, là vì dùng đúng bốn điều đó.

Một đội 25 chiếc xe địch sắp từ N.L. kéo đi, Đội L.H. dò biết rõ ràng, tính đúng giờ nào nó sẽ đi đến đâu, mai phục sẵn sàng. Khi đoàn xe địch đi qua, bị du kích đánh tan hết.

Người tướng địch cũng giỏi. Nó đoán rằng theo phép dùng binh, du kích không bao giờ liên tiếp mai phục hai lần ở một chỗ. Vậy nên nó lại phái 25 chiếc xe cứ đi qua đường đó.

Nhưng đội L.H. lại giỏi hơn tướng địch. Đội L.H. nghĩ rằng địch chắc ta không dám mai phục lần nữa, vì vậy nó không đề phòng. Lần này chắc lại thắng lợi. Quả nhiên lần thứ hai địch cũng thua tan tành.

Tướng địch tức giận. Nó cho phao tiếng đồn rằng sẽ có một toán xe nữa đi đường đó. Trước khi xe đi, nó đã phái quân đến mai phục sẵn.

Nhưng khi quân địch đến chỗ chúng muốn mai phục, thì đã bị bộ đội L.H. mai phục trước, đánh cho chúng hoảng một lần thứ ba.



Thế là đội L.H. thắng luôn ba trận tại một chỗ, trước hết là vì suy đoán giỏi.

## KẾT LUẬN

... Hễ có lòng yêu nước, ghét địch, hễ có một chút mưu trí, thì bất kỳ đàn ông, đàn bà, người già trẻ con, ai cũng có thể đánh du kích. Thiếu súng thì cướp của địch mà dùng... Không trực tiếp đánh du kích được, thì cũng có thể giúp nhiều công việc cho đội du kích, như do thám quân địch, đưa tin tức, giúp lương thực, áo quần, phá hoại đường sá, cầu cống, giúp đỡ những đội viên bị thương, v.v...

Đồng thời mỗi đội du kích, mỗi đội viên du kích phải nhớ rõ câu này:

*Du kích như cá, dân chúng như nước.  
Được dân chúng yêu, việc gì cũng được.*

Muốn dân chúng tin mình, phục mình, yêu mình, thì mình phải kính trọng, yêu thương dân chúng. Bất kỳ việc to, việc nhỏ, phải ra sức giúp đỡ dân chúng. Dù một cái kim, một sợi chỉ cũng không xâm phạm đến của dân. Đối với sự tôn giáo, tín ngưỡng của dân chúng, mình phải kính trọng. Có như thế, dân mới yêu. Dân có yêu, du kích mới vững.

Các đội viên du kích lại phải siêng nghiên cứu để học thêm kinh nghiệm, mới có thể mỗi ngày một tiến bộ...

*Tổng tập văn học Việt Nam, tập 36, Nhà  
xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội, 1980,  
trang 791-803.*

## TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP<sup>(31)</sup>

*Hỡi đồng bào cả nước,*

"Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc".

Lời nói bất hủ ấy ở trong bản *Tuyên ngôn độc lập*<sup>(32)</sup> năm 1776 của nước Mỹ. Suy rộng ra, câu ấy có ý nghĩa là: tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do.

Bản *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền*<sup>(33)</sup> của Cách mạng Pháp năm 1791 cũng nói:

"Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi; và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi".

Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được.

Thế mà hơn 80 năm nay, bọn thực dân Pháp lợi dụng lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái, đến cướp đất nước ta, áp bức đồng bào ta. Hành động của chúng trái hẳn với nhân đạo và chính nghĩa.

Về chính trị, chúng tuyệt đối không cho nhân dân ta một chút tự do dân chủ nào.

Chúng thi hành những luật pháp dã man. Chúng lập ba chế độ khác nhau ở Trung, Nam, Bắc để ngăn cản việc thống nhất nước nhà của ta, để ngăn cản dân tộc ta đoàn kết.

Chúng lập ra nhà tù nhiều hơn trường học. Chúng thẳng tay chém giết những người yêu nước thương nòi của ta. Chúng tắm các cuộc khởi nghĩa của ta trong các bể máu.



Chúng ràng buộc dư luận, thi hành chính sách ngu dân.

Chúng dùng thuốc phiện, rượu cồn để làm cho nòi giống ta suy nhược.

Về kinh tế, chúng bóc lột dân ta đến xương tủy, khiến cho dân ta nghèo nàn, thiếu thốn, nước ta xơ xác, tiêu điều.

Chúng cướp không ruộng đất, hầm mỏ, nguyên liệu.

Chúng giữ độc quyền in giấy bạc, xuất cảng và nhập cảng.

Chúng đặt ra hàng trăm thứ thuế vô lý, làm cho dân ta, nhất là dân cày và dân buôn, trở nên bần cùng.

Chúng không cho các nhà tư sản ta ngóc đầu lên. Chúng bóc lột công nhân ta một cách vô cùng tàn nhẫn.

Mùa thu năm 1940, phát xít Nhật đến xâm lăng Đông Dương để mở thêm căn cứ đánh Đồng minh, thì bọn thực dân Pháp quỳ gối đầu hàng, mở cửa nước ta rước Nhật. Từ đó dân ta chịu hai tầng xiềng xích: Pháp và Nhật. Từ đó dân ta càng cực khổ, nghèo nàn. Kết quả là cuối năm ngoái sang đầu năm nay, từ Quảng Trị đến Bắc Kỳ, hơn hai triệu đồng bào ta bị chết đói.

Ngày 9 tháng 3 năm nay, Nhật tước khí giới của quân đội Pháp. Bọn thực dân Pháp hoặc là bỏ chạy, hoặc là đầu hàng. Thế là chẳng những chúng không "bảo hộ" được ta, trái lại, trong 5 năm, chúng đã bán nước ta hai lần cho Nhật.

Trước ngày 9 tháng 3, biết bao lần Việt Minh đã kêu gọi người Pháp liên minh để chống Nhật. Bọn thực dân Pháp đã không đáp ứng, lại thẳng tay khủng bố Việt Minh hơn nữa.

Thậm chí đến khi thua chạy, chúng còn nhẫn tâm giết nốt số đông tù chính trị ở Yên Bái và Cao Bằng.

Tuy vậy, đối với người Pháp, đồng bào ta vẫn giữ một thái độ khoan hồng và nhân đạo. Sau cuộc biến động ngày 9 tháng 3, Việt Minh đã giúp cho nhiều người Pháp chạy qua biên thùy, lại cứu cho nhiều người Pháp ra khỏi nhà giam Nhật và bảo vệ tính mạng và tài sản cho họ.

Sự thật là từ mùa thu năm 1940, nước ta đã thành thuộc địa của Nhật, chứ không phải thuộc địa của Pháp nữa. Khi Nhật hàng Đồng minh thì nhân dân cả nước ta đã nổi dậy giành chính quyền lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Sự thật là dân ta đã lấy lại nước Việt Nam từ tay Nhật, chứ không phải từ tay Pháp.

Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị. Dân ta đã đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100 năm nay để gây dựng nên nước Việt Nam độc lập. Dân ta lại đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỷ mà lập nên chế độ dân chủ cộng hòa.

Bởi thế cho nên, chúng tôi, Lâm thời Chính phủ của nước Việt Nam mới, đại biểu cho toàn dân Việt Nam, tuyên bố thoát ly hẳn quan hệ thực dân với Pháp, xóa bỏ hết những hiệp ước mà Pháp đã ký về nước Việt Nam, xóa bỏ tất cả mọi đặc quyền của Pháp trên đất nước Việt Nam.

Toàn dân Việt Nam, trên dưới một lòng kiên quyết chống lại âm mưu của bọn thực dân Pháp.

Chúng tôi tin rằng các nước Đồng minh<sup>(34)</sup> đã công nhận những nguyên tắc dân tộc bình đẳng ở các hội nghị Têhêrăng<sup>(35)</sup> và Cựu Kim Sơn<sup>(36)</sup> quyết không thể không công nhận quyền độc lập của dân Việt Nam.

Một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của Pháp hơn 80 năm nay, một dân tộc đã gan góc đứng về phe Đồng minh chống phát xít mấy năm nay, dân tộc đó phải được tự do! Dân tộc đó phải được độc lập!

Vì những lẽ trên, chúng tôi, Chính phủ Lâm thời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trình trọng tuyên bố với thế giới rằng:

Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy.





Chủ tịch Hồ Chí Minh thăm  
Trường Điện ảnh Việt Nam (10/2/1960)

*Ảnh: Đinh Đăng Định  
(Bảo tàng Hồ Chí Minh)*

## LỜI KÊU GỌI TOÀN QUỐC KHÁNG CHIẾN<sup>(37)</sup>

*Hỡi đồng bào toàn quốc!*

Chúng ta muốn hoà bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa!

Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ.

*Hỡi đồng bào!*

Chúng ta phải đứng lên!

Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không chia đẳng phái, tôn giáo, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc. Ai có súng dùng súng. Ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc. Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước.

*Hỡi anh em binh sĩ, tự vệ, dân quân!*

Giờ cứu nước đã đến. Ta phải hy sinh đến giọt máu cuối cùng để giữ gìn đất nước.

Dù phải gian lao kháng chiến, nhưng với một lòng kiên quyết hy sinh, thắng lợi nhất định về dân tộc ta!

Việt Nam độc lập và thống nhất muôn năm!

Kháng chiến thắng lợi muôn năm!

*Hà Nội, ngày 19 tháng 12 năm 1946*

HỒ CHÍ MINH

Bút tích lưu tại Bảo tàng  
Cách mạng Việt Nam.



## KINH NGHIỆM DU KÍCH PHÁP \*

*Pháp gian cũng như Việt gian  
Cũng đồ bán nước cũng quân hại nòi.*

Năm 1940, Pháp bị Đức đánh quy, phải đầu hàng. Gần 2 triệu lính và 150 tướng Pháp bị Đức bắt làm tù binh. Cả nước Pháp bị quân Đức chiếm. Bọn Pháp gian, do thống chế Pétan và thủ tướng Lavan đứng đầu, ra tổ chức Chính phủ bù nhìn. Một mặt, chúng cùng phát xít Đức khủng bố những người Pháp ái quốc. Một mặt, chúng bắt hàng triệu người Pháp bỏ nhà cửa, làng nước, qua Đức làm nô lệ.

Cũng trong lúc đó, bọn thực dân Pháp ở đây đầu hàng Nhật và ra tay khủng bố cách mạng Việt Nam.

Nhân dân Pháp bắt đầu nổi dậy. Đầu thì họ bí mật tổ chức những *tiểu tổ trừ gian giết địch*. Dần dần tổ chức những *đội du kích* to lớn.

Quân đội Đức trả lời bằng cách đại khủng bố. Dân Pháp giết một người Đức, thì quân Đức giết hàng chục người Pháp đang bị giam ở nhà pha.

Song, những người bị giam nhấn bảo những người ở ngoài rằng: “Anh chị em cứ ra sức giết địch. Chúng tôi chết, nhưng Tổ quốc ta sẽ sống”.

Các tiểu tổ du kích có khẩu hiệu: “Địch đánh ta một vố, ta phải đánh lại 10 vố, để trả thù cho những đồng bào bị giết”.

Còn bọn bù nhìn thì giúp cho Đức lùng bắt những chiến sĩ hoạt động. Sau đây là một tờ yết thị của bọn bù nhìn:

---

\* Tài liệu này chưa xác minh được thời gian viết. Theo chúng tôi có thể Chủ tịch Hồ Chí Minh viết vào những năm đầu kháng chiến chống thực dân Pháp (1946-1947).

*“Lời kêu gọi cùng dân Pari và quận Xen*

*Mặc dầu lời khuyên bảo ân cần của thống chế Pétanh, những bọn phản đối sự đoàn kết toàn dân Pháp và thù với Tổ quốc vẫn cứ tiếp tục tội ác của chúng.*

*Chúng bí mật và dè hèn âm mưu động chạm đến nhân viên của quân đội Đức, những nhân viên đó chỉ làm nhiệm vụ quân nhân của họ.*

*Đối với những tội ác đó, đồng bào phải tỏ lòng phẫn uất bất bình.*

*Đồng bào phải giúp sở cảnh sát. Phải phát giác bọn đó.*

*Nhờ sự hiểu biết, sự trấn tĩnh, sự chính đáng và sự giữ kỷ luật của đồng bào trong lúc khó khăn đau đớn này, đồng bào sẽ làm tròn bốn phận xứng đáng của những người Pháp, nghĩa là phải tôn trọng những lời hứa để xây dựng lại xứ sở.*

*Ký tên: Magny, chủ tịch quận Seine,*

*Peuch, chủ tịch Paris.*

*Đức giám mục Baudrillart,*

*Đức giám mục Suehard,*

*Baudouin, chủ tịch đại học thuốc,*

*Bellessort, chủ tịch hàn lâm viện Pháp,*

*và 28 vị thân sĩ ở Paris”.*

Lời kêu gọi này giống hệt những lời kêu gọi của ông Lê Văn Hoạch nhà ta!

Mặc dầu bọn Đức khủng bố, mặc dầu Pháp gian phỉnh phờ, nhân dân Pháp, nhất là thanh niên nam nữ Pháp, vẫn ra sức trừ gian sát địch.

*Anh hùng từ thuở thiếu niên*

*Đã hăng hái lại thêm kiên quyết lòng*

Quan năm Phabiêng, 25 tuổi, là vị anh hùng nổi tiếng nhất trong công tác trừ gian sát địch.

Ông Phabiêng sinh năm 1919. Thân sinh ông là một người thợ làm bánh mì, ở trong một phố nghèo khổ nhất tại Pari.



Lúc lên 10, Phabiêng làm đội trưởng một đội nhi đồng.

Lúc lên 11 tuổi, gặp cuộc bãi công của thợ mỏ, Phabiêng tổ chức các em nhi đồng đi quyên tiền giúp cho con cái thợ bãi công.

13 tuổi, Phabiêng đi ở học nghề làm bánh. Một hôm bị chủ đánh một bạt tai, Phabiêng cầm soong sữa bò ném vào mặt chủ, rồi cậu cầm đầu chạy về nhà.

15 tuổi, vào nhà máy học nghề thợ sắt.

Phabiêng có đức tính hăng hái, quả quyết, chịu khó, siêng học.

Năm 1936, phát xít đánh dân chủ cộng hòa Tây Ban Nha. Công nhân các nước tổ chức đội quân Quốc tế để giúp nhân dân Tây Ban Nha, Phabiêng cũng tình nguyện đi. Đến kinh đô Tây Ban Nha, vị chính trị viên ra điểm danh. Thấy Phabiêng trẻ tuổi quá, bèn hỏi: Đồng chí mấy tuổi?

Phabiêng trả lời: Thừa 17 tuổi.

Chính trị viên nói: Thế thì đồng chí không được đi đánh.

Phabiêng vội vàng nói: Cha mẹ tôi đã bằng lòng cho tôi đi kia mà.

Chính trị viên nói: Theo lệ định phải 18 tuổi.

Phabiêng phải ép lòng ở lại sau mặt trận, giúp việc giao thông.

Phabiêng làm việc rất hăng hái, gan góc, lại cẩn thận. Cho nên được thăng chức mau. Cuối năm 1937, được làm chức quản trong bộ tham mưu.

Một hôm trong hạ tuần tháng 10 năm đó, tổng tham mưu phái Phabiêng đưa một mệnh lệnh cho một bộ đội. Bộ đội này đang bị địch vây. Số đông binh sĩ và các người chỉ huy, các chính trị viên, hoặc chết hoặc bị thương. Tình hình rất nguy, Phabiêng lập tức nắm lấy quyền chỉ huy. Mặc dầu địch bắn dữ dội, Phabiêng thu thập được 250 người, tổ chức lại trận thế phản công lại quân địch. Cầm cự gần một ngày, khi có một trung đoàn đến tiếp viện, Phabiêng giao lại sự chỉ huy cho đoàn đó, và trở về báo cáo.

Sau trận đó, Phabiêng được vào học trường quân quan học hiệu, do đội quân Quốc tế tổ chức.

Tháng 3 năm 1938, sau khi đánh nhau ròng rã 17 ngày, đoàn thứ 14 đội quân Quốc tế bị địch tấn công kịch liệt. Các người chỉ huy và chính trị viên đều chết hoặc bị thương. Một lần nữa, Phabiêng ra phụ trách cầm quân. Chẳng bao lâu, bị địch bắn lưng bụng. Đoàn trưởng vội vàng chạy lại, gắn cho huân chương Độc lập và thăng chức làm quan hai. Vào nhà thương, 3 tháng mới khỏi. Anh em quyết định Phabiêng phải về Pháp, vì sức còn yếu quá, không thể ra mặt trận nữa.

*Cứu Tổ quốc, cứu đồng bào  
Nhờ nơi chiến sĩ, nhờ vào toàn dân.*

Năm 1939, trước ngày chiến tranh bùng nổ, chính phủ Pháp ra lệnh giải tán các công hội, và bắt những người công nhân thường hoạt động. Phabiêng là một tay thanh niên hoạt động, vì vậy cũng phải bị bắt giam và bị đánh như tử. Cách ít lâu, Phabiêng vượt ngục, trốn đến Macxây bí mật tổ chức thanh niên và hoạt động trong đám lính thủy.

Năm 1940, Phabiêng 21 tuổi, nhưng đã là chủ bút và chủ nhà in một tờ báo bí mật xuất bản đầu tiên ở miền Nam nước Pháp.

Tờ báo đó tên là *Tiên phong*. Trong lời kêu gọi có câu: “Không bao giờ một dân tộc như dân tộc ta mà chịu làm nô lệ. Sự hy vọng giải phóng cho Tổ quốc, cho xã hội là ở nơi quần chúng nhân dân”.

Trong một cuộc hoạt động, một số đồng thanh niên bị bắt. Phabiêng suýt cũng bị bắt, nhưng may trốn được. Chạy qua Lyông, chỉ huy tập thanh niên ở đó.

Một hôm thống chế Pétanh với tất cả nhân viên chính phủ bù nhìn đến thăm thành phố Tuludơ. Trống rung, cờ mở, đủ đáng bù nhìn. Bỗng chốc truyền đơn trên trời bay xuống, chẳng những quần chúng lượm được mà nó bay vào cả xe thống chế và xe các



bộ trưởng bù nhìn. Làm cho các vị bù nhìn rất căm tức, mà dân chúng thì vui cười.

Đó là Phabiêng với thanh niên Tuludơ tổ chức. Họ đặt truyền đơn trên một miếng ván. Đặt miếng ván trên cái máng nước. Một sợi dây bí mật từ miếng ván ròng xuống bên đường. Lúc đoàn xe bù nhìn đi qua, một chàng thanh niên giả cúi xuống bên đường để cột dây giày. Vừa cột giày, vừa giựt sợi dây kia, thì truyền đơn phấp phới tung bay.

Từ đó, truyền đơn và khẩu hiệu chống Đức, chống Pháp gian thường thường thấy ở các nơi.

Tháng 6 năm 1941, Đức phải kéo nhiều bộ đội ra khỏi nước Pháp để tấn công Nga. Sợ dân Pháp nhân dịp đó nổi lên, Đức càng ra tay khủng bố. Chỉ một thành phố Pari hơn 7 vạn rưởi người bị giết.

*Cũng việc sát địch trừ gian  
Có chút mưu mẹo, chút gan là thành*

Thanh niên ái quốc trong các tiểu tổ hăng hái dũng cảm có thừa. Nhưng khí giới và kinh nghiệm rất thiếu. Vì vậy, ngoài việc phát truyền đơn, dán khẩu hiệu, thì trừ gian sát địch chỉ có tiếng mà chưa thực hành.

Phabiêng phụ trách chỉ huy mấy tiểu tổ, và quyết làm kiểu mẫu cho anh em bắt chước.

9 giờ sáng ngày 23 tháng 8 năm 1941, trong trạm xe điện dưới hầm, hành khách tấp nập chờ xe, người qua kẻ lại như mọi ngày thường. Trong số, có vị đại tá Đức, áo quần bánh bao, bộ dạng kiêu ngạo, cũng như mọi quan binh Đức. Lại có 4 chàng thanh niên lẫn lộn trong đám hành khách, thường liếc mắt nhìn trộm vị quan Đức.

Xe đến. Ai cũng sửa soạn, vị quan Đức sắp bước lên xe, thì thành linh ngã gục xuống đất.

Phabiêng vừa chạy vừa la: Bắt lấy nó! Bắt lấy nó! Còn 3 thanh niên kia chuẩn bị sẵn sàng nếu xảy ra sự ngăn trở thì cứu cho Phabiêng chạy thoát.

Đó là lần đầu tiên mà một quan địch bị thanh niên ái quốc giết, thanh niên ấy là Phabiêng.

Lẽ tự nhiên, việc đó đồn rầm khắp Pari, khắp nước Pháp. Và từ đó, những người ái quốc càng hiểu rằng: có một chút mưu mẹo, có một chút gan góc thì địch dù hung hăng cũng không đáng sợ, và phong trào trừ gian sát địch từ đó cũng bắt đầu bùng bột hơn.

*Không súng thì lấy ở đâu?*

*Lấy súng của địch, đánh đầu địch nhân.*

Bọn địch và bọn bù nhìn chửi rủa họ, gọi họ là quá khích, là tội nhân, là phản quốc. Chúng ra sức lùng bắt họ. Song ít khi tìm thấy họ, không biết họ là ai, không biết họ ở đâu. Vì họ rất *cẩn thận*, rất *bí mật*. Ban ngày, họ đi làm ăn như thường. Tối họ lại đi rình những nơi có địa thế. Mỗi tối, họ *gọi đi* vài ba quan, năm bảy người lính địch. Thế là họ lấy súng địch đánh lại địch. Mỗi đêm năm ba khẩu, tích trữ hàng tuần, hàng tháng thành một số nhiều.

Vấn đề cần kíp nhất và khó giải quyết nhất là vấn đề súng. Nay họ đã giải quyết xong.

Phong trào đó khởi đầu ở Pari, dần dần lan khắp các thành thị, thôn quê. Nơi này kho đạn của địch cháy. Nơi kia xe lửa của địch đổ. Hôm trước kho lương của địch bị đốt, hôm sau đầu tàu của địch bị thiêu.

Càng làm, họ càng hăng. Nơi này thi nhau với nơi khác, người này thi đua với người kia. Ban đầu chỉ có công nhân, thanh niên hoạt động. Về sau thì học sinh, công chức, dân cày, thợ thuyền, phụ nữ, giáo viên. Lớp nào cũng tham gia.



Trong lúc đó, địch cũng hoạt động ráo riết. Chúng tung mật thám Đức và bọn Pháp gian ra khắp mọi nơi. Có những cụ già hơn 70 tuổi, những trẻ em chưa đầy 14, 15 tuổi cũng bị chúng bắt giết. Nhưng địch càng khùng bố, dân càng phần uất, càng ra sức giúp các chiến sĩ.

Trong những cuộc bắt bớ và chống bắt bớ đôi khi xảy ra những việc buồn cười. Thí dụ: Rôbe là một thanh niên làm nghề thợ vẽ, rất hoạt động trong việc phá hoại địch. Trong 2 tháng, Rôbe đã gởi được 3 lính địch và xoay được 3 khẩu súng. Một hôm, hai Pháp gian và 1 mật thám Đức đón bắt được Rôbe, xích tay Rôbe lại, chúng sắp dẫn về nhà pha. Nhưng Rôbe quyết không chịu đi bộ. Nếu dùng dằng mãi thì sợ nhân dân ở đó ra cứu Rôbe, cho nên một Pháp gian và người mật thám Đức đành phải đi tìm xe để chở Rôbe. Trong lúc 2 thằng đi tìm xe, để một Pháp gian ở lại canh gác Rôbe, bất thành linh Rôbe vùng dậy, dùng xích tay đánh bẻ đầu tên Pháp gian, rồi cố sống cố chết chạy. Chạy vào một nhà nông dân. Sau khi nghe kể đầu đuôi, người nông dân mở xích tay cho Rôbe, lấy bánh cho ăn, lấy áo cho thay, cho một món tiền đi đường, rồi dẫn Rôbe vào rừng cây cạnh làng chỉ đường cho Rôbe tẩu thoát.

Gêcanh, một công nhân 20 tuổi, người rất nhã nhặn, trong phố ai cũng yêu. Anh phụ trách kho khí giới bí mật. Một hôm mang thuốc nổ đi đến giữa đường gặp 5, 6 lính cảnh sát Pháp. Gêcanh nói thật với họ. Họ hoa tay, bảo Gêcanh “Muốn tốt thì chạy nhanh đi!”. Rồi họ cứ đi đường họ. Song có một tên xung xăng muốn bắt Gêcanh. Gêcanh cho nó 2 viên đạn vào đầu, rồi cứ khoan thai đi như thường. Mấy người cảnh sát kia biết vậy, nhưng cũng để mặc.

### *Các chiến sĩ và nhân dân*

*Như cá với nước, phải gần gũi nhau.*

Từ trước đến nay, những người ái quốc chỉ hoạt động lẻ tẻ, từng người, hoặc từng tiểu tổ. Bây giờ số người khá đông, khí giới khá nhiều, tổ chức khá vững, họ định làm những vũ to hơn.

Phabiêng đề nghị: trước hết làm ở Pari để lấy ảnh hưởng.

Ngày 14 tháng 11 năm 1940, 5 học sinh cùng với 3 tiểu đội thanh niên do Phabiêng chỉ huy, đánh úp và phá hủy một nhà sách to nhất ở Pari, toàn chứa những sách phát xít.

Lời nói của Phabiêng rất đúng. Vì sau cuộc đó dân Pari rất hăng hái. Nhiều người sẵn sàng tiếp tế các chiến sĩ và giấu ẩn họ trong nhà. Nhiều học sinh và giáo viên tham gia các cuộc tranh đấu.

Cứ chiều thứ bảy và ngày chủ nhật, họ đem nhau vào rừng tập quân sự, đọc tin tức tranh đấu ở Pháp, ở Nga, ở các nước và bàn định kế hoạch hoạt động cho tuần lễ sau. Mấy ông nghị viên cũ thì lo dàn xếp với dân trong và ngoài thành phố, để khi cần đến, họ giúp đỡ chiến sĩ.

Họ được một kinh nghiệm to tát là: càng hoạt động thì càng được dân chúng ủng hộ. Càng được dân ủng hộ thì tranh đấu càng dễ thành công.

Lúc đó, đoàn thể chiến đấu tung ra một khẩu hiệu:

*“Mỗi người yêu nước, phải gởi một tên địch”.*

Đức và Pháp gian treo giải thưởng, lùng bắt Phabiêng. Nhờ có dân chúng ủng hộ, Phabiêng vẫn hoạt động ở Pari, mà vẫn an toàn vô sự.

Một hôm, vào hồi tháng 3 năm 1942, Phabiêng đến chỗ chứa súng bí mật, thì thấy một tên mật thám Đức đã ngồi chờ ở đó. Bất thành linh Phabiêng cho nó một đá vào bụng. Nó lăn xuống, mà Phabiêng thì ra sức chạy.

Sau đó, đoàn thể phái đội Phabiêng đi phụ trách một tỉnh khác.

*Chiến thuật du kích rất hay  
Bí mật, nhanh chóng, đánh bay quân thù.*

Bất kỳ ở nước nào, ở nước Pháp cũng như ở Việt Nam, ở Nam Tư, cũng như ở Trung Quốc, trong cuộc tranh đấu giải



phóng, có hai vấn đề ở đâu cũng giống nhau. Một là người càng đông càng thấy thiếu súng, và chỉ có một cách giải quyết là cướp súng của địch mà dùng. Hai là đánh du kích thì phải bí mật, nhanh chóng, đi không ai biết, về không ai hay, và phải có dân chúng vui lòng ủng hộ.

Lúc bấy giờ, có một số người Pháp bị đem qua làm công bên Đức, họ trốn trở lại. Một số công nhân thà chịu đói, chịu khát chứ quyết không làm với địch. Một số lính trốn về, một số thanh niên nam nữ muốn trừ gian sát địch. Phabiêng đến, liền tổ chức những người đó. Chia thành đội ngũ, tìm nơi ẩn nấp. Đặt ban huấn luyện, phân phối công tác. Đặt kế hoạch cho mỗi bộ phận đi du kích để cướp súng.

Ngày 20 tháng 9 là một ngày kỷ niệm của Pháp. Năm 1942, đến ngày đó, địch hạ lệnh giới nghiêm. Nhưng khắp nước các đội du kích làm đổ 12 chuyến xe lửa. Nhiều lính địch thiệt mạng. Nhiều súng địch lọt vào tay các đội viên.

Các chiến sĩ tranh đấu càng mãnh liệt thì lòng dân càng hăng hái, các tầng lớp tham gia tranh đấu càng đông, mà địch càng bối rối.

Từ tháng 11 năm 1943, có những cuộc thợ thuyền bãi công, phụ nữ biểu tình.

Bảy công nhân xe lửa bị địch bắt và làm án tử hình. Mấy ngàn công nhân xe lửa vùng đó lập tức bãi công. Mấy ngàn phụ nữ kéo nhau đi biểu tình đòi tha 7 người bị án.

Địch thấy dân hăng quá, phải nhượng bộ, 7 người kia được tha.

Tục ngữ có câu “*Mềm thì nắm, rắn thì buông*”. Thật là đúng sự thật. Hễ dân nhút nhát do dự, thì địch càng hung hăng. Nếu dân cương quyết mạnh dạn, thì địch phải lùi bước. Đức cũng thế, Pháp cũng thế, ở đâu cũng thế, bao giờ cũng thế.

*Công nhân xe lửa anh hùng,  
Ra tay phá hoại, địch càng phải kinh.*

Trong cuộc kháng chiến cứu quốc, công nhân xe lửa lãnh một phần quan trọng, và kết quả cũng khá to. Họ dạy cho các đội du kích phá đường một cách giản đơn mau chóng. Tự họ ra tay phá cũng nhiều.

Tháng 12 năm 1941, một tiểu đội công nhân xe lửa, do ông Poty chỉ huy, làm đổ một chuyến xe địch. Kết quả 2 đầu tàu, 30 toa xe đổ, hơn 300 quan và lính chết và bị thương. Đây là báo cáo giản đơn về kết quả phá hoại trong một ngày:

Ngày 15-2-1943.

- Đường Oadơ: đổ xe chở lúa và than với 15.000 lít rượu, 5 lính gác xe bị bắt. Đường bị tắc 55 giờ.
- Đường Sômơ: 1 đầu tàu, 8 toa xe đổ, bắt được 4 lính gác xe. Đường tắc 65 giờ.
- Đường No: 1 đầu tàu hỏng. Đường tắc 18 giờ.
- Đường Vilem: 160 thước dây nối bị cắt đứt.
- Đường Cale: 1 đầu tàu hỏng, đường tắc 10 giờ.
- Đường Đue: 3 đầu tàu, 11 toa xe hỏng. Đường tắc 45 giờ.
- Đường Xanhhêgôn: trừ 1 Pháp gian rất có tiếng. Lật 1 đầu tàu xuống hố.
- Đường Lanxơ: phá một ổ máy trong xưởng.
- Pari: phá 1 máy trong xưởng lương thực.
- Vùng No: đánh nhau với đội tuần binh địch. 1 địch chết, nhiều bị thương.
- Vùng Loa: đánh nhau với 1 đội địch. Địch chết 1, bị thương 1. Ta lấy được 1 súng máy, 1 súng trường và 5 súng lục.

Xem đó thì biết rằng: Du kích Pháp chỗ nào phá được là họ phá, chỗ nào đánh được thì họ đánh. Họ ra sức *quấy rối địch*. Mục đích là: *góp nhiều thắng lợi nhỏ thành một thắng lợi to*.



*Bất kỳ sớm tối gần xa  
Canh gác cẩn thận thì ta an toàn.*

Tháng 11 năm 1942, Phabiêng cùng một tiểu đội vừa đi phá hoại về. Kết quả rất khá; 1 chuyến xe địch lặn xuống hồ. Vì trời mưa to, cả đội ướt đầm dề và rét như dao cắt. Anh em đem nhau vào một quăng rừng, đốt lửa lên sưởi. Ai cũng chắc rằng dân vùng đó rất tốt, cho nên không canh gác cẩn thận. Đang sưởi, bất thành lình nghe tiếng súng. Ngoảnh lại đã thấy địch bao vây bốn phía. Phabiêng bị thương nơi mặt, nhưng còn bắn lại, rồi gắng sức chạy thoát vòng vây, bơi qua sông mình trần, chỉ có một cái quần lót. Nhờ một người nông dân nuôi và cho thuốc, gần một tháng mới khỏi. Còn tất cả tiểu đội đều bị hy sinh.

Kinh nghiệm đau đớn đó, bảo cho mọi người biết rằng: *Bất kỳ bao giờ, bất kỳ ở đâu, cũng phải canh gác cẩn thận.* Kinh thường sơ suất là nhất định hỏng.

\*

\*       \*

Cuối tháng 11, Phabiêng về Pari có việc. Thành lình địch vây cả một dãy phố, xét giấy, bắt người, Phabiêng cũng bị bắt.

Trong ba lần tra khảo, Phabiêng bị 150 roi gân bò, bị dằn ngón chân, ngón tay, máu me đầy cả mình mẩy, chết đi sống lại mấy lần. Không đứng, không ngồi, không nằm được. Chân bị cùm, tay bị xích cả ngày cả đêm. Đã như thế, lại bị nhốt trong ngục tối. Sau ba tháng như thế, địch đưa Phabiêng đến một nhà pha khác, to hơn, rộng hơn.

Trong mỗi nhà giam có 60 người, phần đông là tù chính trị, Phabiêng liền tổ chức một nhóm du kích ở đó, và một ban huấn luyện về khoa học, văn hóa, chính trị, v.v...

Với những miếng giấy gói quà của hội từ thiện gửi đến, Phabiêng cùng các bạn trong nhà tù ra một tờ báo bí mật.

Lúc mới đến nhà giam này, Phabiêng đã có một kế hoạch trốn. Chẳng may cái địa đồ Phabiêng vẽ rơi vào tay địch. Thành thử mấy chục anh em đều bị phạt vào ngục tối mấy hôm.

Nhưng Phabiêng với một người đồng chí nữa vẫn cố trốn cho được. Họ xé chăn, áo để bện dây thừng. Họ ăn cắp dao để đào mạch. Họ chờ dịp tốt để thi hành. Lại may bên cạnh phòng giam đó là một phòng để trống. Nhờ vậy, nửa đêm ngày 1 tháng 6 năm 1943, Phabiêng và người đồng chí kia mạo hiểm trốn khỏi nơi địa ngục.

Khi về đến trong xóm, Phabiêng mới biết rằng ông thân sinh, người anh rể và 93 chiến sĩ nữa đã bị địch bắn chết hồi tháng 8 năm ngoái. Cả nhà Phabiêng chỉ còn lại một đứa con gái 4 tuổi.

*Quốc dân đồng lực đồng tâm  
Kháng chiến thắng lợi chắc chắn trong tay*

Mặt trận du kích càng ngày càng lan rộng.

Lúc bấy giờ, tất cả những người ghét địch, yêu nước, đều đoàn kết thành một khối, không chia giai cấp, không chia gái trai, không chia già trẻ, không chia đảng phái. Tất cả mọi người, chỉ có một mục đích chung: giết giặc và cứu nước.

Có nơi, có những người bị địch bắt ép ra làm cảnh sát. Họ phải làm nhưng trong nhà họ chứa người du kích. Đêm lại, họ vác súng tham gia du kích.

Trong thời kỳ đó nảy nở ra những người anh tài mà ngày thường người ta không thể tưởng đến. Thí dụ: một cậu học sinh công giáo 17 tuổi, chỉ huy một đội du kích ở Bơđăngxông. Cậu lấy tên một chiến sĩ thanh niên cộng sản bị địch giết để đặt tên cho đội của mình. Tranh đấu hơn một năm, lập được nhiều chiến công rực rỡ. Sau cậu bị địch bắt xử tử hình. Trước khi bị hành hình, cậu viết thư cho cha mẹ, trong thư có câu:

“Xin cha mẹ nói với bà con, bầu bạn rằng: Con rất tin tưởng Tổ quốc sẽ thắng lợi. Con mong cho Tổ quốc tự do và đồng bào



sung sướng. Xin cha mẹ chớ phiền lòng, con vui vẻ đến phút cuối cùng, con vẫn hát bài cứu quốc ca mẹ dạy cho con lúc con còn nhỏ.

Con không viết được nhiều nữa. Bọn lính địch đã đến đưa con đi bắn. Xin cha mẹ chớ rầu rĩ. Con chết cho đồng bào, cho Tổ quốc. Có cái chết nào vẻ vang như thế!

Sẽ có hàng ức, hàng triệu chiến sĩ trả thù cho con. Sẽ có hàng ức, hàng triệu người ái quốc trả thù cho con.

Con hôn cha mẹ ngàn hôn. Tổ quốc muôn năm!”

Lòng dũng cảm của mọi người tỏ ra trong những kết quả rực rỡ. Chỉ trong vùng Xavoa và chỉ trong 5 tuần, mà kết quả như sau:

2-9-43: Phá kênh. Tàu bè mấy ngày không đi được.

16-9: Phá một máy và đốt 2 kho lúa của địch.

20-9: Toàn một xưởng chữa máy của địch bị đốt phá.

21-9: Ba lính địch chết, nhiều bị thương.

3-10: Đội X., đêm đi 30 cây số, phá 3 cái cầu.

4-10: Trừ 3 Pháp gian nổi tiếng.

5-10: Đánh một đoàn xe lửa. Đường bị tắc 14 giờ.

8-10: Phá kênh L, tàu bè không đi được 3 tuần.

10-10: Phá ga M, máy móc hỏng hết.

Vùng này phá hoại thế, vùng khác cũng không chịu làm kém hơn. Du kích làm cho địch ăn không yên, ngủ không yên.

*Khi dân đã đứng cả lên  
Thì sức tranh đấu đã bền lại to*

Thấy địch lòng rất quá, đoàn thể phải cho Phabiêng đi nơi khác. Phabiêng lập tức tổ chức nông dân, dùng khí giới để bảo hộ việc gặt lúa và giữ gìn trâu bò, không để cho địch cướp.

1943 trở đi du kích đã từ những người ô hợp, những đội lẻ tẻ, gặp đâu đánh đó, mà trở nên một đội quân có liên lạc, có kế hoạch chung, có chỉ huy thống nhất.

Phabiêng lúc đó 23 tuổi, phụ trách chỉ huy đội du kích phương bắc. Trong ba ngày kỷ niệm, 10, 11, 12 tháng 11, khắp nước có 55 cuộc đánh đổ xe lửa, 156 cuộc phá hoại.

Mà công tác phá hoại thì lan khắp mọi ngành, mọi nơi. Đường sá, cầu cống, xe lửa, mỏ than, nhà máy, kho tàng, trại lính, tàu bè... bất kỳ cái gì địch dùng là du kích tìm cách phá cho được.

*Du kích càng hoạt động, càng được dân chúng ủng hộ.* Vì vậy Phabiêng và các đồng chí khác, đến đâu cũng có thể tổ chức ban huấn luyện quân sự và huấn luyện thông tin.

Công việc thông tin và tình báo, hoàn toàn do *chị em phụ nữ phụ trách*. Họ cũng phụ trách dò xét địa hình, địa thế nữa. Chị em rất hăng hái, rất chịu khó và tổ chức rất khéo. Họ tổ chức các trạm khắp nước. Tùy theo hoàn cảnh khi thì họ đi bộ, khi đi ngựa, khi đi xe. Họ luôn luôn làm việc và đưa tin cả ngày đêm. Nhờ vậy, tin tức của du kích rất mau chóng. Ba ngày một lần, chị em làm một bản báo cáo chung, tóm gộp tất cả mọi cuộc hoạt động trong nước. Các đội du kích nhờ đó học lẫn kinh nghiệm của nhau.

*Phụ nữ cũng là công dân  
Trong cuộc kháng chiến gánh phần vẻ vang.*

Các chị em phụ nữ, chẳng những khôn khéo, hăng hái mà lại gan góc vô cùng. Thí dụ: Cô Gimbéc 17 tuổi, trưởng ban trinh thám; bị bắt, sau trốn được kể chuyện thế này:

Sau khi bị bắt, chúng bắt cô cởi hết áo quần, rồi 6 đứa dùng roi gân bò, nịt da và báng súng đánh cô, một đứa lấy tay bóp cô. Cô nhất định không khai. Chúng tra cô bằng dây điện. Khắp mình cô, máu chảy lai láng. Tai cô như điếc, mắt cô như mù.

Khi cô chết ngất đi, thì chúng cho cô sống lại, rồi chúng lại tra khảo. Mỗi lần tra khảo chúng lại lột hết áo quần. Đánh chán rồi châm dây điện. Châm dây điện rồi, thì trối vào lò nước nóng.



Mặt mũi mình mây cô đều bầm tím. Nhưng tinh thần cô luôn luôn tỉnh táo.

Một hôm nhân lúc báo động, cô trốn được, lại trở về làm việc với đội du kích như trước.

Lại còn những hạng nữ anh hùng khác, tuy không tỏ ra công trạng oanh liệt rõ rệt, nhưng cũng kiên quyết hy sinh vô cùng. Phụ nữ tổ chức:

Những đội giặt gia quần áo cho chiến sĩ,  
Những đội may vá,  
Những đội tiếp tế lương thực,  
Những đội sắp xếp chỗ ở bí mật,  
Những đội chăm nom chiến sĩ bị thương,  
Những đội giúp đỡ gia đình các chiến sĩ,  
Những đội canh gác trừ gian,  
Những đội do thám,  
Những đội úy lạo,  
Những đội tuyên truyền.

Nói tóm lại, chị em phụ nữ gánh vác rất nhiều công việc. Nhờ chị em mà đội du kích đi đến đâu là có cơm ăn chỗ ở hẳn hoi. Thành thử chiến sĩ chỉ lo tranh đấu giết giặc, chứ không phải lo những việc vặt vãnh.

Ngoài ra chị em phụ nữ lại thi đua nhau, con khuyên cha, vợ khuyên chồng, em khuyên anh, ra sức tham gia du kích, hoặc giúp đỡ du kích. Trong cuộc kháng chiến cứu quốc, phụ nữ đã dự một phần rất vẻ vang.

*Nhi đồng, tuổi nhỏ anh hùng  
Tham gia du kích đi cùng thanh niên*

Có những xưởng máy, tất cả công nhân bí mật tham gia đội du kích. Họ vừa làm công việc phá hoại. Ban ngày thì đi làm, ban đêm thì đi đánh. Có những làng, cả làng tham gia du kích.

Chẳng những người lớn và thanh niên, mà cả các em nhi đồng cũng hằng hái tham gia. Đây là gương oanh liệt của một em nhi đồng:

Trong một cuộc đánh úp, một em nhi đồng và mấy người du kích bị địch bắt được. Địch đem mấy chiến sĩ đó ra bắn. Em bé tên là Hăngri, 12 tuổi, khoan thai nói với người quan địch: “Anh để cho tôi về hôn mẹ tôi, rồi tôi trở lại cho anh bắn”.

Tên quan địch nói: “Mày muốn trốn à? Mày sợ chết à?”

Em Hăngri nói: “Không, tôi không sợ. Một chiến sĩ du kích không bao giờ sợ chết”.

Tên quan địch nói: “Đồ chó chết! Tao thử cho mày đi. Mày chạy đường trời cũng không khỏi tay tao”.

Em bé nghe vậy, vụt ra chạy một mạch.

Bọn địch hớn hờ cười. Các chiến sĩ bị bắt thì lo sợ cho em bé.

Một hồi lâu, người ta thấy em Hăngri chạy trở lại, ai nấy đều sùng sốt. Hăngri thông thả đứng dựa lưng vào một gốc cây, hai tay khoanh lại, mắt nhìn bọn địch, mà nói rằng: Tôi đã hôn mẹ tôi rồi, bây giờ chúng bay bắn thì bắn đi.

Bọn địch chĩa súng bóp cò. Trước khi chết, em Hăngri hô to:

“Kháng chiến thắng lợi muôn năm! Tổ quốc độc lập muôn năm!”

Bọn địch giết em Hăngri, nhưng trong lòng rất kính phục em, và rất sợ.

Sợ là vì chúng biết rằng một dân tộc mà trẻ con cũng yêu nước như thế, cũng gan góc như thế thì không ai chinh phục được. Một dân tộc như thế, nhất định sẽ thắng lợi.

Trong cuộc chiến tranh du kích, các trẻ em giúp sức rất nhiều, và cũng nhiều em hy sinh rất oanh liệt. Chuyện em Hăngri chỉ là một thí dụ.

*Lửa khởi nghĩa đã nổ bùng  
Bao nhiêu lực lượng vào chung một đường*



Đầu tháng 7 năm 1944, Phabiêng phụ trách tổ chức đội xung phong trong cuộc khởi nghĩa ở Pari.

Trước hết, Phabiêng ra lệnh phá hoại xe vận tải của địch, cách phá hoại rất dễ dàng: Những miếng sắt vụn queo thành ba khía bỏ rải rác trên đường. Thế nào cũng có một khía lòi lên. Xe hơi đè nhầm, thì nhất định hỏng bánh.

Các công nhân làm ra hàng triệu cái chông đó. Hàng vạn người tham gia vào việc rải chông đó. Các sông, các đường, các kho đều có những ban phụ trách phá hoại. Thành thử kết quả đầu tiên, là giao thông vận tải của địch bị hỏng. Phabiêng - bây giờ là quan năm Phabiêng - ra lệnh như sau:

“Chúng ta phải bạo dạn, bạo dạn nữa, bạo dạn luôn luôn. Đồng bào thủ đô phải nhen ngọn lửa sát địch, phải làm cho phong trào khởi nghĩa lan khắp nước.

Muốn làm tròn nhiệm vụ đó, cần phải:

*Chỉ huy thiết thực các cuộc hành động.* Mệnh lệnh phải rõ ràng, giản đơn, thiết thực, ai phụ trách công việc gì, địa điểm nào, ngày nào, giờ nào, phải làm xong.

Những việc sau này cần phải thi hành ngay:

a) Phá hoại giao thông vận tải của địch, dùng chông, dùng bẫy, phá đường, phá băng, đốt xe, đốt kho.

b) Tấn công các đội địch và Pháp gian lẻ tẻ.

c) Phá hoại đường xe lửa.

d) Tấn công và phá hoại các kho chứa dầu và sở chứa xe.

e) Mục đích những cuộc hành động đó là: cướp lấy tất cả mọi thứ khí giới, để vũ trang bộ đội cứu quốc”.

Pari bắt đầu có những cuộc bãi công và biểu tình.

Địch tăng gia sự khủng bố.

Dân Pari tổ chức những đội chiến đấu.

Truyền đơn khởi nghĩa dán khắp các phố ở thủ đô.

Phabiêng lãnh đạo các cuộc tấn công cướp súng địch. Bị đạn vào chân, sau hai ngày mới gắp được đạn ra. Què nhúc nhắc, nhưng Phabiêng vẫn không rời bộ đội.

*Nhờ lực lượng của toàn dân  
Thì đều thắng lợi mười phần vẹn mười.*

19 tháng 8 năm 1944, thủ đô bắt đầu khởi nghĩa.

Hàng vạn chai dầu xăng, axít ném vào phá xe tăng của địch.

Thanh niên và nhi đồng núp trên nóc nhà. Hễ thấy lính địch đi qua là bắn. Các phố, các nẻo đường, chướng ngại vật mọc lên như nấm.

Địch bị nghĩa quân vây các phía, bị ép vào từng xóm. Tuy địch có chuẩn bị mìn, nhưng chúng không dám dùng, vì nếu mìn nổ thì chúng nó chết trước.

Phabiêng đóng bản doanh trong một quán cà phê, ba em bé con gái làm giao thông. Mặc dầu súng bắn tứ tung, ba em vẫn đem mệnh lệnh từ khu này qua khu khác.

Ngày 21 tháng 8, các địa điểm của địch hoàn toàn bị nghĩa quân bao vây.

Địch và Pháp gian thấy nguy hiểm bèn đề nghị đình chiến. Phabiêng ra lệnh: Hễ ai nói đến đình chiến thì sẽ xử theo quân luật.

Vòng vây càng thắt càng chặt. Tất cả dân Pari tham gia công tác. Đồ đạc trong nhà đều đem làm chướng ngại vật. Thậm chí giường thờ, khung cửi, lò bếp cũng ném vào đó để cho nó cao hơn, chắc hơn.

Phabiêng phụ trách đánh vào đại bản doanh của địch. Theo kế hoạch, khắp các nơi đều tấn công, làm cho địch không thể cứu viện nhau. Xung quanh đại bản doanh địch, nghĩa quân bố trí cẩn thận, ai phụ trách đánh phía nào, giữ phía nào, ai tiến trước, ai tiến sau, đều định trước rõ ràng. Một khi có lệnh tấn công, thì



thanh thế của nghĩa quân như núi nhào bể lở. Địch chống không nổi, phải xin hàng.

Ngày 22 tháng 8, thủ đô được giải phóng. Quan năm Phabiêng liền tổ chức bộ đội tiêu diệt quân địch ngoài thủ đô.

Tuy trong mấy năm chiến đấu, đội du kích bị hy sinh rất nhiều, nhưng đến ngày kháng chiến thắng lợi cũng còn hơn 15 vạn chiến sĩ, già có, trẻ có, trai có, gái có, các đảng phái, các tầng lớp nhân dân đều có. Mà 15 vạn người đó ai cũng đồng ý rằng: Phabiêng là anh hùng nhất.

### THƠ DU KÍCH

*Bọn phát xít,  
Cướp nước ta,  
Nó cướp của,  
Nó đốt nhà,  
Nó đánh chết trẻ con,  
Nó hãm hiếp đàn bà,  
Nó bắn thanh niên,  
Nó giết người già.*

\*

\*   \*

*Khổ thế này,  
Chịu sao qua,  
Ta muốn sống,  
Phải tham gia,  
Đánh du kích,  
Đuổi địch ra.  
Bất kỳ trẻ hay già,  
Đàn ông hay đàn bà,  
Đều ra sức tham gia,  
Đánh du kích,  
Đuổi địch ra!*

*Hỡi quốc dân đồng bào,  
Tiến lên cả xem nào!  
Không có súng,  
Ta dùng dao,  
Ta dùng cuốc,  
Ta dùng cào,  
Ta lấy đòn ghình,  
Ta nhổ cọc rào.  
Hễ thấy địch,  
Cứ xông vào,  
Đánh cho chúng nhào.*

\*

\* \*

*Mỗi người là một chiến sĩ,  
Mỗi làng là một chiến hào,  
Ta nhất định thắng lợi,  
Cờ Độc lập phát cao.*

Kinh nghiệm du kích Pháp dạy cho ta:

1. Muốn đánh thắng địch mạnh, thì phải dùng du kích.
2. Bất kỳ già, trẻ, gái, trai, ai cũng đánh du kích được.
3. Du kích muốn thắng, phải bí mật, cẩn thận, kiên quyết, nhanh chóng.
4. Du kích muốn thắng phải có nhân dân ủng hộ.
5. Muốn nhân dân ủng hộ, phải tốt với nhân dân.
6. Việc giải phóng dân tộc ở trong tay dân tộc.
7. Nếu có toàn dân đoàn kết, thì kháng chiến nhất định thắng lợi.

*Kinh nghiệm du kích Pháp. In lần thứ hai, Nhà xuất bản Sự thật, Việt Bắc, 1948.*



## GIÁC NGỦ MƯỜI NĂM

Tôi là Nông Văn Minh, người Nùng Cao Bằng. Sinh năm 1920.

Cha tôi là Nông Văn Quang, người mạnh khỏe, tính thật thà. Ngày mùa thì ra đồng cày cấy. Hết mùa thì vào phố làm thuê. Khó nhọc cả năm đến tối. Nhưng cũng không được lắm. Một phần thường bị mất mùa. Một phần vì sưu cao, thuế nặng.

Cha tôi lại thường phải đi phu. Mà mỗi lần cha tôi đi phu, là tôi phải nhịn đói. Năm tôi mới lên mười, cha tôi cho tôi đi ở chăn trâu cho cụ Bá ở làng bên cạnh.

Cụ Bá hiền lành, cả ngày không nói một tiếng. Cụ bà ngoa ngoắt, cần nhằn như khi cả ngày. Tệ nhất là bà ta cứ bắt tôi ăn đói. Chị Thìn con gái cụ Bá, tốt người, đẹp nét, cả ngày tươi cười. Chị thường giấu cơm hoặc khoai cho tôi, bảo tôi ra ngoài bụi mà ăn, chớ cho cụ bà thấy thì chết.

Ở với cụ Bá chừng mười năm, tôi trở về nhà để lấy vợ. Vợ tôi tên là Xuân, cùng một lứa tuổi và cùng ở một làng với tôi. Cuối năm, Xuân đẻ cho tôi một đứa con gái. Cha tôi đặt tên nó là Đào. Từ đó, ba cha con cặm cụi làm ăn, nhưng vì sưu thuế nặng, phu phen nhiều, cho nên nghèo lại hoàn nghèo, khổ vẫn cứ khổ.

Hồi đó, một thanh niên tên là anh Ba, quê quán ở đâu tôi không biết, thường đi lại nhà chúng tôi. Anh Ba chỉ đến ban đêm. Mỗi khi anh đến thì nói chuyện thì thào với cha tôi thật khuya. Gần sáng, cha tôi thổi cơm cho anh ấy ăn. Ăn xong, chưa sáng, anh ấy đã ra đi. Cha tôi dặn vợ chồng tôi chớ nói cho ai biết có anh Ba đến nhà.

Một hôm, nhân lúc vợ tôi đi vắng, anh Ba và cha tôi bàn tán chuyện đánh Nhật, đánh Tây. Tôi cũng ngồi nghe. Rồi tôi hỏi:

- Súng ông chẳng có, lấy gì mà đánh?

Cha tôi nói:

- Cướp của nó mà đánh chứ lý!

Anh Ba gật gù tán thành cha tôi.

Ngày qua tháng lại, đến hôm 9 tháng 3 năm 1945, bất thành lình Nhật choảng Tây một vố, Tây chết la liệt. Những đứa sống sót bị Nhật bắt giam, rồi cũng bị máy bay Mỹ ném bom chết tiệt.

Cách đó mấy hôm, anh Ba lại đến nhà. Lần này, anh Ba có vẻ sung sướng lắm. Anh ấy bảo cha con chúng tôi chuẩn bị và dặn dò tỉ mỉ làm thế này, làm thế kia.

Vào khoảng rằm tháng 8, anh Ba với một người nữa đến. Anh Ba viết tên vào một miếng giấy, rồi bảo cha con chúng tôi đi mời những người có tên trong giấy, đến tối ra ngoài đồng khai hội. Tối hôm đó, đến dự hội 52 người, đàn ông có, đàn bà có, anh Ba bày cách cho chúng tôi chuẩn bị khởi nghĩa đánh Nhật để cướp chính quyền. Nói chuyện chừng nửa tiếng đồng hồ, rồi anh ấy hỏi:

- Anh chị em đã hiểu rõ cả chưa? Có ai muốn nói điều gì nữa không?

Ai cũng trả lời:

- Hiểu rõ rồi.

Anh Ba nói thêm:

- Vậy thì xin anh em chị em cứ thế mà làm. Nhưng mọi người phải hết sức giữ bí mật mới được.

Bây giờ tôi mới hiểu rằng anh Ba là cán bộ Việt Minh. Và trong làng nhiều người vào hội đã lâu, nhưng vì giữ bí mật



không ai nói cho ai biết. Thậm chí cha con, vợ chồng cũng không cho nhau biết. Cha tôi chỉ biết những hội viên nông dân, tôi chỉ biết những hội viên thanh niên, vợ tôi chỉ biết những hội viên phụ nữ. Khéo thật!

Đánh Nhật, khởi nghĩa, cướp chính quyền, Việt Minh công khai, Cụ Hồ tuyên bố Việt Nam độc lập, đặt Chính phủ Dân chủ Cộng hòa. Sướng quá! Vui quá! Chẳng bao lâu, bọn Quốc dân đảng Việt Nam lưu lạc ở ngoài theo Tàu về nước. Chúng nó bắt cóc, tống tiền, giam đàn ông, hiếp đàn bà, chẳng kém gì bọn Nhật, bọn Pháp. Mặc kệ chúng nó. Chúng hay chầy, chúng nó cũng phải cút. Không thì dân cũng đánh đổ chúng nó đi.

Dân hả hê được ít lâu, thì giặc Pháp lại quấy rối. Ta phải kháng chiến.

Tỉnh có giấy tổ chức dân quân du kích, đoàn thể cũng có giấy bảo ai có sức thì nên hăng hái vào dân quân

Tất cả thanh niên cứu quốc và một phần lớn nông dân cứu quốc làng tôi vào dân quân du kích, phụ nữ cứu quốc cũng xin vào, nhưng đoàn thể bảo ở lại để tăng gia sản xuất. Có chị vì không được vào du kích mà khóc hu hu.

Cha tôi đi đánh giặc được ba tháng, thì bị một viên đạn xuyên qua đầu gối bên phải. Vào nhà thương, cưa mất một chân.

Tôi thì nhờ bắn súng khá, được chọn vào Vệ quốc quân. Đầu tiên đánh ở Lạng Sơn. Sau đổi qua Bắc Giang. Rồi đổi đến Bắc Ninh. Đến đây, tình cờ tôi gặp anh Ba làm đại đội trưởng, chỉ huy đội của tôi. Vừa gặp nhau, anh mừng rỡ lắm, ôm quàng lấy tôi, rồi hỏi thăm mọi người trong làng.

Đồng bào Bắc Ninh tốt thật. Súng giặc bắn ầm ầm cả ngày, mà họ coi như thường. Bộ đội ta kéo đến đâu cũng được dân giúp đỡ. Nhất là các chị em phụ nữ, họ tranh nhau giúp nấu cơm, gánh nước, giặt áo, vá quần cho bộ đội, họ coi các chiến sĩ như

anh em ruột. Vệ quốc quân và dân quân du kích Bắc Ninh đánh cũng hăng. Mỗi lần đánh thắng là dân đua nhau đến úy lạo. Tha hồ gạo và thịt.

Tháng 10 năm 1947, đội của tôi lại được điều đi đánh tại đường số 4.

Người ta nói dân ở gần mặt trận ai cũng hăng. Có gì lạ đâu. Tây nó ác quá. Chúng bắt được đàn bà con gái, thì 7 tuổi đến 70 nó chẳng từ ai. Năm bảy thằng tranh nhau hiếp. Hiếp không chết, thì nó chặt đầu, móc mắt, mổ bụng, rạch trôn. Có khi chúng bắt con trai hiếp mẹ, cha hiếp con gái, cho chúng nó coi và cười. Không nghe thì chúng giết cả nhà.

Có khi bắt được đàn bà có thai, chúng nó trói lại như trói lợn, rồi đánh đổ với nhau. Thằng thì đoán chữa con trai. Thằng thì đoán chữa con gái. Rồi chúng nó mổ bụng người đàn bà chữa, móc đứa con trong bụng ra. Thằng nào đoán trúng thì được tiền hoặc thuốc lá.

Có khi chúng nó bắt đàn bà, trói chân, trói tay lại, lột truồng hết áo quần cho chó con bú cứt cả đầu vú. Người đàn bà vô phúc van khóc chừng nào, thì Tây reo cười chừng ấy.

Bắt được người già và thanh niên, chúng nó chọc tiết, chôn sống, chặt đầu, phanh thây, hoặc treo lòng thòng trên cành cây, chất củi thui. Có khi chúng nó bắt ăn thuốc viên, nói là thuốc chữa bệnh. Nuốt xong chừng mấy phút đồng hồ thì trợn mắt lăn ra chết, cả mình mẩy tím bầm.

Trẻ con thì chúng nó bắt bỏ trong chum, nấu nước sôi dội vào. Hoặc trói 2, 3 em lại một bó, quần rơm và giẻ chung quanh, rồi chúng nó tưới dầu xăng đốt.

Tây ác như vậy, cho nên dân ta cũng hăng máu lên. Họ nói thà đánh Tây mà chết còn hơn để nó hành hạ mà chết.



Trong trận đèo Bông Lau, đánh được một lúc, thì tôi bị thương nơi đầu. Thoạt tiên, không thấy đau lắm. Tôi xé áo lót cột đầu cho máu khỏi chảy, rồi cứ theo anh em xông lên. Ta nhìn rõ giặc. Giặc không thấy ta. Cho nên một loạt súng, là một tốp giặc lặn xuống. Về sau máu chảy nhiều quá, tôi mê đi bao giờ không biết.

Khi tôi tỉnh lại, thì thấy mình nằm trên một cái giường, chăn và vải trắng tinh, lại hơi thơm thơm. Sờ trên đầu không thấy sọc, không thấy đau gì cả. Liếc mắt nhìn xung quanh, thấy cái buồng xinh xinh, sạch sẽ, sáng sủa, lộng lẫy. Trần và vách đều trắng toát. Bên giường có một cái bàn nhỏ, sơn trắng. Trên bàn có một cốc sữa đặt trên một cái đĩa bằng thủy tinh. Lại có một cái bình cắm đầy những hoa tươi thơm ngát.

Gần phía chân giường, một cô con gái quần áo trắng toát ngồi trên ghế, quay mặt ra phía cửa, đang xem sách.

Hơi chói, tôi nhắm mắt lại, trong bụng nghĩ: Mình ở đâu nhỉ? Mình ở đâu nhỉ?

Một chốc, tôi mở mắt ra. Cô con gái gập sách lại, đang nhìn tôi. Thấy tôi mở mắt, cô ấy khe khẽ bước lại, ôm tôi hôn lấy hôn để.

Tôi nhẹ nhàng lấy tay đẩy cô ta ra, và nói:

- Đồng chí chớ làm thế. Anh em họ cười chết! Đây là đâu, hử cô? Cô là ai?

Cô ấy nhẹ nhàng trả lời:

- Đây là Dinh dưỡng đường Cụ Hồ. Tôi... là...

Nghe nói Cụ Hồ, tôi liền hỏi:

- Cụ ở đâu? Cụ có mạnh khỏe không, đồng chí?

- Cụ vẫn khỏe luôn. Cô ấy vừa nói vừa ghé cốc sữa gần miệng tôi, bảo tôi uống một hớp.

Uống xong hai hớp sữa, tôi hỏi tiếp:



Ảnh chân dung Chủ tịch Hồ Chí Minh năm 1964

*Ảnh: Bảo tàng Hồ Chí Minh*



- Cô biết bộ đội của tôi nay ở đâu không? Trần Bông Lau thắng chứ?

Cô bé ngáp ngừng một phút rồi nói:

- Bộ đội... ở... hình như đóng ở Thủ đô... Trần Bông Lau... Trần Bông Lau quân ta thắng to.

Nghe nói vậy, tôi mừng quá. Tôi muốn ngồi dậy, đi tìm bộ đội của tôi ngay. Cô bé dịu dàng bảo tôi khoan dậy đã. Quen giữ kỷ luật, tôi cứ nằm im rồi hỏi:

- Thế thì Việt Bắc thế nào rồi? Giặc Pháp thất bại chứ? Tôi đến đây đã mấy hôm?

Cô bé mỉm cười không trả lời. Nhè nhẹ bước qua buồng bên cạnh. Sau một phút trở vào, tay cầm quyển lịch, chỉ cho tôi xem. Tôi lật bầm đọc:

- "Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Độc lập, Tự do, Hạnh phúc.

15 tháng 8 năm 1958"

Tôi giật mình rú lên:

- Trời ơi! Tôi vào đây mười năm rồi sao? Tôi ngủ mười năm rồi sao?

Cô bé lại ôm tôi hôn. Tôi lại nhè nhẹ đẩy cô ta ra.

Cô vừa khóc thút thít vừa nói:

- Cha quên con rồi sao? Cha không nhận được con nữa hay sao? Con là Đào đây mà!

Đào! Con bé mà ngày tôi vào bộ đội, nó mới lên 7, to bằng cái hột mít, sài lơ đầy mình. Con bé Đào mà bây giờ đã lớn bằng ấy! Ma nào đoán được! Ô! Mà phải rồi. Tôi ngủ mê đã mười năm trời kia mà. Trong khi tôi đang ngủ mê chắc có nhiều thay đổi lớn.

Tôi bỏ dậy nắm chặt tay con tôi, trố mắt nhìn nó, xoa đầu nó. Tôi gắt nó:

- Sao con không nói ngay cho cha biết? Thôi đừng khóc nữa. Ông mày ở đâu? Bu mày ở đâu?

Nó trả lời:

- Ông và bu ở làng. Hôm qua bu vào thăm cha, mới ra về sáng nay. Hai lần bu được giải thưởng Thi đua ái quốc, đồng bào trong xã bầu bu làm Chủ tịch xã...

Tôi ngắt lời nó và hỏi:

- Con làm gì ở đây?

Đào nói:

- Con học thuốc ở trường đại học. Trường cho con đến đây tập, tiện dịp để săn sóc cha.

A di đà Phật! Tôi không tin lỗ tai tôi. Thế nào? Thị Xuân vợ thằng đi ở chăn trâu mà làm Chủ tịch xã? Thị Đào, con đứa ăn vụng cơm bà Bá mà vào Đại học Y khoa? Tôi nghe lầm chăng? Tôi còn ngủ mê chăng? Hay là con tôi nói dối? Hay là thế giới đổi lộn nhào?

Cũng có lẽ. Cũng có lẽ. Nếu Tây thua, nếu Việt Nam thống nhất độc lập thì gì mà ta làm chẳng được! Trước kia một cổ hai tròng, vừa Tây vừa Nhật, Việt Minh chỉ có hai bàn tay trắng mà cũng cách mạng thành công, cũng giành lại độc lập kia mà. Huống chi ta đã có chính phủ, có quân đội, có nhân dân, kháng chiến đã thắng lợi, thì gì ta làm chẳng thành công.

Tôi đang ngẫm nghĩ xa gần, thì Đào rót thêm một cốc sữa, và nói:

- Cha hãy uống thêm cốc sữa, rồi nằm xuống cho khỏe, con sẽ kể chuyện mười năm vừa qua cho cha nghe.

Sau đây là lời con Đào nhà tôi:



"Chắc cha còn nhớ, giặc Pháp tấn công Việt Bắc cuối năm 1947. Song chắc cha không rõ chúng tấn công cách nào.

"Một mặt, chúng theo đường thủy lên sông Lô, đến Tuyên Quang, lên sông Gâm, đến Chiêm Hóa.

"Một mặt, theo đường bộ, từ Tiên Yên qua Lạng Sơn, đến Cao Bằng, rồi xuống Bắc Cạn.

"Chúng là hai gọng kìm.

"Một mặt khác, chúng đánh từ Bắc Ninh, Bắc Giang lên.

"Máy bay thì thả quân nhảy dù xuống Bắc Cạn, Chợ Mới, Đình Cả, Đại Từ và nhiều nơi khác.

"Mục đích của chúng là ngoài đánh vào, trong đánh ra. Dưới nước đánh lên, trên trời đánh xuống. Chúng đã chắc mẩm như thế thì cơ quan và bộ đội ta có chạy đằng trời cũng không thoát khỏi cái lưới của chúng.

"Nếu ta không khôn khéo, thì có lẽ như thế thật.

"Nhưng Chính phủ ta đã đoán trước âm mưu của giặc. Cụ Hồ liền ra lệnh cho quân đội và nhân dân phải kiên quyết xông ra cản giặc. Bộ Tổng chỉ huy thì cấp tốc điều động bộ đội chặn đánh các đạo quân Tây.

"Về phía thủy, quân ta đại thắng ở Phủ Đotan, ở Tuyên Quang, ở sông Gâm, ở Chiêm Hóa, hàng chục chiến thuyền của Pháp bị ta đánh chìm. Máu chảy đỏ sông, lửa phun ngang núi. Bị chặn đánh liên tiếp, giặc vội vã rút lui. Chúng để lại vô số đạn dược súng ống và nhiều tha ma chôn lính Tây.

"Thế là một gọng kìm của giặc đã bị ta đánh gãy.

"Về phía bộ, quân ta đại thắng ở Bông Lau, Lũng Vài, Đông Khê, Thất Khê... Hàng chục chiếc xe của giặc bị đánh tan. Xác chất thành cồn, máu tràn đầy hồ. Phía đó chúng cũng thất bại và cũng để lọt vào tay ta nhiều súng đạn, thuốc men".

Tôi sướng quá, nắm lấy tay con tôi hỏi:

- Lúc ấy cha ở đâu hờ con? Sao con nhớ thế?

Đào trả lời:

- Sau lúc cha bị thương, con được theo mẹ tới thăm cha một lần, lúc đó cha nằm ở một nhà thương của quân y viện. Con nhớ nhiều và kỹ là vì có nhiều sách báo nói về trận Việt Bắc lắm, sau này còn nhiều cái hay nữa. Con sẽ lần lượt thuật lại cha nghe.

Đào kể tiếp:

"Thế là gọng kìm thứ hai cũng bị ta đánh tan.

"Chủ lực của giặc đã thất bại. Quân nhảy dù cũng bị ta tiêu diệt dần. Kết quả là trong 15.000 Pháp lên Việt Bắc, chết và bị thương hơn 5.000, chúng lại mất một số lớn máy bay, tàu thủy, ca nô, súng ống, đạn dược.

"Trong khi rút lui, bọn Pháp không quên để lại những vết tích dã man tàn ác. Bắn trâu bò, đốt thóc lúa, phá hủy đền chùa, triệt hạ làng mạc, hãm hiếp phụ nữ, giết hại thanh niên. Chúng đi qua đâu là tàn phá đó. Chúng tưởng làm như vậy cho dân ta kinh sợ. Kỳ thực dân ta căm thù, càng kiên quyết, càng muốn diệt cho sạch bọn ác quỷ thực dân.

"Trong trận này, quân đội ta anh dũng đã đánh, mà đồng bào Việt Bắc cũng thật oanh liệt. Cả ngày cả đêm, họ kéo nhau đi phá hoại đường giao thông của địch. Nhiều nơi, dân tự động đốt nhà của mình để địch khỏi lợi dụng.

"Các cụ phụ lão và các chị em phụ nữ cũng không kém hăng hái. Có những đội du kích toàn là phụ nữ, có những đội toàn là các cụ già từ 50 đến 60 tuổi. Có cụ đến 65 tuổi còn đi du kích. Những đội du kích đã mạnh bạo xung phong, làm cho giặc mất vía. Còn có nhiều em nhi đồng làm liên lạc trong bộ đội ta, gan góc khôn khéo, thật xứng đáng cái tên tiểu anh hùng, dòng dõi của Trần Quốc Toàn. Có em không may bị giặc bắt được, tra



tấn tàn nhẵn, xẻo thịt cắt gân, mà vẫn không nói, không khai. Khi Tây đưa ra giết, những em đó vẫn không sợ, vẫn tươi cười. Trước lúc chết vẫn cả tiếng hô to:

"Việt Minh độc lập muôn năm! Hồ Chủ tịch muôn năm!".

"Thất bại ở Bắc, giặc mong vớt vát ở Nam. Chúng tấn công vào chiến khu Đồng Tháp Mười của ta. Nhưng chúng cũng thất bại nốt. Kế đó, giặc bị ta liên tiếp phục kích tại đường Sài Gòn - Đà Lạt và Sài Gòn - Sa Đéc. Trong hai trận này, chúng chết một số khá đông, mất một số xe khá lớn: trận La Ngà trên đường Sài Gòn - Đà Lạt đã làm náo động cả dư luận Pháp.

"Sau những trận ở Bắc và ở Nam, Tây không còn hy vọng thắng lợi về mặt quân sự nữa. Chính những tên lãnh tụ và những báo chí của chúng cũng công khai nhận như vậy.

"Song, chết thì chết nét không chừa. Một mặt, giặc cứ chuẩn bị quân sự để tấn công ta lần sau. Một mặt chúng xoay ra tấn công ta bằng chính trị.

"Chúng đưa Vĩnh Thụy và Nguyễn Văn Xuân ra lập chính phủ bù nhìn toàn quốc. Song chúng lại sợ Vĩnh Thụy đã bị Mỹ lợi dụng, cho nên chúng giao cả công việc cho Xuân.

"Xuân là một người không có quốc tịch Việt Nam, không nói được tiếng ta. Nó là dân Tây, từ bé đến lớn đi làm cho Tây, được Tây cho làm thiếu tướng. Tư cách tài năng chẳng có. Đạo đức danh vọng cũng không. Vì vậy, nhân dân phỉ nhổ nó đã đành, thân sĩ cũng chẳng ai thèm làm với nó. Xuân chỉ hợp được một bọn lâu la, tham tiền, vô sỉ, như bọn Phan Văn Giáo, Nghiêm Xuân Thiện, để lập chính phủ bù nhìn.

"Đầu tháng 6 năm 1948, ở Vịnh Hạ Long, thực dân Pháp cùng với Vĩnh Thụy, Nguyễn Văn Xuân tuyên bố chính phủ bù nhìn thành lập. Cờ của chúng nền vàng có ba sọc đỏ. Đồng bào ta gọi là "cờ ba que". Lá cờ bù nhìn đó hiện nay còn trưng bày ở

Viện Bảo tàng Hà Nội để nêu cái tội buôn dân bán nước của chúng cho thiên hạ đều xem.

"Để lừa bịp dân ta, bọn thực dân ở đây tuyên bố thừa nhận Việt Nam "thống nhất và độc lập". Nhưng đồng thời chúng bắt Vĩnh Thụy và Xuân ký một tờ giấy bí mật, trong đó có mấy điều:

"Việt Nam không có quân đội riêng, không có ngoại giao riêng, không có tài chính riêng, không có quyền can thiệp đến "nước Tây Kỳ", "nước Thái", và các "nước Nùng", "nước Thổ" mà Tây sẽ đặt ra.

"Cố nhiên dân ta chẳng ai tin cái độc lập thống nhất giả hiệu mà Tây vừa ban cho bọn bù nhìn. Nếu có một ít người nhẹ dạ mà tin chẳng nữa, thì sau vài hôm cũng hết tin. Vì ba bốn hôm sau trò hề ở Hạ Long, Bộ trưởng Bộ Thuộc địa Pháp đã tuyên bố rõ giá trị và nội dung của "Hiệp định Hạ Long" trước Quốc hội Pháp.

"Thế là thực dân, bù nhìn đã giấu đầu hở đuôi. Thậm chí các báo Việt gian cũng phải ngơ ngác thất vọng, cũng phải chửi khéo thực dân và bù nhìn.

"Trong lúc thực dân và Việt gian đang loay hoay bối rối như thế, chính sách của ta như thế nào?

"Ngay từ lúc tiếng súng bắt đầu nổ, Chính phủ và nhân dân ta đã có một chính sách nhất định, một chính sách không thay đổi. Tức là kháng chiến cho đến thắng lợi cuối cùng, kháng chiến bao giờ giành được độc lập và độc lập thật sự mới thôi. Như Hồ Chủ tịch đã nói: "Dù cần kháng chiến 5 năm, hay 10, 15 năm, ta cũng cứ kháng chiến".

"Dân ta ai cũng hiểu rằng: Thà chịu cực khổ, hy sinh mà kháng chiến 5, 10 năm, rồi được tự do độc lập mãi mãi, còn hơn gục mặt, cúi đầu, làm nô lệ như 80 năm về trước. Vì vậy, già trẻ, gái trai, ai cũng nhẫn nại, kiên quyết, hăng hái, quật cường. Ai cũng ra sức ủng hộ Chính phủ, ủng hộ bộ đội.



"Sau những cuộc thắng lợi ở Bắc và Nam, ta lại tiến lên một bước mới, một bước để kháng chiến lúc đó và kiến quốc ngày sau".

\*

\* \*

Nói đến đó, Đào ngừng lại hỏi tôi:

- Cha nghe nhiều quá, có mệt không? Hay là để lát nữa, con sẽ nói thêm?

Tôi vuốt đầu Đào mà trả lời:

- Con cứ nói đi. Con cứ nói đi! Cha không mệt đâu. *Bước mới* là gì?

Đào cười và tiếp:

"Lúc đó là mới, bây giờ thì cũ rồi, cha ạ! Ngày nay xem lại, thì bước mới ấy rất là tầm thường. Nhưng mười năm về trước biết nêu nó ra, biết làm cho được, thì không phải là việc dễ.

"Nói tóm tắt, bước mới ấy là phong trào *Thi đua ái quốc* do Chính phủ kháng chiến Hồ Chí Minh nêu ra.

"Thi đua ái quốc là một phong trào để hoàn toàn thực hiện cái khẩu hiệu: "Toàn dân kháng chiến, toàn diện kháng chiến".

"Nó là thế này: Bất kỳ hạng người nào, bất kỳ nghề nghiệp gì, ai cũng thi đua nhau

"làm cho mau,

"làm cho tốt,

"làm cho đẹp,

"làm cho nhiều.

"Nhà nông thi đua nhau chăn nuôi, giồng giọt cho nhiều, cho tốt để cho đủ ăn, đủ mặc và để tiếp tế cho quân đội ăn no, mặc ấm mà đánh giặc.

"Công nhân thi đua nhau làm súng đạn và các thứ khác cho nhiều, cho tốt, để tiện lợi cho dân và để quân đội có súng ống đầy đủ mà đánh giặc.

"Quân đội thi đua nhau bắn súng cho giỏi, ném lựu đạn cho xa, cho trúng và diệt cho nhiều địch, cướp cho nhiều súng.

"Văn nhân, nghệ sĩ đua nhau sáng tác cho hay, cho nhiều, để cổ động trong nhân dân, tuyên truyền ra thế giới, và để lưu lại cho đời sau những sự tích vĩ đại trong cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc ta.

"Các nhà chuyên môn, các kỹ sư đua nhau chế tạo máy móc cho nhiều, cho tốt, để cho dân sinh được tiện lợi, kháng chiến chóng thành công.

"Y sĩ, dược sĩ thi đua nhau tìm ra những thứ thuốc dễ chế và hay, để chữa bệnh và giữ gìn sức khỏe cho bộ đội và nhân dân.

"Nhân viên và cán bộ thi đua nhau làm việc cho nhanh chóng và thực hành đúng 4 chữ *cần, kiệm, liêm, chính*; công việc chạy, mà lại được dân yêu, dân phục, dân tin.

"Các nhà giáo dục thi đua nhau tìm cách dạy dỗ cho mau, cho tốt, cho thiết thực với công việc kháng chiến và kiến quốc, để đào tạo ra nhiều cán bộ có tài, có đức cho nhà nước.

"Bình dân học vụ thi đua giết cho mau hết giặc dốt. Con nói thêm cho cha biết rằng anh chị em bình dân học vụ hăng hái lắm. Họ rất xứng đáng với cái tên "Vô danh anh hùng" mà Cụ Hồ đã tặng cho họ. Thi đua bắt đầu từ tháng 6 năm 1948 đến tháng 6 năm 1953, trong nước ta già trẻ gái trai đều biết đọc biết viết hết, chỉ sót một người. Người đó là một bà cụ 70 tuổi, ở làng X. L. Bà cụ vì tai điếc, không muốn học. Khi biết rằng cả nước ai cũng biết chữ chỉ còn một mình bà không biết, bà thề quyết học cho được. Đến đầu tháng 9, bà cụ đã đọc và viết được. Rằm tháng 9, Chính phủ ra lệnh cả nước khai hội ăn mừng: toàn dân Việt Nam thoát nạn mù chữ.



"Ăn mừng là phải. Đó là một thắng lợi mà cả thế giới chỉ mỗi nước ta có. Con xin nói tiếp việc thi đua ái quốc.

"Các nhà giàu có thi đua mở mang doanh nghiệp về canh nông, buôn bán, công nghệ, đã ích cho nước lại lợi cho nhà.

"Các vị già nua thi đua kêu gọi và đốc thúc con cháu làm việc.

"Các em nhi đồng thi đua học hành và giúp đỡ công việc nhẹ cho người lớn. Các em cũng hăng hái lắm. Nhiều nơi, ngoài buổi học, chúng nó tự tổ chức từng tốp nuôi vịt nuôi gà, trồng rau trồng sắn.

"Nói tóm lại là quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa, ngành nào cũng thi đua. Sĩ, Nông, Công, Thương, Binh, ai cũng thi đua".

Tôi vội ngắt lời Đào:

- Tiếc quá lúc đó cha chưa lành mạnh mà thi đua giết Tây.

Đào nói:

- Lúc đó cha không được thi đua thì bây giờ cha thi đua. Hiện nay toàn dân cũng đang thi đua kiến quốc đấy cha ạ.

Tôi lại hỏi:

- Sau phong trào thi đua ái quốc kết quả thế nào?

Đào nói:

"Chính phủ lập ra các ban cổ động thi đua từ trung ương cho đến các khu, các tỉnh, các huyện, các xã. Chính phủ lại đặt ra giải thưởng. Các đoàn thể cũng vậy.

"Vì thi đua ái quốc là một việc mới lạ, ban đầu không còn bờ ngõ. Nơi thì làm quá sức. Nơi thì mạnh ai nấy làm, không có kế hoạch. Nơi thì kế hoạch không thiết thực, làm được ít lâu rồi nguội dần.

"Song nhờ kinh nghiệm, và nhờ sự giúp đỡ và khuyến khích của Chính phủ cùng các đoàn thể, nhất là nhờ lòng hăng

hái và chí kiên quyết của dân, vài ba tháng sau, các ngành các nơi đều thi đua có ngăn nắp. Từ đó về sau, thi đua tiến lên vùn vụt. Kết quả đầu tiên là: dân đủ ăn, quân đủ súng, đánh đuổi thực dân, tranh lại độc lập.

"Con quen nói rằng: Vệ quốc quân và dân quân du kích là người xung phong đầu tiên trong phong trào thi đua ái quốc. Họ đặt tên riêng cho cuộc thi đua của họ là *Luyện quân lập công*. Bộ Quốc phòng, thì gọi thi đua là *Gây cơ sở, phá kỷ lục*.

"Một mặt thì họ thi đua học tập bắn súng, ném lựu đạn, hành quân. Đồng thời họ thi đua trong những cuộc xung phong đánh giặc. Họ tiến bộ rất nhanh về mọi mặt. Và sự tiến bộ của quân đội lại làm cho nhân dân thêm hăng hái trong cuộc thi đua.

"Cố nhiên giặc Pháp không để cho ta thi đua một cách yên ổn.

"Đến mùa thu đông năm 1948, giặc lại tấn công ta một lần nữa. Sức chúng đã sút nên trận này không được ào ạt bằng trận thu đông năm trước.

"Nhưng chính phủ ta đã sẵn kế hoạch. Quân và dân ta đã chuẩn bị sẵn sàng. Lại nhờ kết quả của cuộc thi đua ái quốc, mà lực lượng ta hùng hậu hơn trước nhiều... Cho nên địch bị thất bại đau đớn hơn trận trước. Khi bắt đầu tấn công, quân lính nó ba phần, lúc thất bại rút lui ba phần chỉ còn một. Chẳng những chúng bị hao binh tổn tướng nhiều hơn trước, mà tinh thần của binh sĩ chúng cũng sút kém trông thấy.

"Trong hai cuộc tấn công mùa thu đông đó, có hai điều làm cho người ta chú ý. Một là nơi nào làm đúng theo mệnh lệnh của Chính phủ, canh phòng cẩn thận, sơ tán kịp thời, thì không mất mát chút gì hết. Những nơi nào hững hờ, chậm trễ, không ra sức phá hoại và làm vườn không nhà trống đến nơi đến chốn, thì bị giặc phá phách, khủng bố tàn tệ. Khi bị quân ta đuổi đánh, bọn giặc điên lên, hóa ra "chó dại cắn càn"; trên đường rút lui, gặp



nhà đốt nhà, gặp người giết người, bắt được đàn bà thì hiếp đàn bà, không bắt được đàn bà thì hiếp súc vật.

"Hai là, du kích ta rất khôn khéo. Ban ngày giặc đi đến đâu cũng bị du kích ta bám lấy đánh. Ban đêm, giặc đóng ở đâu cũng bị du kích ta quấy rối. Họ làm cho giặc ăn không yên, ở không yên. Đến nỗi nghe lá rụng, chim kêu giặc cũng giật mình sợ du kích, nhìn bụi cây, đám cỏ cũng tưởng bộ đội dân quân. Chúng hoang mang hốt hoảng, mất cả tinh thần. Khi gặp Vệ quốc quân thì giặc đã mệt, không còn chí chiến đấu nữa. Vì thế mà Vệ quốc quân luôn luôn thắng trận".

Nghe thích quá, tôi buột mồm hỏi:

- Thế là giặc Pháp hoàn toàn thất bại, ta hoàn toàn thắng lợi, kháng chiến hoàn toàn thành công rồi, chứ gì?

Đào nói:

- Thừa cha chưa đâu. Lúc đó cũng có người tưởng như cha vừa nói. Nhưng Cụ Hồ bảo rằng: Con rắn thực dân đã bị ta đánh gãy lưng, song nó chưa bị đánh giập đầu. Còn đầu thì nó còn có thể cắn. Vì vậy, ta cần phải cẩn thận hơn, đề phòng hơn, chuẩn bị hơn nữa, để đánh cho giập đầu nó. Khi đó ta mới hoàn toàn thắng lợi!

"Quả nhiên như lời Cụ nói. Sau khi thất bại, giặc kéo nhau về giữ mấy thành thị lớn, để mưu vật với ta một keo nữa".

\*

\* \*

"Năm 1949, chúng tiếp được viện binh bằng máy bay. Quân ta bắn rơi mấy chiếc, xét ra không phải máy bay của Pháp, mà của một nước ngoài, chúng lại khởi một cuộc tấn công nữa. Theo kế hoạch của giặc, thì trận ấy phải là một trận khủng khiếp nhất. Kết quả trận ấy khủng khiếp thật, nhưng khủng khiếp cho giặc chứ không phải khủng khiếp cho ta.

"Một hôm, bất thành linh từng đàn, từng lũ máy bay, từ trong các thành thị tủa ra như ong. Xung quanh thành và trong những vùng chúng tưởng có cơ quan hoặc quân đội ta đóng, chúng giội bom xuống như mưa. Tốp máy bay này về, thì tốp khác tới, chúng thay nhau ném bom suốt một ngày và nửa đêm. Tiếng nổ long trời chuyển đất, khói lên nghi ngút như mây.

"Quá nửa đêm, chúng tưởng quân ta vây xung quanh thành đã bị bom tiêu diệt hết rồi, quân đội chúng xông xộc trong thành kéo ra. Đến ngoại ô, chúng không thấy một bóng người, chúng càng tin tưởng lực lượng ta không còn gì nữa.

"Quân ta yên lặng, để mặc chúng kéo vào các làng. Bất thành linh, một tiếng hiệu lệnh, bốn phía đạn bay. Quân địch bị ta vây kín. Chúng không thể cứu viện được nhau, bị ta tiêu diệt gần hết.

"Trong lúc hai bên đang kịch chiến ở ngoài thì các đội cảm tử của ta lên vào thành từ trước, toán thì đột kích vào các cơ quan của địch, toán thì mò vào phá máy bay, đốt kho dầu.

"Trận đó là trận cuối cùng. Chỉ trong và ngoài thành Hà Nội đã có hơn một vạn giặc chết và bị thương, chưa kể những thành phố khác.

"Tin thất bại về đến Pháp, cả nước xôn xao, đòi lập tức giảng hòa với ta. Quốc hội Pháp đánh đổ chính phủ cũ, bầu ra chính phủ mới. Chính phủ này liền phái đại biểu qua thương lượng với Chính phủ ta.

"Cuộc đàm phán tiến hành rất nhanh chóng, vì ngay từ lúc đầu kháng chiến, Chính phủ và nhân dân ta đã định rõ lập trường của Việt Nam, lập trường ấy là:

"Việt Nam hoàn toàn thống nhất và độc lập,

"có quốc hội riêng,

"chính phủ riêng,

"quân đội riêng,



"ngoại giao riêng,

"kinh tế và tài chính riêng,

"Việt Nam bằng lòng hợp tác thân thiện với Pháp trên lập trường bình đẳng và sẽ thừa nhận những lợi ích chính đáng của Pháp ở Việt Nam.

\*

\*      \*

"Bạo lực của thực dân đã tan nát. Chính phủ Pháp không thể "cò kè bớt một thêm hai" được nữa. Đoàn đại biểu Pháp ban đầu tuy cũng tìm cách này hay cách khác để cãi lầy được, nhưng rồi cũng phải thừa nhận những điều kiện chính đáng của ta.

"Chỉ một tuần thì hòa ước ký xong.

"Ba hôm sau, toàn cõi Việt Nam làm lễ ăn mừng *kháng chiến thắng lợi*.

"Ông và bu con nói với con rằng ngày lễ đó vui gấp mười gấp trăm ngày lễ Độc lập tháng 9 năm 1945. Mà vui thật. Cờ đỏ sao vàng đỏ rực thành thị và thôn quê. Đâu đâu cũng kéo cờ, treo đèn kết hoa. Nhân dân ở cách Thủ đô và các tỉnh lý 20, 30 cây số, đều kéo nhau về đó tụ họp. Mỗi người cầm một lá cờ nhỏ, một đoàn dẫn đầu bằng lá cờ to. Thành thử các nẻo đường trở nên những dòng sông người và làn sóng cờ, chạy mãi, chạy mãi không ngớt. Hà Nội chật ních những người là người, phần thì bộ đội kéo về, phần thì nhân dân kéo đến. Ai cũng vui cười hăm hở. Cảm động nhất là anh em chiến sĩ đến đâu là dân bầu lại đó. Người biểu thứ này, kẻ tặng vật khác. Có những cụ già mừng rỡ và vui sướng quá mà khóc như trẻ con.

"Trong bài diễn văn của Cụ Hồ truyền khắp cả nước ngày đó, con còn nhớ những lời này:

"Nước ta ngày nay được thống nhất và độc lập thật sự rồi. Thống nhất và độc lập đó là do mồ hôi nước mắt của đồng bào, do xương máu của chiến sĩ mà tranh được.

"Ta thành công rồi, song chúng ta cũng như người đánh võ thắng lợi. Tuy thắng lợi, nhưng không khỏi chảy máu trầy da. Bây giờ cần phải lo chữa những vết thương đó.

"Bao nhiêu thành phố bị tàn phá, làng mạc bị tan hoang. Bao nhiêu ruộng đất bị tiêu điều, đường sá bị hư hỏng; bao nhiêu đồng bào bị lưu ly thất sở, trẻ con bị mất mẹ lìa cha.

"Đó là những thương tích mà chúng ta phải ra sức cứu chữa ngay.

"Nhờ lực lượng đại đoàn kết mà chúng ta kháng chiến thắng lợi. Từ đây, cũng nhờ tinh thần đại đoàn kết mà chúng ta kiến quốc thành công.

"Nội trong ba năm, chúng ta phải ra sức kiến thiết non sông gấm vóc này thành một nước Việt Nam mới, một nước Việt Nam no ấm, giàu mạnh, dân chủ, hòa bình".

"Lời kêu gọi của Cụ Hồ được toàn dân hăng hái hưởng ứng.

"Phong trào thi đua ái quốc cứ theo đà tiến mãi, tiến mạnh hơn trước.

"Mai, ngày kia cha khỏe, đi thăm phố và làng, cha sẽ không nhận ra được nữa. Vì bây giờ dân ta, nước ta khác hẳn ngày trước rồi. Từ Nam Bộ đến Bắc Bộ, không còn có một người nào mù chữ, không còn có một người nào đói rách, không còn có một người nào thất nghiệp nữa.

Phố xá làng mạc, nơi nào cũng sạch sẽ, xinh tươi.

"Trường học, thư viện, nhà hát, phòng phát thuốc, sân thể thao, nơi nào cũng có.

"Cờ bạc, hút xách, trộm cắp, điếm đều mất.



"Những phong tục hủ lậu, những vết tích chiến tranh cũng hết sạch.

"Những đại biểu trong Quốc hội, những nhân viên trong Chính phủ, những cán bộ trong các đoàn thể đều là những người có tài, có đức, những người "anh hùng thi đua ái quốc" do nhân dân cử ra. Ai cũng thực hành bốn chữ cần, kiệm, liêm, chính và câu châm ngôn "chí công vô tư".

"Con không biết rõ đời Nghiêu Thuấn thịnh vượng thế nào, chứ nước ta ngày nay thật là một nước lễ nghĩa, một nước tự do, và hạnh phúc.

"Nhưng đồng bào ta không vì thế mà tự mãn, tự túc. Cụ Hồ đã nói: "Chúng ta còn phải cố gắng nữa, để tiến bộ nữa. Còn phải tiếp tục phong trào thi đua ái quốc, để theo cho kịp các nước tiên tiến trên thế giới".

Nghe đến hai chữ thế giới, tôi sực nhớ ngày còn ở bộ đội, anh chính trị viên thường nói chuyện tình hình trong nước và tình hình thế giới. Tôi liền hỏi Đào:

- Tình hình trong nước như con đã nói, còn tình hình thế giới ra sao?

Đào chưa kịp trả lời, thì thấy một đám người kéo vào phòng tôi, đi đầu là một người vạm vỡ, đeo kính trắng. Mọi người tươi cười vui vẻ, tay cầm một cành hoa. Khi vào đông đủ rồi, họ đồng thanh nói lớn:

*Hoan hô đồng chí Văn Minh*

*Giấc mộng mười năm đã tỉnh!*

Đào đứng dậy giới thiệu từng người. Té ra bác sĩ Trân, giám đốc nhà nghỉ này, và một số nhân viên. Tôi cảm ơn mọi người. Bác sĩ Trân cho phép tôi tùy ý nằm, ngồi, đi, đứng và hứa ba hôm sau tôi có thể về nhà tôi.

\*

\*      \*

Ba hôm sau, tôi ra về.

Về đến nhà, không khỏi tủi tủi mừng mừng, tình xưa cảnh mới. Việc đầu tiên tôi làm là viết một bức thư giao cho Đào dâng lên Cụ Hồ để cảm ơn Người và chúc Người mạnh khỏe. Việc thứ hai là cầm bút ghi lại những điều trên đây:

*Trong mười năm bấy nhiêu tình,*

*Nước mình mình cứu, dân mình mình yêu.*

Viết năm 1949. Theo bản in trong sách

Ký tên: Trần Lục *Hồ Chí Minh Truyện và ký*,

Tổng bộ Việt Minh xuất bản của Nhà xuất bản Văn học

In trong sách *Hồ Chí Minh, Truyện và ký*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1985.





Chủ tịch Hồ Chí Minh với các cháu Trường Thiếu sinh quân Việt Nam ở Việt Bắc trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp xâm lược (Nhân buổi các cháu họp mặt mừng thọ Bác 60 tuổi - 19/5/1950)

Ảnh: Bảo tàng Hồ Chí Minh

## THU TRUNG THU

*Gửi các cháu nhi đồng ở vùng tự do, vùng du kích vùng tạm bị chiếm và ở ngoài nước.*

Mỗi năm, đến Tết *Trung Thu*, Bác càng nhớ các cháu.

Trung Thu trăng trong gió mát là cảnh thái bình. Mục đích của Bác và Đoàn thể cùng Chính phủ là cốt xây dựng cho các cháu đời sống thái bình, tự do, sung sướng.

Nhưng vì giặc Pháp, bọn can thiệp Mỹ và lũ Việt gian bù nhìn muốn bắt dân ta làm nô lệ cho chúng, chúng gây ra chiến tranh xâm lược, cho nên dân ta phải *ra sức kháng chiến* để giữ lấy độc lập, tự do.

Từ Thu trước đến Thu này, kháng chiến ta có nhiều thắng lợi, mà các cháu cũng tiến bộ nhiều.

Các cháu đều biết yêu nước, ghét giặc, đều chăm học, siêng làm. Các cháu đều biết đoàn kết, thương yêu cha mẹ, giúp đỡ bộ đội và thương binh, giúp tăng gia sản xuất và tiết kiệm.

Có nhiều cháu đã *được khen thưởng*, có cháu đã thành *chiến sĩ thi đua toàn quốc*.

Các cháu ở trong vùng tạm bị chiếm rất gan góc. Nhiều cháu đã hy sinh oanh liệt, để giữ bí mật, để giúp đỡ cán bộ và bộ đội.

Nói tóm lại, các cháu rất ngoan, Bác rất vui lòng.

Chắc các cháu có nghe nói: Không những đồng bào trong nước mà các ông, các bà, các cô, các chú trong phe dân chủ thế giới, nhất là ở các nước bạn như Liên Xô, Trung Quốc, Triều Tiên và các nước dân chủ nhân dân Đông Âu, đều nhớ đến các cháu. Cho nên đã lập ra *Ủy ban quốc tế bảo vệ thiếu nhi* và định ngày 1-6 là ngày *Tết Quốc tế* của tất cả nhi đồng ở các nước.



Như thế là các cháu, nhi đồng Việt Nam và Trung Quốc, có hai Tết: Tết mùng 1 tháng 6 và Tết Trung Thu. Càng được săn sóc, các cháu càng phải cố gắng ngoan hơn nữa.

Các cháu thư cho Bác nhiều lắm. Bác rất vui. Nhưng vì Bác bận quá, không trả lời riêng cho từng cháu được. Nhân dịp Tết Trung Thu, Bác gửi các cháu thư này:

Ai yêu các nhi đồng  
Bằng Bác Hồ Chí Minh?  
Tính các cháu ngoan ngoãn,  
Mặt các cháu xinh xinh,

Mong các cháu cố gắng  
Thi đua và học hành.  
Tuổi nhỏ làm việc nhỏ,  
Tùy theo sức của mình:

Để tham gia kháng chiến,  
Để giữ gìn hòa bình.  
Các cháu hãy xứng đáng:  
Cháu Bác Hồ Chí Minh!

Hôn các cháu

HỒ CHÍ MINH

*Báo Nhân dân, số 75, ngày 25-9-1952.*

## CHẾT MÀ CHƯA HẾT NHỤC

Đế quốc Mỹ thường khoe chế độ chính trị và xã hội Mỹ là bình đẳng, dân chủ, tự do nhất thế giới. Song sự thật thì đế quốc Mỹ rất tàn nhẫn, dã man. Một thí dụ: một hạ sĩ quan tên là Giôn Lát chết ở mặt trận Triều Tiên. Người ta đưa xác y về cho mẹ y, ở châu Ôhiô. Khóc than, chôn cất xong, bà con thân thích vừa ra khỏi nhà, thì dùng một cái..., người ta mang quan tài Giôn trả lại cho mẹ Giôn, và nói: “Xét lại sổ sách, thì Giôn không phải hoàn toàn là nòi da trắng: tổ tiên Giôn là lai Ấn Độ. Vì vậy, Giôn không có quyền được chôn bên cạnh những người da trắng!”

Khi cần có bia đỡ đạn trong chiến tranh, thì đế quốc Mỹ rất “bình đẳng”! không phân biệt nòi giống nào. Ngoài trường hợp ấy ra, thì đế quốc Mỹ chẳng bình đẳng chút nào. Mặt thật của đế quốc “dân chủ” Mỹ là như thế đó.

Anh Giôn chết mà chưa hết nhục, thật là thêm một bài học cho những người tin Mỹ, sợ Mỹ, phục Mỹ.

Báo *Nhân dân*, số 82, ra ngày 13-11-1952.

C.B.



## MẬT THÁM MỸ \*

MÁCDINI là một cán bộ cao cấp của bộ mật thám trung ương Mỹ. Năm 1946, vì ý kiến chính trị, y từ chức. Sau đó y bị bắt bỏ tù 3 năm. Khi được tha về, năm 1952 y viết một quyển sách tên là *Sự thật về chiến tranh lạnh*. Y nhắc lại những điều tai nghe mắt thấy, và những tài liệu y thu góp được những năm y làm mật thám.

Tướng Gorô là một võ quan Mỹ ở đại sứ quán Mỹ tại Liên Xô. Đồng thời là một đầu sỏ mật thám. Cuối năm 1951, y đến Béclanh để khai hội cùng các đầu sỏ mật thám Mỹ ở châu Âu. Y mất một quyển sổ tay. Quyển sổ tay ấy lọt vào một ký giả Anh. Ký giả này đưa nội dung quyển ấy đăng lên các báo và in thành một quyển sách. Việc đó làm cho dư luận thế giới rất xôn xao và tướng Gorô bị cách chức.

Hai quyển ấy đều chứng tỏ Mỹ âm mưu gây chiến thế nào, chứng cứ rõ ràng không sao chối được.

Nếu bà con muốn biết nội dung hai quyển ấy, xin tiếp tục xem những kỳ báo sau.

19-4-1954

---

\* Truyện *Mật thám Mỹ* gồm 15 bài đăng trên 15 kỳ báo *Cứu quốc* từ ngày 19 tháng 4 năm 1954 đến ngày 21 tháng 5 năm 1954. Mỗi kỳ đăng có ghi số lần lượt từ 1 đến 15. Nay in thành một bài chia làm 15 đoạn đánh số từ 1 đến 15. Ngày tháng ghi cuối mỗi đoạn, chỉ rõ đoạn đó đăng trên báo *Nhân dân* ra vào ngày nào. Ví dụ: Cuối đoạn 1 ghi: 19-4-1954, nghĩa là đoạn 1 đăng trên báo *Nhân dân* ra ngày 19 tháng 4 năm 1954. Các đoạn khác cũng như vậy.

2

Mácđini viết: Trong một thế giới chia rẽ, một cuộc chạy thi binh bị không lồ, gồm cả những vũ khí khủng khiếp như bom nguyên tử và bom vi trùng. Tranh giành thuộc địa, xui giục nội chiến, đấu tranh kinh tế, tuyên truyền chiến tranh. Đó là những việc đã làm cho tình hình thế giới căng thẳng.

Người ta đổ lỗi cho Liên Xô phụ trách những việc ấy.

Nhưng chính phủ Mỹ thừa biết Liên Xô không có ý muốn chiến tranh và chính những người cầm quyền Mỹ cũng không tin những lời tuyên truyền ghê tởm mà Mỹ đã bịa đặt ra. Chúng có là:

10-6-1946, bộ trưởng quốc phòng Mỹ ghi trong nhật ký rằng: y hoàn toàn tin rằng Liên Xô sẽ không có hành động quân sự.

16-7-1946, tổng tư lệnh Mỹ ở Đức nói với bộ trưởng kia: Nga không muốn chiến tranh.

Còn nhiều bộ trưởng Mỹ cũng đều nói...

Họ nói thế nào kỳ sau sẽ tiếp.

21-4-1954

3

15-10-1946 - Cựu đại sứ Mỹ ở Liên Xô là Hariman báo cáo với bộ trưởng quốc phòng Mỹ rằng: Y không tin rằng Nga sẽ gây chiến nay mai.

3-8-1948 - Đại sứ Mỹ ở Liên Xô là Smit báo cáo trước ủy ban quân sự Mỹ rằng: Y không hề thấy một chút gì để chứng minh rằng Liên Xô chuẩn bị chiến tranh.

Năm 1950 - Đại sứ Mỹ ở Liên Xô là Kênan, cựu đại sứ Mỹ ở Liên Xô là đô đốc Kiéc đều nói như vậy. Tướng Aixenhao cũng nghĩ như vậy.

Bí mật ở nội bộ Mỹ thì như vậy. Song khi nói công khai thì những người Mỹ lại to mồm vu cho Liên Xô uy hiếp Mỹ và các



nước khác. Bởi vậy chính bọn chúng là những kẻ gây ra chiến tranh lạnh.

Năm 1943 - (Anbeca là một cố vấn tối cao của tổng thống Mỹ đã ghi trong nhật ký của y...) xin xem kỳ sau.

23-4-1954

4

Anbeca viết: Trong những cuộc chuyện trò riêng, các quan lại cao cấp Mỹ và Anh thường bảo nhau rằng: Họ chắc rằng sau cuộc thế giới đại chiến thứ hai này, Mỹ và Anh sẽ lôi thôi với Nga. Họ cho rằng tổng thống Rūdơven đã sai lầm mà đòi quân phát xít Đức đầu hàng không điều kiện. Nhóm người ấy không muốn tiêu diệt quân đội Đức, để ngày sau dùng nó chống Nga.

Đầu năm 1945, trong cuộc hội nghị ở Yanta giữa ba nước Xô, Anh, Mỹ, đã ký hiệp định giữ gìn hòa bình thế giới sau này. Ngay sau đó, các chính khách phản động Anh Mỹ đã mưu phá hoại hiệp định ấy.

Ngay trong lúc chiến tranh chống phát xít Đức đang tiến hành, thì phản động Anh, Mỹ đã chuẩn bị một cuộc chiến tranh khác để chống Liên Xô. Ông Anbeca viết:

Những nhóm người Mỹ có thế lực đang tìm cách khiêu khích Liên Xô. Họ âm mưu trong một thời kỳ gần đây sẽ tuyệt giao và gây chiến với Liên Xô. Bộ tham mưu của tổng thống là một bộ phận trong nhóm đó.

Mácđini viết: Hồi tháng 8, tháng 9 năm 1945, sau những cuộc thử bom nguyên tử, thì Mỹ quyết định thực hiện chiến tranh lạnh. Các chính khách Mỹ, trước hết là tổng thống T'ruman, chắc rằng không nước nào khác có bom nguyên tử. Do đó mà họ càng trắng trợn, T'ruman nói: Ta đã sẵn có trong tay một thứ vũ khí chắc chắn để chống lại Nga. Một viên tướng Mỹ là Atôm đã nói với những lãnh tụ quân sự nước Anh: Người địch thứ hai của chúng ta là Nga. Và các tướng lĩnh Anh cũng đồng ý như vậy.

26-4-1954

Mỹ đã dùng kế hoạch Mácsan, khởi Bắc Đại Tây Dương, chính sách T'ruman, v.v... để che giấu âm mưu gây chiến của chúng. Chúng ra sức tuyên truyền rằng: Mỹ và Xô không thể sống chung.

Tướng Gorô đã trắng trợn viết rằng: chiến tranh bùng nổ càng sớm càng tốt. Bùng nổ ngay lập tức càng tốt nữa.

Trong chương thứ ba, Mácdini đã kể rõ ràng những món tiền lãi khổng lồ mà đại tư bản Mỹ đã thu được trong cuộc chiến tranh xâm lược Triều Tiên. Mácdini cũng kể rõ những thống khổ về tinh thần và vật chất mà nhân dân Mỹ đã phải chịu đựng. Đồng thời chiến tranh lạnh đã làm cho nhân dân thế giới nghi ngờ Mỹ và oán ghét Mỹ.

Nhưng phe hòa bình dân chủ thế giới ngày càng mạnh. Âm mưu gây chiến đã thất bại nhiều lần, bọn gây chiến không thực hiện được tất cả những kế hoạch của chúng. Tổng thống cũ là T'ruman đã thất bại. Tổng thống mới là Aixenhao hứa hẹn rất nhiều, nhưng vẫn tiếp tục chiến tranh lạnh.

Mục đích chiến tranh lạnh là gây chuyện với Liên Xô và phe dân chủ hòa bình thế giới. Hơn nữa, mỗi một khi Liên Xô có sáng kiến đề ra những phương pháp nhằm làm cho tình hình thế giới bớt căng thẳng thì phản động Mỹ lại cố tìm mọi cách phá hoại hòa bình. Thí dụ như cuộc khiêu khích ở Béclanh ngày 17 tháng 6 năm 1953 và những lời lẽ và hành động trắng trợn của Lý Thừa Vãn ở Triều Tiên - đều là những bộ phận trong kế hoạch của Mỹ.

Chính phủ Mỹ đã dùng 100 triệu đôla, và đang chuẩn bị tăng đến 500 triệu vào việc tổ chức những bọn phản động, mật thám phá hoại, biệt kích, v.v... và bí mật thả chúng vào Liên Xô và các nước dân chủ mới. Mácdini kết luận nhân dân Mỹ phải đoàn kết lại để đấu tranh cho hòa bình thế giới và tự do dân chủ cho bản thân mình.

(Kỳ sau: nhật ký của tướng Mỹ mật thám Gorô)

28-4-1954



6

Hồi tháng 8-1951, một ký giả Anh và một ký giả Mỹ gặp nhau tại một quán rượu ở Béclanh. Lúc đó thế giới đang bàn tán nhiều về bức thư thân thiện của Quốc hội Mỹ vừa gửi cho Quốc hội Liên Xô.

Ký giả Anh hỏi ký giả Mỹ: Chuyến này nhóm thống trị Mỹ có vẻ dè dặt nhỉ?

Ký giả Mỹ ngập ngừng một lúc, rồi trả lời: Bức thư ấy chỉ có tiếng mà không có miếng. Sự thực là... đây này.

Dứt lời ký giả Mỹ trao cho ký giả Anh một cuộn giấy và nói khẽ: “Đây là một bản đồ sỏ tay của tướng Gorô, nội dung hay lắm. Nếu tôi công bố nó ra thì tôi sẽ bị, vì tôi là người Mỹ. Nếu không công bố ra thì tiếc quá. Vậy tôi trao cho anh, anh muốn dùng thế nào, tùy ý anh”.

Về đến nhà, ký giả Anh vội vàng mở bản sỏ tay ấy ra xem... thì trời ơi! Vận mệnh của một nước, một dân tộc to lớn như Mỹ mà nằm trong tay một bọn người như tướng Gorô thì thật là nguy hiểm quá.

Trong bản sỏ tay nói những gì? (Kỳ sau tiếp theo).

30-4-1954

7

Trong bản sỏ tay, tướng Gorô viết: Khi tiến công, chúng ta phải nhằm vào chỗ yếu của Nga. Chúng ta phải nhớ rằng chiến tranh này là chiến tranh toàn diện, phải dùng tất cả các vũ khí (nghĩa là cả bom nguyên tử, bom vi trùng). Trong chiến tranh này, dùng những thủ đoạn không chính đáng, tức là rất chính đáng.

26-2-1951, Gorô viết: Hôm nay đã gửi một sỏ thư về tình báo. Nhận được thư của K., y đã đưa thư của tôi cho S. xem (S. là Smit, trước làm đại sứ Mỹ ở Liên Xô, sau làm cục trưởng

mật thám Mỹ, nay là phó bộ trưởng ngoại giao). S. rất thích. Minh giục họ chuẩn bị nhanh. K. nói rằng S. rất thích nhưng chưa hành động gì. S. cũng nhận rằng năm nay là một năm tình hình rất nguy cấp...

3-5-1954

8

Tướng mật thám Gorô không phải là một cán bộ bình thường. Y là một nhân vật quan trọng trong nhóm thống trị của Mỹ. Hẳn giữ chức võ quan ở đại sứ quán Mỹ, quan hệ mật thiết với các cơ quan mật thám trung ương Mỹ và có liên lạc với cả phủ tổng thống Mỹ. Vì vậy ý kiến và hành động của hấn là ý kiến và hành động của chính phủ Mỹ.

23-2-1951, Gorô viết: Thư B. cho biết tất cả tin tức tình báo của mình đều đã đến các ngành quan trọng và đưa đến tận tổng thống.

Sau đây là một đoạn trích trong nhật ký của Gorô vào năm 1951:

8-1 - Tôi ngồi xe đi về phía Nam Maxcova, muốn dò xem những nơi đặt cao xạ và pháo nhưng không thấy gì.

12-1 - Cả buổi chiều tôi cùng L. và A. đi dò xét những đường phố mới. Vẫn không thấy nơi đặt cao xạ pháo. Nhưng được một ít tài liệu có quan hệ về nơi dự định phòng thủ.

20-1 B. và tôi ngồi xe đi về phía đông và đông nam. Tuyết xuống nhiều quá, suốt 3 tiếng đồng hồ tìm thấy 3 nơi đặt cao xạ pháo.

21-1 - Tuyết xuống dày đặc. Chỉ cách vài thước trước mặt cũng không nhìn thấu rõ. Vì vậy hôm nay không tìm thấy gì. Những bức thư về vấn đề cao xạ pháo tôi vừa gửi theo va li thư ngoại giao của đại sứ quán.

28-1 - Ăn xong cơm sáng, đi xe sang vùng Đại học F. Đi loanh quanh mãi, không thấy gì, chỉ thấy mấy nơi nuôi ngựa.



15-2 - T. và tôi điều tra kỹ khu vực công nghệ phía bắc. Không thấy nơi đặt cao xạ pháo.

24-3 - T. lại cùng tôi đi dò tìm nơi đặt cao xạ pháo. Chỉ thấy 2 nơi cũ, nay họ sắp lập một nhà máy ở đó.

Nhật ký của Gorô còn nhiều nữa. Nhưng bấy nhiêu cũng đủ thấy vị quan ngoại giao Mỹ hoạt động thế nào.

5-5-1954

9

Không những quan ngoại giao Mỹ làm mật thám, mà Mỹ còn mua chuộc quan ngoại giao nước khác làm mật thám cho Mỹ. Vài thí dụ trong bản nhật ký Gorô viết:

18-1 - P. đến thăm tôi. Y kiên quyết nói với tôi không tìm ra được nơi đặt cao xạ pháo. Tôi làm thinh. Sự thật là tôi đã tìm thấy 4 nơi, mà y không biết.

14-3 - P. đến thăm. Cùng tôi nói chuyện hồi lâu, ước lượng thực lực quân sự của Liên Xô.

21-3 - P. đến thăm. Y cho tôi biết một ít tình báo về cao xạ pháo ở Leningrat, đúng với tài liệu tôi đã điều tra. Trưa - tôi viết báo cáo về tình hình 1 nhà máy mà tôi đã chú ý điều tra suốt 6 tháng nay.

P. là một quan ngoại giao Anh ở Maxcova.

7-5-1954

10

Chẳng những quan ngoại giao của nước Anh mà quan ngoại giao của nhiều nước đế quốc khác cũng làm mật thám cho Mỹ. Gorô ghi trong nhật ký:

2-3 - Viên quan năm H. ở đại sứ quán Canada đã báo cáo với tôi: Y đã đi đến Q. dò xét hơn 2 tiếng đồng hồ. Nhưng không thấy hoạt động quân sự gì ở đó.

26-1 - S. quan ngoại giao nước Hy Lạp rất mong có chiến tranh. S. là một chiến sĩ hăng hái ở châu Âu.

15-3 - S. đến ăn cơm với tôi. Nói chuyện rất ý hợp tâm đầu. S. tỏ vẻ nóng ruột, vì Mỹ còn chưa quyết định. Tôi cũng vậy. Hai chúng tôi đều tin rằng nếu Mỹ quyết đoán, thì các nước Tây Âu đều theo chúng ta.

Ngoài những người kể trên, còn có nhiều quan ngoại giao của đại sứ quán nước khác “giúp việc” Gorô nữa.

10-5-1954

11

Gorô viết tiếp:

16-4 - Tôi đã ghi được những phù hiệu tàu bay quân sự, và xem thấy vài công việc phòng không.

Trong những đoạn nhật ký sau, Gorô đã kể rõ y và những người giúp việc y đã dò xét tình hình những khu vực khác ở Liên Xô và đã báo cáo kết quả những cuộc dò xét của họ cho y biết. Và Gorô viết tiếp:

Trong tháng 5-1954 hơi thất vọng, vì không dò xét được những điều quan hệ về quân sự. Chỉ có một chiếc cầu đáng chú ý, vì nó là một mục tiêu tốt.

12-5 - Ở X. có nhà máy điện to, gần đó có một vùng đất thó, là một mục tiêu tốt.

23-5 - Goróttóp là một thành thị đẹp, ở bờ Tây Bắc sông Đông. Mục tiêu tốt. Ở đó có một chiếc cầu. Nếu phá hoại được thì giao thông sẽ bị chặt đứt.

12-5-1954

12

Gorô viết tiếp:

27-5 - Tôi và V. đến thành phố T. đã 3 hôm. Sáng nay 9 giờ ăn cơm xong chúng tôi đi dò xét.

Chúng tôi ngồi xe đi về phía tây bắc, chúng tôi nghi ở đây có trường xe tăng.



Nói tóm lại, Gorô và bọn của hắn lợi dụng địa vị quan ngoại giao mà làm việc mật thám. Ngoài việc mật thám thì chúng đánh bài. Thí dụ trong nhật ký hắn đã ghi:

29-1 - Chúng tôi đánh bài từ 7 giờ tối tới 1 giờ sáng...

Nhật ký của Gorô lại cho chúng ta biết trong đám ngoại giao Mỹ thường có xích mích với nhau vì lợi quyền cá nhân. Thí dụ:

Vị đại sứ Mỹ cho Gorô những phòng ở nhỏ hơn phòng của những quan ngoại giao khác, mà Gorô đã hậm hực bất mãn.

Có một lần đại sứ Mỹ phê bình Gorô, hắn cũng tức mình. Trong nhật ký hắn mỉa mai báo thù đại sứ Mỹ. Như hắn đã viết:

14-4-1951 - Hình như vợ chồng đại sứ không biết cách làm người, cũng không biết lãnh đạo sứ quán.

Tuy Gorô trong lòng thì khinh đại sứ Mỹ là cấp trên của hắn, nhưng khi nào đại sứ Mỹ khen hắn thì hắn cũng lấy làm đắc ý, ví dụ: tiếp kỳ sau.

14-5-1954

13

Nhật ký của Gorô ghi rằng:

27-3-1951 - Đại sứ xem xong báo cáo của tôi. Báo cáo ấy đoán chắc rằng trong năm nay hoặc trước tháng 7-1952 chắc có hành động chiến tranh, bao gồm cả chiến tranh ở châu Âu. Lời quyết đoán ấy làm cho Đại sứ rất chấn động. Đại sứ cho rằng bản báo cáo của tôi rất đáng chú ý.

Gorô say mê về công việc mật thám, nhưng chưa hài lòng với địa vị thiếu tướng của hắn. Nhật ký của hắn ghi:

4-1 - Tôi mong rằng không phải ở đây mãi, vì quân đội Mỹ mở rộng thì chắc tôi sẽ được một địa vị tốt hơn.

4-6-1951 - Gorô sang Đức khai hội nghị với bọn đầu sỏ mật thám Mỹ ở châu Âu, nhân dịp đó y không bỏ lỡ cơ hội tìm cách phát tài. Trong nhật ký y đã ghi:

12-6 - Tôi đã nhờ M. đặt một số hàng, tôi mong rằng số hàng ấy sẽ được lãi khá.

2-7 - Mua thêm một số hàng mới.

Cùng ngày tôi đã gửi đi 10 hòm áo quần.

Xem đó thì thấy rằng bọn quan ngoại giao Mỹ có 3 hạng hoạt động: mật thám, đánh bạc, buôn chợ đen.

17-5-1954

14

Gorô và tất cả bọn phản động Mỹ chỉ ước ao một điều - là chiến tranh.

8-1-1951 - Gorô ghi vào nhật ký: Năm nay có thể là năm mà chúng ta trông mong, nghĩa là năm nay có thể có chiến tranh.

29-3 - Theo ý tôi hiện nay thời cơ đánh nhau đã chín mùi.

5-2 - Trong hội nghị bọn đầu sỏ mật thám, Gorô hồng hách nói:

- Chúng ta cần một lời kêu gọi kiên quyết, đánh thép lãnh đạo chúng ta: Cần phải tiêu diệt chủ nghĩa cộng sản.

Trong cuộc hội nghị mật thám ở Đức đã tổ chức những ủy ban phụ trách về việc sử dụng bom nguyên tử và bom vi trùng, v.v...

Lại có một ủy ban phụ trách nghiên cứu chiến thuật phá hoại. Chúng đã bàn định những kế hoạch mơ màng như Gorô đã ghi trong nhật ký. Ví dụ:

“Sau khi chính quyền Xô Viết đã bị đánh đổ, Mỹ cần phải làm những việc gì?

Phải chuẩn bị sẵn sàng để lập chính phủ bù nhìn thay thế...”  
Hội nghị ấy đề nghị... Tiếp theo kỳ sau.

19-5-1954

15

Hội nghị ấy đề nghị về quân sự “dùng tất cả các thứ vũ khí”. Về chính trị “dùng tất cả mọi cách không chính đáng”.

Hội nghị ấy phân công cho các nhóm mật thám Mỹ: “Các cơ quan mật thám Mỹ phải luôn luôn cố gắng, tìm ra chỗ yếu và chỗ



manh, và báo cáo lên cấp trên. Chúng ta dùng bất kỳ phương pháp gì để phá hoại lòng tin cậy của nhân dân Liên Xô đối với chính phủ họ. Chúng ta phải tìm hết cách làm cho họ mất sự tín nhiệm đối với Đảng Cộng sản”.

Gorô nhấn mạnh rằng: “Dùng bất kỳ cách gì, nói thật hay nói dối, cốt sao đầu độc được tâm lý mọi người”.

Những chính sách đúng đắn của Liên Xô làm cho bọn mật thám Gorô cũng phải thừa nhận rằng: “Chúng ta chớ chủ quan rằng nhân dân Liên Xô oán ghét chính phủ họ... Nhân dân Liên Xô sẽ ủng hộ chính phủ họ...”. Cuối cùng Gorô nói một cách tức tối: “Chúng ta quyết không nên mắc sai lầm tưởng rằng đời sống của nhân dân túng thiếu... vì đời sống của họ ngày càng được cải thiện...”

Xem những đoạn trích trong quyển sách và quyển nhật ký của hai người mật thám Mỹ, thì chúng ta thấy rõ:

- Đế quốc Mỹ luôn luôn âm mưu gây chiến.
- Liên Xô luôn luôn cố gắng giữ gìn hòa bình thế giới.
- Phong trào hòa bình thế giới ngày càng mạnh, đã làm cho âm mưu gây chiến của đế quốc Mỹ thất bại.
- Nhân dân thế giới phải luôn luôn tỉnh táo, phải kiên quyết đấu tranh thì nhất định giữ gìn được hòa bình thế giới.

21-5-1954

Báo *Nhân dân*, từ ngày 19-4-1954 đến  
ngày 21-5-1954.

Đ.X



Chủ tịch Hồ Chí Minh với các đại biểu quân đội trong buổi họp mặt chúc thọ Người nhân dịp ngày sinh lần thứ 60 (1950) tại Việt Bắc. Trong ảnh (Võ Nguyên Giáp; Vương Thừa Vũ; Lê Liêm; Hà Văn Lâu; Trần Đại Nghĩa)

*Ảnh: Bảo tàng Hồ Chí Minh*



# MẪU CHUYỆN VỀ ĐIỆN BIÊN PHỦ

## I. "NÓI LÁO TRÊN TRỜI DƯỚI ĐẤT NGHE"

Những mẫu chuyện anh dũng của quân và dân ta các báo đã kể nhiều. Đây tôi chỉ kể vài mẫu chuyện *không anh dũng của địch*. Trước hết là bọn Chính phủ phản động Pháp rất thạo nghề nói láo. Vài thí dụ:

- Tháng 5-1947, Bộ trưởng Quốc phòng là Côt Phôrê nói: "Quân đội Pháp chiếm đóng tất cả các thành thị và đường giao thông. Vậy ở Đông Dương không có vấn đề quân sự nữa".

- Tháng 3-1949, Côt Phôrê lại nói: "Tôi sẽ làm tròn phận sự, tôi sẽ không để chiến tranh tê liệt".

- Tháng 10-1950 - Sau khi Pháp thất bại ở biên giới, Bộ trưởng Quốc phòng mới là Plêven nói: "Từ nay, Pháp sẽ bắt ép quân đội Việt Minh rời xa căn cứ của họ, Pháp sẽ chọn những mặt trận có lợi cho mình để trả thù cho những binh sĩ Pháp đã hy sinh ở Cao Bằng và Lạng Sơn".

- Tháng 11-1950, Bộ trưởng "Khối liên minh Pháp", là Lôtuôcnô nói: "Pháp rút lui khỏi biên giới để tận trung thêm quân dự bị. Đồng thời để bắt ép Việt Minh phải kéo dài đường giao thông của họ, do đó mà làm cho địch yếu thêm".

- Tháng 12-1951. Plêven lại nói: "Kế hoạch của Pháp hiện nay sẽ đưa đến thắng lợi trong 15 hoặc 18 tháng".

- Tháng 10-1953, Thủ tướng Lanien nói: "Kế hoạch Nava sẽ tăng cường bộ đội cơ động Pháp, sẽ bình định xong đồng bằng Bắc Bộ và sẽ chủ động trong những cuộc tiến công lớn... Lực lượng Pháp ngày càng tăng, về bộ đội cũng như về vũ trang".

- Tháng 2-1954, khi sang Đông Dương, Plêven nói: "Tôi sang đây để giúp Nava chuẩn bị kế hoạch tiến công". Khi trở về

Pháp, Plêven nói: "Tướng Nava đoán chắc rằng Chiến dịch Điện Biên Phủ sẽ không đưa lại kết quả gì cho Việt Minh".

Thắng lợi của ta ở Điện Biên Phủ đã chứng tỏ rằng: Bọn chúng *chủ quan và nói láo mất mùa*.

## II.

### NỘI BỘ PHÁP LŨNG CÙNG

Khi thất bại, thì bọn chính trị Pháp đổ lỗi cho bọn quân sự. Bọn quân sự lại cãi lại.

Ngày 29-4, tờ báo tư sản Pháp *Người xem xét* đăng những ý kiến của một số lãnh tụ quân sự Pháp, tóm tắt như sau:

- Khi đã phải rút khỏi Lai Châu và Nà Sản, mà Pháp lại đưa gần hai vạn quân Pháp vào thung lũng Điện Biên, đó là một tội ác chính trị... Đến mùa mưa, thì quân đội Pháp hoặc chết đuối hết, hoặc là đầu hàng.

- Hầu hết những tiểu đoàn tinh nhuệ Pháp đã đưa đến Điện Biên Phủ. Những cuộc đánh nhau ở đồng bằng, nhất là trên đường số 5, ngày thêm dữ dội. Điều đó làm cho Pháp rất lo ngại... Các lãnh tụ quân sự Pháp đều cho rằng Bắc Bộ như đã mất rồi. Ở Sài Gòn người ta bắt đầu lo sợ.

- Quân đội Bảo Đại không được 5 vạn người có sức chiến đấu. Phần đông chỉ chờ dịp để chuồn. Quân đội kháng chiến, dù là bộ đội địa phương, cũng không kém quân đội Pháp.

- Mặc dầu những thất bại ở Hòa Bình và Điện Biên Phủ, tinh thần sĩ quan Pháp vẫn khá vững. Nhưng khi họ hiểu rằng họ phải hy sinh cho lợi ích của Mỹ và của Bảo Đại (tên vua cỏ mà cả quân đội Pháp đều khinh rẻ) - thì họ rất tức tối.

- Máy bay Mỹ dội đạn lửa khắp xung quanh Điện Biên Phủ không làm nóng quân đội kháng chiến, mà chỉ tàn phá những làng mạc đông dân. Sự can thiệp của Mỹ đối với ảnh hưởng chính trị thì rất tai hại, đối với kết quả quân sự thì không ăn thua.



- Nói tóm lại: Các lãnh tụ quân sự đều nhất trí rằng Pháp không thể giữ Bắc Bộ nữa. Và nếu thất bại ở Điện Biên Phủ thì tình hình Pháp sẽ càng khó khăn.

Trên đây là ý kiến của một nhóm lãnh tụ quân sự Pháp.

Nhưng chúng ta *chớ vì những ý kiến ấy mà chủ quan khinh địch.*

### III

#### PHÁP VỖ ĐẦU, MỸ CÀNG MÉO MẶT

Điện Biên Phủ là một thất bại đau đớn cho thực dân Pháp, càng là một thất bại nhục nhã cho bọn can thiệp Mỹ. Vì Mỹ đã định ra kế hoạch Nava, đã giúp tiền bạc và vũ khí để thực hiện kế hoạch ấy.

Hồi tháng 10-1953, các nhà báo tư sản Pháp đã viết: Chính phủ Pháp vâng lệnh Mỹ kéo dài chiến tranh. Mỹ xuất tiền, Pháp thì xuất xương máu. Binh sĩ Pháp đã thành một quân đội đánh thuê. (*Báo Thế giới*).

Mỹ sợ Pháp đàm phán và bắt ép Pháp bơi theo cuộc chiến tranh thất vọng. (*Báo Chiến đấu*).

Trong trận Điện Biên Phủ, Bộ trưởng Ngoại giao Mỹ đã nói: Mỹ sẽ hết sức giúp cho Pháp giành lấy thắng lợi.

Tổng thống Mỹ đã viết thư khuyến khích bộ đội Pháp ở Điện Biên Phủ. Đến khi Pháp thất bại Tổng thống Mỹ lại gửi điện vuốt đuôi: "Tôi tỏ lòng kính trọng quân đội Pháp anh dũng... Thất bại tạm thời cũng không thể làm giảm bớt lịch sử vẻ vang của quân đội Pháp".

Tháng 2-1954, đoàn đại biểu Quốc hội Mỹ sang xem xét Đông Dương. Khi trở về Mỹ, họ báo cáo rằng:

"Về quân sự, 8 năm nay Việt Minh đã giành được nhiều thắng lợi. 18 tháng nay, Pháp dùng nhiều chiến thuật tiến công, nhưng không có kết quả, dù quân Pháp có 50 vạn người chống

lại 30 vạn người của quân Việt Minh. Dù sao, Mỹ cũng cần tiếp tục giúp Pháp, nếu không thì Pháp không thể chiến tranh nữa".

Thế là Mỹ dần dần trở nên kẻ địch chính của quân đội và nhân dân ta.

#### IV

#### TRỜI ĐẤT VIỆT KHÔNG DUNG GIẶC PHÁP

Địch cậy rằng chúng đã đưa phần lớn quân đội tinh nhuệ đến Điện Biên Phủ, cho nên chúng rất chắc ăn.

Hôm 21-1, bọn chỉ huy Pháp thách: "Võ Nguyên Giáp có giỏi thì đến đánh Điện Biên Phủ".

9-3, Nava nói: "Việt Minh sẽ bị đánh tan ở Điện Biên Phủ".

13-3, ta tấn công đợt 1, Pháp thất bại. Nhưng hôm 15-3, Nava và Cônhi vẫn múa mép: "Chắc rằng Pháp sẽ thắng".

Bọn chỉ huy Pháp huênh hoang như vậy, nhưng tinh thần binh sĩ Pháp thì thế nào?

Ngay sau hôm ta tấn công đợt 1, tên quan năm chỉ huy pháo binh địch tự tử; tên quan năm tham mưu trưởng bị đuổi về Hà Nội.

*Báo Thế giới* (22-4) viết: "Quân nhảy dù Pháp chẳng còn tinh thần gì mà nói... Mặt người nào cũng tái mét. Họ viết "Di chúc" để lại. Dốc hết cốc rượu cuối cùng, họ bắt tay nhau, im lặng không nói một lời, bước lên máy bay. Rồi họ phó mặc trời. Họ biết rằng nếu nhảy sai một chút, thì may phúc lắm là trốn đời làm tù binh của Việt Minh".

Báo ấy viết tiếp: "1 quan năm chỉ huy đội máy bay mặt mày hốc hác, nói một cách mỉa mai: "Chúng ta có nhiều máy bay; chúng có lẽ ngày nào Việt Minh cũng bắn rơi mấy chiếc. Phi công thì người nào cũng mệt như. Chính tôi đây, hôm nay tôi đã bay suốt 17 tiếng đồng hồ. Nếu tôi phải bay một lần nữa, thì tôi không đảm bảo máy bay của tôi sẽ ra sao!".



Báo ấy viết thêm: "Tính đến 22-4, Bộ tư lệnh Pháp nhận đã mất 23 chiếc máy bay. Kỳ thật đã mất 55 chiếc ở Điện Biên Phủ".

Địch thả dù viện binh và tiếp tế xuống Điện Biên Phủ, phần lớn dù đã lọt vào tay ta. Như: ngày 4-5, chúng thả 234 dù, thì 222 chiếc ta đã tóm được.

Tối 4-5, chúng thả 280 dù, thì 200 chiếc ta tóm được.

Hôm 5-5, chúng thả 759 dù thì 337 chiếc bị ta tóm được.

## V

### QUAN BINH PHÁP KHÔNG THƯƠNG THƯƠNG BINH PHÁP

Hôm 3-5, Tổng chỉ huy địch ở Điện Biên Phủ là Đờ Cát đồng dục tuyên bố: "Chúng tôi quyết giữ Điện Biên Phủ cho đến người cuối cùng! Chúng tôi quyết không chịu hàng!"

Nhưng 4 hôm sau, đến trận cuối cùng, cờ đỏ sao vàng của ta tung bay tới đâu thì cờ trắng xin hàng của địch lộ nhô tới đó. Cả quan lẫn lính kéo nhau từng đàn ra hàng. Năm chiến sĩ ta là các đồng chí Luật, Lâm, Hiên và hai đồng chí nữa đánh thốc vào bộ tư lệnh địch. Tướng Đờ Cát với 4 tên quan năm, 6 tên quan tư và 10 tên sĩ quan nữa giờ tay xin hàng.

*Thế là ta toàn thắng trong chiến dịch Điện Biên Phủ.*

Ta tiêu diệt và bắt sống hơn 16. 000 binh sĩ Pháp, trong đó có độ 1. 000 thương binh. Khắp thế giới đều biết chính sách nhân đạo của ta đối với thương binh Pháp thế nào? Hãng thông tấn U. P Mỹ (7-5) viết: "Hơn 1. 000 thương binh quần quai dưới hầm tối đen và ngột thở, bên cạnh sở chỉ huy Pháp... Đến phút cuối cùng, Tướng Đờ Cát đã ra lệnh cho súng lớn bắn vào sở chỉ huy...".

## VI

### TỪ BIÊN GIỚI ĐẾN ĐIỆN BIÊN PHỦ

Tháng 10-1950, trong trận giải phóng biên giới, ta tiêu diệt và bắt sống hơn 4. 500 địch, trong đó có 3 tên quan năm. Trận ấy đã làm cho *cả nước Pháp xôn xao*. Các báo Pháp đã nói: "Đó là thất bại to nhất trong lịch sử thực dân Pháp".

Tiếp đến những trận Hòa Bình, phủ Nho Quan, vân vân, Pháp cũng thất bại.

Đến Điện Biên Phủ thì làm cho *cả thế giới xôn xao*. Bạn ta và nhân dân cả châu Á thì vui mừng. Phe đế quốc, nhất là Pháp - Mỹ thì ngơ ngác. Một mặt vì trước chúng tuyên truyền quá huênh hoang. (Cuối tháng 4, Tổng thống Mỹ còn múa mồm nói: Pháp chắc thắng lợi ở Điện Biên Phủ - Eisenhower predicts Điện Biên Phủ victory) - Mặt khác, chúng thất bại cũng nặng thật: mất 25 tiểu đoàn tinh nhuệ nhất, gần 20 tên quan năm và 1 tên thiếu tướng...

Báo chí phản động Pháp - Mỹ đã phải nhận rằng: "Điện Biên Phủ là cuộc thất bại to nhất từ ngày Pháp đầu hàng Đức (1940). Quân viễn chinh Pháp đã bị chặt mất đầu".

Tin Điện Biên Phủ thất bại về đến Pháp đúng vào ngày cả nước Pháp đang tung bừng sắm sửa ăn mừng "thắng" Đức (1945). Thành thử cuộc ăn mừng cụt hứng mà hóa ra là cuộc truy điệu.

*Ảnh hưởng của Điện Biên Phủ:* Hiện nay, kiều dân Pháp ở Hà Nội, Hải Phòng, vân vân, đều chuẩn bị cuốn gói chuồn. Các nhà tư bản Pháp ở vùng tạm bị chiếm thì rút lui vốn liếng có trật tự, mỗi đồng bạc Mỹ trước kia đổi 34 đồng Đông Dương, nay đổi 100 đồng. Tinh thần binh sĩ Pháp chán nản. Ngụy binh rất hoang mang, đã có những nhóm vác súng chạy theo ta. Thực dân Pháp thì trách Mỹ không hết sức, không kịp thời cứu vãn. Đế quốc Mỹ thì trách Pháp hèn hạ, bất tài. Nội bộ Chính phủ Pháp lục đục, tên này đổ lỗi cho tên kia. Bại tướng Nava bị cách chức. Tên tướng Ely sang thay...



Càng thất bại thì địch càng hung dữ, càng gần thắng lợi thì ta càng gặp nhiều khó khăn. Thật vậy, hiện nay ở Hội nghị Giơnevơ, ngoài mồm thì địch nói muốn thương lượng, nhưng sự thật thì chúng đang gấp rút điều binh khiển tướng để tiếp tục chiến tranh.

Để tranh lấy thắng lợi mới, chúng ta phải ra sức vượt khó khăn mới; quân, dân và cán bộ ta, mỗi người phải ra sức thi đua làm tròn nhiệm vụ, tuyệt đối chớ khinh địch, chớ chủ quan. Nhiều Điện Biên Phủ khác đang chờ đợi chúng ta.

Đ. X.

*Báo Cứu quốc, các số:  
2605 ngày 26-5-1954,  
2606 ngày 28-5-1954,  
2608 ngày 31-5-1954,  
2610 ngày 2-6-1954,  
2611 ngày 4-6-1954,  
2613 ngày 7-6-1954.*

## LIÊN XÔ VĨ ĐẠI

Viết xong tháng 10-1957. Nxb. Sự thật xuất bản thành sách năm 1957.

Ký tên: TRẦN LỰC.

Theo cuốn sách do Nxb. Sự thật xuất bản năm 1957.

*Thưa bà con,*

Cùng với nhân dân Liên Xô anh em, lúc này tất cả bà con trong đại gia đình xã hội chủ nghĩa và giai cấp lao động khắp thế giới đều vui vẻ sắm sửa ăn mừng ngày kỷ niệm thứ 40 của Cách mạng Tháng Mười vĩ đại. Đó là một cuộc kỷ niệm to lớn và vẻ vang xưa nay chưa từng có.

Nhân dịp này, chắc bà con ta muốn hiểu rõ hơn nữa tình hình của Liên Xô. Hiểu rõ thêm để tin tưởng thêm, để yêu quý thêm.

Để hiểu rõ thêm thì có một cách tốt nhất, là mời bà con cùng tôi đi thăm Liên Xô.

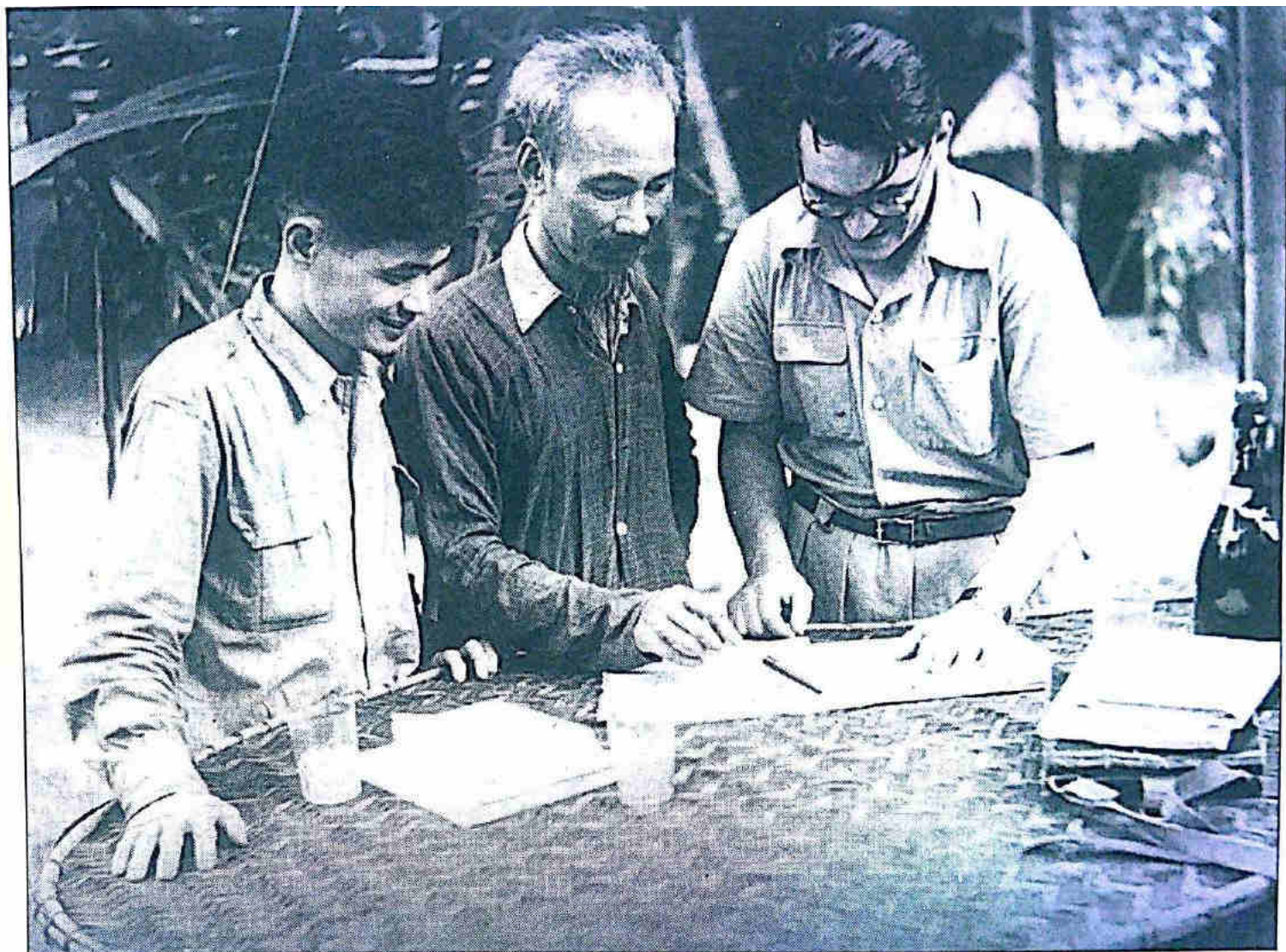
Xin bà con chớ ngại, cuộc đi thăm này không khó khăn tốn kém gì, vì nó là một cuộc đi thăm bằng tinh thần. Bà con ngồi nghe tôi kể chuyện và cứ tưởng tượng như mình đã đi đến nơi đó, đã gặp người kia, thấy việc nọ...

Xin bà con đặc biệt chú ý một điều là: Muốn thấy rõ cái gì hơn, cái gì kém, cái gì ít, cái gì nhiều, thì phải *so sánh*. Muốn so sánh thì không gì hơn là nêu *con số*. Vì vậy cho nên trong cuộc du lịch này, chúng ta sẽ gặp nhiều con số.

Xin mời bà con đi.

Đây, trước mắt chúng ta là một dải đất rộng mênh mông, từ Âu sang Á, nó chiếm một phần sáu quả đất. Đó là Liên Xô. Liên Xô là một nước to nhất trên thế giới, có 22 triệu 40 vạn cây số vuông,





Chủ tịch Hồ Chí Minh với đồng chí Lê-ô-phi-giê,  
Ủy viên Trung ương Đảng Cộng sản Pháp tại Việt Bắc - 1950  
(Bên cạnh Người là đồng chí Lê Văn Lương)

*Ảnh: Bảo tàng Hồ Chí Minh*



to gấp ba nước Mỹ. (Cả nước Việt Nam ta có 32 vạn 8 nghìn cây số vuông). Chúng ta đang đứng ở đảo Rátmanốp là phía cực đông của Liên Xô, bây giờ là 5 giờ sáng, nhưng lúc này ở hồ Baican là chính giữa Liên Xô thì vừa 12 giờ khuya, mà ở Mátxcova là phía tây, thì đã 7 giờ tối.

Từ đông sang tây là như thế, còn từ nam đến bắc thì độ 4.000 cây số. Khi ở phía nam là mùa xuân, thì ở phía bắc chính là mùa đông giá rét.

Biên giới Liên Xô tiếp giáp với 12 biển, 3 đại dương và 12 nước. Những nước ấy là Na Uy, Ba Lan, Phần Lan, Tiệp Khắc, Hunggari, Rumani, Thổ Nhĩ Kỳ, Iran, Ápganixtan, Mông Cổ, Triều Tiên và Trung Quốc. Hình trạng đất nước Liên xô, phía trái là vùng đồng bằng mênh mông; phía phải là những núi non trùng điệp. Cao nhất là vùng Pamia, có ngọn núi Xtalín cao 7.495 thước. Ở vùng này, ban đêm thì rét, nước đông thành đá, ban ngày thì nóng hổi như lò nung.

Ở Liên Xô từ vùng này sang vùng khác, khí hậu khác nhau rất nhiều. Thí dụ: mùa xuân đến vào khoảng tháng 2 ở phía nam là Tuốc-mê-ni, xuống đến Mátxcova khoảng tháng 5 và đến tháng 6 mới đến Bắc Xibêri; nghĩa là từ nam sang bắc mùa xuân khác nhau 5 tháng. Ở Bắc Xibêri tuyết phủ trong một năm và khi ở đó rét dưới 70 độ âm, thì ở Nam Giê-ôóc-gi khí trời ấm áp, hoa nở đầy vườn. Nóng hay rét đều có tác dụng của nó. Nơi rét thì cây lâu lớn, nhưng chất gỗ cứng chắc. Nơi nóng thì lúa, bông, hoa quả chín nhanh. Xưa kia cực Bắc là một vùng băng tuyết mênh mông, không có người ở. Nhưng từ sau cách mạng thành công, thì có những thành phố mới xây dựng lên. Và nhờ khoa học mà người ta đã trồng được các thứ cây cối hoa quả xứ nóng.

Liên Xô là một nước rất giàu. Ở những vùng như Uc-rê-n, Cuban, Vôn-ga, Tây Xibêri là những nơi có hàng chục triệu mẫu đất ruộng phì nhiêu, sản xuất đủ các thứ hoa màu, khoai lúa. Ở Cô-các-dơ, Tianchan và những vùng núi khác là những nơi tiện lợi cho nghề chăn nuôi và có rất nhiều thứ hầm mỏ, do đó công



nghiệp rất phát triển. Như trên đã nói, Liên Xô tiếp giáp với nhiều biển và đại dương, cho nên việc giao thông vận tải rất tiện lợi, rất giàu về cá, muối.

Một điều thú vị là do việc xây dựng nhiều xưởng to và đào nhiều kênh lớn, Liên Xô có những cái biển nhân tạo rất to, như biển Ximlianxcaia, biển Goócki, biển Cubisép, v. v..

Bây giờ chúng ta đi sang phía Nam Liên Xô. Những trũng cát mênh mông đó là Caracum và Kixicum. Ở đây rất ít mưa và bà con có thể đặt trứng gà trên bãi cát thì nó khắc chín. Trước kia, đây là một vùng hoang vu, vì thiếu nước không trồng trọt gì được. Ngày nay Liên Xô đã đào nhiều kênh dẫn nước, kênh to nhất là kênh Caracum trước mắt chúng ta, kênh này dài gần 1.000 cây số. Có nước thì trũng cát trở nên ruộng tốt, cho nên vùng này hiện nay sản xuất rất nhiều bông.

Liên Xô đất rộng, của nhiều, người đông, Liên Xô có 200 triệu nhân dân. Trong số đó có non trăm dân tộc khác nhau về nhiều mặt. Như dân tộc Nga có hơn 100 triệu người, trình độ văn hóa rất cao, còn ở Côcadơ có một dân tộc chỉ vven vven mấy trăm người ở trong một làng. Các dân tộc Liên Xô nói hàng trăm thứ tiếng khác nhau. Có những dân tộc khai hóa đã lâu đời, lại có độ 40 dân tộc thì sau cách mạng thành công mới có chữ viết. Nhưng bất kỳ số người đông hay là ít, trình độ thấp hay là cao, dưới chế độ xôviết tất cả các dân tộc đều đoàn kết thành một khối, đều bình đẳng bình quyền.

Một điều đáng chú ý là số người ở các thành thị tăng lên rất nhanh. Trước cách mạng, số người ở thành thị chiếm hơn 17% tổng số nhân dân. Năm 1956 số đó tăng đến hơn 43%. Thủ đô Mátxcova có 5 triệu nhân dân, nếu kể cả ngoại ô thì hơn 8 triệu.

Một điều đáng chú ý nữa là: trong một nước to lớn như vậy, người nhiều như vậy, mà khắp cả nước không có một người thất nghiệp, không có một người tư bản, không có một ai bị người bóc lột hoặc bóc lột người.

\*

\*      \*

Bà con ta đã biết qua núi sông, phong cảnh, khí hậu, nhân dân Liên Xô. Bây giờ chúng ta hãy xét xem tình hình kinh tế của Liên Xô, trước hết là *công nghiệp*.

Trước cách mạng, Nga là một nước người đông nhất, đất rộng nhất, nguyên liệu nhiều nhất, so với các nước Âu, Mỹ. Nhưng về mặt công nghiệp thì Nga lại lạc hậu, đứng vào bậc chót. Nga không sản xuất được máy móc, xe hơi, máy cày, v. v.. Về trang bị máy móc, Mỹ nhiều hơn Nga gấp 10 lần. Nhiều nhà máy và hầm mỏ ở Nga đều do bọn tư bản nước ngoài làm chủ.

Cách mạng tháng Mười thành công, tình hình ấy thay đổi hẳn, từ một nước công nghiệp lạc hậu, nay Liên Xô đã trở thành một nước công nghiệp tiên tiến vào hạng nhất ở châu Âu và hạng nhất hạng nhì trên thế giới.

Năm 1956 các nhà khoa học tính ra trong một tiếng đồng hồ Liên Xô sản xuất hơn:

4.000 tấn gang

5.500 tấn thép

48.000 tấn than

628.000 thước vải, v. v..

Kết quả đó, nhân dân Liên Xô đã phải đấu tranh gian khổ mấy chục năm trường mới giành được.

Trải qua bốn năm Thế giới chiến tranh lần thứ nhất, rồi năm năm nội chiến và quân đội 14 nước tấn công, tiếp đến mấy năm bị các nước tư bản bao vây, kẻ địch bên trong và bên ngoài tìm mọi cách phá hoại, kinh tế của Liên Xô bị điêu tàn gần hết. Thiếu nguyên liệu, thiếu lương thực, thiếu máy móc, thiếu tiền vốn, cái gì cũng thiếu. Thật là khó khăn không thể tưởng tượng. Lúc bấy giờ Liên Xô lại là nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên, cô độc một mình, chưa có nước anh em giúp đỡ.



Dưới sự lãnh đạo đúng đắn và kiên quyết của Đảng Cộng sản, nhân dân lao động Liên Xô đã cắn răng buộc bụng, nhịn ăn, nhịn mặc, vượt mọi khó khăn, góp sức góp tiền để khôi phục lại nền kinh tế. Ngoài việc nghĩa vụ lao động và thi đua yêu nước, mỗi tháng lĩnh lương, tất cả mọi người công nhân và viên chức đều góp ít nhiều vào quỹ "khôi phục kinh tế". Nông dân được chia ruộng đất, cũng hăng hái giúp tiền giúp sức vào việc xây dựng lại nước nhà. Nhờ vậy, đến năm 1926 tức là chín năm sau cách mạng, kinh tế đã khôi phục bằng mức trước chiến tranh. Song như thế vẫn chưa đủ. Để đứng vững, để làm kiểu mẫu cho vô sản thế giới. Liên Xô cần phải tiến hơn nữa về mặt kinh tế, để đuổi kịp rồi vượt qua các nước tư bản. Cách mạng thành công, Nhà nước tức là toàn thể nhân dân lao động đã làm chủ đất ruộng, nhà máy, vận tải, ngân hàng, mậu dịch, v. v... Trên cơ sở tự lực cánh sinh, gia tăng sản xuất, thực hành tiết kiệm, Nhà nước và nhân dân đồng tâm hiệp lực, thì nhất định đủ lực lượng xây dựng và phát triển kinh tế.

Năm 1928 bắt đầu thực hiện *kế hoạch 5 năm lần thứ nhất*. Kế hoạch này đến năm 1932 thì xong. Nó nhằm trang bị cho công nghiệp và nông nghiệp những máy móc mới.

Ban đầu nhiều người không tin kế hoạch ấy có thể thành công, vì máy móc thiếu, kinh nghiệm thiếu, cán bộ thiếu. Nhưng với sự cố gắng không ngừng của nhân dân lao động, các xưởng làm máy kéo, xe hơi, hóa học; các xưởng đúc gang đúc thép; các trạm điện, v. v. lần lượt được xây dựng ở nhiều nơi.

Phong trào thi đua tăng gia sản xuất và tiết kiệm đã góp phần to lớn cho công cuộc xây dựng này. Tiếp đến *kế hoạch 5 năm lần thứ hai* (1933 đến 1937) thì công cuộc xây dựng kỹ thuật cho toàn bộ kinh tế đã căn bản thành công. So với năm 1913, thì sản xuất về công nghiệp nặng đã tăng gấp 8 lần.

Cũng như kế hoạch thứ nhất, kế hoạch thứ hai đã thành công trước kỳ hạn; và *kế hoạch 5 năm thứ ba* bắt đầu từ năm 1938, nhằm mục đích theo kịp và vượt quá mức sản xuất của các nước tư bản.

Năm 1940, Liên Xô đã có hơn 9.000 xí nghiệp lớn và sản xuất 15 triệu tấn gang, 18 triệu rưỡi tấn thép, 31 triệu tấn dầu lửa, v. v.. Những nhà máy đồ sộ đã được xây dựng ở những vùng Uran, Côcadơ, Xibêri, v. v.. So với năm 1913, thì tổng số sản xuất công nghiệp nặng tăng 12 lần, máy móc tăng 50 lần. Về mặt sản xuất máy móc, Liên Xô đã vào hạng thứ nhất trên thế giới.

Kế hoạch thứ ba đang tiến hành rất thuận lợi, kinh tế đang phát triển vùn vụt, thì phát xít Đức bất thành linh tấn công Liên Xô.

Những vùng bị giặc phát xít chiếm đóng là những vùng giàu có, trước đây đã sản xuất 58% thép, 60% than, 68% gang.

Phát xít Đức đã đốt phá:

|                    |                  |
|--------------------|------------------|
| 1.710              | thành phố        |
| 70.000             | làng mạc         |
| 31.850             | nhà máy          |
| 82.000             | trường học       |
| 6.000.000          | nóc nhà          |
| Làm cho 25.000.000 | người mất chỗ ở. |

Liên Xô đã thiệt hại hơn 679.000 triệu rúp, và năm năm chiến tranh chống phát xít đã làm chậm trễ mất 10 năm cho sự phát triển kinh tế của nước nhà.

Bắt đầu chiến tranh, Liên Xô đã dời được 1.300 xí nghiệp lớn về hậu phương và xây thêm nhiều nhà máy mới; nhờ vậy mà cung cấp đầy đủ các thứ cho quân đội để đánh thắng giặc.

Sau Thế giới chiến tranh lần thứ hai mà Liên Xô đã bị hy sinh nhiều nhất, trong lúc các nước tư bản chưa hàn gắn xong vết thương do chiến tranh gây ra, thì chỉ trong 5, 6 năm, Liên Xô đã khôi phục lại tất cả nền kinh tế.

Trong *kế hoạch 5 năm thứ tư* (1946 đến 1950), 6.000 xí nghiệp lớn đã được xây dựng. So với trước chiến tranh, sản xuất than đã tăng 50% mà sản xuất các loại khác thì tăng gấp 2, gấp 3.



So với năm 1940, thì sản xuất công nghiệp của *kế hoạch 5 năm thứ năm* (1951 đến 1955) đã tăng hơn gấp 3 lần. Riêng về sản xuất máy móc tăng gấp 5 lần. Gang, thép, than, điện... thì Liên Xô đứng đầu tất cả các nước Âu châu.

Hiện nay, nhân dân lao động Liên Xô đang thi đua thực hiện *kế hoạch 7 năm* (1956 đến 1962).

Nếu lấy năm 1940 làm mức 100% thì đến cuối *kế hoạch* thứ sáu, sản xuất công nghiệp của Liên Xô sẽ tăng đến 530%. Vài con số thú vị: năm 1947, thép của 3 nước Anh, Pháp, Tây Đức cộng lại thì nhiều gấp 2 Liên Xô. Năm 1956, thì Liên Xô sản xuất thép hơn 45 triệu tấn, mà 3 nước kia cộng lại là 54 triệu tấn, nghĩa là chỉ hơn Liên Xô non 9 triệu tấn, tức là 1/6. Năm 1960, Liên Xô sẽ sản xuất 429 triệu tấn than.

Hiện nay, Liên Xô sản xuất những kiểu rất mới về tàu thủy, xe hơi, đầu tàu, máy bay. Máy bay phản lực "T. U. 104" chở được hơn 50 người, bay cao 12 cây số, bay nhanh 1.000 cây số một giờ. Mỹ và Anh đều chưa có thứ máy bay như thế này để chở khách.

Mỗi năm Liên Xô sản xuất hơn 30 vạn máy kéo và năm 1960 sẽ sản xuất 65 vạn camminhông cho các nông trường.

Về *công nghiệp nhẹ*, thì việc sản xuất các thứ cần dùng hằng ngày cho nhân dân, như đồ ăn, vải vóc, đồ dùng, so với năm 1913 thì năm 1937 đã tăng gấp 6 lần rưỡi. Trong những năm chiến tranh chống phát xít, sản xuất công nghiệp nhẹ bị giảm sút. Đến năm 1950 sản xuất đã khôi phục và vượt mức năm 1940. Vài thí dụ: Riêng Nhà máy dệt Camisin ở Vônga mỗi ngày sản xuất 1 triệu thước vải và lụa. Các nhà máy đồ hộp ở Ama Ata mỗi ngày sản xuất 140.000 hộp thịt.

Năm 1950 Liên Xô đã sản xuất:

5.500 triệu thước vải

754 triệu thước lụa

268 triệu thước len

314 triệu đôi giày

4.530 nghìn tấn đường

1.370 nghìn tấn bơ và bánh sữa, v. v..

So với năm 1913, thì năm 1956 công nghiệp nhẹ tăng gấp hơn 11 lần. Hơn 1.500 nhà máy mới chuyên môn sản xuất hàng hóa cần dùng cho nhân dân. Trong kế hoạch 5 năm lần thứ sáu, công nghiệp nhẹ được thêm nhiều nhà máy hơn nữa.

Theo nghị quyết của Đại hội lần thứ XX của Đảng Cộng sản Liên Xô, năm 1960 sẽ sản xuất:

7.270 triệu thước vải

1.074 triệu thước lụa

363 triệu thước len

455 triệu đôi giày

6.530 nghìn tấn đường

3.950 nghìn tấn thịt

2.500 nghìn tấn bơ sữa.

Thế là so với năm 1956, công nghiệp nhẹ vào năm 1960 sẽ phát triển rất nhiều; do đó, nhân dân Liên Xô càng ngày ăn càng ngon, mặc càng đẹp hơn mãi.

Vì bà con ta đi du lịch, cho nên chúng ta cũng nên nói tóm tắt về việc *giao thông vận tải* của Liên Xô.

Liên Xô có: 120.700 cây số đường sắt. Nhiều đầu tàu chạy bằng điện, đã sạch sẽ, lại rẻ tiền. Trong kế hoạch thứ sáu sẽ bắc thêm 6.500 cây số đường ray. Vận tải bằng đường thủy rất phát triển ở các biển, các sông, các kênh đào.

206.900 cây số đường xe hơi chạy khắp trong nước.

Máy bay của Liên Xô đi lại khắp trong nước và trên thế giới. Nhân dân Liên Xô còn dùng máy bay vào những việc như gieo giống mạ, tìm luồng cá, bảo vệ rừng, cấp cứu người ốm, v. v..



So với năm 1913 thì năm 1956 việc giao thông vận tải tăng gấp hơn 10 lần.

\*  
\*      \*

Trong các xí nghiệp Liên Xô, phần lớn công tác đều làm bằng máy. Số nhà máy tự động ngày càng nhiều. Ở các nhà máy tự động, việc sản xuất từ đầu đến cuối đều do máy làm, không cần đến sức người. Chỉ cần một số ít người để xem xét công việc. Thí dụ xưởng điện Niép (Dniepr) có chín hệ thống máy chạy bằng 650.000 kw điện và nhiều thứ máy móc khác, mà chỉ có sáu người thợ chuyên môn trông coi.

Một điều rất mới trong công nghiệp, là ba năm nay Liên Xô đã dùng sức nguyên tử trong công cuộc sản xuất. Nhà máy nguyên tử đầu tiên trên thế giới ở gần Mátxcova, sản xuất 5.000 kw. Trong 24 tiếng đồng hồ nó chỉ tốn 30 gam chất uranium. Nếu dùng than thì phải tốn 100 tấn. Trong kế hoạch thứ sáu xưởng nguyên tử sẽ tăng đến 420.000 kw nghĩa là tăng gấp 84 lần. Người ta dùng sức nguyên tử vào công nghiệp, nông nghiệp, chữa bệnh và những ngành kinh tế khác, cho đến máy đếm chai rượu, bia...

Vài con số sau đây chứng tỏ mức sản xuất của Liên Xô phát triển nhanh chóng thế nào:

Sản lượng của cả năm 1920"

Về điện, thì năm 1955 chỉ sản xuất trong: 24 giờ

Về gang, ..... : 36 -

Về đường cát, ..... : 168 -

Về dầu lửa, ..... : 192 -

Về than đá, ..... : 480 -

So sánh về mức phát triển sản xuất của Liên Xô với các nước tư bản và lấy năm 1929 làm mức 100%, thì chúng ta thấy

năm 1955 bình quân các nước tư bản tăng 193% và Liên Xô tăng 2.049%.

Sở dĩ Liên Xô phát triển nhanh như vậy là nhờ *năng suất lao động* tăng rất cao, như năm 1955 tăng gấp tám lần năm 1913 và gấp ba lần năm 1940. Mà năng suất lao động tăng là nhờ kỷ luật lao động rất nghiêm, tổ chức lao động ngày càng tiến bộ, tinh thần lao động của mỗi người đều rất cao. Ai cũng hiểu điều sâu sắc rằng lao động là vẻ vang.

Oenxơ (Wells) là một văn sĩ người Anh nổi tiếng. Năm 1920, ông sang thăm Liên Xô, sau khi nghe Lênin nói về kế hoạch điện khí hóa, ông Oenxơ đã ngạc nhiên và nói: "Kế hoạch ấy là một ảo tưởng. Ai mà cả gan tưởng tượng ra một kế hoạch *gan liền* như vậy ở một nước rộng mênh mông và đầy rừng núi, kỹ thuật đã thấp kém, đa số nhân dân lại mù chữ, công nghiệp và thương nghiệp thì tiêu điều... ". Sự thật thì ngày nay Liên Xô đã hoàn thành mấy kế hoạch to hơn kế hoạch mà ông Oenxơ cho là ảo tưởng.

Nói tóm lại, cuối kế hoạch 5 năm thứ sáu, sản lượng công nghiệp của Liên Xô sẽ nhiều gấp năm so với sản lượng năm 1940.

Trong 40 năm, nhân dân Liên Xô đã phải *trải qua 18 năm phấn đấu gian khổ và chiến tranh*, chỉ có 22 năm có hoàn cảnh hòa bình để đưa cả lực lượng vào công cuộc xây dựng. Vì vậy Liên Xô hết sức chống chiến tranh, quyết tâm giữ gìn hòa bình thế giới. Liên Xô có sức người và sức của dồi dào để phát triển nhanh, phát triển mạnh và tiến lên chủ nghĩa cộng sản.

Liên Xô hùng mạnh như vậy, nhưng Liên Xô vẫn luôn luôn chủ trương chung sống hòa bình. Liên Xô đã tích cực ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc trên khắp thế giới. Liên Xô sẵn sàng giúp đỡ các nước tiến chậm trong việc phát triển kinh tế, sẵn sàng mở rộng quan hệ kinh tế và văn hóa với các nước trên thế giới. Đặc biệt là Liên Xô rất thiết tha đòi cấm chỉ vũ khí nguyên tử và vũ khí khinh khí và tích cực đấu tranh để thực hiện việc tái giảm quân bị. Chính sách ngoại giao hòa bình của Liên Xô ngày càng được nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới hết lòng ủng hộ.



\*

\*      \*

Chúng ta đã xem qua công nghiệp của Liên Xô, trước khi đi thăm *nông nghiệp* Liên Xô, tôi xin nhắc lại một chuyện cũ. Năm 1908, trong một bản báo cáo, Bộ Nội vụ của vua Nga viết: "Năm nào cũng có một số rất đông nông dân bị nạn chết đói đe dọa".

Hồi đó hầu hết ruộng đất đều là của bọn địa chủ. 30.000 đại địa chủ chiếm hết hơn 70 triệu mẫu tây, mà 10 triệu gia đình nông dân cũng chỉ có độ chừng ấy ruộng đất, 65% nông dân là dân cày nghèo, sống một cách rất cực khổ.

Cách mạng tháng Mười đã chia cho nông dân lao động hơn 150 triệu mẫu tây ruộng đất và trâu bò tịch thu của địa chủ phong kiến. Nông dân rất sung sướng được chia ruộng đất, nhưng cách cày cấy làm ăn vẫn cũ kỹ và riêng lẻ. Trong cả nước có hơn 25 triệu gia đình nông dân như vậy. Mà như vậy thì đời sống của nông dân khó cải thiện và nông nghiệp khó tiến bộ. Muốn cải thiện sinh hoạt và sản xuất tiến bộ thì cần phải tổ chức *hợp tác xã nông nghiệp* (hay là *nông trường tập thể*).

Nhưng đối với hợp tác xã nông nghiệp, nông dân còn ngập ngừng, lo ngại, không tin, vì đó là một việc mới lạ. Bọn phản động lại tìm mọi cách phá hoại.

Đảng và Chính phủ vừa ra sức tuyên truyền giải thích, vừa ra sức tổ chức nông trường nhà nước để làm kiểu mẫu. Nhờ vậy mà đến năm 1929 hợp tác xã nông nghiệp đã được tổ chức khắp cả nước. Năm 1930 Đảng và Chính phủ phái về nông thôn 25.000 công nhân đặc lực để giúp các hợp tác xã. Năm 1937 thì 93% nông dân đều vào hợp tác xã và đã sản xuất 27.200 ngàn tấn lúa mì cho thị trường, tức là nhiều hơn trước cách mạng 65.000 tấn. Đó là một thắng lợi to. Thế là nông nghiệp cũng đã bắt đầu tiến dần theo công nghiệp và đời sống của nông dân được cải thiện rất nhiều. Nếu so với năm 1913, thì năm 1956 khoản thu

nhập của nông dân tăng gấp 19 lần. Ở nông thôn không còn cảnh đói rách, đốt nát nữa.

Trong mấy năm chiến tranh chống phát xít Đức, lực lượng của hợp tác xã và của nông trường nhà nước càng biểu hiện một cách rõ rệt. Bọn phát xít Đức đã đốt phá:

98.000 hợp tác xã nông nghiệp

70.000 xã

1.876 nông trường nhà nước

2.890 trạm máy cày

chúng đã cướp đi hoặc giết làm thịt:

17 triệu con bò

7 triệu con ngựa

hàng chục triệu con dê và cừu,

hàng chục vạn người đã bị chúng bắn chết hoặc bắt đi.

Nếu hồi đó mà không có hợp tác xã và nông trường nhà nước, thì chắc rằng nông nghiệp đã phá sản, nhân dân và bộ đội đã bị đói. Lúc đó hầu hết đàn ông và trai tráng đều đi đánh giặc; ở hậu phương chỉ có người già, đàn bà, trẻ con. Thế mà nhờ cách tổ chức của hợp tác xã và nông trường nhà nước. Nhờ lòng nồng nàn yêu nước của nông dân, cho nên sản xuất nông nghiệp vẫn giữ vững và bộ đội cùng nhân dân vẫn được cung cấp lương thực đầy đủ.

Hiện nay, Liên Xô có 87.500 hợp tác xã nông nghiệp với 397 triệu mẫu tây ruộng đất và 5.134 nông trường nhà nước với 89 triệu mẫu. Ngoài ruộng đất và của cải chung của hợp tác xã, mỗi gia đình nông dân có riêng một đám vườn, một con bò, vài con lợn, mười con dê và một số gà vịt.

Các xã viên ai làm được nhiều *ngày công* thì được chia nhiều tiền và hiện vật. Một thí dụ:

Hợp tác xã "Rạng đông" có 1.200 gia đình, 9.000 mẫu tây ruộng đất. Họ trồng khoai, trồng bắp, trồng gai, nuôi bò, v. v...



Do sự cần cù cố gắng của các xã viên, năm 1956 mỗi mẫu đã sản xuất từ 160 tạ đến 300 tạ khoai. Họ đã bán cho Nhà nước 2.000.000 lít sữa. Tổng số thu nhập cả năm của hợp tác xã là 15 triệu rưỡi đồng rúp. Nhà anh Đusencô có 5 người lao động, cả năm làm được 1.450 ngày công. Cả nhà anh đã được chia 4.480 ký lúa mì.

14 tấn khoai.

140 ký rau xanh

43.500 đồng rúp.

Hợp tác xã "Rạng đông" có một trường trung học đến cấp 3, có câu lạc bộ, nhà đọc sách, rạp chiếu bóng, nhà cho thuốc. Nhà nông dân nào cũng có máy thu thanh, có đèn điện, nước máy... Một hợp tác xã nông nghiệp mà không khác gì một thành phố nhỏ.

Khoản thu nhập của nông dân hợp tác xã ngày càng tăng:

Năm 1940, tổng số thu là 20.700 triệu đồng rúp.

Năm 1955, tổng số thu là 75.600 triệu đồng rúp.

Nông trường nhà nước có:

257 vạn máy cày

63 vạn máy gặt

69 vạn xe camminhông và vô số máy móc khác.

360 vạn bò và ngựa

5 triệu con lợn

12 triệu con cừu, v. v..

Năm 1956 trung bình mỗi mẫu gặt được hơn 31 tạ lúa mì, hoặc 36 tạ bắp hạt.

Có nhiều nông trường mỗi năm đã nộp cho Chính phủ hơn 65.000 tấn lúa mì.

18% tổng số ruộng đất trong nước thuộc về nông trường nhà nước.

27% tổng số lúa mì, 15% tổng số thịt và 18% tổng số sữa là do nông trường nhà nước cung cấp.

Để giúp các hợp tác xã nông nghiệp, Liên Xô có 9.000 *trạm máy cày và máy gặt* gồm có: 1.389 nghìn chiếc máy cày, 338 nghìn máy gặt, mỗi trạm có hơn 15 người chuyên gia và 200 công nhân. Ở các hợp tác xã và nông trường, từ việc cày ruộng, hái bông, cho đến việc vắt sữa bò phần nhiều đều làm bằng máy.

Năm 1919, Lênin nói: "Nếu một ngày kia chúng ta có thể cho họ 10 vạn chiếc máy cày tốt, với dầu mỡ, với người cầm máy... thì tất cả trung nông sẽ nói: Chúng tôi tán thành cộng sản". Hiện nay lời ước ao của Lênin đã thực hiện gấp hơn 10 lần. Ở nông thôn, 99% việc cày bừa làm bằng máy; 94% việc gieo cấy và 83% việc thu hoạch đều làm bằng máy.

Cũng là nông thôn, nhưng trước kia người nông dân Nga quanh năm chân bần tay lấm, hì hục với 7.800.000 cái bừa gỗ và 4.200.000 cái cày sắt. Khó nhọc suốt năm, đói lại vẫn đói. Ngày nay thì nông dân các hợp tác xã làm gì cũng làm bằng máy. Cách làm ăn cũ và mới khác nhau như trời với vực. Vì vậy cho nên mức sản xuất ngày nay đã tăng gấp ba ngày xưa. Các thứ máy cày, máy gặt đã tiết kiệm được sức lao động cho 22 triệu người làm công. Với sự phát triển nhanh chóng của công nghiệp, người ta đoán rằng trong ít năm nữa việc trồng trọt và chăn nuôi ở Liên Xô sẽ hoàn toàn làm bằng máy hết.

Nhờ có máy móc mà diện tích ruộng đất từ 118 triệu mẫu tây (năm 1913) đã tăng lên gần 186 triệu mẫu (năm 1956).

Chỉ trong ba năm gần đây, hưởng ứng lời kêu gọi của Đảng và Chính phủ, hơn 350.000 thanh niên đã vỡ thêm 35.500 ngàn mẫu đất hoang.

Nông trường nhà nước có nhiệm vụ rất quan trọng về việc cung cấp lương thực. Như năm 1956, nông trường nhà nước đã sản xuất 52.800 ngàn tấn lúa mì, trồng 24.000 mẫu tây ngô, mỗi mẫu thu hoạch bình quân được 200 tạ hạt. Chỉ riêng nông trường nhà nước Udobêkixtan đã sản xuất hơn 2.800 ngàn tấn bông.



Tôi xin giới thiệu với bà con đây là đồng chí Tuaxuncunốp. Đồng chí là xã trưởng một hợp tác xã trồng bông, liên tiếp trong mấy năm mỗi mẫu đã sản xuất 36 tạ rười bông. Do thành tích ấy, đồng chí đã ba lần được thưởng Huân chương Anh hùng lao động.

Và đây là nữ đồng chí Ghêta. Năm 1935, người trồng củ cải đường giỏi nhất cả nước là những đồng chí Đensencô, cũng chỉ sản xuất được mỗi mẫu 500 tạ. Nay đồng chí Ghêta thu hoạch mỗi mẫu được 1.025 tạ.

Về gia súc, năm 1956 Liên Xô có:

70.400.000 con bò

56.400.000 con lợn

129.800.000 con cừu, v. v..

Có thứ lợn mỗi năm đẻ được 30 con, sau một tuổi mỗi con nặng đến 200 ký. Có những giống bò mỗi năm vắt được hơn 5.200 lít sữa.

\*

\* \*

Người lao động trí óc Liên Xô đã góp phần xứng đáng trong việc phát triển nông nghiệp. Hiện nay Liên Xô có 100 trường đại học và 782 trường trung học nông nghiệp, 1.100 nơi nghiên cứu nông nghiệp do 15.000 chuyên gia phụ trách. Năm kia hơn 2.500.000 người nông dân đã theo học các lớp chăn nuôi trồng trọt. Một thí dụ: chỉ việc nghiên cứu trồng bắp, người ta đã tập trung được 12.000 giống bắp khác nhau của 65 nước trên thế giới. Mỗi hợp tác xã nông nghiệp đều có phòng thí nghiệm. Nhờ học thuyết của Míturin, người ta đã gây ra được những giống bò nhiều sữa, giống củ cải nhiều đường, nhiều thứ cây ăn quả mới, những thứ cây xứ nóng có thể trồng được ở xứ lạnh, v. v..

Nông dân cố gắng rất nhiều, nông nghiệp tiến bộ rất nhiều. Đầu năm nay gần 110.000 người lao động chân tay và trí óc đã được thưởng Huân chương nông nghiệp, 462 người được tặng danh hiệu Anh hùng lao động nông nghiệp.

Năm 1955, hơn 159 nghìn chuyên gia cao cấp và 254 nghìn chuyên gia trung cấp đã phục vụ nông nghiệp. Kế hoạch 5 năm thứ sáu, đào tạo thêm 125 nghìn kỹ sư canh nông, 112 nghìn chuyên gia máy móc và 87 nghìn chuyên gia chăn nuôi.

Đảng Cộng sản và Chính phủ Liên Xô dùng mọi cách để khuyến khích nông nghiệp. Trong ba năm vừa qua, Đảng và Chính phủ đã phái hơn 300.000 chuyên gia từ các thành thị về nông thôn. Trong kế hoạch 5 năm thứ sáu tiền vốn chi cho nông nghiệp nhiều gấp 14 lần trong kế hoạch 5 năm thứ nhất. Kết quả đầu tiên là tổng sản lượng nông nghiệp tăng 70% và sản lượng lúa mì là hơn 180 triệu tấn. Sản lượng chung càng tăng thêm thì đời sống riêng của nông dân cũng càng sung sướng. Năm 1955 mỗi người nông dân hợp tác xã được chia tiền và hiện vật nhiều gấp đôi năm 1950. Trong kế hoạch 5 năm thứ năm khoản thu nhập của nông dân đã tăng gấp rưỡi, trong kế hoạch 5 năm thứ sáu lại tăng 40% nữa.

\*

\*      \*

Chúng ta đã biết qua tình hình công nghiệp và nông nghiệp của Liên Xô, bây giờ bà con ta hãy xem tình hình văn hóa thế nào.

40 năm trước, ngày cách mạng mới thành công, bọn tư bản đều nhao nhao lên: "Ôi thôi rồi! Bọn cộng sản dốt nát sẽ tiêu diệt hết văn hóa".

Sự thật đã chứng tỏ rằng, văn hóa chẳng những không bị tiêu diệt, mà lại phát triển hơn bao giờ hết, phát triển hơn nước nào hết.

Trước cách mạng, 3 phần 4 người Nga không biết đọc biết viết nhiều dân tộc thiểu số không được học hành gì hết. Có dân tộc không có chữ viết.

Một số rất ít người thường dân có thiên tài đặc biệt, mới trèo được lên cầu thang văn hóa, như các nhà văn hào Goóc-ki,



Sépsencô, v. v.. Còn hàng trăm triệu người công nông thì phải chịu đốt nát mù tối.

Cách mạng đã mở toang cửa văn hóa cho quần chúng lao động và cho tất cả các dân tộc. Bước đường văn hóa mới đầu rất chật vật, vì nhân dân đã bị đốt nát lâu đời, vì mê tín, vì thiếu cán bộ, vì địch phá... Nhưng Đảng Cộng sản, Chính phủ và quần chúng lao động đã quyết tâm và đã vượt được những khó khăn đó.

Năm 1919 Lênin đã ký sắc lệnh như sau: "Để cho toàn dân có thể tham gia sinh hoạt chính trị của Nhà nước một cách sáng suốt, tất cả công dân từ tám đến 50 tuổi mà không biết đọc biết viết, thì đều phải học cho biết đọc biết viết tiếng mẹ đẻ của mình, hoặc tiếng Nga, tùy ý muốn của họ".

Từ đó hàng triệu đàn ông đàn bà bắt đầu học i tờ. Công nhân và nông dân ngày đi làm, tối về học đánh vần, học viết. Những câu họ học đầu tiên là: "Chúng ta không phải là nô lệ. Chúng ta không chịu làm nô lệ".

Năm 1923, những người trí thức yêu nước đã giúp anh chị em công nông tổ chức những hội "Xóa nạn mù chữ", do đồng chí Calinin lãnh đạo.

Vì chữ Nga khó học và vì nhiều dân tộc bắt đầu mới có chữ viết, cho nên đến năm 1940 mới căn bản thanh toán xong nạn mù chữ, nghĩa là 89% đàn ông đàn bà đã biết đọc biết viết.

Nhiều người trước đây mù chữ, mà nay trở thành những cán bộ phụ trách nổi tiếng. Vài thí dụ:

Bà Ranimôva là người xứ Bacu, năm 1920 bà còn mù chữ, đi làm công cũng mang vãi che mặt. Ngày nay bà là một kỹ sư giỏi.

Bà Tairôva là người xứ Tátgiki. Ngày trước xứ này không có người đàn bà nào được đi học. Nay bà Tairôva là Bộ trưởng Bộ Xây dựng nhà cửa.

Ông Egôrôp là người xứ Iécécút, ở bắc cực Liên Xô, sau cách mạng ông mới bắt đầu học. Nay ông là một người khoa học nổi tiếng, đã phát minh và thực hiện những cách trồng trọt mới, rất có lợi cho nông nghiệp xứ Iécécút và những vùng giá rét.

Chúng ta nên nhớ rằng bọn quan lại của vua Nga ước lượng: muốn phổ biến giáo dục phổ thông khắp cả nước, ít nhất cũng phải 125 năm. Nhưng năm 1934, tức là 16 năm sau cách mạng, giáo dục phổ thông đã thực hiện ở khắp Liên Xô.

Trong những năm chiến tranh chống phát xít Đức, việc giáo dục bị đình đốn một phần. Giặc phát xít Đức đã đốt phá mất 82.000 trường học. Hòa bình trở lại, từ năm 1946 đến năm 1955, Liên Xô đã xây dựng thêm 30 vạn trường học cho 30 triệu học sinh.

Trước cách mạng, ở vùng dân tộc thiểu số Tátgiki chỉ có 10 trường tiểu học với 369 học trò. Năm 1956 ở Tátgiki có 2.500 trường học từ lớp 5 đến lớp 10, với 320.500 học trò. Ở các vùng dân tộc thiểu số khác đại khái đều như vậy.

Để so sánh thêm cho rõ, chúng ta nên nhắc lại rằng:

Năm 1915, cả nước có 752 nghìn học sinh.

Năm 1956, cả nước có 30.000 nghìn học sinh.

Hiện nay giáo dục phổ thông là 10 năm. Trong kế hoạch 5 năm thứ sáu, hơn 6.300.000 học sinh sẽ tốt nghiệp lớp 10. Ở các trường, lý luận đi đôi với thực hành; học trò có những giờ thực tập lao động về công nghiệp và nông nghiệp. Có khi thầy trò cùng đi đến nhà máy và nông trường để thực tập.

Ngoài ra còn có 6.637 trường bổ túc cho những thanh niên công nông vừa làm vừa học. Chương trình dạy đến lớp 10, hiện nay có 1.400.000 thanh niên theo học những lớp bổ túc ấy.

Các nhà máy, các nông trường đều có lớp dạy cho công nhân và nông dân học thêm kỹ thuật. Kết quả là có nhiều công nhân và nông dân tiên tiến viết được báo, viết được sách để phổ biến kinh nghiệm sản xuất của họ. Có khi họ đi giảng dạy ở các trường kỹ thuật. Có người làm ủy viên của hội nghị kỹ thuật ở các trường đại học.

Số sách vở nhiều hay ít cũng chứng tỏ trình độ văn hóa của một dân tộc thấp hay là cao. Trong khoảng 400 năm, từ ngày một



quyển sách in đầu tiên ra đời ở nước Nga đến ngày trước cách mạng, cả nước xuất bản tất cả là 550.000 pho sách.

Sau cách mạng, từ 1918 đến năm 1955 là 37 năm Liên Xô đã xuất bản 1.268.000 pho sách, cộng tất cả hơn 1.800 triệu quyển.

Hiện nay mỗi năm Liên Xô xuất bản hơn 1.000 triệu quyển sách to và nhỏ bằng 122 thứ tiếng các dân tộc ở Liên Xô.

Những sách vở có giá trị ở nước ngoài cũng được dịch và in nhiều ở Liên Xô, như năm 1955 đã xuất bản 71.500.000 quyển.

Sách nhiều thì nhà đọc sách cũng phải nhiều. Liên Xô có 392.000 thư viện với 1.3000 triệu quyển sách. To nhất là thư viện Lênin ở Mátxcova, với 19 triệu quyển sách bằng 160 thứ tiếng, trong số đó 2.200.000 quyển là sách nước ngoài. Mỗi ngày, hơn 5.000 người đến xem sách ở thư viện Lênin.

Các câu lạc bộ, nhà máy, nông trường, cơ quan, trường học nào cũng có phòng sách. Chỉ tính ở nông thôn đã có hơn 110 nghìn thư viện với hơn 300 triệu quyển sách.

Cổ nhiên, gia đình nào cũng có một tủ sách.

Báo chí cũng là một ngành quan trọng của văn hóa. Trước cách mạng cả nước có:

|           |               |
|-----------|---------------|
| 1.055     | tờ báo        |
| 24        | thứ tiếng, ra |
| 3.300.000 | số 1 ngày.    |

Ngày nay có:

|            |               |
|------------|---------------|
| 7.246      | tờ báo        |
| 57         | thứ tiếng, ra |
| 48.000.000 | số 1 ngày.    |

Báo *Pravda* của Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô là tờ báo to nhất, mỗi ngày ra 5 triệu số. 16 tờ báo ở 16 thành phố lớn in lại những bài chính của báo *Pravda*.

Về *tạp chí*, Liên Xô có hơn 2.000 thứ, mỗi năm ra 360 triệu số.

Phát thanh là một cách rất rộng lớn để truyền bá văn hóa. Liên Xô có 20 triệu máy truyền thanh bằng 46 thứ tiếng các dân tộc của Liên Xô và 30 thứ tiếng nước ngoài, 75 đài phát thanh, hàng triệu máy nghe, hàng triệu máy truyền hình.

Liên Xô có hơn 60.000 rạp chiếu bóng. Tính đồ đồng thì mỗi người Liên Xô, từ cụ già hơn 100 tuổi đến em bé mới lọt lòng, mỗi năm mỗi người được xem chiếu bóng độ 13 lần.

Các thành phố đều có cung văn hóa và nhiều câu lạc bộ. Ở đó người ta có thể nghỉ ngơi, giải trí, thảo luận các vấn đề chính trị, khoa học, văn hóa, v. v.. Câu lạc bộ lại là nơi đào tạo ra những người nghệ sĩ bình dân về nghề múa hát. Năm 1956, Tổng công đoàn Liên Xô tổ chức một cuộc thi múa hát. Hơn 3 triệu người tham gia, trong đó 3.000 người giỏi nhất đã được chọn đi diễn ở Mátxcova.

Số câu lạc bộ ngày càng tăng. Năm 1927 cả nước có 33.000 câu lạc bộ.

Năm 1956 cả nước có 126.400 câu lạc bộ.

Nói đến văn hóa tức là nói đến *tầng lớp trí thức*. Sau cách mạng, một số trí thức đi theo phản động, một số trí thức thì hết lòng hết sức phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân. Như các vị đại khoa học Timiriadép, Mítsurin, v. v.. Nhưng số trí thức hồi đó quá ít ỏi. Năm 1913 trong toàn bộ công nghiệp của Nga chỉ có 7.880 kỹ sư và chuyên gia. Ít như vậy là vì chỉ có con em quý tộc và nhà giàu được vào học các trường kỹ thuật. Thí dụ, trong số học trò trường Cao đẳng nông nghiệp Pêtorótcaia có:

1 bá tước

2 hoàng thân

72 con nhà buôn to

92 con nhà tư bản



94 bà con các giáo chủ

170 quý tộc

196 con các võ quan

322 con em phú nông, địa chủ, v. v..

Sau cách mạng, thành phần học sinh của trường ấy thay đổi hẳn:

626 công nhân

652 nhân viên

826 nông dân...

Để đào tạo cán bộ cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, Liên Xô mở rất nhiều trường học để giáo dục lớp trí thức mới, trí thức của công nông.

Dưới thời đại vua Nga, cả nước chỉ có 105 trường cao đẳng với 127.000 học sinh.

Ngày nay có 765 trường cao đẳng với 1.867.000 học sinh.

Một điều nữa đáng chú ý là trước kia rất ít phụ nữ được đi học, ngày nay thì số nữ học sinh chiếm 52% ở các trường; phụ nữ chiếm 70% trong nghề dạy học và 76% trong nghề thầy thuốc.

Các trường đại học và trung học Liên Xô đào tạo các chuyên gia nhiều hơn tất cả các trường Anh, Pháp, Ý và tất cả các nước tư bản Tây Âu cộng lại. Chỉ trong năm 1956 Liên Xô có hơn 760.000 chuyên gia tốt nghiệp các trường ra.

Trước Thế giới chiến tranh lần thứ hai, Liên Xô có độ 12 triệu trí thức, ngày nay số ấy tăng gần gấp đôi.

Các viện chuyên môn nghiên cứu ngày càng nhiều. Trước đây vài mươi năm chỉ có 1.263 viện. Hiện nay tăng đến 2.796 thư viện. Như Viện hàn lâm khoa học trước đây 22 năm chỉ có 1.000 người tham gia công tác, hiện nay có 12.000 người. Viện này có chi nhánh khắp cả nước. Và các nước Cộng hòa đều có Viện hàn lâm khoa học của mình.

Các Viện khoa học liên lạc rất mật thiết với việc sản xuất và giúp các xí nghiệp cải thiện cách sản xuất của họ.

Một trong những thành tích to lớn mới đây của khoa học Liên Xô là từ năm 1954 đã giải quyết được vấn đề dùng nguyên tử trong công nghiệp, nông nghiệp, y tế.

Việc Liên Xô thí nghiệm thành công việc thử tên lửa vượt đại dương có thể mang đầu đạn nguyên tử là một thắng lợi quan trọng của Liên Xô, một cống hiến quan trọng của khoa học Liên Xô cho lực lượng hòa bình thế giới.

Bà con chắc có người đã biết rõ rằng Liên Xô còn đang chuẩn bị bắn một vệ tinh nhân tạo cho xoay vòng quanh trái đất để tìm hiểu những điều bí ẩn của không trung.

Để kết thúc đoạn này, chúng ta nên nhắc lại lời so sánh của một tờ báo Mỹ. *Nữ Uớc thời báo* (11-1954) viết:

"Ở Mỹ, bốn năm gần đây, việc đào tạo kỹ sư đã *kém sút* rất nhiều: năm 1950 có 50.000 học sinh kỹ sư tốt nghiệp, năm nay chỉ có 20.000.

"Ở Liên Xô, số kỹ sư ngày càng tăng. Năm 1928 có 11.000 người. Năm 1950 có 28.000 người. Năm 1953 có 40.000 người. Năm nay số học sinh kỹ sư tốt nghiệp *nhiều gấp 2 lần rưỡi của Mỹ*.

"Liên Xô ra sức đào tạo những người đại kỹ sư. Năm 1946 có 3.188 người. Năm 1953 có 8.530 người. Năm nay hơn 25.000 người.

"Ở Mỹ số người đại kỹ sư *giảm sút 56%*; năm 1950 có 9.096 người. Năm nay chỉ có 3.978 người".

\*

\* \*

Chúng ta đã tóm tắt tình hình kinh tế và văn hóa của Liên Xô. Bây giờ mời bà con xem đời sống thực tế của nhân dân Liên Xô thế nào.



Bà con ta ai cũng nhận rằng ngày nay người Liên Xô sống một cách rất sung sướng. Điều đó rất đúng. Nhưng chúng ta nên nhớ rằng nhân dân Liên Xô đã phải kinh qua *18 năm đấu tranh vô cùng gian khổ*, thất lưng buộc bụng, ra sức xây dựng, mới có kết quả tốt đẹp như ngày nay.

Năm 1930, tức là sau cách mạng 13 năm và giữa kế hoạch 5 năm thứ nhất, nạn thất nghiệp mới hết hẳn. Từ đó trở đi, chẳng những không có nạn thất nghiệp nữa, mà các xí nghiệp lại phải đi tìm công nhân. Càng ngày càng nhiều nhà máy mới xây dựng, Nhà nước phải mở trường học để dạy nghề cho công nhân và cung cấp công nhân cho các ngành. Các nhà máy đều có lớp dạy nghề và chính trị. Có những nhà máy một nửa số công nhân theo các lớp học, và 1 phần 5 công nhân vừa làm vừa học lớp đại học hoặc trung học. Từ năm 1946 đến 1955, hơn 68 triệu người vừa làm vừa học như thế và đã trở nên những người lành nghề.

Hiện nay, cả nước có 439 trường chuyên nghiệp.

Kinh tế càng phát triển thì số người lao động càng tăng thêm. Năm 1913 cả nước Nga có non 13 triệu công nhân và viên chức. Năm 1956 số đó tăng đến 50 triệu.

Số người lao động tăng nhiều, nhưng vẫn chưa thỏa mãn nhu cầu sức lao động của các xí nghiệp, vì vậy phải chế tạo nhiều máy móc để thế cho công người làm.

Thử hỏi người lao động Liên Xô được hưởng những quyền lợi gì?

Cách mạng đã đánh đổ địa chủ và tư bản, cách mạng đã giao cho giai cấp lao động quyền làm chủ nước nhà; đó là một. Cách mạng đã tiêu diệt chế độ người bóc lột người, đồng thời lập chế độ công làm ngang nhau thì tiền lương ngang nhau.

Chế độ *tiền lương* rất quan hệ đến sản xuất và mức sống của người lao động. Khi định tiền lương phải xuất phát từ

nguyên tắc định thể nào cho người lao động thiết thực quan tâm đến kết quả việc làm của họ, làm cho họ cố gắng học tập để tiến bộ mãi về nghề nghiệp và sản xuất. Nói tóm lại, định tiền lương phải dựa vào số lượng và chất lượng của công tác. Thí dụ lương của công nhân nhà in có 8 bậc từ A đến H. Bậc A là người đang học nghề thì mỗi giờ 1 đồng. Bậc B là thợ mới, lương mỗi giờ 1đ20... Đến bậc H là thợ lành nghề, lương mỗi giờ 2đ80. Định tiền lương như thế, mọi người đều cố gắng tiến lên bậc khác. Đối với cá nhân người thợ, như thế có lợi; đối với sản xuất của xí nghiệp như thế cũng có lợi.

Những công nhân làm việc khó nhọc như đào than, thì ăn lương nhiều hơn những công nhân thường từ 15 đến 30%.

Ở các xí nghiệp phần nhiều công nhân làm *khoán*. Đối với những công việc không thể làm khoán, thì ngoài tiền lương chính, công nhân ngành ấy được tiền thưởng tăng năng suất và tiết kiệm nguyên vật liệu.

Khi sản xuất vượt mức kế hoạch, thì các kỹ sư, giám đốc, chuyên môn và các nhân viên cũng được thưởng.

Ở Liên Xô, năng suất lao động tăng mãi, sản xuất tăng mãi, cho nên tiền lương cũng tăng mãi. Như từ năm 1950 đến 1955 tiền lương đã tăng 39%. Kế hoạch 5 năm thứ sáu lại định tăng 30% nữa và đặc biệt tăng cho những người lao động ăn lương thấp nhất.

Vì năng suất tăng nhiều, cho nên đã có thể thêm lương lại có thể bớt *giờ làm*. Từ đầu năm nay đã thực hiện ngày làm 7 giờ ở nhiều nhà máy. Như ở mỏ than Đônét, công nhân đào than ngày làm 6 giờ, các công nhân khác thì làm 7 giờ.

Để cho mọi người lao động đều có quyền đóng góp vào việc xây dựng và bảo vệ xã hội, luật Liên Xô có quy định: người lao động chân tay và trí óc mỗi tháng làm được hơn 370 đồng rúp tiền lương thì đóng góp từ 1 rưởi đến 13%, tùy tiền thu nhập



hiều hay là ít. Người nào phải nuôi ba người ăn thì khoản đóng góp ấy được giảm 30%. Công nhân nam từ 20 đến 50 tuổi, nữ từ 20 đến 45 tuổi, nếu không có con thì phải nộp 6%, có một con thì nộp 1%, có hai con thì nộp 0,5%. Nhà nước dùng khoản tiền này vào việc giúp những người đàn bà có thai, những người mẹ góa chồng, những nhà đông con.

Chúng ta biết rằng mức sống của nhân dân và *vật giá* ở thị trường quan hệ rất mật thiết. Vật giá được ổn định hoặc là giảm bớt thì tiền lương thực tế mới thật sự được tăng thêm, mức sống mới thực sự được nâng cao. Để ổn định vật giá, phải dùng mấy phương pháp: trước hết là tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm. Thứ hai là Nhà nước cần nắm tất cả các thứ hàng cần dùng cho nhân dân. Thứ ba là trong khi các thứ hàng chưa được dồi dào thì phải hạn chế một cách nghiêm khắc, thắt tay trừng trị bọn đầu cơ tích trữ. Mặc dầu sản xuất rất dồi dào, Liên Xô cũng thi hành cách *hạn chế* đến cuối năm 1947 mới thôi.

Từ năm 1947 trở đi chẳng những đã bỏ hạn chế, mà lại liên tiếp giảm giá hàng và tăng lương nhiều lần. Do đó mà đời sống của nhân dân được nâng cao mãi. Thí dụ: cũng với số tiền ấy mà:

| Năm 1947 mua được |       | Năm 1956 mua được: |          |
|-------------------|-------|--------------------|----------|
| Bánh mì           | 1kg   | Bánh mì            | 2 kg 850 |
| Thịt              | 1kg   | Thịt               | 2 kg 800 |
| Đường             | 1kg   | Đường              | 2 kg 300 |
| Sữa               | 1 lít | Sữa                | 1 lít 4  |

Giá hàng càng giảm, thì sức mua của nhân dân càng tăng và sự ăn tiêu của nhân dân càng thêm rộng rãi. So với năm 1940, thì năm 1956 bình quân mỗi người ăn dùng thêm:

|       |     |         |      |
|-------|-----|---------|------|
| Thịt  | 62% | Sữa     | 100% |
| Đường | 87% | Giấy    | 83%  |
| Cá    | 92% | Vải vóc | 94%  |

Theo kế hoạch 5 năm thứ sáu ấn định thì đến năm 1960 các thứ ăn dùng hằng ngày của nhân dân so với năm 1950 sẽ tăng thêm:

|       |             |
|-------|-------------|
| Đường | 75%         |
| Thịt  | 85%         |
| Sữa   | 200%        |
| Trứng | 200% v. v.. |

Ngoài việc tăng lương, bớt giờ làm, giảm giá hàng, người lao động Liên Xô còn được hưởng nhiều lợi ích khác. Nếu tính ra tiền thì những lợi ích ấy xấp xỉ 1 phần 3 tiền lương của gia đình. Thí dụ: Khi đau ốm thì được đi nhà thương không phải mất tiền chữa và tiền thuốc men. Nhà đông con thì được phụ cấp. Công nhân và viên chức đàn ông đã 60 tuổi và đã làm việc quá 25 năm, đàn bà đã 55 tuổi và đã làm việc quá 20 năm, đều được lĩnh hưu bổng bằng 50 đến 100% lương trung bình. Những người già yếu mà không có gia đình thì được Nhà nước nuôi. Liên Xô có 900 nhà dưỡng lão, nuôi hơn 120.000 cụ già; và 1.430 nhà nuôi trẻ con mồ côi.

Mỗi năm được 1.500 nghìn ruble con cháu công nhân và cán bộ được đi nghỉ ở các trại hè; các em chỉ phải trả 1 phần 3 phí tổn.

Mỗi năm hàng triệu người lao động được đi nghỉ ở các bờ biển hoặc các khu rừng trong hai tuần trở lên. 20% số người đó không phải trả tiền. Những người khác thì trả 30% phí tổn, còn thì do Nhà nước và Công đoàn trả.

Ở những nơi phong cảnh rất đẹp, thí dụ như vùng Crimê trên bờ biển đen, Liên Xô có hơn 350 trung tâm và hơn 3.000 lâu đài làm chỗ nghỉ mát cho nhân dân lao động; một năm hơn 11 triệu người thay phiên nhau đến nghỉ.

Nhà ở cũng là một vấn đề rất quan trọng đối với đời sống nhân dân. Trước cách mạng, công nhân ở trong những túp lều chật hẹp, bẩn thỉu, đen tối, mà tiền thuê nhà lại chiếm mất 20 đến 25% tiền lương mỗi tháng. Năm 1913, hơn 3 phần 3 nhân dân Mátxcova ở trong các túp lều hoặc ở dưới hầm. Ngay sau cách mạng



thành công, hơn 50 vạn người lao động ở Mátxcova dời vào những ngôi nhà tịch thu của bọn vua chúa và bọn tư bản. Từ đó Liên Xô bắt đầu xây dựng nhiều nhà ở to rộng. Nhưng trong mấy năm 1941 đến 1945 giặc phát xít Đức đốt phá mất hơn 6 triệu ngôi nhà, làm cho hơn 25 triệu người bơ vơ không có chỗ ở.

Hòa bình trở lại, Liên Xô ra sức giải quyết vấn đề nhà cửa một cách thắng lợi. Thí dụ: thành phố Xtalingrát bị phát xít Đức đốt phá trụi, nhưng chỉ trong vòng tám năm, chẳng những nhà ở, xưởng máy, đường sá, vườn hoa được xây dựng lại đẹp hơn trước và nhiều hơn trước chiến tranh, mà còn xây dựng thêm 116 trường tiểu học và trung học, năm trường đại học, 82 thư viện, v. v..

Trong 10 năm, Liên Xô đã xây dựng 250 triệu thước vuông nhà ở trong thành phố và 4.500 ngôi nhà ở nông thôn. Một đại biểu Quốc hội Pháp đã nói: "Trong sáu năm, từ 1947 đến 1952, chỉ riêng Mátxcova đã xây dựng nhà ở nhiều gấp 10 lần Pari và tỉnh Xen ở Pháp đã xây dựng".

Sẵn đây, mời bà con hãy vào thăm nhà đồng chí công nhân này. Nhà này có phòng ăn, phòng ngủ, phòng tắm, hai phòng cho trẻ con, có đèn điện, bếp điện, máy thu thanh. Dưới đất thì có rải thảm, trên tường có treo những bức tranh. Có tủ sách, tủ áo, tủ thuốc. Có giường lò xo rải vải trắng toát. Trên cửa sổ có những chậu hoa thơm tho và đủ màu sắc. Ngoài vườn có các thứ hoa quả, các thứ cây. Nhà ở của công nhân (và nông dân) đều rất sạch sẽ, mát mẻ, xinh đẹp, như nhà này.

Cách ăn ở như vậy cho nên sức khỏe của nhân dân rất dồi dào. Tuy vậy, Đảng và Chính phủ vẫn rất chú ý việc vệ sinh và phòng bệnh. Trước cách mạng cả nước Nga chỉ có 28.000 bác sĩ. Ngày nay Liên Xô có hơn 334.000 bác sĩ, 70 trường thuốc, 250 viện nghiên cứu, 1.290.000 giường ở các nhà thương công cộng. Một thí dụ: Trước kia xứ Udobêkixtan cứ 31.000 người mới có 1 thầy thuốc, nay một thầy thuốc chăm nom cho 895 người.

Riêng xưởng xe hơi ở Mátxcova có đến 15 giáo sư, 138 bác sĩ, 227 y sĩ và bà đỡ đẻ. Xưởng có một nhà thương to, 17 trạm cấp cứu, một tiệm cơm riêng cho những công nhân cần ăn chay...

Tất cả đàn bà có thai và trẻ con chưa đầy năm đều được thầy thuốc luôn luôn theo dõi sức khỏe. Cả nước có hơn 18.000 nhà nuôi hơn 1.000 nghìn trẻ con. Các nhà máy và các nông trường đều có nhà giữ trẻ. Các trẻ em lên ba có thể vào vườn gửi trẻ, bố mẹ chỉ phải trả 1 phần 2 tiền phí tổn.

Tất cả những điều trên đây đưa đến kết quả là số người chết ngày càng giảm bớt. Trước cách mạng (1913) mỗi năm cứ 1.000 người thì hơn 30 người chết. Năm 1956 cứ 1.000 người thì chỉ hơn 7 người chết. Cũng trong năm 1956, ở nước Anh cứ 1.000 người có hơn 11 người chết và ở Pháp thì 12 người chết. Xem đó chúng ta thấy rằng sống lâu hay chết non là tại chế độ kinh tế chứ không phải tại số phận.

Các nhà khoa học cho biết rằng:

Năm 1897 (tức là cách đây 60 năm), đời sống trung bình của người Nga là 32 tuổi.

Năm 1955, đời sống trung bình của người Liên Xô là 64 tuổi.

\*

\* \*

Thưa bà con, chúng ta đã đến Mátxcova rồi. Lâu đài nguy nga đăng kia là điện Kremli, trụ sở chính quyền tối cao của Liên Xô.

Trước khi đi xem Thủ đô cách mạng, xin mời bà con tạm nghỉ chân ở vườn hoa này, tôi sẽ trình bày cách tổ chức chính trị của Liên Xô cho bà con nghe. Tôi chỉ trình bày sơ lược thôi.

Mùa thu năm 1917, trong khi ngọn lửa Thế giới chiến tranh lần thứ nhất đang cháy tràn lan ở châu Âu, thì Cách mạng Tháng Mười, Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Nga bùng nổ, thắng lợi.

Chính phủ tư sản bị đánh đổ. Một Chính phủ công nông - đầu tiên trong lịch sử và đầu tiên trên thế giới - đã thành lập, do đồng chí Lênin cầm đầu. Việc đầu tiên Chính phủ ấy làm là:



- Tuyên bố hòa bình, không chiến tranh nữa.
- Tịch thu ruộng đất của địa chủ, chia ruộng đất cho nông dân lao động.
- Tất cả tài sản trong nước như nhà máy, ngân hàng, hầm mỏ, xe lửa, v. v. đều thành của công, đều do giai cấp công nhân quản lý.

Thật là một cuộc biến đổi long trời lở đất. Quyền thống trị của phong kiến, tư bản, đế quốc trên thế giới bị đánh tan mất một mảng to và bị lung lay tận gốc. 200 triệu công nông và dân tộc thiểu số đã phá toang xiềng xích nô lệ và trở thành người chủ của nước nhà trên một phần sáu quả địa cầu, đồng thời họ kêu gọi nhân dân bị áp bức bóc lột trên thế giới làm theo họ.

Chủ nghĩa xã hội đã thắng lợi ở Nga.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, nhân dân lao động Nga đập tan bộ máy chính quyền cũ, lập nên bộ máy chính quyền mới.

Theo Hiến pháp mới, thì Liên bang các Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết là một Nhà nước gồm có nhiều dân tộc của công nhân và nông dân.

Liên Xô là một nước vô sản chuyên chính, xây dựng trên nền tảng công nông liên minh.

Cơ quan chính quyền cao nhất của Liên Xô là Xôviết tối cao. Xôviết tối cao cũng như Quốc hội ta vậy.

Liên Xô hiện gồm có 15 nước Cộng hòa là:

- Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Liên bang Xôviết Nga
- Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xôviết Ucraina
- Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xôviết Nga trắng
- Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xôviết Uđôbêkixtan
- Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xôviết Cadakhi
- Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xôviết Ghêoócghi

- Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xôviết Adécbaigian
- Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xôviết Lituani
- Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xôviết Mônđavi
- Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xôviết Kiécghidi
- Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xôviết Tátghiki
- Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xôviết Ácmêni
- Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xôviết Tuốcmêni
- Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xôviết Éttôni
- Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xôviết Létônii.

Trong mỗi nước Cộng hòa đôi khi lại có những *Cộng hòa tự trị* của một dân tộc. Như trong Cộng hòa Nga có đến 14 Cộng hòa tự trị: Báchkaari, Buriatô Mông cổ, Đavítxtan, v. v.. Ngoài Cộng hòa tự trị, ở Liên Xô lại có 10 *khu tự trị* (nhỏ hơn Cộng hòa tự trị) rải rác ở trong Cộng hòa Nga, Adécbaigian và Tátgiki.

Và 10 huyện *tự trị* (nhỏ hơn khu tự trị) ở phía bắc Cộng hòa Nga.

Tuy diện tích to nhỏ, số người nhiều ít, trình độ cao thấp khác nhau, các nước Cộng hòa, các dân tộc Liên Xô đều đoàn kết chặt chẽ như anh em ruột thịt, ra sức giúp đỡ lẫn nhau phát triển về mọi mặt; nhất là giúp các nước, các dân tộc nhỏ hơn để họ phát triển kịp các dân tộc lớn. Thí dụ:

Cộng hòa tự trị Iécécút ở về phía Đông - Bắc châu Á, là một vùng rừng cao sông thẳm, tuyết phủ bốn mùa. Nhân dân thưa thớt. Trước đây chỉ còn mấy nhóm thổ dân lơ thơ gần bị mất giống. Iécécút là chốn sơn cùng thủy tận, mà ngày xưa vua Nga dùng làm nơi đày chính trị phạm.

Từ ngày cách mạng thành công, Iécécút được các dân tộc anh em giúp đỡ, tổ chức thành một Cộng hòa tự trị. Nhiều xí nghiệp được mở mang, như xí nghiệp đào than, làm muối, đóng tàu, đào vàng, đào ngọc, v. v.. Nhân dân ngày thêm đông đúc, văn



hóa ngày thêm phát triển. Người Iéc-cút chẳng những đã có chữ viết mới của họ, mà còn xây dựng hơn 600 trường học đủ các lớp và hàng nghìn tổ chức văn hóa tỏa ra các nơi. Cuối năm 1956 Iéc-cút mới mở một Cao đẳng học viện với 1.2000 học viên. Vài năm nữa họ sẽ là những giáo thụ, kỹ sư, bác sĩ, v. v.. Thế là Iéc-cút đã thành một nước Cộng hòa tự trị thịnh vượng về mọi mặt.

*Xôviết tối cao* của toàn Liên Xô bốn năm cử lại một lần. Xôviết tối cao gồm có 2 viện:

Viện Xôviết liên bang, cứ 30 vạn cử tri thì có một đại biểu.

Viện Xôviết dân tộc thì mỗi một nước Cộng hòa có 25 đại biểu.

Mỗi Cộng hòa tự trị 11 đại biểu.

Mỗi khu tự trị có 5 đại biểu.

Mỗi huyện tự trị có 1 đại biểu.

Hai Viện ấy số đại biểu ngang nhau và quyền hạn cũng ngang nhau. Mỗi năm Xôviết tối cao họp hai kỳ. Trong thời gian Xôviết tối cao không họp thì Chủ tịch đoàn được quyền giải quyết các vấn đề. Chủ tịch đoàn do Xôviết tối cao cử ra, gồm có một Chủ tịch và 15 Phó Chủ tịch. (Mỗi nước Cộng hòa có một Phó Chủ tịch). Chính phủ Liên Xô do Xôviết tối cao cử ra.

Hiện nay Xôviết tối cao Liên Xô có 1.347 đại biểu, trong số đó 348 là phụ nữ. Tất cả các đại biểu đều là những công nhân, nông dân, trí thức, quân nhân đã có công với sự nghiệp xây dựng xã hội chủ nghĩa và được nhân dân tin cậy. Một số khá đông đại biểu là anh hùng lao động và chiến sĩ thi đua.

\*

\*   \*

Mỗi nước Cộng hòa đều có Xôviết tối cao của mình. Số đại biểu thì tùy số nhân dân mỗi nước Cộng hòa mà định, như:

Cộng hòa Nga thì 15 vạn cử tri có                      1 đại biểu

Cộng hòa Ucraina 10 vạn cử tri có                      1 đại biểu

Cộng hòa Kiécghidi 5000 cử tri có 1 đại biểu

Cộng hòa tự trị Nakhichevan 2.000 cử tri có 1 đại biểu.

Từ Xôviết xã đến Xôviết tối cao toàn Liên Xô đều do nhân dân trực tiếp bỏ phiếu kín bầu ra.

Công dân - không phân biệt gái trai, nòi giống, giai cấp, tôn giáo - hễ đủ 18 tuổi thì có quyền bầu cử và có quyền ứng cử vào Xôviết địa phương.

Đủ 21 tuổi thì có quyền ứng cử vào Xôviết tối cao các nước Cộng hòa.

Đủ 23 tuổi thì có quyền ứng cử vào Xôviết tối cao toàn Liên Xô.

Đó là một cách tuyển cử thật thà dân chủ, trái hẳn với cách tuyển cử giả dân chủ của Mỹ.

Nhân dân Liên Xô ai cũng coi Quốc hội là Quốc hội của mình, Chính phủ là Chính phủ của mình, do đó mà ai cũng coi trọng quyền cử tri của mình. Trong các cuộc tuyển cử thường thường là tất cả cử tri tham gia bỏ phiếu.

Người công dân Liên Xô được hưởng tất cả các quyền tự do dân chủ, đồng thời phải thực hiện đầy đủ những nghĩa vụ của mình là:

Phải giữ gìn pháp luật của Nhà nước,

Phải thật thà lao động,

Phải giữ kỷ luật và thuần phong mỹ tục,

Phải tôn trọng và giữ gìn của công,

Phải bảo vệ Tổ quốc.

Chế độ Xôviết làm cho nhân dân trực tiếp và thiết thực tham gia quản lý nước nhà. Từ Xôviết xã đến Xôviết tối cao toàn Liên Xô có những Ủy ban chuyên môn lo từ việc lớn như kế hoạch kinh tế Nhà nước, đến những việc nhỏ như vệ sinh ở các đường phố. Trong những Ủy ban ấy ngoài các đại biểu, có hàng



chục triệu công nhân nam nữ hăng hái tham gia giúp việc.

Nhân dân Liên Xô lại có những lực lượng tổ chức vô cùng mạnh mẽ như:

Đoàn Thanh niên Cộng sản có 18 triệu rưỡi đoàn viên.

Hợp tác xã tiêu thụ của nông dân có 33 triệu hội viên.

Tổng Công đoàn có 46 triệu người.

Tất cả những lực lượng to lớn ấy đều ở dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Liên Xô. Luôn luôn nêu cao ngọn cờ tất thắng của chủ nghĩa Mác - Lênin, luôn luôn đi đúng đường lối quân chúng. Đảng Cộng sản đã phát triển rất mạnh. Năm 1917 là năm cách mạng thành công, Đảng có 24 vạn đảng viên. Năm 1956 Đảng có hơn 720 vạn đảng viên.

Đảng đã lãnh đạo nhân dân vượt nhiều khó khăn, từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Song thắng lợi không làm cho Đảng choáng váng đầu óc, thất bại không làm cho Đảng nản chí sờn lòng. Ngày nay cũng như hôm qua, Đảng cứ mạnh dạn tiến bước, tiến bước một cách chắc chắn trên con đường Đảng đã định. Con đường đã định tức là chủ nghĩa cộng sản.

\*

\*      \*

Trước Thế giới chiến tranh lần thứ hai, cả thế giới chỉ có 17% đất đai, 9% nhân dân, 10% sản lượng công nghiệp thuộc về hệ thống xã hội chủ nghĩa. Ngày nay, 26% đất đai, 35% nhân dân, 33% sản lượng công nghiệp đã thuộc về các nước xã hội chủ nghĩa.

Năm 1917, trước ngày Cách mạng Tháng Mười, chỉ có non 25 vạn đảng viên cộng sản Nga; các nước khác trên thế giới, chưa có đảng cộng sản. Ngày nay, trên thế giới có hơn 33 triệu đảng viên cộng sản. Đó là những sự biến đổi to lớn từ ngày Cách mạng Tháng Mười thắng lợi.

Suốt 40 năm lịch sử, gần 30 năm trong giai đoạn trước, Liên Xô đã một mình tay lái tay chèo. Trong thì lo xây dựng chủ nghĩa xã hội, ngoài thì phải chống lại chủ nghĩa đế quốc xâm lăng. Trong cuộc Thế giới chiến tranh lần thứ hai, Liên Xô đã hy sinh rất nhiều và đã cứu loài người khỏi ách dã man phát xít, đồng thời giúp giải phóng nhiều nước thoát khỏi xiềng xích tư bản.

Hòa bình trở lại, Liên Xô phần thì lo hàn gắn những vết thương chiến tranh để lại, (bà con nên nhớ rằng phát xít Đức đã đốt phá 1.710 thành phố, 7 vạn làng mạc, 31.850 trường học, 6 triệu ngôi nhà; chúng đã bắn giết ngót 17 triệu người) và lo khôi phục và phát triển kinh tế của mình; phần thì ra sức giúp đỡ các nước anh em xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Nhờ sự giúp đỡ vô tư của Liên Xô mà kinh tế của các nước trong đại gia đình xã hội chủ nghĩa phát triển rất nhanh chóng. Vài thí dụ: Nếu lấy năm trước Thế giới chiến tranh lần thứ hai là mức 100%, thì năm 1956 mức sản xuất công nghiệp của mấy nước xã hội chủ nghĩa tăng tiến như sau:

|             |             |
|-------------|-------------|
| Anbani      | tăng 1.150% |
| Bungari     | tăng 638%   |
| Ba Lan      | tăng 535%   |
| Hunggari    | tăng 380%   |
| Rumani      | tăng 330%   |
| Tiệp        | tăng 266%   |
| Đức dân chủ | tăng 224%   |

Trong kế hoạch 5 năm lần thứ nhất của Trung Quốc, Liên Xô đã giúp xây dựng 156 xí nghiệp và 21 công trường to, trị giá là 5.600 triệu đồng rúp.

Đối với Việt Nam ta, sự giúp đỡ của Liên Xô thật là to lớn. Có thể nói tóm tắt như thế này:



Nhờ có Đảng Cộng sản Liên Xô dẫn đường chỉ lối, chúng ta mới có Đảng Cộng sản Đông Dương, rồi Đảng Lao động Việt Nam để lãnh đạo nhân dân ta làm cách mạng.

Nhờ Hồng quân anh dũng đánh tan quân phiệt Nhật, mà tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc Cách mạng tháng Tám của ta thành công.

Trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ, nhờ sự ủng hộ của nhân dân Liên Xô và nhờ gương sáng oanh liệt của nhân dân Liên Xô đã khuyến khích, quân và dân ta đã khắc phục gian khổ, chiến đấu đến thắng lợi cuối cùng.

Từ ngày hòa bình trở lại, Liên Xô đã cùng với các nước anh em khác giúp ta tiền bạc, máy móc, nguyên liệu, chuyên gia để ta làm vốn tự lực cánh sinh, xây dựng kinh tế và phát triển văn hóa. Một điều rất quý giá nữa là kinh nghiệm Liên Xô đã bảo cho chúng ta biết cần phải ra sức tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, để nâng cao đời sống của nhân dân, do đó mà lãnh đạo nhân dân đấu tranh thống nhất nước nhà và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Ngoài các nước anh em trong đại gia đình xã hội chủ nghĩa, Liên Xô còn ra sức giúp đỡ các nước bạn như Ai Cập, Xyri, Ấn Độ, v. v..

Nếu chúng ta biết rằng lực lượng đưa ra giúp các nước anh em và các nước bạn cũng xấp xỉ với lực lượng để xây dựng trong nước, thì chúng ta mới biết tinh thần quốc tế cao quý của Liên Xô thật là không bờ bến.

\*

\*      \*

40 năm qua là 40 năm thử thách gian nan, 40 năm đấu tranh anh dũng và thắng lợi vẻ vang của Liên Xô, của chủ nghĩa xã hội. Đồng thời là 40 năm thất bại chua cay của chủ nghĩa đế quốc.

Trong 40 năm qua, hơn 900 triệu nhân dân đã đoàn kết chặt chẽ thành một đại gia đình xã hội chủ nghĩa đứng đầu là Liên

Xô. Gần 1. 500 triệu người, tức là hơn một nửa nhân dân trên thế giới đã giành được tự do, độc lập và đang cùng đấu tranh cho hòa bình.

Nói tóm lại, kết quả và ảnh hưởng của Cách mạng Tháng Mười trong 40 năm qua thật là vĩ đại.

Không có lực lượng gì ngăn trở được mặt trời mọc. Không có lực lượng gì ngăn trở được lịch sử loài người tiến lên. Cũng không có lực lượng gì ngăn trở được xã hội chủ nghĩa phát triển. Xem những tiến bộ của 40 năm qua, chúng ta có thể đoán biết những tiến bộ của những năm sắp đến. Chúng ta có thể đoán rằng trong 20, 30 hoặc 40 năm nữa, chủ nghĩa xã hội có thể thực hiện khắp thế giới.

Để kết thúc cuộc du lịch này, chúng ta cùng nhau hô to:

VÔ SẢN TOÀN THỂ GIỚI ĐOÀN KẾT LẠI!

NHÂN DÂN LIÊN XÔ VĨ ĐẠI MUÔN NĂM!

ĐẢNG CỘNG SẢN LIÊN XÔ MUÔN NĂM!

TINH THẦN CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI VĨ ĐẠI  
MUÔN NĂM!

CHỦ NGHĨA XÃ HỘI MUÔN NĂM!

*Tháng 10 năm 1957*



## TÀI LIỆU THAM KHẢO

Những sách thuộc loại "Liên Xô" (Union Soviétique) viết bằng Pháp văn do Nhà xuất bản ngoại văn Mátxcova xuất bản năm 1957:

- *Liên Xô, Nhà nước của những người lao động* của A. Dénissov và A. Xodkovski.

- *Văn hóa Xôviết* của M. Kim và những sách khác của các tác giả N. Mikhaïlov, N. Anissimov, E. Manévitch, F. Kochelev.



Chủ tịch Hồ Chí Minh sang Trung Quốc năm 1950 chuẩn bị cho chiến dịch mở thông biên giới (Các nhà chức trách ở biên giới Trung Quốc đón tiếp tại tỉnh Quảng Tây; chụp ảnh lưu niệm của đại tá Lâm Kính giám đốc Trường Văn hóa quân đội Nguyễn Đăng Thọ chụp lại)

*Ảnh: Bảo tàng Hồ Chí Minh*



# TÌNH NGHĨA ANH EM VIỆT - AN - MIẾN

*Thư của L. T.*

*Em Hương yêu quý,*

Chắc hẳn khi tiếp được thư này, em sẽ rất sung sướng. Em sẽ vội vàng đọc lại cho thầy mẹ, các anh, các chị và các cháu nghe. Rồi em thuật lại cho bà con, cô bác trong làng đều biết. Kết quả sẽ là mọi người đều sung sướng vui mừng! Vì:

Trong cuộc Hồ Chủ tịch đi thăm hữu nghị hai nước Ấn Độ và Miến Điện\*, anh là một trong mấy cán bộ có vinh hạnh được đi theo Bác.

Em nghĩ xem, đi theo Bác sẽ được học hỏi không ít, đến hai nước bạn lại được nghe thấy thêm nhiều. Tục ngữ có câu "Đi một phiên chợ, học một mớ khôn". Chắc rằng chuyến này sự hiểu biết của anh sẽ tăng tiến. Anh sẽ cố gắng ghi chép những điều tai nghe mắt thấy, tiếp tục gửi về cho em. Đó cũng là một cách giúp em học hỏi.

4 giờ chiều hôm qua (4-2-1958), chiếc máy bay Ấn sang đón Bác cất cánh từ trường bay Gia Lâm. Cùng đi có cụ Phó Thủ tướng Phan Kế Toại, ba đồng chí Bộ trưởng Hoàng Minh Giám, Phạm Hùng, Phan Anh và vài chục cán bộ phụ trách lễ tân, quay phim, đánh máy, bảo vệ, v. v... Đến sân bay tiễn Bác rất đông người, gồm có các đồng chí Trung ương Đảng và Chính phủ, các

---

\* *Miến Điện*, tiếng nước bạn là "Myanma" (nước Myan). Tiếng Trung Quốc dịch thành Myan-điện, điện nghĩa là bờ cõi. Ta dịch theo tiếng Trung Quốc, nhưng "Miến" thì đọc ra "Diễn". Cũng như Canada, tiếng Trung Quốc vẫn dịch, nhưng ta lại đọc thành "Gia Nã Đại", là đọc sai (T. G).

vị đại biểu Quốc hội và Quân đội. Mặt trận và các đoàn thể nhân dân, Đoàn ngoại giao, các em nhi đồng... Cùng ra tiễn có đại sứ Kôn, Chủ tịch ủy ban Quốc tế và nhiều bà con Ấn kiều.

Sau khi cùng Thủ tướng Phạm Văn Đồng và Đại tướng Võ Nguyên Giáp đi duyệt đội danh dự và thân mật chào hỏi các bà con đến tiễn, Bác nói đại ý như sau:

"Mục đích cuộc đi thăm này là thắt chặt hơn nữa tình anh em giữa nước ta và hai nước bạn Ấn Độ và Miến Điện, do đó củng cố và phát triển thêm nữa mối đoàn kết giữa các dân tộc Á-Phi và bảo vệ hòa bình thế giới".

Giữa những tràng vỗ tay nhiệt liệt, Bác kết luận: "Tiễn đi nhớ bữa hôm nay, mừng về xin đợi hôm này hai tuần sau!".

Ở trường bay thì có mưa phùn và gió rét. Nhưng khi máy bay lên cao hơn 2.000 thước, thì có mặt trời nắng ấm như mùa thu.

Từ thủ đô Hà Nội đến Cancútta đường xa non 2.000 cây số. Phải kinh qua ba nước Lào, Thái Lan và Miến Điện, bay liên bảy tiếng đồng hồ. Nhiều anh em lo ngại rằng bay lâu như thế, Bác sẽ mệt. Nhưng suốt đường, khi thì nhìn ra cửa sổ xem phong cảnh, khi thì xem sách báo, Bác không có vẻ mệt nhọc chút nào.

11 giờ khuya, máy bay hạ cánh ở Cancútta. Ra sân bay đón tiếp, có bà Thủ hiến và các vị lãnh đạo xứ Bắnggan cùng các nhân viên cao cấp của thành phố Cancútta.

Anh cần nói cho em rõ: Bà Thủ hiến là bà Naiđu giữ chức Thủ hiến, chứ không phải là "bà vợ ông Thủ hiến" như có người đã hiểu lầm. Bà Thủ hiến là con bà cụ Naiđu, một thi sĩ cách mạng nổi tiếng và cũng đã giữ chức Thủ hiến lúc bà cụ còn sống.

Cùng ra đón có các vị lãnh đạo các nước anh em và mấy nước Á-Phi. Tuy đã đêm khuya, rất đông nhân dân Cancútta vẫn chờ đợi hai bên đường để hoan nghênh Bác.

Về đến dinh Thủ hiến đã 12 giờ khuya. Cơm nước xong rồi thì đã 1 giờ sáng. Mọi người đặt lưng xuống giường là ngủ li bì. Nhưng anh cố gắng viết cho xong thư số 1 này để gửi cho em, vì



sáng sớm ngày mai, Bác và đoàn sẽ tiếp tục đi máy bay đến Đêli, Thủ đô Ấn Độ.

*Đêli, ngày 5-2-1958*

Cancútta cách Đêli 1.316 cây số.

Để đón Bác, Tổng thống Praxát đã phái đến Cancútta một tổ liên lạc để đi với Bác suốt những ngày Bác ở thăm Ấn Độ. Trong tổ gồm có; ba viên trung tá và thiếu tá, đại biểu cho hải, lục, không quân; một người phụ trách báo chí; một người chụp ảnh; một người quay phim; ông Sênapati phục vụ rất tận tụy và rất kín đáo. Hai người luôn luôn ở cạnh Bác, nhưng trong mấy trăm bức ảnh đăng ở các báo không hề có hình ảnh của hai người.

Máy bay của Bác và Đoàn đến cách Đêli độ 100 cây số thì có tám chiếc máy bay quân sự ra đón.

Đến Đêli vừa đúng 12 giờ trưa.

Khi Bác và Đoàn từ máy bay bước xuống, có 21 phát đại bác bắn chào, nhưng tiếng hoan hô của quần chúng hầu như che lấp tiếng súng.

Sân bay bố trí rất long trọng và xinh đẹp, quốc kỳ hai nước Việt Ấn tung bay rợp trời. Từ chỗ máy bay đỗ đến rạp tạm nghỉ đều trải bằng thảm đỏ. Mái rạp rất rộng lớn làm bằng những bức thêu kết lại. Dưới đất thì phủ bằng những tấm thảm nhiều màu sắc. Chung quanh rạp là những chậu hoa đẹp và thơm.

Bên tay phải có một rạp khác, dành cho các quan khách đến đón. Tổng thống Praxát, Thủ tướng Nêru và con gái là bà Indira Găngđi đến tận cầu thang máy bay đón Bác và Đoàn một cách rất thân mật. Các em nhi đồng ríu rít chạy lại tặng hoa.

Tổng thống và Thủ tướng đang đi kinh lý các tỉnh xa, ngày hôm qua mới về Thủ đô để đón Bác và Đoàn. Dù cảm gió, khàn cổ, nhưng Tổng thống vẫn cố gắng đến sân bay đón Bác.

Bác và Đoàn đi bắt tay các Bộ trưởng, các đại biểu Quốc hội các tướng lĩnh, các vị trong Đoàn ngoại giao...

Đội nhạc danh dự cử quốc ca hai nước Việt - Ấn.

Bác đi duyệt đội danh dự gồm có hải, lục, không quân.

E rằng Tổng thống quá mệt, Bác kiên quyết khuyên mãi, cụ Praxát mới chịu về nghỉ. Trước khi thay mặt Tổng thống đọc lời hoan nghênh, Thủ tướng Nêru nói: Hồ Chủ tịch là một nhà đại cách mạng phi thường trong thời đại này. Người luôn luôn giải quyết những vấn đề khó khăn với nụ cười trên môi...

Lời hoan nghênh của Tổng thống như sau:

*"Thưa Chủ tịch,*

Tôi rất lấy làm sung sướng được hoan nghênh Chủ tịch lần đầu tiên Ngài đến thăm nước chúng tôi. Tất cả chúng tôi hoan nghênh Ngài như một đại chiến sĩ tự do, như một vị lãnh tụ thân mến và như Chủ tịch một nước bạn là nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Ấn Độ luôn luôn quan tâm đến sự giải phóng của những dân tộc bị nước ngoài thống trị trái với ý muốn của nhân dân. Sau khi đã giành được tự do, sự quan tâm của chúng tôi trở nên sự đồng tình tích cực, dù rằng chúng tôi cũng có những hạn chế của chúng tôi.

Chúng tôi vô cùng sung sướng thấy Chủ tịch đến với chúng tôi. Nhân danh Chính phủ, nhân dân Ấn Độ và cá nhân tôi, tôi xin nhiệt liệt hoan nghênh Ngài ở lại Ấn Độ sẽ là những ngày vui vẻ và có kết quả. Và ngài sẽ có dịp đi thăm những cố gắng của chúng tôi đã làm được để xây dựng tương lai tươi đẹp cho đất nước chúng tôi..."

*Đêli, ngày 6-2-1958*

Em Hương, hôm qua, từ sáng sớm lên máy bay cho đến 10 giờ rưỡi tiếp khách xong, Bác và Đoàn hầu như không nghỉ ngơi chút nào. Tuy vậy mọi người đều thấy khoan khoái. Còn về phần anh thì ghi chép nhiều, một quyển nhật ký đã gần hết giấy. Nhưng chưa biết bao giờ mới viết được hết để thuật lại tất cả mọi việc cho em hay. Thôi thì anh cứ viết dần dần vậy.

Hôm qua tại sân bay, đáp lại lời hoan nghênh của Tổng thống Praxát, Bác nói đại ý như sau:



- "Nhận lời mời của Tổng thống Praxát, chúng tôi rất sung sướng được đến thăm nước Cộng hòa Ấn Độ anh em. Chúng tôi chân thành cảm ơn sự đón tiếp long trọng và thân mật của các bạn. Chúng tôi xin chuyển đến các bạn và nhân dân Ấn Độ anh em lời chào mừng thân ái của nhân dân Việt Nam.

Chúng tôi đến đất nước vĩ đại của các bạn với sự đồng tình sâu sắc, nó đã gắn bó nhân dân hai nước chúng ta. Hiện nay hơn 1. 200 triệu dân Á-Phi, trong đó có 400 triệu nhân dân Ấn Độ đã được giải phóng. Đó là một sự kiện cực kỳ quan trọng. Ngày nay nước Cộng hòa Ấn Độ là một nước độc lập, đồng thời là một cường quốc đã có những cống hiến quý báu cho hoà bình ở Châu Á và thế giới và Ấn Độ đang giữ một vai trò quan trọng trên trường quốc tế.

Sau tám, chín năm kháng chiến gian khổ để giải phóng đất nước, nhân dân Việt Nam đã giành được thắng lợi. Hiệp định Gionevơ đã chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược và đã công nhận chủ quyền, độc lập, lãnh thổ toàn vẹn của Việt Nam. Ngày nay, nhân dân Việt Nam đang ra sức củng cố hoà bình, xây dựng đất nước và đấu tranh thống nhất Tổ quốc của mình.

Nước Cộng hòa Ấn Độ đã cống hiến nhiều trong việc lập lại hoà bình ở Việt Nam, Ủy ban Quốc tế do Ấn Độ làm Chủ tịch đã cố gắng trong nhiệm vụ giám sát và kiểm soát việc thi hành Hiệp định Gionevơ ở Việt Nam. Nhân dân Việt Nam luôn luôn biết ơn Chính phủ và nhân dân Ấn Độ.

Nhân dân Việt Nam rất sung sướng thấy rằng quan hệ hữu nghị giữa hai nước chúng ta ngày càng phát triển. Chúng tôi rất sung sướng được gặp Tổng thống Praxát và gặp lại Thủ tướng Nêru, một người bạn tốt mà nhân dân Việt Nam đã có hân hạnh đón tiếp ở Hà Nội.

Cuộc đi thăm của chúng tôi lần này sẽ giúp chúng tôi hiểu biết hơn nữa nhân dân Ấn Độ anh dũng đang ra sức xây dựng nước nhà; và chúng tôi sẽ học những kinh nghiệm quý báu của các bạn trong công cuộc xây dựng kinh tế và phát triển văn hóa.

Chúng tôi tin rằng cuộc đi thăm của chúng tôi sẽ củng cố thêm nữa tình hữu nghị và sự hợp tác giữa hai nước chúng ta và góp phần vào sự củng cố tình đoàn kết giữa nhân dân các nước Á-Phi và bảo vệ hoà bình thế giới.

Một lần nữa, chúng tôi cảm ơn các bạn về cuộc đón tiếp nhiệt liệt này.

Tình hữu nghị bền vững giữa hai nước Việt- Ấn muôn năm!

Hòa bình ở châu Á và trên thế giới muôn năm!

Panch sheela muôn năm!"

Bác vừa dứt lời thì mọi người vỗ tay và hoan hô sôi nổi.

Sân bay Palam (em chớ đọc nhầm là "Gia Lâm" nhé!) cách thành phố 19 cây số. Hai bên đường cắm đầy quốc kỳ Ấn Độ và cờ đỏ sao vàng. Bác và Thủ tướng Nêru đi chiếc xe trần, kế đến xe hơi của Đoàn và hàng trăm chiếc xe của quan khách. Đoàn xe hơi kế tiếp nhau thành như một con rồng bơi giữa cái biển hàng chục vạn người. Càng gần thành phố người càng đông thêm. Họ reo hò, vỗ tay, hô khẩu hiệu: "Jai Việt Nam!", "Hồ Chí Minh jindabad!", "Hiđi Việt Nam bhai bhai!"... \*

Đến gần Phủ Tổng thống có đội lính cưỡi ngựa (đội bảo vệ của Tổng thống) ra đón. Ngựa con nào con ấy rất cao to. Người lính cũng cao to, đi giày ống đen, mặc áo đỏ quần trắng, đầu bịt khăn thêu kim tuyến, tay cầm cây dáo dài, trông thật oai vệ.

Trước Phủ Tổng thống lại có thảm đỏ, có rạp thêu như ở sân bay. Một lần nữa đội nhạc cử quốc ca hai nước. Bác đi xe hơi đặc biệt để duyệt đội vệ binh.

Nghỉ lễ xong, Thủ tướng Nêru và bà Indira mời Bác và Đoàn vào nghỉ tại nhà khách trong Phủ Tổng thống, ở tầng thứ 3. Lâu đài này rộng thênh thang, rất nhiều phòng, nhiều cửa, nếu không có người dẫn đường thì rất dễ đi lạc.

---

\* *Jai và Jindabad* đều có nghĩa là muôn năm. *Bhai bhai* nghĩa là anh em.



2 giờ rưỡi đến 3 giờ rưỡi Thủ tướng Nêru và bà Indira cùng Bác và Đoàn ăn trưa một cách thân mật như trong gia đình. Sau khi ăn cơm xong, bà con Ấn Độ cũng thường ăn trà như bà con Việt Nam ta.

4 giờ 15 phút, Bác và Đoàn đi đặt vòng hoa ở Rajghat. Đây là một công viên rộng lớn làm kỷ niệm, chứ không phải là mộ thánh Găngđi. Giữa công viên có đắp một cái bệ vuông rộng và cao. Đây là nơi mà mấy năm trước, lúc thánh Găngđi đang diễn thuyết thì bị một tên phát xít ám sát. Trước khi lên bệ để đặt vòng hoa, mọi người đều cởi giày và đi chân không. Đó là theo phong tục Ấn Độ, khi đi vào nơi cúng lễ đều làm như vậy. Vòng hoa này đưa từ Hà Nội sang. Khi đặt vòng hoa và mặc niệm, Bác rất cảm động. Hai điều đó đã đồn khắp Đêli và khắp Ấn Độ vì các báo đã đặc biệt nêu lên. Bác đã trồng một cây hoa đại (cũng đưa từ Hà Nội sang) ở công viên làm kỷ niệm.

Chúng ta còn nhớ rằng đầu năm 1947, Ấn Độ đang đấu tranh giành độc lập, mà Việt Nam ta thì đang bắt đầu kháng chiến. Tuy trong lúc nước bạn đang còn khó khăn, nhưng thánh Găngđi đã không quên kêu gọi nhân dân Ấn Độ hoàn toàn đồng tình với nhân dân Việt Nam đang chiến đấu cho chính nghĩa. Về sau, người tín đồ xuất sắc của thánh Găngđi là Thủ tướng Nêru luôn luôn đồng tình và ủng hộ cuộc kháng chiến anh dũng của nhân dân ta.

5 giờ chiều, Bác đi thăm Tổng thống Praxát. Sợ Tổng thống mệt, Bác định chỉ Bác và các vị trong Đoàn đến thôi. Nhưng cụ Praxát yêu cầu tất cả anh em cán bộ ta cùng đến rồi Cụ cùng mọi người chuyện trò và uống nước chè, thân mật như người trong nhà.

6 giờ, Thủ tướng Nêru đến thăm Bác. Hai vị lãnh tụ nói chuyện thân mật về tình hình thế giới và quan hệ hữu nghị giữa hai nước chúng ta.

7 giờ, ông Mônông, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng đến thăm Bác.

8 giờ đến 10 giờ rưỡi, hai ông Bộ trưởng ăn cơm với Bác và Đoàn. Đó là cách sắp đặt khéo, để Bác và Đoàn có dịp tiếp xúc thân mật với các vị lãnh đạo trong Chính phủ nước bạn.



Sau đó, Bác còn ký nhiều quyển sổ kỷ niệm. Cũng như người phương Tây, bà con Ấn Độ thích xin chữ ký của những người có danh tiếng để làm kỷ niệm. Mới hôm đầu mà Bác đã nhận được rất nhiều quyển sổ xin chữ ký. Nhiều người ở địa phương xa cũng gửi thư và điện đến xin chữ ký của Bác.

*Đêli, ngày 6-2-1958*

Bác và Đoàn hôm nay có một chương trình hoạt động nặng lắm em ạ. Em xem chương trình như sau:

Tham gia tiệc trà của "Ủy ban tiếp đón Hồ Chủ tịch",

Thăm viện Nghiên cứu khoa học vật lý,

Thăm viện Nghiên cứu nông nghiệp,

Gặp Ủy ban kế hoạch Nhà nước,

Nhân dân thành phố Đêli chào mừng,

Tổng thống Praxát chiêu đãi.

"Ủy ban đón tiếp Hồ Chủ tịch" là một tổ chức rộng rãi, gồm có nhiều vị đại biểu Quốc hội và nhân sĩ nổi tiếng ở Đêli, không phân biệt xu hướng chính trị, đảng phái, tín ngưỡng.

Trước khi Bác đến Đêli, Ủy ban đã kêu gọi nhân dân thủ đô đi đón Bác cho đông.

4 giờ chiều hôm nay, Ủy ban mở tiệc trà chiêu đãi Bác và Đoàn. Nơi chiêu đãi là Câu lạc bộ Hiến pháp, có một cái rạp lớn cũng làm bằng những tấm thảm thêu kết lại, trang trí rất đàng hoàng. Độ 300 người tham gia, trong đó có nhiều vị trong Đoàn ngoại giao. Bầu không khí trong cuộc chiêu đãi rất là thân mật và vui vẻ. Chỉ tiếc rằng Chủ tịch Ủy ban là bà Raméch Vary Nêru - một lãnh tụ phụ nữ và chị em họ với Thủ tướng Nêru - bị cảm không đến dự được.

Theo lệ thường, các vị phụ trách trong Ủy ban choàng hoa cho Bác và các vị trong Đoàn. Rồi các em học sinh trai và gái hát bài hoan nghênh. Ủy ban tặng Bác nhiều quyển sách về mỹ thuật Ấn Độ. Ngoài ra còn một món quà lạ: một gia đình trẻ tuổi với



ba cháu gái bé đã biếu Bác một con hươu con. Thấy vậy mọi người cười ồ và vỗ tay nhiệt liệt.

Ông Chủ tịch trong buổi chiêu đãi đọc lời hoan nghênh đầy nhiệt tình.

Trong lời cảm ơn, Bác nói đại ý như sau:

"Tôi rất cảm ơn những lời khen ngợi thân ái của ông Chủ tịch. Song tôi không phải là anh hùng. Chính những người dân Việt Nam và Ấn Độ đã đoàn kết đấu tranh giành lại tự do cho Tổ quốc mình - đó mới là những người anh hùng thật..."

40, 50 năm trước đây, tôi đã đi từ Á sang Âu, từ Phi sang Mỹ, đâu đâu tôi cũng thấy những người đau khổ... Nhân dân Á - Phi thì bị bọn thực dân áp bức bóc lột. Nhân dân Mỹ da đen thì bị Mỹ da trắng đầy đọa xem khinh. Nhưng ngày nay, do sự đấu tranh anh dũng của nhân dân, đêm tối áp bức bị đánh lui. Mùa xuân tự do tươi sáng đã đến. Nhiều nước Á-Phi đã giành được chủ quyền độc lập. Chúng ta phải đoàn kết chặt chẽ để đấu tranh chống nghèo nàn và đói nát, để xây dựng một cuộc sống mới, hạnh phúc, hữu nghị và hòa bình..."

Bác kết luận bằng khẩu hiệu: Năm nguyên tắc chung sống hòa bình muôn năm!

Thủ tướng Nêru vì bận việc cho nên đến chậm. Bà con yêu cầu Thủ tướng phát biểu ý kiến. Thủ tướng nói đại ý:

"Tôi không có nhiệm vụ trong cuộc chiêu đãi này, nhưng tôi cũng cố gắng đến tham gia vì là chiêu đãi Hồ Chủ tịch... Hồ Chủ tịch là một nhân vật đặc biệt, tính rất giản đơn nhưng lòng rất rộng rãi. Hôm qua khi từ sân bay về, Hồ Chủ tịch nói với tôi rằng ngài có đem từ Hà Nội sang một vòng hoa và một cây đại để đặt và trồng ở nơi kỷ niệm Thánh Găngđi. Ngài còn nói thêm rằng cũng có đưa vòng hoa và cây đào để kỷ niệm ông cụ thân sinh tôi. Hồ Chủ tịch gặp ông cụ thân sinh tôi ở thủ đô nước Bỉ năm 1927 trong cuộc Hội nghị quốc tế chống chủ nghĩa thực dân. Một cuộc gặp gỡ ngắn ngủi và cách đây đã lâu năm mà Hồ Chủ



tịch còn nhớ đến cụ thân sinh tôi. Đó tuy là một việc bình thường nhưng nó chứng tỏ một cách rõ rệt phẩm chất vĩ đại của Hồ Chủ tịch...". Nghe Thủ tướng Nêru nói, mọi người rất cảm động.

Em Hương ạ, một người bạn Ấn Độ cho anh biết rằng Ủy ban đón tiếp này và cuộc chiêu đãi như thế này là một sự kiện đặc biệt, lần này mới có để đón tiếp một quý khách đặc biệt như Bác Hồ của chúng ta.

Em Hương ạ, hôm nay, khi Bác và Đoàn đi thăm Ủy ban kế hoạch Nhà nước, Viện nghiên cứu nông nghiệp và Viện nghiên cứu khoa học, thì anh vì bận công việc, không đi được, tiếc quá!

6 giờ chiều, Bác và Đoàn đi dự cuộc chào mừng của thị xã Đêli, tổ chức ở "Thành Đỏ". Đó là cung điện đồng thời là đại bản doanh của vua chúa cổ xây dựng từ năm 1639. Lâu đài phía trong đều làm bằng đá trắng rất lộng lẫy. Tường vách ngoài thì đều màu đỏ, cho nên gọi là "Thành Đỏ".

Từ Phủ Tổng thống đến Thành Đỏ, hai bên đường, người đứng chật ních đứng đón chào Bác và Đoàn. Khi bước vào trong Thành Đỏ, anh có cảm tưởng như đi vào một cảnh bồng lai. Chung quanh lâu đài và khắp các bồn hoa và cây cối đều treo đầy những đèn điện xanh, đỏ, vàng, tím, trắng. Từ cổng vào đến chỗ khai hội, hàng chục cổng chào kết bằng hoa, bằng lụa và đèn điện, liên tiếp nhau thành một hành lang đủ sắc, đủ màu... Một khung cảnh cực kỳ đẹp mắt...

Toàn thể ủy viên hành chính thị xã và hàng nghìn công nhân Thủ đô đã chờ đón sẵn. Khi Bác và Đoàn cùng Thủ tướng Nêru, ông Thị trưởng và bà Phó Thị trưởng đi vào, mọi người đứng dậy hoan hô nhiệt liệt. Các cô nữ học sinh hát bài hoan nghênh. Ông Thị trưởng đọc lời chào mừng, đại ý như sau:

"Kính thưa Chủ tịch. Tôi rất sung sướng được thay mặt nhân dân Thủ đô Đêli nhiệt liệt hoan nghênh Ngài. Chúng tôi chẳng những hoan nghênh Ngài vì Ngài là một vị Chủ tịch của một nước bạn có quan hệ với Ấn Độ đã từ lâu đời, mà còn vì



Ngài là một vị lãnh đạo cách mạng vĩ đại... Ngài đã đấu tranh suốt đời giành tự do và hạnh phúc cho nhân dân, chống lại sự thống trị của đế quốc...

Thánh Găngđi đã dạy chúng tôi đấu tranh bằng phương pháp hòa bình và tình bạn. Mười năm trước đây, Thánh Găngđi đã bị một tên phản động ám sát, nhưng hình ảnh của Người vẫn sống mãi trong lòng chúng tôi. Tình thương yêu của nhân dân đối với Người và nước Ấn Độ tự do do Người đã xây dựng - Đó là tấm bia bất diệt của Thánh Găngđi...

Cũng như Ấn Độ chúng tôi đã chịu đựng nhiều năm đau xót trước khi giành được tự do, Chủ tịch và nhân dân Việt Nam đã kinh qua bao nhiêu gian khổ để đi tới giải phóng. Những cuộc đấu tranh ấy đã làm cho nhân dân hai nước chúng ta đoàn kết và càng hiểu biết nhau.

Chúng tôi tha thiết với hòa bình... Trên thế giới ngày nay, hòa bình lâu dài là một điều cực kỳ quan trọng và cấp thiết. Khi người ta đã phát minh những thứ vũ khí kinh khủng như hiện nay, thì những người có trí khôn không ai muốn có chiến tranh. Chúng tôi tin rằng năm nguyên tắc chung sống hòa bình là chính sách đúng đắn mà các nước cần thực hiện. Trong cuộc đấu tranh cho hòa bình, chúng tôi chắc rằng hai nước chúng ta sẽ hợp tác hết sức chặt chẽ...

Chúng tôi rất biết ơn Chủ tịch đã đến với chúng tôi và xin Chủ tịch chuyển lời chào hữu nghị của chúng tôi cho nhân dân Việt Nam anh em..."

Trong lời cảm ơn, Bác nói:

"Nhân dân Việt Nam đã sung sướng được hoan nghênh Thủ tướng Nêru và Phó Tổng thống Rađacrixnan. Lần này chúng tôi rất sung sướng được sang thăm nước Ấn Độ vĩ đại, quê hương của Đức Phật và Thánh Găngđi. Chúng tôi được Chính phủ và nhân dân Ấn Độ đón tiếp long trọng và thân mật. Hôm nay lại được gặp các bạn ở đây, tôi xin thay mặt Chính phủ và nhân dân Việt Nam cảm ơn các bạn và gửi tới toàn thể anh chị em công dân Ấn Độ và Thủ đô Đêli lời chào thân thiết nhất.



Nhân dân hai nước chúng ta đã có quan hệ anh em từ lâu đời... Dưới ách thống trị của thực dân, quan hệ ấy tạm bị gián đoạn trong một thời kỳ. Nhưng tình hữu nghị cổ truyền vẫn luôn luôn gắn bó hai dân tộc chúng ta.

Ngày nay, Ấn Độ là một nước hùng mạnh, đóng một vai trò quan trọng trên thế giới. Dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Thủ tướng Nêru, một vị lãnh tụ lỗi lạc, các bạn đã thu được nhiều thành tích to lớn trong công cuộc xây dựng đất nước, phát triển nền văn hóa tốt đẹp có truyền thống lâu đời và phát triển một nền kinh tế tự chủ... Những điều ấy chứng tỏ rằng khi một dân tộc đã được độc lập, thì có đủ khả năng xây dựng một đời sống ngày càng tươi đẹp. Chúng tôi mừng các bạn về những thành tích tốt đẹp đã thu được trong kế hoạch 5 năm lần thứ nhất và chúc các bạn thu được nhiều thắng lợi to lớn hơn nữa trong kế hoạch 5 năm lần thứ hai.

Cùng với nước Ấn Độ vĩ đại, nhiều nước Á - Phi đã thoát khỏi ách thực dân, trở thành những nước độc lập. Nhân dân Trung Quốc đang hăng hái xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nhân dân các nước Đông - Nam Á và Trung, Cận Đông đã vùng dậy, kiên quyết giành lại và bảo vệ quyền tự do độc lập của mình. Nhân dân châu Phi đang anh dũng đấu tranh chống ách đế quốc. Chế độ thực dân đang tan ra không gì cứu vãn được. Thời kỳ bọn thực dân làm mưa làm gió đã qua rồi...

Trong phong trào chống chủ nghĩa thực dân, Ấn Độ đã góp một phần to lớn, Việt Nam cũng đã góp phần nhỏ của mình. Nhân dân Việt Nam đã đấu tranh hơn 80 năm chống thực dân Pháp và đã kháng chiến gian khổ trong tám, chín năm trường. Kết quả nhân dân Việt Nam đã thắng bọn thực dân. Việc đó chứng tỏ rằng một dân tộc biết đoàn kết nhất trí, quyết tâm chiến đấu và được sự ủng hộ của nhân dân thế giới, thì cuối cùng nhất định thắng lợi. Hiệp định Giơnevơ đã chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược ở Việt Nam và công nhận chủ quyền, độc lập, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam...



Hiện nay, nguyện vọng thiết tha nhất của nhân dân Việt Nam là thống nhất Tổ quốc bằng tổng tuyên cử tự do như Hiệp định Giơnevơ đã quy định. Nhưng vì âm mưu của đế quốc và bọn tay sai của chúng cho nên nước Việt Nam đến nay chưa được thống nhất. Nước Việt Nam là một, từ Nam đến Bắc chung một tiếng nói, một lịch sử, một văn hóa và một nền kinh tế. Nhân dân Việt Nam đã hy sinh nhiều xương máu để đấu tranh cho tự do độc lập, quyết không một lực lượng nào ngăn cản được sự nghiệp thống nhất Tổ quốc của mình. Chúng tôi tin chắc rằng cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà của chúng tôi nhất định thắng lợi...

Chúng tôi đấu tranh cho hòa bình. Vì có hòa bình chúng tôi mới có điều kiện xây dựng đất nước... Chúng tôi hết sức tán thành năm nguyên tắc chung sống hòa bình mà Thủ tướng Nêru là một trong những người đề xướng. Chúng ta cần có hòa bình để xây dựng một cuộc đời hạnh phúc cho nhân dân và con cháu chúng ta...

Phong trào đấu tranh cho hòa bình đang lan rộng khắp thế giới. Nhân dân thế giới đều đòi phải chấm dứt cuộc chạy đua vũ trang, đòi giải tán binh bị, cấm sản xuất và cấm dùng vũ khí nguyên tử và khinh khí, đòi giải tán các khối quân sự xâm lược, thủ tiêu các căn cứ quân sự ở nước ngoài. Nhân dân các nước đòi mở một hội nghị những người đứng đầu chính phủ các nước để giải quyết các vấn đề quốc tế bằng phương pháp thương lượng hòa bình đang làm dịu tình hình thế giới. Chắc rằng ý nguyện hòa bình của nhân dân thế giới nhất định sẽ thắng mọi âm mưu gây chiến...

Chúng tôi sung sướng nhận thấy trong cuộc đấu tranh chung cho hòa bình thế giới, cho độc lập dân tộc, nhân dân hai nước chúng ta sát cánh với nhau, cùng nhau theo đuổi mục đích chung. Chúng tôi chắc rằng nhân dân Ấn Độ mong cho Việt Nam sớm thống nhất, cũng như nhân dân Việt Nam mong cho vùng Goa sớm trở về trong đại gia đình Ấn Độ...



Chúng tôi tin chắc rằng cuộc đi thăm nước Cộng hòa Ấn Độ lần này của chúng tôi càng thắt chặt thêm nữa tình hữu nghị giữa nhân dân hai nước chúng ta, đồng thời góp phần tăng cường tình đoàn kết giữa các nước Á - Phi và củng cố hòa bình ở châu Á và thế giới.

Một lần nữa chúng tôi xin gửi lời chào thân ái của chúng tôi và của nhân dân Thủ đô Hà Nội đến toàn thể anh chị em công dân Thủ đô Đêli...".

Trong cuộc hoan nghênh này đã xảy ra một chuyện rất thú vị: Trên đài Chủ tịch, ở giữa hàng đầu có một cái ghế sơn son thếp vàng, bọc nhung đỏ, giống như một cái ngai vàng. Mặc dù ông Thị trưởng và Thủ tướng Nêru cố mời Bác ngồi "ngai" ấy, Bác nhất định từ chối. Thấy thái độ khiêm tốn của Bác, quần chúng nhiệt liệt tán thành, họ đứng cả dậy vỗ tay và hoan hô "Hồ Chí Minh jindabad!". Cuối cùng phải thay một cái ghế khác, Bác mới ngồi. Sau chuyện đó, các báo đã viết: Hồ Chủ tịch đã xóa bỏ một hình thức lễ tân bằng một cử chỉ rất dân chủ...

8 giờ chiều (6-2-1958), bắt đầu cuộc chiêu đãi của Tổng thống. Cụ Praxát mệt không đến được, do Thủ tướng Nêru thay mặt. Tại Phủ Tổng thống, trong nhà và ngoài vườn đều trang hoàng long lầy như ngày Tết. Dự tiệc này độ 100 người, gồm có các vị lãnh đạo trong Chính phủ và Quốc hội, Đoàn ngoại giao và những nhân sĩ nổi tiếng. Tiệc đến nửa chừng, Thủ tướng Nêru đọc lời chúc mừng của Tổng thống Praxát, đại ý như sau:

"Tôi rất vui mừng được hoan nghênh Hồ Chủ tịch... Chúng ta hoan nghênh Chủ tịch, một vị lãnh tụ xuất sắc đồng thời là một chiến sĩ vĩ đại cho tự do...

... Bị đè nén lâu năm dưới sự thống trị của nước ngoài, chúng tôi biết sự giải phóng chính trị là quý nhường nào, vì vậy chúng tôi luôn luôn đồng tình với các dân tộc để thoát khỏi ách thống trị với ngoại quốc. Với sự quan tâm và đồng tình, chúng tôi đã theo dõi những sự biến đổi ở Việt Nam.



Cuộc biến đổi ấy đã kết thúc với Hội nghị Gionevơ năm 1954. Chúng tôi mong rằng tình trạng hiện nay sẽ kết thúc với sự thống nhất Việt Nam bằng phương pháp hòa bình trên nền tảng dân chủ.

... Nhiều thế kỷ trước đây, Ấn Độ đã có quan hệ mật thiết với các nước Đông - Nam Á, kể cả Việt Nam, về văn hóa, xã hội và tôn giáo. Chúng tôi càng sung sướng nhớ lại thời kỳ quá khứ mà hai nước chúng ta đã có những quan hệ hữu nghị thắm thiết, vì chúng ta đưa thêm tình nghĩa ấy vào tương lai, để làm cho mối quan hệ và ý nguyện chung là xây dựng kinh tế trong nước và củng cố hòa bình trên thế giới - sẽ tạo thành những quan hệ mới giữa chúng ta, làm cho tình hữu nghị sẵn có giữa nhân dân hai nước Ấn - Việt càng phát triển và củng cố.

Cũng như Việt Nam... từ ngày giành được chính quyền về mình, Ấn Độ đang ra sức phát triển công nghiệp và nông nghiệp. Tôi mong rằng trong những ngày ở lại Ấn Độ, Chủ tịch sẽ có dịp thăm một vài việc xây dựng ấy... Tôi tin chắc rằng việc Chủ tịch đến thăm nước chúng tôi sẽ đưa lại sự hợp tác ngày càng chặt chẽ giữa nhân dân Ấn Độ và Việt Nam Dân chủ Cộng hòa... ".

Lời cảm ơn của Bác đại ý như sau:

... "Khi đến đất nước Ấn Độ vĩ đại, chúng tôi rất sung sướng được thăm quê hương của một trong những nền văn minh lâu đời nhất trên thế giới... Nền tảng và truyền thống của triết học Ấn Độ là ý tưởng hòa bình, bác ái. Liên tiếp trong nhiều thế kỷ, tư tưởng Phật giáo, nghệ thuật và khoa học Ấn Độ đã lan khắp thế giới.

Nhưng thực dân đã xâm lược nước Ấn Độ hàng trăm năm... Để giành lại độc lập tự do của mình, nhân dân Ấn Độ đã anh dũng đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân. Hiện nay Ấn Độ là một nước lớn giữ một vài trò ngày càng quan trọng trên thế giới, đã đóng góp nhiều vào việc giữ gìn hòa bình, phát triển quan hệ hữu nghị và hợp tác quốc tế giữa các nước trên năm nguyên tắc chung sống hòa bình...



Hiện nay lực lượng hiếu chiến trên thế giới đang âm mưu xô đẩy loài người vào một cuộc chiến tranh vô cùng tàn khốc. Nhân dân thế giới chán ghét và căm thù chiến tranh; không ngừng đấu tranh để giữ gìn và củng cố hòa bình. Trong cuộc đấu tranh cho hòa bình, Ấn Độ đã có nhiều cống hiến lớn. Lực lượng hòa bình hiện nay mạnh hơn bao giờ hết và có khả năng ngăn ngừa chiến tranh... Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa rất hoan nghênh mọi sáng kiến và mọi cố gắng nhằm làm cho tình hình thế giới bớt căng thẳng. Chúng tôi hoàn toàn đồng ý với Thủ tướng Nêru tán thành đề nghị của Liên Xô về việc những người đứng đầu các nước mở hội nghị nhằm tăng cường sự hợp tác quốc tế và lòng tin cậy lẫn nhau để giữ gìn hòa bình thế giới. Chúng tôi cũng phản đối tất cả các khối quân sự xâm lược. Chúng tôi tán thành việc tổng tài giảm quân bị, việc cấm vũ khí nguyên tử và khinh khí...

Hiện nay nước Việt Nam chúng tôi, vì sự can thiệp của đế quốc mà việc thống nhất đất nước chưa được thực hiện bằng tổng tuyển cử tự do như Hiệp định Giơnevơ đã quy định...

Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một, không ai chia cắt được. Chúng tôi kiên quyết phấn đấu để thực hiện thống nhất nước nhà bằng phương pháp hòa bình... Chúng tôi tin chắc rằng nước Việt Nam nhất định sẽ được thống nhất... Trong cuộc đấu tranh để củng cố hòa bình, thực hiện thống nhất, Chính phủ và nhân dân chúng tôi luôn luôn biết ơn sự đồng tình và ủng hộ của Chính phủ và nhân dân Ấn Độ anh em... Chúng tôi tin chắc rằng cuộc đi thăm Ấn Độ lần này của chúng tôi sẽ tăng cường hơn nữa quan hệ hữu nghị giữa hai nước chúng ta, đồng thời góp phần vào việc củng cố và phát triển khối đại đoàn kết của các nước Á - Phi".

Tiệc này đơn giản hơn và ngon lành; không nhiều thứ nhiều món bề bộn như các cuộc chiêu đãi của ta. Trong các cuộc chiêu đãi ở Ấn Độ đều uống nước lã, không dùng rượu. *Đó là một điều mà chúng ta nên bắt chước.*



Sau bữa tiệc có một giờ văn công, múa rất giỏi, hát rất hay. Các chị em nghệ sĩ hát bài *Quốc ca* của ta rất rõ, rất đúng. Bác và Thủ tướng Nêru đã tặng hoa cho các anh chị em nghệ sĩ.

Những bài diễn thuyết chào mừng và cảm ơn, anh chỉ viết cho em những đoạn anh ghi chép được, chứ không phải cả nguyên văn.

9 giờ sáng (7-2-1958), các em học sinh trai và gái, thuộc đoàn thể "Kỷ luật quốc dân", tổ chức một cuộc biểu diễn để hoan nghênh Bác và Đoàn. Cùng đi có Thủ tướng Nêru, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và nhiều nhân sĩ khác. Đoàn thể này mới thành lập bốn năm nay, nhằm mục đích bồi dưỡng thanh niên và nhi đồng thành những người mạnh khỏe, yêu nước và có kỷ luật.

Hôm nay, 3. 000 em chia làm 28 đội do các đội trưởng tí hon chỉ huy. Chương trình gồm có:

Hoan hô Tổ quốc ba lần.

Tập các động tác.

Diễu qua trước đài Chủ tịch, vừa đi vừa hát.

Các điệu múa dân gian.

Thể thao trên cột.

Hoan hô Bác ba lần.

Hát quốc ca Việt và Ấn.

Trong đám các em gái bé dang hoa, có một em mù hai mắt được Bác ẵm lên. Em ấy sờ râu sờ má Bác, rồi ôm chặt lấy Bác một cách rất âu yếm. Mọi người trông thấy đều cảm động.

Các em biểu diễn khéo và hát hay, được mọi người vỗ tay, khen ngợi.

Sau cuộc biểu diễn, Bác thân mật dặn dò các em: Học tập siêng năng, giữ gìn trật tự, bảo vệ sức khỏe, nghe lời Bác Nêru. "Mai sau các cháu sẽ thành những đội quân hùng mạnh để xây dựng Tổ quốc, bảo vệ hòa bình...".

Bác nói thêm: "Đối với các cháu, bác là Bác Hồ, chứ không phải là Cụ Chủ tịch". Nghe vậy các em vừa vỗ tay, vừa hoan hô "Bác Hồ! Bác Hồ!". Một em chạy lên biếu bác hai cái kẹo.

10 giờ rưỡi, Bác và Đoàn đi xem Tháp Quvat-Minar. Tháp này xây dựng từ năm 1199. Cao 76 thước tây. Có năm tầng. Ba tầng dưới xây bằng đá đỏ, hai tầng trên bằng đá trắng. Từ nền tháp đến chóp có 379 bậc thang đá. Đứng trên đỉnh tháp trông thấy toàn bộ phong cảnh Thủ đô Đêli.

Cách tháp mười thước là di tích của nhà thờ Quvat-ul-islam, xây từ năm 1193. Tuy đã 765 năm, những rường cột chạm trổ rất khéo vẫn còn nguyên vẹn. Điều đó chứng tỏ rằng từ xưa nghệ thuật xây dựng của Ấn Độ đã rất tinh vi.

Giữa sân nhà thờ có một cái cột sắt tròn bồng trên một cái bệ. Cột sắt cao độ 7 thước. Tuy đã trải qua hơn 1.500 năm mưa nắng, cột sắt không có chút sét rỉ nào, vì nó là chất sắt thuần túy 100%.

Ngay sau cuộc đi thăm, cả Thủ đô Đêli đồn rằng Bác thật là anh hùng, lý do là: Xưa nay các quý khách đến xem, trẻ cũng như già, chỉ đứng dưới sân nhìn lên, không ai trèo đến đỉnh tháp, nay Bác đã lên đến tầng cao nhất - Cho nên Bác là anh hùng!

12 giờ rưỡi, Thủ tướng Nêru mời Bác và Đoàn ăn cơm ở dinh Thủ tướng. Bữa này rất thân mật và vui vẻ, không có lễ tiết ngoại giao. Ngoài Bác và Đoàn, có độ 50 vị bạn thân của Thủ tướng.

Sau bữa tiệc, ông M. Nát, Thư ký Hội xinê trẻ con, đã biếu Bác một cuộn phim về trẻ em Ấn Độ.

Khi trở về Phủ Tổng thống, bác xuống xe, đi bộ. Vì vậy, anh em bảo vệ thì rất lúng túng. Bà con đi đường thì rất vui mừng, họ chạy theo hoan hô Bác, như một cuộc biểu tình.

3 giờ đến 4 giờ, Bác tiếp hơn 50 đại biểu các báo Ấn Độ, Anh, Mỹ...

Đối với nước ta, báo chí nước bạn có cảm tình rất tốt. Lâu trước ngày Bác đến Ấn Độ, nhiều báo đã đăng những bài hoan



nghe, ảnh và tiểu sử của Bác, cuộc kháng chiến anh dũng và thành tích trong việc xây dựng hòa bình của quân và dân ta. Nhiều báo đăng cả thơ, ca và phong tục Việt Nam. Mấy hôm nay, các báo đăng những bài dài thuật lại những hoạt động của Bác với nhiều lời ca tụng.

Trong cuộc tiếp xúc hôm nay, trước hết, Bác đọc lời tuyên bố đã viết sẵn, nội dung gồm có:

- Cảm ơn sự đón tiếp long trọng và thân mật của Chính phủ và nhân dân Ấn Độ anh em.

- Chính phủ và nhân dân ủng hộ và thực hiện năm nguyên tắc chung sống hòa bình.

- Chống chủ nghĩa thực dân; ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc của nhân dân Á - Phi; Ta chủ trương Angiêri phải được độc lập, xứ Goa phải trở về Ấn Độ, Tây Iriăng trở về Nam Dương, Đài Loan trở về Trung Quốc.

- Chống chiến tranh, chống vũ khí nguyên tử, chống các khối quân sự xâm lược.

- Nhân dân Việt Nam kiên quyết đấu tranh thống nhất nước nhà bằng phương pháp hòa bình...

Rồi Bác trả lời một loạt câu hỏi (các báo đã gửi đến trước) về:

- Thành tích xây dựng kinh tế và chính sách ngoại giao của nước ta.

- Sự đóng góp của ta trong công cuộc giữ gìn hòa bình thế giới, v. v..

Sau đó, Bác trả lời mười mấy câu hỏi (mới tiếp được) của đại biểu một tờ báo Mỹ. Vài ví dụ:

- Nhân dân Việt Nam coi nhân dân Mỹ là bạn của mình; chúng tôi chống là chống chính sách can thiệp của đế quốc Mỹ.

- Dù là nhỏ xít, quả vệ tinh Mỹ đã phóng được cũng góp phần vào sự phát triển của khoa học và Bác mong cho khoa học hòa bình của Mỹ tiến bộ.

- Thành tích to nhất của nhân dân Việt Nam là đã giành được tự do, độc lập.

- Trong thời kỳ kháng chiến, quân đội Việt Nam đã lấy được nhiều vũ khí Mỹ cung cấp cho Pháp. Thế là Mỹ đã gián tiếp cung cấp vũ khí cho quân đội Việt Nam.

- Về câu hỏi: Phải chăng Liên Xô và Trung Quốc không chế Việt Nam? Bác nói: "Tôi xin lỗi các bạn, câu hỏi này hơi ngêch ngác ngây thơ...".

Suốt trong cuộc nói chuyện, nhiều lần các ký giả đã cười ồ và vỗ tay, vì những câu trả lời lý thú của Bác.

Nhiều anh em nhà báo nói: Đã lâu, mới có một cuộc tiếp xúc nhà báo vui vẻ và cởi mở thế này.

5 giờ chiều (7-2-1958) Bác đến từ biệt Tổng thống. Cụ Praxát tặng Bác một cây bồ đề nhỏ. Tiếng Ấn Độ cũng gọi bồ đề là "bodi" như tiếng ta. Lạ thật em nhỉ!

Cây bồ đề này rất quý vì nó là chồi non của cây bồ đề cổ thụ đã chứng kiến Đức Phật đắc đạo.

Nhân dịp này, Bác mời Tổng thống sang thăm nước ta. Cụ Praxát cảm ơn và vui vẻ nhận lời mời.

6 giờ, Bác và Đoàn đến thăm "Hội những người Ấn nghiên cứu tình hình thế giới". Đến dự cuộc gặp gỡ này có hơn 300 người trí thức, chính trị và khoa học. Sau đây là tóm tắt những điểm nói chuyện của Bác.

Lịch sử độc lập và thống nhất lâu đời của nước ta. Cuộc đấu tranh trường kỳ chống thực dân Pháp. Sự nghiệp thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Cuộc kháng chiến anh dũng của quân và dân ta đã thắng lợi. Hiệp định Giơnevơ đã chấm dứt chiến tranh, công nhận chủ quyền, độc lập và lãnh thổ toàn vẹn của nước ta... Bác nghiêm khắc lên án chính sách can thiệp của đế quốc Mỹ hòng biến miền Nam thành một thuộc địa, một căn cứ quân sự của Mỹ. Sự đoàn kết và quyết tâm của nhân dân ta



đấu tranh giành thống nhất nước nhà bằng phương pháp hòa bình trên cơ sở những điều kiện hợp tình, hợp lý của Cương lĩnh Mặt trận Tổ quốc và Hiệp định Giơnevơ.

Về chính sách ngoại giao, Chính phủ và nhân dân ta chủ trương hợp tác thân thiện với các nước trên nền tảng năm nguyên tắc chung sống hòa bình.

Bác nêu rõ những thành tích của ta về xây dựng kinh tế và phát triển văn hóa từ ngày hòa bình được lập lại.

Về tình hình thế giới, Bác nói: Hiện nay lực lượng hòa bình lớn mạnh hơn bao giờ hết và đủ sức ngăn chặn chiến tranh. Tuy vậy phe đế quốc vẫn đeo đuổi âm mưu gây chiến. Cho nên, nhân dân thế giới yêu chuộng hòa bình cần phải nâng cao cảnh giác, kiên quyết chống chiến tranh, chống các khối quân sự xâm lược, chống thử bom nguyên tử và khinh khí... Tinh thần Hội nghị Băngđung và kết quả tốt đẹp của Đại hội Lơ Ke vừa rồi làm cho nhân dân Á - Phi thêm đoàn kết, thêm hùng mạnh, thêm kiên quyết chống chủ nghĩa thực dân, thêm hăng hái giữ gìn hòa bình thế giới.

Bác kết luận: Mặc dù có nhiều khó khăn, song với sức đoàn kết và quyết tâm của mình, với sự ủng hộ của 400 triệu nhân dân Ấn Độ và sự đồng tình của nhân dân thế giới, nước Việt Nam nhất định sẽ thống nhất.

Trước khi vào đề, Bác nói: "Báo cáo này hơi dài. Bao giờ các bạn không muốn nghe nữa xin cứ nói thật, tôi sẽ kết thúc". Mọi người cười và vỗ tay.

Đọc xong bản báo cáo, Bác nói thêm: "Việt Nam thống nhất không những ích lợi cho chúng tôi mà còn ích lợi cho các bạn, vì các bạn sẽ khỏi tốn công nghiên cứu một vấn đề phức tạp. Và cũng ích lợi cho vị Chủ tịch kính mến của chúng ta đây (Ông Crítxna Masari là Chủ tịch hội này và Chủ tịch cả Ủy ban kế hoạch Nhà nước). Vì Việt Nam thống nhất, mỗi năm sẽ có thể bán sang Ấn Độ hơn một triệu rưỡi tấn gạo để giúp giải quyết



một phần vấn đề lương thực...". Mọi người lại cười ô và vỗ tay nhiệt liệt.

Thuật lại cuộc nói chuyện này, nhiều báo Ấn viết: - Thái độ thật thà và khiêm tốn của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lấy được cảm tình của mọi người cho đến hôm nay.

- 7 giờ, Bác và Thủ tướng Nêru ký bản tuyên bố chung. Văn kiện quan trọng này sẽ đăng ở các báo, anh không ghi chép ở đây.

- 7 giờ rưỡi, Bác chiêu đãi và từ biệt Tổng thống, Thủ tướng và các bạn ở Đêli. Sau khi tỏ lời cảm ơn Tổng thống, Thủ tướng và nhân dân Đêli, Bác nói tóm tắt: "Trong nhiều vấn đề quan trọng, các bạn Ấn Độ và chúng tôi đều đồng ý với nhau. Điều đó chứng tỏ rằng quan hệ anh em giữa hai nước chúng ta ngày càng phát triển và củng cố hơn nữa... Và do đó, sẽ giúp thắt chặt thêm nữa tình đoàn kết giữa các nước Á - Phi và tăng cường lực lượng bảo vệ hòa bình thế giới".

Thay mặt Tổng thống Praxat, Thủ tướng Nêru trả lời đại ý như sau: "Hồ Chủ tịch là một người có độ lượng rộng rãi. Ngài vừa nói với tôi Ngài đã "phải lòng" Đêli; như thế là cần phải có một quả tim rất to... Sự thật thì nhân dân Đêli cũng đã "phải lòng" Ngài. Trong ba ngày Hồ Chủ tịch ở đây, đã có nhiều cuộc mít tinh và cuộc trao đổi ý kiến, nhiều khi bằng tiếng nói, nhiều khi không cần đến tiếng nói. Chúng ta có người trao đổi bằng tiếng nói, có người trao đổi bằng cảm tình. Chúng ta đã tiếp xúc với một người mà người ấy là một bộ phận của lịch sử châu Á. Chúng ta gặp gỡ một vĩ nhân, đồng thời chúng ta gặp gỡ một đoạn lịch sử. Vì vậy, không những chúng ta đã thêm về mặt tư tưởng, mà còn thêm danh giá cho chúng ta. Gặp gỡ Hồ Chủ tịch là một kinh nghiệm nó làm cho chúng ta tốt thêm...".

Thủ tướng nói ước ao Bác ở lại lâu hơn, nhưng khó mà đòi hỏi những người có trách nhiệm nặng nề lưu lại lâu ngày ở nước ngoài. Thủ tướng mong Bác đến thăm Ấn Độ lần nữa. Hồ Chủ



tịch tở ý muốn lần khác "vi hành" đến thăm Ấn Độ. Nhưng một đoạn lịch sử muốn vi hành thì không phải dễ... Thật là một sự sung sướng mà có một người vĩ đại đáng yêu đến với chúng ta và, mặc dù những mâu thuẫn trên thế giới hiện nay, người ta vẫn cảm thấy nhân đạo, hữu nghị và tình thương yêu nó sẽ xóa được mọi mâu thuẫn. Thủ tướng kết luận gọi Bác là một người vĩ đại, một bạn vĩ đại và một đồng chí vĩ đại.

9 giờ tối (7-2-1958) nghe tin Bác sắp rời Đêli, các em bé (cháu của Tổng thống, con của các nhân viên cao cấp ở Phủ Tổng thống) kéo nhau đến chào Bác. Các em hát cho Bác nghe, rồi đòi Bác cho chữ ký để làm kỷ niệm. Đã đến giờ nhưng các em còn quyến luyến, vây tròn lấy Bác, không muốn để Bác đi. Có em hỏi: "Bác ơi Bác, bao giờ Bác trở lại chơi với các cháu?"

10 giờ 25 phút, xe sắp sửa chạy đi Nănggan. Nhà ga, sân ga, vườn ga đều trang trí với quốc kỳ hai nước và đèn điện nhiều màu sắc, đẹp như ngày Tết. Ra ga tiễn Bác và Đoàn, có Thủ tướng và bà Indira, nhiều vị trong Chính phủ và Quốc hội, Đoàn ngoại giao và những bạn mới quen biết.

Lúc chia tay, khách và chủ đều tỏ tình rất quyến luyến. Bác đứng trên cửa xe vẫy tay và nói chơi: "Cửa này là cửa hòa bình". Thủ tướng Nêru cười và trả lời: "Cửa hòa bình, chúng ta phải để nó mở rộng mãi mãi".

10 giờ rưỡi, xe lửa chuyển bánh rời Thủ đô đi Nănggan.

Chào các bạn Đêli thân mến! Chúng tôi sẽ luôn luôn ghi nhớ tình hữu nghị thắm thiết của các bạn đối với lãnh tụ và nhân dân Việt Nam!...

Đêli là một thành phố rất cũ và rất mới, có độ hai triệu nhân dân. Hơn 2.000 năm nay, Đêli đã trải qua nhiều cuộc bể dâu và đã thay đổi sáu, bảy lần. Lúc thì thành phố mới mọc chồng trên thành phố cũ. Lúc thì thành phố cũ vẫn đứng bên thành phố mới. Vì vậy, Đêli có nhiều di tích lịch sử xưa, lại có nhiều lâu đài mới. Ngày nay Đêli có hai phần: Đêli cũ là nơi dân

cư đông và phố xá nhiều. Bên cạnh là Đêli mới, nơi tập trung các cơ quan chính quyền, xây dựng xong từ năm 1931. Quốc hội, Phủ Tổng thống, dinh Thủ tướng, các Bộ đều ở gần nhau. Nhà cửa to, đường sá rộng, vườn hoa nhiều, xứng đáng là Thủ đô của một nước có hơn 382 vạn cây số vuông đất đai, 362 triệu nhân dân. (Nước Ấn Độ chia làm 14 bang và 6 khu trực thuộc Chính phủ trung ương).

Đối với những người bạn, nhân dân Đêli có thái độ rất niềm nở thân mật, đáng yêu. Trong những ngày ở Thủ đô, mỗi lần Bác và Đoàn đi ra, luôn luôn hàng nghìn, có khi hàng vạn người đón chào hai bên đường. Ngoài những tiếng hoan hô, những bàn tay chào vẫy, tình cảm sâu sắc nhất là nơi con mắt triu mến của họ. Mỗi lúc Bác và Đoàn đi gần các trường học, thì các em học sinh chạy ùa ra, nhảy nhót, hò reo, chạy theo xe Bác và hoan hô: "Sasa Hồ, Jindabad!".

Một hôm, độ 9 giờ sáng, anh có việc đi ra phố, thấy có hàng vạn người đi xe đạp liên tiếp nhau hơn một cây số, rất có trật tự. Họ đi từ Đêli cũ và Đêli mới. Anh tưởng là một đám biểu tình bằng xe đạp. Hỏi ra mới biết đó là nhân viên đi làm việc ở các cơ quan.

Nănggan cách Đêli 360 cây số, đi về phía bắc. Đi xe lửa đặc biệt phải 12 tiếng đồng hồ, tức là 9 giờ sáng mai sẽ đến. Thế là tối hôm nay Bác và Đoàn cùng tất cả anh em cán bộ được nghỉ ngơi suốt đêm.

Trên xe, ăn cơm rồi thì đã 12 giờ khuya, nhưng anh cố viết cho xong thư này...

Mấy hôm vừa qua, công việc khẩn trương, ai cũng hơi mệt. Vì xe lắc, mắt anh lại riu riu, viết chữ o thì thành chữ a. Tiếng bánh xe chạy nhịp nhàng như ru ngủ... Anh cùng các đồng chí trong cơ quan đi tham gia chống hạn ở ngoại ô, cùng đi có cả cậu Lâm và cô Hạnh. Đạo này chúng đang tìm hiểu nhau... Đến nơi thì gặp anh chị em học sinh cấp III, họ thách mình thi đua. Mọi người ra sức làm việc, toát cả mồ hôi mồ hám, nhưng vẫn vừa



làm vừa hát để khuyến khích nhau. Không biết ai đã cố ý xếp Lâm và Hạnh cùng tát một gầu. Chúng cũng vừa tát vừa hát. Hạnh cất giọng hát:

*"Thì đưa tát nước vào đồng,*

*Tát bao nhiêu nước, em thương chồng bấy nhiêu"*

Đồng chí Quế cười và gật gù nói: "Con bé Hạnh này lì thật" rồi thúc một đấm vào lưng anh.. Thức giấc dậy thì tay anh đang cầm bút để trên tờ giấy, nhìn ra cửa sổ thì trời đã rạng đông...

*Nănggan ngày 8-2-1958*

*Em Hương yêu quý,*

9 giờ sáng nay, Bác và Đoàn đến Nănggan. Ra ga đón, có ông Thủ hiến và các nhân viên cao cấp bang Pănggiáp.

Nănggan là một thành phố nhỏ đang trở nên một thành phố to, vì ở đây đang xây dựng cái đập chứa nước to nhất ở Ấn Độ là đập Bacora ở trên sông Sút-lê.

Việc chuẩn bị đắp đập Bacora bắt đầu từ năm 1946, nhưng đến tháng 11 năm 1955 mới khởi công.

Đập này bề cao 255 thước tây. Chân đập dày 436 thước.

Việc đầu tiên là phải dọn sạch 4 triệu thước khối đá và sỏi. Số lượng bê tông dùng vào đập (hơn 80 vạn tấn) có thể đắp thành một con đường rộng hai thước rưỡi chạy vòng quả đất. Số gang sắt (10 vạn tấn) có thể lắp 480 cây số đường ray.

Trước khi đắp đập, phải xây 12 cây số đường xe lửa và một khu nhà ở cho 15.000 công nhân. Cả đêm, cả ngày có 8.000 công nhân làm việc.

Công việc ở đập này đều làm bằng máy. Ở cạnh đập có một xưởng bê tông mỗi giờ có thể sản xuất 400 tấn. Một đai chuyền cao su bằng máy dài 7 cây số mỗi giờ đưa 750 tấn đá sỏi từ bờ sông đến máy chọn lọc. Máy này chọn đá sỏi ra từng hạng to, vừa và nhỏ. Chọn lọc xong, đá sỏi đi vào máy rửa cho sạch và quạt cho nguội. Rồi sang máy trộn cho đều thành bê tông. Sau đó,

bê tông được đưa lên những toa xe lửa đặc biệt rồi chuyển sang máy vận tải bằng dây chuyền. Cuối cùng, do máy điện đúc bê tông thành những khối vuông và to dùng đập đập.

Gần chân đập Bacora có hai nhà máy điện, mỗi nơi sản xuất 900 kilôoát.

Núi ở đây có những lớp đá như đất sét, dễ vỡ và khó đập, cho nên công việc xây dựng gặp nhiều khó khăn.

Anh em Ấn Độ rất tự hào đã vượt mọi khó khăn đập được cái đập này. Họ cho nó là biểu hiện cho tinh thần tích cực, hy vọng tương lai và lòng tin tưởng vào sự tiến bộ của nước Ấn Độ mới.

Anh nghĩ rằng bà con Ấn Độ có quyền tự hào như vậy, vì đập Bacora là một bộ phận trong hệ thống thủy lợi Bacora - Nănggan, nó sẽ tưới cho 4 triệu mẫu tây ruộng đất hiện đang khát nước.

Ông Thủ hiến và ông giám đốc hướng dẫn Bác và Đoàn đi xem kỹ công trình xây dựng này. Độ cuối năm sau thì đập Bacora sẽ làm xong. Bác nói với ông Thủ hiến: "Bao giờ khánh thành đập, Ngài tin cho tôi biết, tôi sẽ gửi điện mừng". Ông Thủ hiến vui vẻ trả lời: "Chúng tôi kính cảm ơn Chủ tịch trước và nhất định sẽ báo cáo để Chủ tịch biết mà mừng cho chúng tôi".

Chiều, hai giờ rưỡi, ông Thủ hiến đưa Bác Hồ và Đoàn đi thăm một làng làm theo "Kế hoạch cải tiến nông thôn".

Hơn 85% nhân dân Ấn sống ở nông thôn. Giải quyết lương thực (mỗi năm 63 triệu tấn) là một vấn đề cực kỳ quan trọng. Vì vậy Chính phủ Ấn Độ rất quan tâm đến việc cải tiến nông thôn. Kế hoạch này nhằm cải thiện nông nghiệp; tăng cường vệ sinh và giáo dục; giải quyết nhà ở và các vấn đề khác cần thiết cho đời sống của nông dân. Những việc cải thiện này do nhân dân tự làm lấy, với sự hướng dẫn và giúp đỡ của Chính phủ.

Cuối năm 1952, Chính phủ đã chọn 55 vùng làm thí điểm. Cuối kế hoạch 5 năm thứ nhất đã phát triển đến 1.160 vùng. Nơi mà Bác và Đoàn đến thăm hôm nay cách Nănggan độ 20 cây số.



Trong làng có những ngôi nhà kiểu mẫu, khuôn khổ nhỏ nhưng sạch sẽ, gọn ghẽ. Các nghề thủ công như dệt vải, thuộc da, v. v. đều tổ chức thành hợp tác xã. Hôm nay, nông dân các xã chung quanh cùng làng này có tổ chức hội trợ, trưng bày các sản phẩm, như các thứ ngũ cốc, vải vóc, da thuộc, đồ chơi cho trẻ con, v. v.. Có nhiều thứ vải dệt và thêu bằng tay rất đẹp. Một cụ già trong hội chợ biểu Bác một tấm da beo. Bác phải từ chối mãi, ông cụ mới chịu lấy lại.

Rồi đến buổi văn công, do thanh niên trai và gái biểu diễn các điệu múa và các bài hát địa phương. Hơn hai, ba nghìn người đến xem biểu diễn.

4 giờ rưỡi đi xem đập Nănggan. Đập này ở phía dưới dòng đập Bacora hơn 10 cây số, tác dụng của nó là để giữ mức nước Bacora được bình thường. Đập Nănggan làm xong hồi tháng 7-1954 và đã tưới nước cho một vùng khá rộng ở Pănggiáp, Pépsu và Ragiastan.

Để đưa nước hai đập Bacora và Nănggan vào ruộng, nông dân ở vùng này đã đào được 960 cây số mương. Đập và mương thành một công trình thật vĩ đại. Anh nghĩ rằng mai sau nước ta đắp được vài cái đập to như thế này, thì vấn đề thủy lợi ở nước ta sẽ được giải quyết một cách tốt đẹp.

6 giờ chiều, ông Thủ hiến mở tiệc chiêu đãi rất long trọng.

9 giờ Bác và Đoàn lên xe đi Agora cách đây hơn 500 cây số, về phía nam Đêli.

*Agora ngày 9-2-1958*

*Em Hương*

Agora cách Đêli 200 cây số.

10 giờ sáng nay Bác và Đoàn đến đây để thăm ngôi làng nổi tiếng khắp thế giới là Tagior Mahan.

Trước hết anh kể tóm tắt cho em nghe lịch sử của thành phố Agora: Người ta chỉ biết rõ lịch sử của thành phố này từ năm 1495. Năm ấy, vua Lôđi từ Đêli xuống đây xây dựng thành phố

Agora. Sau đó mười năm, một cuộc động đất dữ dội đã làm cho thành phố đổ nát hết. Một lần nữa, vua Lôđi bắt nhân dân xây dựng lại Agora.

Năm 1564, vua Môgôn bắt nhân dân mò mang thêm thành trì Agora làm Thủ đô Ấn Độ. Chỉ có 14 năm, y rời Thủ đô đi nơi khác, 19 năm sau, y lại trở về đóng đô ở Agora. Được sáu năm thì y chết. Con y lại bỏ Agora đi đóng đô nơi khác. Đây cũng là một chứng thực rằng bọn vua chúa không tiếc mồ hôi nước mắt của nhân dân mà chỉ làm theo ý muốn của chúng, xây lên rồi bỏ đi, bỏ đi rồi lại xây lên, tốn kém không biết ngần nào mà kể. Em nghĩ có đáng trách không?

Đến thế kỷ XVII (từ năm 1632) dưới thời vua Sa Giêhan lại xây dựng Agora thành một Thủ đô, cực kỳ tráng lệ.

Nhưng từ năm 1770 trở về sau, Agora đã bị chiến tranh tàn phá năm lần. Lần cuối cùng (1803) Agora bị thực dân Anh xâm chiếm. Ngày nay Agora là một thắng cảnh nổi tiếng của nước Ấn Độ tự do.

Tagiơ Mahan trước là lăng của hoàng hậu Nungtát Mahan, vợ của vua Sa Giêhan (đầu thế kỷ XVII). Giêhan là một người đa tình, đông con và xa xỉ.

Khi bà Mahan đẻ đứa con thứ 14 thì mắc bệnh sản hậu mà chết. Giêhan thương tiếc quá, bèn bắt dân làng xây lăng này để chôn vợ y. Để xây Tagiơ Mahan, hai vạn công nhân làm trong 22 năm mới xong. Nghe nói tốn hơn 30 triệu đồng rupi (hơn 21 nghìn triệu đồng ngân hàng).

Ấn Độ có nhiều lâu đài, chùa miếu lâu đời và đồ sộ, nhưng Tagiơ Mahan nổi tiếng là đẹp nhất ở Ấn Độ và trên thế giới. Người ta gọi nó là "bài thơ bằng đá găm".

Từ ngoài cửa đi vào là một khu vườn rộng và đẹp. Ở giữa có một cái hồ dài và một cái truông chắn lại như chữ i viết hoa. Giữa hồ có những vòi nước phun lên cao, hai bên có những cây cỏ thụ soi bóng xuống nước hồ trong vắt.





Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc lời chúc mừng đồng bào nhân dịp Tết Nguyên đán Ất Tỵ trước máy ghi âm của Đài tiếng nói Việt Nam tại Phủ Chủ tịch (31.1.1965). *Từ trái sang phải:* Người đứng thứ hai là đồng chí Liêm, bảo vệ của Bác; tiếp đến là đồng chí Trần Lâm Giám đốc Đài tiếng nói Việt Nam; người đứng thứ năm là chị Trần Thị Tuyết, nghệ sĩ ngâm thơ; đứng thứ 6 là đồng chí Vũ Kỳ thư ký của Bác.

*Ảnh: Vũ Đình Hồng  
(Bảo tàng Hồ Chí Minh)*



Lăng có hai tầng sân, sân dưới bằng đá đỏ, sân trên bằng đá trắng. Bốn góc sân có bốn cái tháp cao ba tầng. Toàn bộ lăng đều xây bằng đá gấm trắng tinh. Ở phía trong lăng là một gian phòng rộng tám góc. Chính giữa là mả của hoàng hậu và mả của Giêhan đều bằng đá gấm trắng, chạm trổ với những thứ đá ngọc nhiều màu sắc, xem như những tấm thảm thêu. Chung quanh có những bức bình phong, trước kia là bằng vàng, về sau đổi bằng cẩm thạch.

Hai mả đề ở đây là hai mả giả. Hai mả thật thì ở dưới hầm cũng giống hệt như hai mả này. Các cửa, các tường đều chạm trổ một cách rất tinh vi, hoặc thếp vàng, hoặc khảm ngọc.

Người công trình sư xây dựng lăng này khéo lợi dụng cả điều kiện thiên nhiên để tô điểm cho nó thêm đẹp. Như khi trời nắng thì những chạm trổ và những màu sắc nổi lên óng ánh rất xinh tươi. Đêm sáng trăng thì sắc trắng của lăng và màu xanh của vườn hòa lẫn với ánh trăng thành một phong cảnh rất thơ mộng.

Cách Tagior Mahan mấy trăm thước là cung điện và đại bản doanh của dòng vua Giêhan. Lúc còn sống, Giêhan thường đứng bên này bụi ngùi nhìn sang lăng vợ.

Cung điện này cũng xây bằng đá đỏ và đá trắng, gồm có nhiều lâu đài rất đồ sộ và chạm trổ rất tinh vi. Ngoài những lâu đài khác, có một nhà tắm của "cung tần mỹ nữ", trên trần nhà và chung quanh tường có khảm hàng vạn miếng gương, để khi họ tắm thì rọi ra những hình ảnh của con người. Có một con đường ngầm bí mật từ chỗ vua ra đến bờ sông, để phòng khi có biến cố thì vua có lối chuồn để tránh nạn. Có một ngôi lầu tám góc gọi là lầu Hoa Nhài, gọi như vậy vì tường vách cột kèo đều chạm trổ hình những hoa ấy bằng đá ngọc. Mái lầu thò tròn và thếp vàng. Vua Giêhan già chết ở lầu này. Đến phút cuối cùng, y vẫn ngoảnh mặt nhìn sang lăng vợ.

Những năm Giêhan đã già, thì bọn con trai y là Orănggiép chiếm ngôi vua và nhốt y lại trong lầu tám góc ấy...



Các nhà báo hỏi ấn tượng của Bác đối với cuộc đi thăm này. Bác nói: "Ngày xưa nhân dân lao động Ấn Độ đã xây dựng những cung điện lâu đài cực kỳ đồ sộ. Ngày nay nhân dân Ấn Độ dùng tài năng và lực lượng của mình làm những nhà máy to, để làm cho nước nhà giàu mạnh, con cháu mình sung sướng. Điều đó chứng tỏ rằng nhân dân Ấn Độ có một quá khứ vẻ vang và một tương lai càng rực rỡ".

3 giờ chiều Bác và Đoàn từ giả Agora đi Bombay.

3 giờ chiều (9-2-1958) máy bay cất cánh từ Agora. Gần 7 giờ đến Bombay. Ông Thủ hiến, các nhân viên cao cấp và nhiều đoàn thể ra đón Bác và Đoàn ở sân bay. Cũng đeo vòng hoa, duyệt đội danh dự, cũng đọc lời chào mừng long trọng như những nơi khác. Bác cùng Đoàn đi về dinh Thủ hiến. Hai bên đường có hàng chục vạn nhân dân đón chào.

Bảy giờ rưỡi tối, ông Thủ hiến chiêu đãi. Tiệc xong, có văn công múa hát rất vui.

Trước hết, anh tóm tắt giới thiệu Bombay cho em biết. Bombay là một cửa biển lớn, chiều dài 18 cây số, chiều rộng nhất là 6 cây số. Có ba triệu nhân dân. Bombay lại là một thành phố công nghiệp, có hơn 1000 nhà máy nhỏ và to.

Tục truyền rằng ngày xưa Bombay là một nơi có bảy hòn đảo nhỏ xúm xít gần nhau. Nhân dân chỉ làm nghề đánh cá. Bà tiên Côly đặt tên cho nơi này là Mumbai. Về sau đất bồi đã làm cho những hòn đảo ấy liền với nhau, mà Mumbai cũng biến thành Bombay. Vì là một cửa biển phía tây của Ấn Độ, tàu bè các nước phương Tây đi lại buôn bán nhiều, cho nên Bombay đã trở nên một thành phố phồn thịnh. Nhưng cũng vì vậy Bombay và cả nước Ấn Độ đã thành miếng mồi ngon cho bọn thực dân gần 450 năm.

10-2-1958. Hôm nay chương trình hoạt động của Bác và Đoàn như sau:

- Đi xem Viện nuôi cá. Ở đây có rất nhiều giống cá to và nhỏ. Có những loại cá rất đẹp. Nhiệm vụ của Viện này là giúp nghiên cứu các giống tôm, cá ở biển, ở sông.



- Đi thăm nông trường nuôi trâu. Nông trường này tổ chức từ năm 1951, ở cách Bombay độ 30 cây số, trên một quãng đồi rất rộng. Nông trường này có gần 13 nghìn con trâu, chia làm 26 trại. Có nhà máy lọc sữa và cho sữa vào chai và 700 trạm ở ngoài phố để bán sữa cho nhân dân Bombay. Trâu đều là của tư nhân. Chính phủ chỉ phụ trách quản lý. Khi bán sữa rồi, Chính phủ tính số trâu mà trả tiền cho mỗi chủ, số tiền còn lại thì chi vào nhà máy, ruộng cò, lương công nhân, v. v...

Đến thăm nông trường này, anh mới biết sữa trâu ngon và béo hơn sữa bò. Thật là "đi một phiên chợ, học một mớ khôn" em nhỉ!

- Thăm Viện nghiên cứu sức nguyên tử dùng vào sự nghiệp hòa bình. Viện này đang xây dựng trên vùng đồi, quy mô lớn, nhà cửa nhiều. Ở đây có nhiều người khoa học Ấn Độ tuổi còn trẻ và thái độ rất khiêm tốn. Vì đang lúc xây dựng cho nên việc nghiên cứu cũng đang ở bước đầu.

- Sáu giờ chiều. Cuộc chào mừng của thị xã Bombay rất đông người, thân mật và long trọng. Sau đây là tóm tắt lời chúc mừng của ông Thị trưởng:

"Kính thưa Chủ tịch. Chúng tôi rất lấy làm vẻ vang được đón tiếp Ngài và chúng tôi hoan nghênh Ngài với tất cả tấm lòng quý mến nhiệt liệt... Ấn Độ và Việt Nam luôn luôn đồng tình và ủng hộ lẫn nhau vì chúng ta là hai nước láng giềng ở châu Á. Việt Nam cũng như Ấn Độ, sau nhiều hy sinh và gian khổ mới giành được độc lập mấy năm gần đây. Cuộc đấu tranh của chúng ta đã ảnh hưởng lẫn nhau và ủng hộ lẫn nhau.

Là một trong những người kiến trúc sư xây dựng nước Việt Nam độc lập và dân chủ cộng hòa, Chủ tịch đã lấy được lòng yêu kính của nhân dân Việt Nam và của nhân dân yêu chuộng hòa bình thế giới.

25 năm đấu tranh giải phóng và 10 năm chiến đấu anh dũng để bảo vệ quyền tự do của đất nước, Việt Nam đã thành một lịch



sử phi thường đầy kiên nhẫn hy sinh và tin tưởng. Lúc thanh niên Ngài đã đi khắp các nước để tố cáo cho khắp thế giới biết những tội ác của thực dân. Ngài đã thành công tốt đẹp. Từ lao động như một người thủy thủ, một công nhân, một văn sĩ, một người viết báo, một lãnh tụ chính trị, một chiến sĩ du kích, kết cục là vị Chủ tịch đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Trong chiến tranh cũng như lúc hòa bình, Ngài là ngọn đèn soi sáng đưa nhân dân Việt Nam đến một đời sống mới. Đức tính đặc biệt của Ngài là giản dị, cần cù và quan tâm đến mọi việc, đã thành những chuyện truyền tụng đồng thời là một vốn quý của nước Việt Nam. Nhiều việc cải cách xã hội đã được thi hành và nó đang hướng Việt Nam chắc chắn tiến lên con đường hòa bình, tiến bộ và thịnh vượng. Sự phát triển nông nghiệp và công nghiệp đã cải thiện đời sống của nông dân và công nhân, nhất là đời sống ở nông thôn. Việc giáo dục cũng được chú ý đến nhiều và số nhân viên công tác y tế cũng đã được tăng nhằm bảo vệ hơn nữa sức khỏe của quần chúng. Tất cả những việc đó, đã xây dựng một đời sống mới cho nhân dân Việt Nam. Ngài đã dám bỏ những lễ tiết và hình thức của một vị Chủ tịch một nước. Ai cũng thấy rằng Ngài là một vị lãnh tụ của nhân dân với một lòng yêu thương không bờ bến đối với nhân dân...

Thưa Chủ tịch, Ấn Độ đang tiến vào kế hoạch 5 năm thứ hai và cũng đang chăm chú vào công việc xây dựng lại đất nước và nhất là nhân dân Bombay, đang hết sức chú ý theo dõi sự tiến bộ của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa dưới sự lãnh đạo của Ngài. Chúng tôi chắc rằng cuộc đi thăm của Chủ tịch sẽ đưa hai nước chúng ta gần gũi nhau hơn nữa và càng làm phát triển năm nguyên tắc chung sống hòa bình. Chúng tôi tin chắc rằng sự cố gắng chung của chúng ta sẽ cống hiến nhiều cho sự tiến bộ của dân chủ và hòa bình thế giới...".

Đọc xong, ông Thị trưởng Bombay trao cho Bác lời chào mừng ấy viết trên lụa điều, đặt trong một hộp ngà khảm bạc rất đẹp.



Sau đây là nội dung lời cảm ơn của Bác:

"Chúng tôi rất sung sướng được các bạn đón tiếp nhiệt liệt. Hàng chục vạn nhân dân Bombay, từ các cụ phụ lão đến các cháu nhi đồng đã đứng chật các đường để chào mừng chúng tôi. Điều đó làm cho chúng tôi ghi nhớ mãi mối tình hữu nghị thắm thiết Việt-Ấn anh em.

Bombay là một thành phố rất quan trọng của nước Cộng hòa Ấn Độ, một trung tâm văn hóa, kỹ nghệ, khoa học. Lại là một cửa biển thông thương lớn.

Một điều nữa làm cho Bombay nổi tiếng trên thế giới, vì Bombay là quê hương của Thánh Găngđi, người đã nêu cao đạo đức yêu nước, khắc khổ, nhẫn nại, suốt đời hy sinh cho Tổ quốc, cho nhân dân, cho hòa bình. Dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Thủ tướng Nêru và sự cố gắng của toàn dân Ấn Độ, từ ngày độc lập, nước Cộng hòa Ấn Độ trở nên một nước hùng mạnh. Trong sự nghiệp đó, nhân dân Bombay đã góp phần xứng đáng của mình...

Ngày nay, thế giới đang đứng trước một cuộc đấu tranh quyết liệt giữa hai lực lượng: lực lượng chiến tranh và lực lượng hòa bình... Chiến tranh là mục đích của khối quân xâm lược. Lực lượng hòa bình gồm có tuyệt đại đa số nhân dân trên thế giới, trong đó có gần 400 triệu nhân dân Ấn Độ. Lực lượng ấy ngày càng mạnh. Nhân dân thế giới ngày thêm đoàn kết, kiên quyết đấu tranh để giữ gìn hòa bình. Nhân dân thế giới ra sức tăng cường đoàn kết và đấu tranh thì hòa bình thế giới chắc chắn sẽ giữ được.

Trong công cuộc giữ gìn hòa bình thế giới, chúng tôi sung sướng nhận thấy các nước Á-Phi chúng ta giữ một vai trò quan trọng và Ấn Độ đã góp phần xứng đáng của mình.

Ngày nay 1.200 triệu nhân dân Á-Phi đã được giải phóng. Nhưng một số nước Á-Phi anh em vẫn còn đau khổ dưới gót sắt của thực dân, họ đang anh dũng đấu tranh cho tự do, độc lập. Nhân dân Việt Nam hoàn toàn đồng tình và ủng hộ các dân tộc anh em đó.



Sau 8, 9 năm kháng chiến gian khổ chống thực dân, Việt Nam đã giành được thắng lợi. Hội nghị Giơnevơ đã công nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam. Nhưng đến nay đất nước chúng tôi còn bị chia cắt làm hai miền, đó là vì sự can thiệp của đế quốc Mỹ. Tuy vậy, chúng tôi tin chắc rằng cuộc đấu tranh cho thống nhất của Việt Nam nhất định thắng lợi.

Nhân dân Việt Nam luôn luôn biết ơn nhân dân Ấn Độ đã ủng hộ mình và luôn luôn ghi nhớ sự đồng tình và ủng hộ của Thánh Găngđi, của Thủ tướng Nêru đối với cuộc kháng chiến của chúng tôi.

Trong sự nghiệp đấu tranh cho hòa bình, chống chủ nghĩa thực dân, nhân dân hai nước chúng ta luôn luôn sát cánh với nhau. Chúng ta đã đập đổ bức tường thực dân trước đây ngăn cách chúng ta. Từ nay quan hệ giữa hai nước chúng ta ngày càng thắt chặt. Chúng tôi tin rằng những quan hệ hữu nghị đó sẽ tăng cường mãi mãi...".

Giữa tiếng hoan hô nhiệt liệt, Bác biểu nhân dân Bombay hai bức hình bằng sơn mài Thánh Găngđi và Thủ tướng Nêru.

8 giờ rưỡi tối, ông Thủ hiến chính thức chiêu đãi. Sau cuộc chiêu đãi có văn công biểu diễn.

Sáng ngày 11-2-1958, Bác và Đoàn đi thăm những nơi sau đây: Công viên Camla Nêru (kỷ niệm vợ Thủ tướng Nêru). Vườn này không to, nhưng rất xinh xắn. Ngày thường vườn này dành riêng cho trẻ em. Giữa vườn có một cái nhà hai tầng, làm giống một chiếc giày khổng lồ, trẻ em rất thích cái nhà ấy.

Vườn treo. Trước kia anh tưởng rằng vườn treo là một cái vườn treo lơ lửng giữa trời. Nay mới biết vì vườn này ở trên sườn đồi, và dưới đáy vườn có bể chứa nước, cho nên người ta gọi là "vườn treo". Một người bạn Ấn Độ nói rằng: Cách đây không xa, có cái "Tháp im lặng", giống một cái bể cạn tròn, rất

to và rất cao. Người theo đạo Pátisi, nhà có người chết thì để xác vào đây, do nắng mưa và chim quạ phụ trách chôn cất.

Đến thăm nhà hàng bán các thứ vải lụa dệt bằng tay, có những thứ rất đẹp, chứng tỏ rằng thủ công nghiệp của nhân dân Bombay rất khéo.

Đi thăm Viện khảo cổ. Viện này một phía thì có các loài thú, một phía thì có những đồ vật và những pho tượng đá làm cách đây hơn 2.000, 3.000 năm.

2 giờ chiều, Bác cùng Đoàn từ già Bombay đi Bắnggalo.

Phong cảnh Bombay rất đẹp, nhất là ban đêm. Những đường cái sát bờ biển ban đêm đèn điện thấp sáng choang. Đứng xa trông thấy một dãy dài như chuỗi cườm óng ánh. Người ta gọi nó là "chuỗi ngọc của Hoàng hậu". Vì trời nức, đêm khuya vẫn đông người đi hóng mát trên những con đường ấy.

11-2-1958, từ Bombay đến Bắnggalo 840 cây số, đi máy bay độ 3 tiếng đồng hồ. Đúng 5 giờ chiều, Bác và Đoàn đến sân bay Bắnggalo. Lễ nghi đón tiếp do ông Thủ hiến bang Mayo lãnh đạo, cũng thân mật và long trọng như các nơi khác.

6 giờ, Bác và Đoàn đến dự cuộc chào mừng của nhân dân Bắnggalo, tổ chức ở một công viên, trong một ngôi nhà lợp bằng kính, chứa được vài nghìn người.

Sau khi tỏ lời hoan nghênh nhiệt liệt, ông Thị trưởng nói tiếp: "... Như Thủ tướng Nêru của chúng tôi đã nói, Chủ tịch là một vĩ nhân, đã ảnh hưởng thời đại với đức tính giản dị và thành khẩn của Ngài. Chủ tịch là một người đại cách mạng và nhờ uy tín của Ngài mà Việt Nam đã có địa vị hiện nay trên thế giới. Lòng yêu tự do, bình đẳng và sự hiểu biết của Chủ tịch đã làm cho Ngài thành một nhân vật lớn trên trường chính trị quốc tế...

Việt Nam có những điều giống nhau với Ấn Độ, vì cả hai đều là nước nông nghiệp với 90% số người là nông dân. Dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Chủ tịch, cuộc cải cách ruộng đất đã thay



đổi hoàn toàn chế độ nông nghiệp ở Việt Nam, làm cho người cày có ruộng và đời sống nông dân được nâng cao. Việt Nam cũng đã tiến bộ trong các lĩnh vực khác như công nghiệp, giáo dục, thương mại, v. v.. Khi đến Đêli, lời tuyên bố của Chủ tịch đã tỏ rõ quan hệ của Việt Nam đối với các nước khác. Lời Chủ tịch khen ngợi Tổng thống và Thủ tướng của chúng tôi cũng như sự cống hiến của Ấn Độ trong sự nghiệp hòa bình đã tỏ rõ lòng Chủ tịch yêu quý đất nước chúng tôi. Chúng tôi tin rằng việc Chủ tịch đến thăm Ấn Độ sẽ củng cố hơn nữa tình thương yêu và lòng tin cậy giữa hai nước chúng ta...

Tôi xin tóm tắt giới thiệu thành phố Bănggalo với Chủ tịch. Thành phố này cao 1.000 thước tây so với mặt biển, rộng độ 37 lý vuông, với 80 vạn nhân khẩu. Nhờ có khí hậu tốt, nguyên liệu nhiều, cho nên có khá nhiều công nghiệp, như xưởng làm máy bay, xưởng máy điện thoại, nhà máy cơ khí, v. v.. Do có nhiều vấn đề phải giải quyết. Nhưng với sự giúp đỡ của bang và của Chính phủ trung ương, chúng tôi đã giải quyết khá tốt các vấn đề ấy. Chúng tôi hết sức cảm ơn Chủ tịch đã đến thăm chúng tôi và mong Ngài nhận món quà nhỏ mọn này, gọi là tỏ tình yêu quý và kính mến của chúng tôi đối với Chủ tịch và nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa...".

Dứt lời, ông Thị trưởng trao tặng Bác một cái hộp bằng gỗ thơm bạch đàn khảm ngà voi - một thứ thủ công rất nổi tiếng ở đây. Tiếp theo là buổi văn công.

8 giờ rưỡi chiều, trong cuộc chiêu đãi chính thức, ông Thủ hiến nói đại ý như sau:

"Nhân dân và Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã từng đón tiếp nhiệt liệt Thủ tướng và Phó Tổng thống của chúng tôi, việc đó đã làm cho nhân dân Ấn Độ rất vui lòng và càng gần gũi thêm nhân dân Việt Nam. Vì vậy, chúng tôi rất sung sướng có dịp chào mừng vị Chủ tịch của một nước đã có quan hệ hữu nghị rất thân thiết với chúng tôi... Đã từng nghe và biết sự

công hiến của Chủ tịch đối với hòa bình, nhân dân Ấn Độ rất tán thành cái danh hiệu mà Thủ tướng Nêru đã tặng Ngài là "Người hòa bình quốc tế".

Hai nước chúng ta đã có quan hệ từ hai nghìn năm. Nhưng từ ngày các nước phương Tây tràn đến châu Á, mối quan hệ ấy đã bị gián đoạn trong một thời kỳ. Từ ngày giành lại quyền độc lập, chính sách của Ấn Độ là cố gắng giúp đỡ những nước láng giềng đang đấu tranh để chống ách áp bức. Nhân dân Ấn Độ đã rất quan tâm theo dõi cuộc đấu tranh giải phóng của Việt Nam. Ấn Độ và Việt Nam đã kinh qua những cuộc phấn đấu và thử thách tương tự, cho nên chúng tôi luôn luôn đồng tình với Việt Nam.

Hôm vừa qua, Thủ tướng Chu Ân Lai tuyên bố rằng hiện nay lực lượng hòa bình mạnh hơn bao giờ hết và có những điều kiện rất thuận lợi để bảo vệ hòa bình. Tôi tin rằng cuộc đi thăm của Chủ tịch đến Ấn Độ, vừa góp phần củng cố hòa bình thế giới vừa thắt chặt thêm nữa tình hữu nghị giữa hai nước chúng ta. Nhân dân Ấn Độ rất hiểu nguyện vọng thiết tha của nhân dân Việt Nam là thống nhất đất nước bằng tổng tuyển cử tự do như Hiệp định Giơnevơ đã quy định... Thánh Găngđi - người cha dân tộc chúng tôi - đã dạy chúng tôi đấu tranh giành tự do bằng phương pháp hòa bình. Cho nên chúng tôi tin chắc rằng nhân dân Việt Nam sẽ thực hiện được nguyện vọng của họ, vì đó là chính nghĩa.

Năm nguyên tắc chung sống hòa bình là chính sách của Ấn Độ. Chủ tịch thường nói rõ rằng Việt Nam hoàn toàn ủng hộ năm nguyên tắc ấy. Do đó, Ngài đã chiến thắng những lực lượng độc ác và chiến tranh đã làm cho cán cân nghiêng hẳn về phía hòa bình thế giới.

Tôi ước ao rằng Chủ tịch có thể lưu lại đây lâu hơn để thưởng thức phong cảnh tươi đẹp của xứ này và xem xét những kết quả đã đạt được trong kế hoạch 5 năm của chúng tôi; nhất là



để thấy rõ lòng yêu mến và đồng tình của người dân xứ này đối với Việt Nam vĩ đại và đối với vị Chủ tịch vĩ đại và kính mến của nhân dân Việt Nam...".

Với những lời thăm thiết từ đáy lòng, Bác thay mặt nhân dân và Chính phủ ta cảm ơn ông Thị trưởng, ông Thủ hiến và nhân dân Bănggalo.

Chiều hôm qua (11-2-1958) khi Bác và Đoàn về đến dinh Thủ hiến, các đại biểu nhiều đoàn thể nhân dân đã đến chào mừng và tặng hoa. Trong các đoàn thể ấy, có đại biểu Đảng Cộng sản Ấn Độ, Tổng công đoàn Cácnatác và nhiều tổ chức lao động khác.

9 giờ sáng ngày 12-1-1958, Bác và Đoàn đi thăm xưởng chế tạo máy ở ngoại ô Bănggalo. Từ năm 1955, xưởng bắt đầu sản xuất. Năm 1957, kế hoạch định sản xuất 57 bộ máy. Nhưng do sự cố gắng của cán bộ kỹ thuật và công nhân, kết quả đã sản xuất được 135 bộ. Vì vậy, giá thành đã giảm được nhiều. Năm nay, xưởng định cố gắng sản xuất cho được 400 bộ. Kế hoạch 5 năm thứ hai dự định sản xuất mỗi năm 800 bộ. Xưởng bán các máy này cho cục xe lửa, cho Bộ Quốc phòng và các nhà máy nhỏ.

Xưởng có ban huấn luyện của mình để đào tạo những công nhân kỹ thuật. Anh em công nhân ở đây rất sung sướng về những thành tích đã đạt được. Bác đã nói với công nhân: "Tôi rất vui mừng về những cố gắng và những thành tích của anh em, vì nhân dân Việt Nam coi những tiến bộ của Ấn Độ cũng như tiến bộ của mình...".

11 giờ đến xem Viện Nghiên cứu khoa học Ấn Độ. Từ ngày Ấn Độ giành lại độc lập, Viện này được mở rộng thêm nhằm mục đích phát triển kinh tế quốc dân. Theo báo cáo của ông Viện trưởng thì khoản thu nhập và sản xuất bình quân tính theo đầu người ở các nước (theo con số 1955) như sau:

| TÊN NƯỚC   | KHOẢN THU NHẬP | ĐIỆN (KW) | THAN (CÂN) | GANG (CÂN) |
|------------|----------------|-----------|------------|------------|
| Liên Xô    | 7. 500 rupi    | 850       | 1. 380     | 260        |
| Trung Quốc | 270 -          | 20        | 150        | 5          |
| Ấn Độ      | 250 -          | 22        | 100        | 4          |

Tiền chi phí về việc nghiên cứu khoa học bình quân mỗi đầu người, mỗi năm: Liên Xô: 110 rupi.

Trung Quốc: 1,1 rupi.

Ấn Độ: 0,15 rupi.

(Năm nay những con số nói trên đã tăng lên nhiều hơn).

Kết luận là Ấn Độ phải đẩy mạnh hơn nữa việc nghiên cứu khoa học và phát triển kinh tế.

Viện này có thể gọi là viện bách khoa, nghiên cứu từ các loại vi trùng đến việc chế tạo radar, máy bay, v. v.. Toàn Viện có hơn 20 chỗ thí nghiệm. Khi đến thăm nơi thí nghiệm điện, các thầy giáo và học sinh đã thử làm sấm, chớp cho Bác và Đoàn xem. Hai luồng điện rất mạnh từ hai ngả đến gặp nhau, tỏa ra những làn sóng lửa sáng lòa như trời chớp. Cũng do luồng điện rất mạnh từ trên xuống và từ dưới lên nổ ra một tiếng vang dữ dội như tiếng sét đánh.

Đối với môn khoa học này, anh là i tờ, xem thấy vậy chỉ biết có thú vị thôi. Anh nghĩ bụng rằng những người mê tín như ông B. và bà H. nhà ta nếu được xem thí nghiệm này, thì chắc rằng họ sẽ hết tin vào "thiên lôi, thiên tướng".

Nơi nghiên cứu về máy bay có sáu cái hầm thử những luồng gió khác nhau để thí nghiệm và sửa đổi các kiểu cánh máy bay. Trong các hầm đó, họ nghiên cứu các tầng không khí, những hiện tượng thay đổi bất thường ở trên trời và sức cản của những thứ bay nhanh hơn tiếng dội. Còn nhiều phát minh và thí nghiệm rất hay, nhưng tiếc rằng anh không ghi chép kịp.



Sau khi đi thăm Viện nghiên cứu khoa học này, người ta thấy rằng khoa học Ấn Độ đã tiến bộ rất rõ rệt.

1 giờ rưỡi trưa, ông Thủ hiến và các nhân viên cao cấp đưa Bác và Đoàn ra sân bay để đi Cancúttá.

Trên đường đi ra sân bay, Bác đã ghé thăm tượng của Thánh Găngđi ở một vườn hoa rộng lớn. Theo tập quán của nước bạn, Bác đã kính cẩn chào vòng hoa lên tượng Thánh Găngđi và trồng một cây hoa làm kỷ niệm.

Tại sân bay, sau khi duyệt đội danh dự và bắt tay từ giã ông Thủ hiến và các nhân viên cao cấp, Bác đọc lời từ biệt như sau:

"Thưa ông Thủ hiến, thưa các anh em chị em và các cháu thân mến.

Chúng tôi rất cảm ơn cuộc đón tiếp nhiệt liệt của các bạn. Tôi sung sướng chuyển đến các bạn lời chúc mừng hữu nghị nhất của nhân dân Việt Nam.

Các bạn đang thực hiện một nhiệm vụ to lớn là phát triển kinh tế và văn hóa theo kế hoạch 5 năm thứ hai. Chúng tôi rất vui lòng thấy những thành tích to lớn của các bạn mong học tập những kinh nghiệm quý báu của các bạn.

Mối quan hệ lâu đời giữa nhân dân hai nước chúng ta đang phát triển tốt đẹp trên nền tảng năm nguyên tắc chung sống hòa bình. Chúng tôi tin rằng cuộc đi thăm của chúng tôi sẽ góp phần phát triển thêm nữa tình nghĩa anh em giữa nhân dân Ấn Độ và Việt Nam...".

*Em Hương thân mến,*

Chiều 12-2-1958, Bác và Đoàn đến Cancúttá.

Với 3 triệu rưỡi nhân khẩu, Cancúttá là một thành phố đông dân nhất của Ấn Độ, cũng là một thành phố buôn bán phồn thịnh nhất. Nhờ giao thông thuận tiện, mỗi năm hàng hóa ra vào có đến 9 triệu tấn, tức là một nửa tổng số buôn bán bằng đường sông, đường biển của Ấn Độ. Cancúttá lại là nơi nổi

tiếng về hoạt động văn hóa, giáo dục. Thư viện chính của thành phố này có 8 triệu quyển sách. Trường đại học ở đây là trường lâu năm nhất của nước bạn. Viện bảo tàng có những đồ đặc lịch sử rất quý báu, từ 5.000 năm để lại, v. v.. Trong cuộc đấu tranh giành độc lập tự do, Cancúttta càng nổi tiếng là một thành phố anh dũng.

Cancúttta cách Bắnggalô 1.545 cây số. 7 giờ chiều, máy bay Bác và Đoàn đến sân bay Đumđum. Gọi là Đumđum vì ngày xưa thực dân Anh có xưởng chế tạo đạn đumđum ở đó. Nay người ta cứ quen gọi là đường phố Đumđum, sân bay Đumđum.

Lễ nghi đón tiếp cũng thân mật và long trọng như các nơi khác Bác và Đoàn đã đến thăm. Tuy trời đã tối, từ sân bay đến dinh Thủ hiến, suốt 12 cây số, hai bên đường bà con Ấn đón chào rất đông.

9 giờ sáng ngày 13. Bác và Đoàn đi thăm Trường thuốc nhiệt đới. Đây là nơi nghiên cứu các thứ thuốc và các thứ bệnh đặc biệt ở xứ nóng, như bệnh hủi, bệnh sốt rét, v. v.. Trường này thành lập từ năm 1920. Trường có 14 khoa về phương pháp vệ sinh, phòng bệnh và trị bệnh. Có những lớp bỏ túc từ 3 đến 9 tháng. Có một nhà thương để cho học trò thực tập.

10 giờ đến thăm Viện nghiên cứu Bôđơ. Ban đầu Viện này chuyên môn nghiên cứu các thứ cây cỏ. Về sau phát triển việc nghiên cứu hóa học và vật lý học có liên quan với cây cỏ.

11 giờ rưỡi, đến thăm Viện thống kê. Ngày trước, đây chỉ là một phòng nghiên cứu nhỏ thuộc Trường đại học Cancúttta. Nay Viện đã phát triển thành một trung tâm thống kê rất rộng. Dưới sự hướng dẫn của Viện trưởng là bác sĩ Mahala Nôbiso có độ 800 người khoa học và chuyên gia giúp việc. Có những học sinh đến từ các nước Miến Điện, Nhật Bản, Thái Lan, v. v.. Bên cạnh những phòng nghiên cứu với phương pháp rất mới, như dùng máy điện, một giây đồng hồ có thể tính hàng nghìn con số; lại có những phòng thực tập thủ công, như đan dệt bằng tay. Phòng này



do bà Mahala Nôbisơ hướng dẫn. Ông Viện trưởng nói với Bác: "Tình hình kinh tế Ấn Độ hiện nay, một mặt phải tiến lên hiện đại hóa, nhưng một mặt vẫn phải cải tiến nghề thủ công để cho mọi người có cơm ăn, việc làm".

4 giờ, Bác và Đoàn đến tham gia cuộc chào mừng của nhân dân thị xã Cancútta. Trong lời hoan nghênh, ông Thị trưởng nói:

"Hỡi người chiến sĩ anh dũng trong cuộc đấu tranh cho tự do!

Chúng tôi thật là sung sướng được Ngài đến thăm thành phố Cancútta to lớn, nó là một trong những thành phố tiên phong ở Ấn Độ và ở châu Á. Thành phố này đã nổi tiếng là cái nôi lịch sử trong những cuộc khởi nghĩa để giải phóng những người bị áp bức, đồng thời nó cũng là cái gia đình to lớn của khoa học, văn hóa và kinh tế ở phía này quả địa cầu. Thành phố này đã vang dội những nguyện vọng lớn của những người tiến bộ trên thế giới. Thành phố này cũng là cái sân khấu đã từng diễn những vở kịch vĩ đại trong cuộc đấu tranh của loài người để thoát khỏi vòng nô lệ. Cancútta cũng là nơi sinh trưởng của những vĩ nhân như ông Môhanrô, ông Tago... Trong khung cảnh ấy, chúng tôi dâng lên Ngài lời chào mừng thắm thiết và kính cẩn.

Hỡi người giải phóng vĩ đại của loài người! Dưới sự hướng dẫn gan góc, mạnh bạo và sự sáng suốt của sự lãnh đạo của Ngài trong lĩnh vực tư tưởng tiến bộ, những xiềng xích lâu đời của Việt Nam đã bị phá tan. Và xem đây này, một nền tảng chắc chắn của một chế độ xã hội, nhất trí và vững vàng, đã xây dựng ở đất nước mà Ngài là người lãnh đạo vĩ đại. Ở các tiền đồn ấy của công cuộc giải phóng, quần chúng của loài người sẽ hưởng một đời sống mới không bị bóc lột và dày vò. Trên con đường của Ngài đi đến tự do, chúng tôi là những người đồng chí trung thành của Ngài. Trong bước tiến để giải phóng hàng chục triệu nhân dân châu Á, chúng tôi cũng là những người bạn tin cậy của Ngài. Trong bước đường đấu tranh kiên

quyết của Ngài để giải phóng nhân dân, kinh qua biết bao suối sâu, rừng rậm, sa mạc, núi cao, những bước đường đó ngày nay đã thành lịch sử. Kinh nghiệm vĩ đại của Ngài làm cho chúng tôi nhớ lại ông Suba Săngdra là Tổng tư lệnh của lực lượng Agiát Hai đã chiến đấu gần biên giới Miến Điện để tiêu diệt lực lượng của đế quốc Anh...

Hỡi người chính trị vĩ đại của nhân dân! Cũng như người Cha vĩ đại của dân tộc chúng tôi là Thánh Găngđi, Ngài là biểu hiện của một đời sống giản đơn, thanh cao và khắc khổ. Chúng tôi hết lòng cầu với Thượng đế rằng cuộc thăm viếng lịch sử của Ngài đến đất nước này, sẽ đúc nên những sợi dây chuyền vàng bằng hữu nghị để thắt chặt hai dân tộc chúng ta trong tình nghĩa anh em chối lợi...

Tình hữu nghị vĩ đại giữa Ấn Độ và Việt Nam sẽ tiêu diệt những tội ác như chiến tranh, thù oán, tham lam và chủ nghĩa thực dân độc ác...".

Đọc xong lời chào mừng, ông Thị trưởng tặng Bác một tượng Đức Phật bằng đồng và một bức vẽ trên lụa.

Sau những lời cảm ơn ông Thị trưởng, Ủy ban hành chính và nhân dân Cancútta, Bác nói tiếp:

"Nhân dân Cancútta và Bănggan đã góp phần xứng đáng trong cuộc đấu tranh giành độc lập của Ấn Độ, đã có nhiều vị anh hùng liệt sĩ cũng đã anh dũng đấu tranh ủng hộ cuộc kháng chiến của Việt Nam. Bănggan còn là một trung tâm văn hóa của nước bạn, là quê hương của đại văn hào Tago mà cả thế giới đều kính trọng...".

Về tình hình thế giới, Bác nói: "Hiện nay ở châu Á và châu Phi, nhiều nước đã được độc lập. Trên bản đồ Á - Phi, phạm vi thống trị của thực dân ngày càng bị thu hẹp. Chắc chẳng bao lâu nữa, mặt trời tự do, độc lập sẽ đánh tan nốt đêm tối chủ nghĩa thực dân... Miến Goá phải trở về với nước Cộng hòa Ấn Độ, miền Tây Iriăng phải trở về với nước Cộng hòa Nam Dương".



Về tình hình nước ta, Bác nói: "Ở Việt Nam yêu quý của chúng tôi, đế quốc đang âm mưu chia cắt lâu dài đất nước chúng tôi làm hai miền. Nhưng nhân dân Việt Nam kiên quyết đoàn kết và đấu tranh để thực hiện thống nhất nước nhà bằng phương pháp hòa bình như Hiệp định Giơnevơ đã quy định. Chúng tôi cảm ơn nhân dân và Chính phủ Ấn Độ đã góp phần vào việc lập lại hòa bình ở Việt Nam, cảm ơn những cố gắng của Ủy ban Quốc tế do Ấn Độ làm Chủ tịch trong việc thi hành Hiệp định Giơnevơ ở Việt Nam...".

Giữa những tiếng vỗ tay nhiệt liệt, Bác tặng nhân dân Cancúttá hai bức hình bằng sơn mài Thánh Găngđi và Thủ tướng Nêru.

Chắc em cũng nhớ rằng ở Bắnggan, hàng vạn thanh niên học sinh đã bãi khóa và công nhân đã bãi công để ủng hộ cuộc kháng chiến của ta. Trong cuộc bãi khóa rầm rộ đó, cảnh sát Anh đã bắn chết một em nữ học sinh và làm nhiều học sinh bị thương nặng. Một anh thanh niên bị bắn què hời đó, đã đến tham gia buổi chào mừng hôm nay. Khi được Bác hôn, anh ấy ứa nước mắt, không nói nên lời và mọi người đều rất cảm động.

Bác và Đoàn đến thăm Hội Mahabodi. Hội này thành lập từ năm 1891 nhằm mục đích truyền bá đạo Phật khắp thế giới. Hiện nay có hơn 500 hội viên suốt đời và 500 hội viên thường.

Khi đến nơi, Bác và Đoàn được các vị Hòa thượng đưa lên lầu trên là nơi thờ Đức Phật.

(Trong các vị này có sư Thích Minh Châu là người Việt Nam đã cùng với một Hòa thượng người miền Nam sang nước bạn tham gia lễ kỷ niệm Phật Đản năm thứ 2.500. Cụ Hòa thượng ấy đã mất và chôn ở Đêli. Khi ở Thủ đô nước bạn, Bác đã nhờ cụ Phó Thủ tướng Phan Kế Toại và đồng chí Bộ trưởng Hoàng Minh Giám đến viếng mộ).

Lễ Phật xong, Bác và Đoàn cùng bà Thủ hiến đến dự mít tinh hoan nghênh; có thiện nam tín nữ rất đông. Chương trình lễ hoan nghênh gồm có:



Ảnh chân dung Chủ tịch Hồ Chí Minh năm 1969.

*Ảnh: Bảo tàng Hồ Chí Minh*



Các học sinh Trường Phật hát bài hoan nghênh.

Ông Tổng thư ký Hội Mahabodi đọc lời chào mừng.

Bà Thủ hiến phát biểu ý kiến.

Bác trả lời cảm ơn.

Hội tặng Bác một sổ sách Phật.

Học sinh hát bài hoan tống.

Lời chào mừng của ông Sri Valisnha đại ý như sau:

"Kính thưa Chủ tịch. Hội viên của Hội Mahabodi, là một tổ chức với mục đích truyền bá văn hóa đạo Phật và liên lạc các Phật tử ở các nước, chúng tôi kính cẩn và nhiệt liệt hoan nghênh Ngài.

Như một vị ẩn sĩ chân chính, Chủ tịch đã hy sinh suốt đời cho nhân dân và Tổ quốc Ngài; Chủ tịch đã từ bỏ những hào nhoáng lộng lẫy của địa vị Chủ tịch một nước. Cũng như Hoàng đế Asoka, một vị Phật tử đầy lòng hy sinh, Chủ tịch đã nêu cao trước thế giới một lý tưởng mà chỉ có thể thực hiện bởi một người có đầy lòng tin tưởng.

Gan dạ bất khuất của Ngài chống lại chủ nghĩa thực dân, nghị lực của Ngài làm việc không biết mỏi, ý chí thiết tha của Ngài đối với học hỏi và tự do, đã làm cho Ngài lao động không quản công tác gì, như một người khâu vá, như một người rửa ảnh, một người thợ vẽ, một người viết báo, một người học tiếng, một người trí thức, một người lãnh tụ cách mạng. Thân thể kỳ diệu của Chủ tịch, từ quê hương của Ngài cho đến chức vụ Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã đáng cho mọi người noi gương. Chủ tịch thật là một người kiêm cả công, nông, trí thức cách mạng với một lòng đầy từ bi là đạo đức quý nhất của những tín đồ Phật giáo.

Các Phật tử Ấn Độ chúng tôi rất lấy làm tự hào mà xem Ngài là một người con của một nước đã có quan hệ mật thiết về văn hóa và tín ngưỡng hơn 2.000 năm nay với nước Ấn Độ chúng tôi...

Chúng tôi nhiệt liệt mong rằng với những cố gắng hòa bình của Ngài, miền Bắc và miền Nam Việt Nam sớm được thống nhất. Chúng tôi tin chắc rằng quá khứ vẻ vang của đất nước Ngài sẽ mau chóng khôi phục, làm cho quan hệ văn hóa giữa nước Việt Nam tự do và nước Ấn Độ tự do được phát triển và củng cố...".

À, anh quên nói với em một điều: Ở nước bạn thường có tên người rất dài, ví dụ: tên ông Thủ hiến Casomia là Xadari Risa Yuvara Karang Xing. Tên ông Thủ hiến Mayo là Maharaga Sri Giaia Samaragia Vadiia Bahadu.

Bác và Đoàn cùng ông Bộ trưởng Văn hóa đi thăm nhà của đại thi sĩ Tago. Trong nhà, các phòng ăn, phòng ngủ, phòng làm việc, v. v. đều sắp đặt như lúc Người còn sống. Có một gian phòng làm nơi thờ thi sĩ, Bác và Đoàn đặt hoa và mặc niệm một lúc. Rồi sang thăm nhà bảo tàng bên cạnh, để những sách vở của thi sĩ và những bức vẽ của người Anh.

Nơi này, có ban huấn luyện múa, nhạc và kịch cho các học sinh con gái.

Khi tiếp đại biểu các báo chí, Bác nhấn mạnh mấy điểm:

Cảm tình mật thiết của Chính phủ và nhân dân nước bạn đối với Bác, Đoàn và nhân dân ta.

Sự tiến bộ nhanh chóng và tương lai vẻ vang của nhân dân Ấn Độ.

Năm nguyên tắc chung sống hòa bình là nền tảng tốt để giải quyết công bằng mọi vấn đề giữa các nước.

Nhân dân ta quyết tâm đoàn kết đấu tranh thống nhất nước nhà bằng phương pháp hòa bình.

Tiếp theo đó, Bác Hồ trả lời những câu hỏi của các ký giả. Một đại biểu báo Mỹ hỏi: "Xin Chủ tịch cho biết ý kiến Ngài về vấn đề Casomia?". Bác trả lời: "Nếu nói đến Casomia thì cũng

---

\* Đại Hội tức Pakixtan đang tranh chấp Casomia với Ấn Độ. Nhà báo Mỹ đặt câu hỏi về nội trị của Ấn Độ cho Bác khó trả lời.



phải nói đến Đêli, Bắnggalô, Bombay, v. v.. Như thế thì sẽ phải nhiều thì giờ lắm!". Câu trả lời ấy làm các ký giả cười ồ lên.

8 giờ rưỡi tối. Cô Pamagia (Hoa Sen) Naiđu, Thủ hiến Bắnggan mở tiệc chiêu đãi rất long trọng. Trong lời từ biệt Bác và Đoàn, bác sĩ Roy (Thủ tướng bang Bắnggan đã ngoài 70 tuổi) nói những câu rất thấm thiết như: "Hò Chủ tịch đã tổ chức và lãnh đạo thắng lợi cuộc đấu tranh giành tự do độc lập cho Tổ quốc mình. Trong lịch sử nhân dân châu Á, Ngài là một nhân vật đặc biệt vĩ đại... Đời sống khắc khổ và đức tính khiêm tốn của Chủ tịch làm cho nhân dân các nước Đông - Nam Á đặc biệt yêu mến Ngài... Chủ tịch chẳng những là biểu hiện cho sự đoàn kết của nhân dân châu Á, mà còn là một lãnh tụ của hòa bình, một người ủng hộ mạnh mẽ Panch Sheela"\*.

Trong lời cảm ơn, Bác nói: "... Trong chín ngày vừa qua, sau khi đi thăm Đêli, Bacora và nhiều nơi khác, qua những cuộc gặp gỡ với Tổng thống Praxát kính mến, Thủ tướng Nêru kính mến và các nhà lãnh đạo khác, cùng các tầng lớp nhân dân nước bạn, chúng tôi càng thấy rõ mối tình hữu nghị thân thiết giữa nhân dân hai nước chúng ta... Chúng tôi cũng đã thấy rõ đất nước Ấn Độ, rất giàu có và tươi đẹp, nhân dân Ấn Độ rất khéo léo và cần cù, các nhà khoa học và kỹ sư Ấn Độ rất nhiều tài năng và cố gắng. Các bạn đã hoàn thành kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, và đã thu được nhiều thành tích trong kế hoạch 5 năm lần thứ hai. Chúng tôi coi thắng lợi của các bạn như là thắng lợi của chúng tôi. Chúng tôi thành tâm chúc các bạn thu được nhiều kết quả to lớn hơn nữa.

... Ở Việt Nam chúng tôi, sau tám, chín năm kháng chiến, hòa bình đã được lập lại. Nhưng đến nay, do sự can thiệp của nước ngoài, nước chúng tôi chưa được thống nhất. Nhưng chúng tôi tin rằng với sức xây dựng vững chắc của miền Bắc, lực lượng đấu tranh anh dũng của nhân dân miền Nam, tình

---

\* Tiếng Ấn, Panch Sheela nghĩa là năm nguyên tắc chung sống hòa bình (T. G).

thần kiên quyết và sự đoàn kết chặt chẽ của nhân dân cả nước, với sự đồng tình và ủng hộ của nhân dân Ấn Độ và nhân dân yêu chuộng hòa bình thế giới, sự thống nhất đất nước chúng tôi nhất định sẽ thành công...".

Sau bữa tiệc, có các đoàn múa hát nổi tiếng ở các địa phương trong bang Bắnggan biểu diễn.

Trước khi tham gia tiệc chiêu đãi, Bác đã nói chuyện từ biệt bà con Ấn Độ bằng máy truyền thanh. Đại ý như sau: "Chúng tôi rất vui lòng được nói chuyện với tất cả bà con Ấn Độ. Cuộc đi thăm hữu nghị của chúng tôi ở nước Ấn Độ vĩ đại đã đạt kết quả tốt đẹp... Trong cuộc đi thăm này, chúng tôi đã có dịp gặp gỡ các vị lãnh tụ kính mến của các bạn, anh chị em công nhân ở nhà máy, bà con dân cày ở nhiều nông thôn, các nhà khoa học, các văn nghệ sĩ, v. v.. Chúng tôi thấy ai ai cũng đầy lòng yêu nước và hăng hái làm việc để xây dựng một nước Ấn Độ giàu mạnh. Ở đâu chúng tôi cũng nghe những tiếng nói hữu nghị và hòa bình, những lời thăm thiết chúc cho nước Việt Nam chúng tôi mau chóng thống nhất...

Mười ngày thăm thoát quá nhanh. Tục ngữ có câu: "Khi buồn bã thì thời gian đi rất chậm, khi vui vẻ thì thời gian đi rất nhanh". Với sự đón tiếp nhiệt liệt, với sự tổ chức chu đáo, với sự săn sóc tận tình của Chính phủ và nhân dân Ấn Độ, chúng tôi thấy thời gian đi rất nhanh. Chúng tôi sẽ ghi nhớ mãi hình ảnh tươi đẹp của nước Ấn Độ anh em và mối tình hữu nghị nhiệt liệt của bà con Ấn Độ đối với chúng tôi. Khi về nước, chúng tôi sẽ báo cáo lại những điều tai nghe mắt thấy và sẽ chuyển tất cả những lời chào thân ái của bà con Ấn Độ cho đồng bào Việt Nam chúng tôi...

Chúng tôi thành thật cảm ơn tất cả bà con Ấn Độ. Cuối cùng Sasa Hồ gửi các cháu nhi đồng Ấn Độ nhiều cái hôn.

Tình anh em giữa nhân dân Việt Nam và nhân dân Ấn Độ luôn bền vững muôn năm!...".



*Rănggun ngày 14-2-1958*

*Em Hương,*

"Kè ở người về, tình duyên luyến thật là thắm thiết".

"Cờ bay lệnh nô, lễ tiễn đưa rất mực oai nghi".

Khi Bác và Đoàn rời Cancúttá, một đồng chí cán bộ đã ngâm nga tả cảnh như vậy. Nhưng anh không hoàn toàn "khuyên" câu đối ấy vì nó chưa tả hết được tinh thần cuộc tiễn đưa.

- 7 giờ rưỡi sáng hôm nay, Bác ngồi xe trần cùng cô Thủ hiến và Thủ tướng Roy, có 10 xe mô tô đi hai bên bảo vệ. Các vị trong Đoàn và anh em cán bộ đi 13 chiếc xe hơi. Tiếp theo là đoàn xe 28 vị Bộ trưởng và Thứ trưởng; 17 vị lãnh sự các nước trong đó có lãnh sự các nước Brêđin, Pêru... (Nam Mỹ) cùng bốn đại biểu phái đoàn thương mại nước ngoài; ông Thị trưởng và sáu vị Ủy viên trong Ủy ban hành chính Cancúttá, v. v.. Còn rất nhiều xe những bạn quen biết kéo dài hơn một cây số.

Từ Phủ Thủ hiến đến sân bay, quốc kỳ hai nước xen lẫn nhau tung bay trước gió. Nhân dân Cancúttá đứng chật hai bên đường, trên các tầng lầu, các mái hiên, các nóc nhà. Họ nhiệt liệt vỗ tay và hoan hô: "Hồ Chí Minh jindabad!" "Hindi - Việt Nam bhair bhair!". Bác thường phải đứng dậy trên xe để chào bà con Ấn. Một người bạn Ấn Độ bảo anh rằng: "Ít ra cũng có một triệu người".

Đến sân bay, chào quốc ca hai nước, rồi Bác đi duyệt đội danh dự, thân mật bắt tay các quan khách và các nhân viên Ấn Độ đã đi với Bác trong mười hôm vừa qua. Bác hôn cô Thủ hiến và Bác sĩ Roy, vẫy tay chào quần chúng, rồi bước lên máy bay giữa tiếng vỗ tay lẫn tiếng dội vang trời của 21 phát đại bác. Một phi công Ấn cứ tắc lưỡi khen ngợi: "Một cuộc hoan tống thật là vĩ đại! Vĩ đại!".

- 8 giờ 15 phút, máy bay cất cánh đi Rănggun. Chào nước Ấn Độ vĩ đại! Chào nhân dân Ấn Độ anh em! Chúng tôi sẽ luôn luôn nhớ yêu các bạn! Hindi!"

Cancúttá cách Thủ đô Miến Điện 1.025 cây số. Một giờ chiều thì đến Rănggun. Khi cách Rănggun độ 100 cây số, có máy bay quân sự Miến Điện đến đón và hộ vệ.

Lúc Bác và Đoàn bước xuống sân bay, có 21 phát đạn đại bác chào mừng.

Đến đón Bác tận máy bay, có Tổng thống U Vin Môn, Thủ tướng U Nu, các Phó Thủ tướng U Ba Xue, U Kyan Nyein và Thakin Tin, Viện trưởng Pháp viện tối cao và Chủ tịch Quốc hội. Bác và Tổng thống chào quốc kỳ và duyệt đội danh dự. Các em nhi đồng hăm hở chạy lại dâng hoa. Có hơn 3.000 đại biểu các đoàn thể nhân dân ra đón ở sân bay hoan hô nhiệt liệt, nhất là các em học sinh và nhi đồng.

Vào đến phòng tiếp khách, Tổng thống giới thiệu các vị Bộ trưởng, Thị trưởng Rănggun, nhân viên cao cấp của Chính phủ và các lãnh sự. Sau đó, Tổng thống đọc lời chào mừng.

"Kính thưa Chủ tịch,

Thật là một hân hạnh đặc biệt cho tôi được nhiệt liệt hoan nghênh Chủ tịch và các vị cùng đi với Ngài. Chính phủ và nhân dân Miến Điện hết sức vui mừng Ngài đã có thể sang thăm nước chúng tôi. Chúng tôi mong đợi Ngài đã lâu ngày. Nhân dân Miến Điện tôn kính và hâm mộ Chủ tịch, chẳng những vì rằng Ngài đã suốt đời trung thành phấn đấu cho độc lập tự do của nhân dân các nước thuộc địa, mà còn vì sự cống hiến cao cả của Ngài như một vị lãnh tụ vĩ đại trong sự nghiệp cách mạng và giải phóng ở Đông Nam Á châu. Do phẩm cách đáng kính, tấm lòng cương trực và thái độ khiêm tốn của Chủ tịch, Ngài sẽ chinh phục lòng yêu của mọi người nhân dân Miến Điện; và cuộc đến thăm của Ngài sẽ củng cố thêm nữa tình hữu nghị sẵn có giữa hai nước chúng ta.

Tôi biết rằng bất kỳ đến đâu ở nước chúng tôi Chủ tịch cũng được nhân dân hoan nghênh nhiệt liệt. Tôi ước ao rằng



trong thời gian ngắn ngủi Ngài lưu lại với chúng tôi, Chủ tịch sẽ vui lòng và thư thái..."

1 giờ rưỡi trưa, ông bà Tổng thống mời ăn cơm. Đây là một bữa cơm gia đình thân mật, khách và chủ chỉ có 20 người.

3 giờ rưỡi, Bác và Đoàn đi dự lễ chào mừng của Thủ đô Rănggun tổ chức rất long trọng và đông người tham gia. Sau đây là lời chúc mừng của ông Thị trưởng.

"Tôi rất hân hạnh được thay mặt công dân Thủ đô Rănggun nhiệt liệt hoan nghênh Chủ tịch.

Về địa lý thì hai nước chúng ta là láng giềng. Đáng lẽ ra chúng ta đã phát triển quan hệ thân mật về kinh tế, văn hóa và chính trị. Nhưng vào cuối thế kỷ 19, chủ nghĩa thực dân đã dựng lên một bức tường giả tạo để ngăn cản sự phát triển ấy. Vì vậy độ mười năm về trước, nhân dân Miến Điện không hiểu biết nhiều về Việt Nam anh em.

Nhưng trong và sau Thế giới chiến tranh lần thứ hai, nhân dân Việt Nam nổi dậy kháng chiến, trong lúc đó thì nhân dân Miến Điện cũng đang chống ách thống trị nước ngoài. Vì lẽ đó, nhân dân Việt Nam tất nhiên đã được sự đồng tình và ủng hộ của nhân dân Miến Điện.

Ngày nay hai nước chúng ta đều đã đập tan xiềng xích của thực dân và đã lật đổ bức tường giả tạo kia. Cho nên chúng tôi tin chắc rằng từ nay mối quan hệ giữa chúng ta sẽ phát triển trên nền tảng kính trọng và hiểu biết lẫn nhau, trên nền tảng hữu nghị và hợp tác ích lợi cho cả hai dân tộc. Chúng tôi chắc rằng cuộc đi thăm của Chủ tịch đến nước chúng tôi là một bước tiến rất dài trong sự nghiệp hữu nghị ấy... Kính chúc Chủ tịch được mạnh khỏe và hạnh phúc dồi dào và chúc nhân dân Việt Nam anh em thành công trong mọi cố gắng...".

5 giờ, Tổng thống U Vin Môn hướng dẫn Bác và Đoàn đến thăm nơi kỷ niệm các liệt sĩ. Đây là nơi để mồ vị anh hùng dân

tộc Ung San và các vị liệt sĩ khác đã hy sinh anh dũng trong cuộc đấu tranh giành độc lập của Miến Điện.

5 giờ rưỡi đi xem Chùa Vàng Souvedagôn. Các nhà khảo cổ chưa đồng ý với nhau về lịch sử chùa này. Người thì nói xây dựng từ thế kỷ thứ 5, người thì nói từ thế kỷ thứ 15. Dù sao cũng là ngôi chùa rất đặc biệt. Lúc đầu chùa chỉ cao 66 thước Anh. Các vua đời sau xây đắp thêm mãi, nay chùa cao 326 thước Anh (độ bốn thước Anh là một thước Tây). Hồi nửa thế kỷ thứ 15, một Hoàng hậu giát vào nóc chùa một số vàng cân nặng bằng bà ta. Tiếp theo đó, một vua Miến Điện lại giát thêm một số vàng cân nặng bằng hai vợ chồng ông ta. Chung quanh chùa chính có 68 chùa con. Trong chùa có hai quả chuông đồng, một quả nặng 25 tấn, già 180 tuổi; một quả nặng hơn 42 tấn, 117 tuổi. Chùa này là một thắng cảnh nổi tiếng ở Miến Điện và trên thế giới. Ở Rānggun có 25 ngôi chùa nhỏ và to.

7 giờ rưỡi tối, Tổng thống U Vin Môn mở tiệc chiêu đãi chính thức. Trong lời hoan nghênh, Tổng thống nói:

"... Sau gần một thế kỷ bị nước ngoài thống trị, mấy năm gần đây hai nước chúng ta mới thoát khỏi địa vị thuộc địa và đang hết sức cố gắng trong công cuộc phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội để cải thiện dần đời sống của nhân dân ta. Lẽ tự nhiên, hai nước chúng ta đều rất quan tâm đến việc giữ gìn và củng cố hòa bình thế giới, đồng thời xây dựng sự hợp tác hữu nghị giữa các nước trên cơ sở bình đẳng, kính trọng lẫn nhau và mỗi bên đều có lợi. Vì rằng nếu không có hòa bình và hợp tác quốc tế, thì không nước nào phồn thịnh được và giữ vững được nền độc lập của mình.

Khi sang thăm Việt Nam, Thủ tướng U Nu chúng tôi và Hồ Chủ tịch đã nhắc lại ý kiến nhất trí của hai Chính phủ nước chúng ta về năm nguyên tắc chung sống hòa bình và tuyên bố rằng năm nguyên tắc ấy cần được thực hiện trong quan hệ giữa hai nước Việt - Miến cũng như với các nước khác. Bây giờ, hai nước chúng ta vẫn tin chắc rằng sự thực hiện một cách thật thà



năm nguyên tắc ấy giữa các nước sẽ xóa bỏ được tình trạng nghi ngờ và sợ hãi là nguyên nhân gây ra tình hình thế giới căng thẳng ngày nay; nó sẽ tạo nên một bầu không khí tin cậy lẫn nhau và các nước có thể giải quyết những vấn đề đang đe dọa hòa bình và ngăn trở sự hợp tác quốc tế. Hai nước chúng ta đồng ý rằng cần phải tìm mọi biện pháp để làm cho các nước đều tán thành và ủng hộ năm nguyên tắc ấy... Từ khi Thủ tướng U Nu đến thăm nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vào tháng 11-1954 và Thủ tướng Phạm Văn Đồng đến thăm Liên bang Miến Điện tháng 4-1955, quan hệ hữu nghị giữa hai nước Miến - Việt ngày càng mật thiết, có lợi cho cả hai dân tộc chúng ta... Tôi tin chắc rằng lần này Hồ Chủ tịch đến thăm Liên bang Miến Điện là một bước ngoặt lịch sử trên con đường đưa hai nhân dân ta càng thân thiết nhau hơn...".

Em Hương, vừa xem lại những bức thư đã gửi cho em, anh chợt nghĩ rằng chắc em phê bình anh sao mà viết nhiều về phong cảnh và ghi chép quá nhiều những bài diễn thuyết, mà ít viết về tình cảm nhân dân các nước bạn đối với Bác Hồ và Đoàn. Có thể không em? Em phải biết rằng cảm tình thắm thiết của nhân dân nước bạn cũng như ý nghĩa chính trị trong cuộc đi thăm này biểu lộ bằng nhiều cách, nhất là qua những lời hoan nghênh của các lãnh tụ. Còn đối với phong cảnh của các nước bạn thì:

*Đã đi ra đến nước người*

*Phải xem phong cảnh đẹp tươi thế nào?*

8 giờ sáng (15-2-1958), Bác và Đoàn cùng Phó Thủ tướng U Ba Xue lên máy bay đi thăm bang San (Shan). 9 giờ rưỡi đến trường bay Hêho (Hého).

Liên bang Miến Điện có sáu dân tộc to và nhiều dân tộc thiểu số, cũng có dân tộc Mèo, Dao, Lô Lô như ở miền Bắc nước ta. Trong sáu dân tộc to, Miến là to nhất với 14 triệu người, Sin (Shin) là nhỏ nhất với 20 vạn người, San là hạng vừa với một triệu rưỡi người, ở về cao nguyên phía bắc.

Ông Sao Kun Kiô, Thủ hiến bang San kiêm Phó Thủ tướng và Bộ trưởng Bộ Ngoại giao cùng các nhân viên cao cấp ra đón ở sân bay, rồi đưa Bác và Đoàn đến bến Yungguy (Y aungghwe), lên thuyền "Chim phượng". Thuyền này làm giống hình một con chim phượng hoàng, có 12 chiếc thuyền con và dài với 500 người chèo bằng một chân một tay bơi trước kéo nó. 12 giờ rưỡi đến hồ Inlê (Inlé) xem đua thuyền. Thiên hạ đến xem rất đông, rất vui như một ngày hội lớn.

3 giờ, trở lại bến Yungguy. Từ đó đến thành phố Taoguy (Taungghwe) độ 50 cây số. Trên đường, đi qua các làng đều có công chào, nhân dân cầm cờ, cầm hoa, thổi kèn đánh trống đón mừng. Đến Taoguy, hầu hết nhân dân thành phố kéo ra đón chào nhiệt liệt, nhất là các đoàn học sinh và nhi đồng Miến, San, Ấn Độ và Hoa kiều.

Chiều tối, ông Thủ hiến mở tiệc chiêu đãi rất vui vẻ thân mật. Tiệc xong có múa võ và văn công địa phương.

Ở Rănggun trời nực hơn 30 độ, mà ở đây trời rất mát vì Taoguy cao hơn mặt biển 1.000 thước tây.

Sáng 16 trở về Rănggun. Một giờ trưa, Bác và Đoàn cùng với các ông bà Tổng thống U Vin Môn, Thủ tướng U Nu và nhiều quan khách khác đi chơi tàu trên sông Hulê. Sông này rộng và sâu hơn sông Hồng ta, cách biển 24 cây số cho nên cũng là một cửa biển lớn, một năm có hơn 1600 chiếc tàu các nước vào ra, chuyên chở một triệu rưỡi tấn hàng hóa. Trong Thế giới chiến tranh lần thứ hai, cửa biển này bị phá hoại nhiều, trước bị bom Nhật Bản, sau lại bị bom Đồng minh. Từ ngày Miến Điện được độc lập, đã khôi phục lại nhiều.

- 5 giờ chiều, Bác tiếp đại biểu các báo chí.

- 7 giờ chiều, Bác và Đoàn chiêu đãi Tổng thống và Thủ tướng. Đến tham gia cuộc chiêu đãi có các vị trong Chính phủ, Quốc hội, Đoàn ngoại giao và các nhân sĩ khác. Nghe Bác nói cam là cam Bô Hạ, các cô, các bà đều vui vẻ lấy một quả làm kỷ niệm.



- 17-2-1958, 9 giờ rưỡi sáng, Trường đại học Rānggun làm lễ tặng Bác danh hiệu "Bác sĩ luật học danh dự".

Trường này thành lập từ năm 1920 để đào tạo cán bộ cho các ngành pháp luật, nông nghiệp, hóa học, giáo dục, y tế, v. v.. Hiện nay có độ 7.000 học sinh. Chắc em cũng biết rằng học sinh ở trường này đã đứng ra tổ chức hội "ủng hộ Việt Nam thống nhất". Khi Bác đến trường, anh em học sinh hoan nghênh cực kỳ nhiệt liệt.

Sau đây là tóm tắt lời chào mừng của ông Giám đốc khi trao bằng Bác sĩ danh dự cho Bác:

"Hôm nay Trường đại học Rānggun rất hân hạnh đón tiếp một vị khách đặc biệt cao quý là Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tất cả học sinh, nhân viên và giáo sư ở đây đều biết Hồ Chủ tịch là một nhà triết học, một chiến sĩ hòa bình, một lãnh tụ cách mạng. Người đã đấu tranh suốt đời cho tự do của các dân tộc bị áp bức. Người đã lãnh đạo cuộc kháng chiến vĩ đại của nhân dân Việt Nam, đưa nhân dân Việt Nam từ chỗ tối tăm đến cuộc đời hạnh phúc. Chúng ta đã lo âu theo dõi cuộc kháng chiến của Việt Nam chống bọn thực dân và đã sung sướng thấy cuộc kháng chiến ấy thắng lợi một cách rực rỡ. Chúng ta đã khâm phục Hồ Chủ tịch lãnh đạo kháng chiến đến thắng lợi, thì trong sự nghiệp xây dựng hòa bình ở Việt Nam, chúng ta càng khâm phục sự lãnh đạo sáng suốt của Người.

Riêng cá nhân tôi, tôi hết sức cảm động khi được gặp Hồ Chủ tịch. Tôi đã ngấm ngấm và theo dõi từ hành động đến lời nói của Người ở sân bay. Trong một cuộc chiêu đãi, tuy tôi lại được gặp Người trong một thời gian ngắn ngủi, nhưng thấy rõ thêm một điều là con người vĩ đại ấy có một tấm lòng cao cả rộng lớn; có một đức tính giản dị, khiêm tốn, trù mẫn, nó lập tức chinh phục được lòng yêu mến của mọi người. Tôi chắc rằng cảm tưởng và ý nghĩ của tôi cũng là của các bạn ở đây và của tất cả những người Miến Điện đã may mắn được gặp Hồ Chủ tịch. Đây là vị

khách quý mà ngày hôm nay Trường đại học Rănggun còn được hân hạnh đón tiếp. Nhưng trường đại học của chúng ta còn có vinh dự hơn nữa là được trao tặng Hồ Chủ tịch một văn bằng cao nhất của trường này là văn bằng "Bác sĩ luật học danh dự" ...".

Sau khi cảm ơn ông Giám đốc, Bác nói với anh em sinh viên như sau: "Các bạn học ở một trung tâm văn hóa có truyền thống về vang yêu nước và anh dũng chống thực dân. Trường này đã đào tạo ra vị anh hùng dân tộc Ung San và các nhà lãnh đạo khác của Miến Điện. Tương lai của các bạn rất về vang.

Miến Điện là một nước giàu có, nhân dân thì khéo léo và cần cù có đủ điều kiện trở nên một nước giàu mạnh... Các bậc tiền bối của các bạn đã đấu tranh anh dũng để giành lại độc lập cho Tổ quốc. Nay Chính phủ và nhân dân Miến Điện đang ra sức xây dựng nước nhà. Các bạn phải là những cán bộ tốt *đem hết đức và tài của mình để phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân...*".

8 giờ sáng 17-2-1958, Bác và Thủ tướng U Nu ký bản tuyên bố chung.

11 giờ, Bác và Đoàn đi xem Quốc hội. Quốc hội Miến Điện có hai viện. Viện nhân dân có 250 đại biểu. Viện dân tộc có 125 đại biểu. Quốc hội bầu cử Chủ tịch nước và Thủ tướng. Để tổ chức Chính phủ, hiện có 22 bộ, Thủ tướng chọn những đại biểu trong hai viện và mỗi bang một vị làm bộ trưởng; vị này đồng thời kiêm chức Thủ hiến của bang mình. Mỗi bang lại có chính phủ tự trị.

Sáng nay, ông bà Thủ tướng U Nu biểu Bác một bộ áo Miến. Bác mặc áo này khi đi xem Quốc hội và khi ra sân bay. Thấy Bác trong bộ áo Miến, quần chúng reo lên rất vui vẻ...

Bây giờ anh tóm tắt giới thiệu kinh đô nước bạn cho em biết:

Đời xưa, Rănggun tên là Đagon. Đến thế kỷ 18, vua Miến đổi tên là Yangon nghĩa là thành phố hòa bình. Đầu thế kỷ 19, do ảnh hưởng tiếng Anh, Yangon lại biến thành Rănggun. Năm



1885 Rănggun bị thực dân Anh chiếm giữ. Ngày 4-1-1948 Rănggun trở thành Thủ đô Liên bang Miến Điện tự do.

Từ Ấn Độ, thực dân Anh âm mưu chinh phục Miến Điện từ năm 1824, do đó có cuộc chiến tranh Anh - Miến lần thứ nhất. Nhân dân Miến đã đấu tranh anh dũng và bền bỉ suốt 18 năm, đến 1852 Anh mới chiếm được Miến Điện, 1937 thực dân Anh ghép Miến Điện vào thuộc địa Ấn Độ. Sau Thế giới chiến tranh lần thứ hai, nhân dân Miến nổi lên chống ách thống trị của đế quốc Anh. Năm 1948 Miến Điện được độc lập.

Thủ đô Rănggun có mấy đặc điểm: Số người tăng rất nhanh. Trong 100 năm (1856-1955) từ 46.000 tăng đến 737.000 người. Hơn 90% nhân dân theo đạo Phật, cả nước đều như vậy, làng nào cũng có chùa. Con trai từ bảy tuổi trở lên có nghĩa vụ đi tu, ít là vài tuần lễ, nhiều là mấy năm.

Chữ Miến Điện lấy một vòng tròn làm gốc, thay đổi vòng tròn ra nhiều hình thức thì thành những chữ cái rồi ráp lại thành vần như chữ quốc ngữ ta.

Nói chung, người Miến hiền lành và vui tính. Đối với bạn và khách rất giàu nhiệt tình. Thích múa hát, nhưng làm ăn khéo léo và cần cù.

Đất đai Miến Điện rất phì nhiêu. Trước chiến tranh, mỗi năm bán ra nước ngoài ba triệu tấn gạo, 23 vạn tấn gỗ trắc, 16 vạn tấn quặng, 30 vạn tấn dầu lửa. Ngoài ra còn có ngọc, vàng.

Rănggun phong cảnh đẹp, nhà cửa xinh, đường sá thẳng. Có hơn bốn vạn chiếc xe đạp và 13.000 chiếc xe hơi. Trong số 17.000 nhà công thương to và nhỏ, 71% là buôn bán, 115 là thủ công nghiệp và công nghiệp. Có một xưởng dệt với 600 công nhân, 16 nhà máy cưa, 36 nhà máy xay gạo và ba nhà máy làm bột.

Thủ đô của 12 tờ báo bằng chữ Miến, sáu tờ bằng chữ Anh, sáu tờ bằng chữ Ấn, năm tờ bằng chữ Trung Hoa.

12 giờ trưa, Bác và Đoàn lên máy bay trở về nước. Lễ hoan tống cũng long trọng và thân mật như lễ hoan nghênh. Khách và

chủ đều quyền luyện không muốn rời tay. Một đoàn máy bay quân sự hộ tống đến 100 cây số.

Chào Chính phủ và nhân dân Miến Điện!

Tình nghĩa anh em giữa hai dân tộc Việt - Miến muôn năm!

Cuộc đi thăm hữu nghị của Bác và Đoàn đến hai nước bạn thế là kết thúc. Cả đi và về là 10.540 cây số trong 14 ngày. Em có xem truyện "Tây du ký", chắc em nhớ rằng đời nhà Đường (Trung Quốc) ông sư Huyền Trang sang Ấn Độ lấy kinh Phật cả đi và về mất 17 năm (từ năm 627 đến năm 644), dọc đường lại gặp nhiều yêu quý và lắm bước gian nan. Nhờ có "Tề thiên đại thánh" mới thoát khỏi mọi nguy hiểm. Ngày nay, đi từ Việt Nam hoặc Trung Quốc đến Ấn Độ chỉ mất một ngày. Khoa học đã chinh phục không gian và thời gian. Chủ nghĩa xã hội cộng với khoa học, chắc chắn sẽ đưa loài người đến hạnh phúc vô tận...

Cuộc đi thăm của Bác và Đoàn đã kết thúc rất tốt đẹp. Nó đã thắt chặt thêm tình nghĩa anh em Việt - Ấn - Miến. Nhân dân các nước bạn càng ra sức ủng hộ cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà của nhân dân ta. Nó phát triển và củng cố thêm tình đoàn kết giữa nhân dân các nước Á - Phi. Nó góp phần tăng cường sức lực giữ gìn hòa bình thế giới.

Tình anh em thăm thiết của nhân dân các nước bạn đối với nhân dân ta đã biểu lộ rõ rệt trong những lời thân ái của các lãnh tụ Ấn, Miến đối với Bác. Ví dụ Thủ tướng Nêru đã nói trước quần chúng Ấn Độ: "Chúng ta đã có dịp hoan nghênh với lòng kính trọng và yêu quý nhiều vị thượng khách từ các nước đến. Nhưng vị thượng khách mà chúng tôi hoan nghênh hôm nay thật là đặc biệt. Đặc biệt không phải vì chính trị hoặc vì lễ gì khác, nhưng vì không vị thượng khách nào giản dị như vị thượng khách này và hễ gặp mặt là người ta phải yêu mến... Ba năm rưỡi trước đây, tôi đã gặp vị thượng khách này ở Hà Nội. Và tôi cảm thấy ngay là tôi bị tấn công, tấn công bằng tình thương yêu, thật là khó mà chống lại một cuộc tấn công như thế...".



Khi ở nước bạn, Bác đã nhận được hơn 150 bức thư của các đoàn thể và cá nhân từ các nơi gửi đến. Một cụ bác sĩ 90 tuổi viết: Nếu ta cần đến nghề thuốc của cụ, cụ sẽ xung phong sang phục vụ nhân dân Việt Nam. Một thanh niên què tay, cố gắng hết sức viết thư chào mừng Bác và chúc nước ta mau thống nhất. Hội nhi đồng xứ Ugien gửi một bản quyết nghị cảm ơn Bác đã cho các em Ấn được gọi Bác là Sasa Hồ và xin liên lạc với nhi đồng Việt Nam. Hội các em gái mù mắt, khăn khoản "mời Bác đến thăm các cháu, dù là chỉ vài phút đồng hồ". Hội "đấu tranh giải phóng xứ Goa", Chi hội hòa bình thế giới của Ấn Độ, nhiều đoàn thể và nhân sĩ khác cũng gửi thư tỏ cảm tình và chúc nhân dân ta thắng lợi trong cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà.

Khi đi, Bác và Đoàn mang tình anh em của nhân dân ta đến cho nhân dân các nước bạn. Lúc về, Bác và Đoàn đưa tình anh em của nhân dân các nước bạn chuyển lại cho đồng bào ta. Bác và Đoàn về đúng ngày 29 Tết để cùng với đồng bào ta mừng xuân - một mùa xuân hữu nghị quốc tế, một mùa xuân thắng lợi ngoại giao...

Ngày mai, anh sẽ về chúc ba má và các em năm mới!

*Anh L. T. của em.*

Báo Nhân dân, từ số 1447,  
ngày 26-2-1958 đến số 1474, ngày 25-3-1958.

## CHUYỆN GIẢ MÀ CÓ THẬT

Năm 1928, Bác từ châu Âu về tới nước Xiêm (nước Xiêm đến năm 1939 mới đổi tên là Thái Lan). Việc đầu tiên Bác làm là giúp anh em cán bộ củng cố và phát triển tổ chức Việt kiều và uôn nắn lại nội dung tuyên truyền của tờ báo. Hồi đó, tình đoàn kết của kiều bào khá chặt chẽ, mối quan hệ giữa kiều bào và bà con Xiêm cũng mật thiết.

Những nơi có trụ sở của đoàn thể như Phi Chít, U Đon, Sa Côn, Na Khon v.v... Bác đều đến ở ít lâu. Anh em cán bộ, người thì làm ruộng, người thì cửa gỗ, cũng có người buôn bán nhỏ để nuôi nhau và hoạt động. Cùng lao động với anh em ban ngày thì Bác làm “suối”\*, ban đêm thì thường đi chơm cá đến khuya mới về. Ở gần thị xã U Đon, Bác cùng Cố Tú Ngọ (một vị cách mạng già) và các em nhi đồng đã vỡ được một cái “suối” khá rộng, vuông vắn và có nhiều thứ cây. Trước đây vài năm, bà con Việt kiều vẫn giữ gìn tốt cái vườn ấy.

Ở Na Khon có xảy ra một việc mà nay kiều bào còn nhớ. Câu chuyện như sau: Ở Na Khon có kiều bào lương và kiều bào giáo. Kiều bào giáo có một ngôi nhà thờ. Theo thói quen nhà nào có đám ma, đám cưới nộp nhiều tiền thì cho gõ nhiều tiếng chuông, ít tiền thì tiếng chuông cũng ít, không tiền thì chuông không kêu tiếng nào. Người ta nói đùa rằng cái chuông ấy áp dụng chủ nghĩa xã hội một cách trái ngược: ăn nhiều thì nó làm nhiều ăn ít thì nó làm ít, không ăn thì nó không làm.

Trong làng giáo có một cụ già nghèo khổ, không vợ không con, ở một cái lều lụp sụp. Chẳng may ông cụ ốm, chẳng có ai

---

\* Suối: tiếng Thái Lan, nghĩa là vườn.



trông nom. Cán bộ ta đến sẵn sóc ông cụ. Hôm ông cụ chết, kiều bào công giáo đến mời cha rửa tội cho ông cụ. Vì thói quen nói trên, ông cụ không có tiền, cha không rửa tội, mà chuông cũng không kêu.

Cán bộ ta vận động cả kiều bào lương và giáo quyên giúp kè ít, người nhiều, mua áo quần và quan tài cho ông cụ. Có lẽ vì thái độ của cha và của cái chuông kích thích mà cả lương lẫn giáo đã kéo nhau đưa đám ông cụ rất đông. Từ đó lương giáo rất đoàn kết, không “ai” chia rẽ được nữa.

Bác thường đi thăm các trụ sở để giúp anh em cán bộ giải quyết các vấn đề, từ nơi này đến nơi kia ít nhất cũng phải đi bộ suốt một ngày. Có một lần đi đến nửa đường thì trời tối. Bác và tôi ghé vào một nhà kiều bào người Bắc làm thợ mộc. Anh chị thợ mộc đón tiếp rất tử tế. Cơm nước xong, hai Bác cháu đi nghỉ, thì cũng vừa lúc chị thợ ru cháu bé ngủ. Giọng chị ngâm Kiều rất hay, hai Bác cháu lắng nghe, rồi ngủ đi bao giờ không biết.

Sáng hôm sau, lúc đi đường, với một giọng âu yếm Bác bảo tôi:

*Xa nhà chốc mấy mươi niên  
Tối qua nghe giọng mẹ hiền ru con!*

Mỗi khi đi đường xa, Bác thường bảo chúng tôi ngâm *Kiều*, đọc *Chinh phụ ngâm*, hoặc kể chuyện, để cho đỡ mỏi. Kinh nghiệm ấy ngày càng được nhiều người áp dụng.

Khi công việc ở các trụ sở đã tiến bộ đều, Bác định đi thăm kiều bào ở rải rác khắp nước Xiêm. Bác vai mang khăn gói. Anh Tý gánh một đôi thùng sắt tây đựng lương khô, quần áo và mấy gói thuốc Bắc. Hai anh em giả làm người đi buôn. Đồng chí Tý là con cụ Đặng Thái Thân, một chiến sĩ cách mạng, bạn cụ Phan Bội Châu, bị Pháp giết chết vào khoảng đầu thế kỷ hai mươi. Là một trong những người tổ chức Đảng Tân Việt, anh Tý bị Tây lùng tợn phải chạy sang Xiêm. Anh tính tình hòa nhã, hoạt động rất hăng, kiều bào ai cũng mến phục. Về sau anh bị Pháp bắt đày đi Lao Bảo. Vì anh đã tổ chức nhiều cuộc đấu tranh trong nhà tù, Pháp đã xử bắn anh.

Hai anh em ngày đi, đêm nghỉ. Khi thì ngủ ở các chùa, khi thì ngủ ngoài thêm nhà dân, cũng có khi ngủ trên cây trong rừng. Mỗi buổi sáng, đi đến độ mười một giờ, nghe tiếng trống thì hai người rẽ vào chùa nào gần nhất bên đường. Chờ các vị sư ăn xong, hai anh em rinh mâm xuống chén, chén xong lại đi. Ở Xiêm, làng nào ít nhất cũng có một ngôi chùa và chục vị sư mặc áo vàng. Sáng sớm các sư đi “tạ bát”\*, mỗi nhà dân đưa xôi chuối cúng vào cái bát của mỗi vị sư. Sư cũng như tục, không nói không rằng gì hết. Theo kinh Phật thì sư ăn của bố thí đó, nhưng theo tập quán thì mỗi buổi sáng vào khoảng mười một giờ, dân làng thay phiên nhau đưa của bố thí đến chùa nuôi sư. Mỗi ngày sư chỉ ăn một bữa sáng. Sư ăn còn thừa, nếu có người đi đường ăn dùm, thế là chủ nhà bố thí hai lần, hai lần có phúc. Nếu không có ai ăn thì chủ nhà cũng phải bố thí một phần cơm thừa cho chim.

Cũng như mọi lần đi đường, lần này Bác thuật lại cho anh Tý nghe một chuyện Pháp nhân đề là *Trẻ con không nên nghe trộm*. Đại ý như sau:

Hai em bé A và B đi chơi trong rừng. Bỗng trời tối, cụ tiều phu C đưa hai em về nhà cho ăn ngủ. Rồi cụ C bàn với cụ bà làm thịt gà để ngày mai cho hai em ăn. Cụ nói “Thịt cái lớn hay là cái bé?” Cụ bà bảo: “Nói khẽ chứ! Nói to chúng nghe chúng sẽ chạy mất”... Hai em bé tưởng các cụ bàn cách thịt mình, đã sợ sốt vó.

Mấy hôm sau, trời đã gần tối, Bác và anh Tý đi đến một khu rừng hẻo lánh. Những người địa phương đều bặm trợn như Trương Phi. Đi xa nữa thì không thể đi. Ở lại đây thì khá nguy hiểm. Trong lúc bí, bỗng có một người Hoa kiều đi ngang, vai năm tấc rộng, mình mười thước cao, thấy Bác và Tý đang thơ thẩn, anh ta hỏi một cách hung dữ: “Chúng mày đi đâu?”

Bác trả lời bằng tiếng Trung Quốc: “Chúng tôi đi tìm việc làm ăn”.

---

\* Sư đi lấy thức ăn buổi sáng.



Anh ta lại quát: “Chúng mày người ở đâu?”

Anh Tý trả lời bằng tiếng Trung Quốc trợn trợn: “Chúng tôi là Hoa kiều”.

Anh ta trợn mắt và nói như mắng: “Hoa kiều! Hoa kiều! Hoa kiều gì mà không biết tiếng Quảng Đông hử?”

Bác đỡ lời: “Hoa kiều sinh trưởng ở Việt Nam”.

Anh ta lại quát: “Tối rồi, về theo tao. Đi vớ vẩn chúng nó sẽ thịt mất xác giờ”.

Bác và Tý thấy anh ta thô bạo, hơi lo ngại. Nhưng không đi theo anh ta thì đi đâu bây giờ cho nên miễn cưỡng đi theo. Đến một cái nhà sạch sẽ, bề thế, anh ta bảo hai người ngồi nghỉ. Một lát thấy chị ta (người Xiêm) đưa ra một mâm cơm ngon lành. Bác và Tý nháy nhau, có ý nói: “Không chừng có thuốc mê trong đó”. Nhưng vì đói bụng quá, hai anh em cứ bạo dạn chén. Ăn xong, anh ta lại quát: “Đi theo tao”.

Anh ta đưa vào một cái đường hẻm, rào rất cao và kín. Rồi đến một cái nhà trống trải, vừa rộng vừa cao, chung quanh có phen kín mít. Trong nhà chỉ có mấy cái giường to, và một cái đèn treo giữa nhà, không có đồ đạc gì khác.

Anh ta lại quát: “Thôi! Đi ngủ đi!” Rồi anh ta bỏ ra về.

Bác và Tý nhìn kỹ tứ phía, chuẩn bị nếu gặp nguy hiểm thì tháo chạy ngả nào. Bác khẽ bảo Tý: “Chúng mình phải cắt phiến nhau mà gác. Bây giờ mình gác, chú cứ ngủ đi. Khi nào mình ngủ thì chú dậy gác”.

Bác vừa dứt lời thì một người Hoa kiều khác bước vào nhà; một tay dắt một chú bé cỡ năm sáu tuổi, một tay bưng bàn đèn thuốc phiện. Y nằm hút trên cái giường đằng xa. Vừa hút vừa dạy chú bé hát bằng tiếng Việt: “Con công tổ họ, con gà đá độ...”

Tý ghé vào tai Bác và nói thầm: “Cha này chắc là mật thám của Pháp rồi, nếu họ không giết hại chúng mình, thì có lẽ họ cũng bắt chúng mình nộp cho giặc Pháp...”

Đi núi cả ngày, mệt mỏi đã át cả lo âu. Hai anh em ngủ say bao giờ không biết.

Thú vị nhất là lúc sáng dậy, Bác liền sờ cổ Tý, Tý cũng sờ cổ Bác, xem còn sống nữa không!

Anh chủ nhà đến, không nói năng gì, chỉ lấy tay vẫy vẫy. Bác và Tý đi theo anh ta về nhà kia, thấy một mâm cơm sẵn sàng và nhiều thức ăn hơn bữa tối qua. Lần này hai anh em không sợ thuốc mê nữa, vì thấy vợ chồng chủ nhà cùng ăn.

Ăn xong Bác nói với chị chủ nhà: “Chúng em cảm ơn anh chị và xin phép trả tiền phí tồn...” Chị ấy chưa kịp trả lời thì anh ta lại quát: “Ai cần tiền chúng mày”.

Anh ta đưa Bác và Tý đến trạm xe goòng (người ta đang đắp đường xe lửa) và bảo người cai xe: “Hai người này là đồng hương của tao, mày để chúng nó cùng đi xe đến X. Phải tử tế với chúng nó nghe không?” Anh ta lại ân cần bảo Bác: “Đi đường phải cẩn thận. Đến X. nếu không gặp người quen thì trở về đây tao tìm việc làm cho”.

Bác và Tý thành khẩn cảm ơn và từ giã anh ta. Ngồi trên xe Bác bảo Tý: “Anh bạn Hoa kiều của chúng ta chắc chắn là một người thần khoán kiêm bờ-lờ\*, có tinh thần hào hiệp thương người, thái độ bề ngoài tuy thô lỗ như cục sắt nhưng nó bao một tấm lòng tốt như vàng... Sao câu chuyện giả về hai em bé và câu chuyện thật của anh em mình giống nhau như thế”.

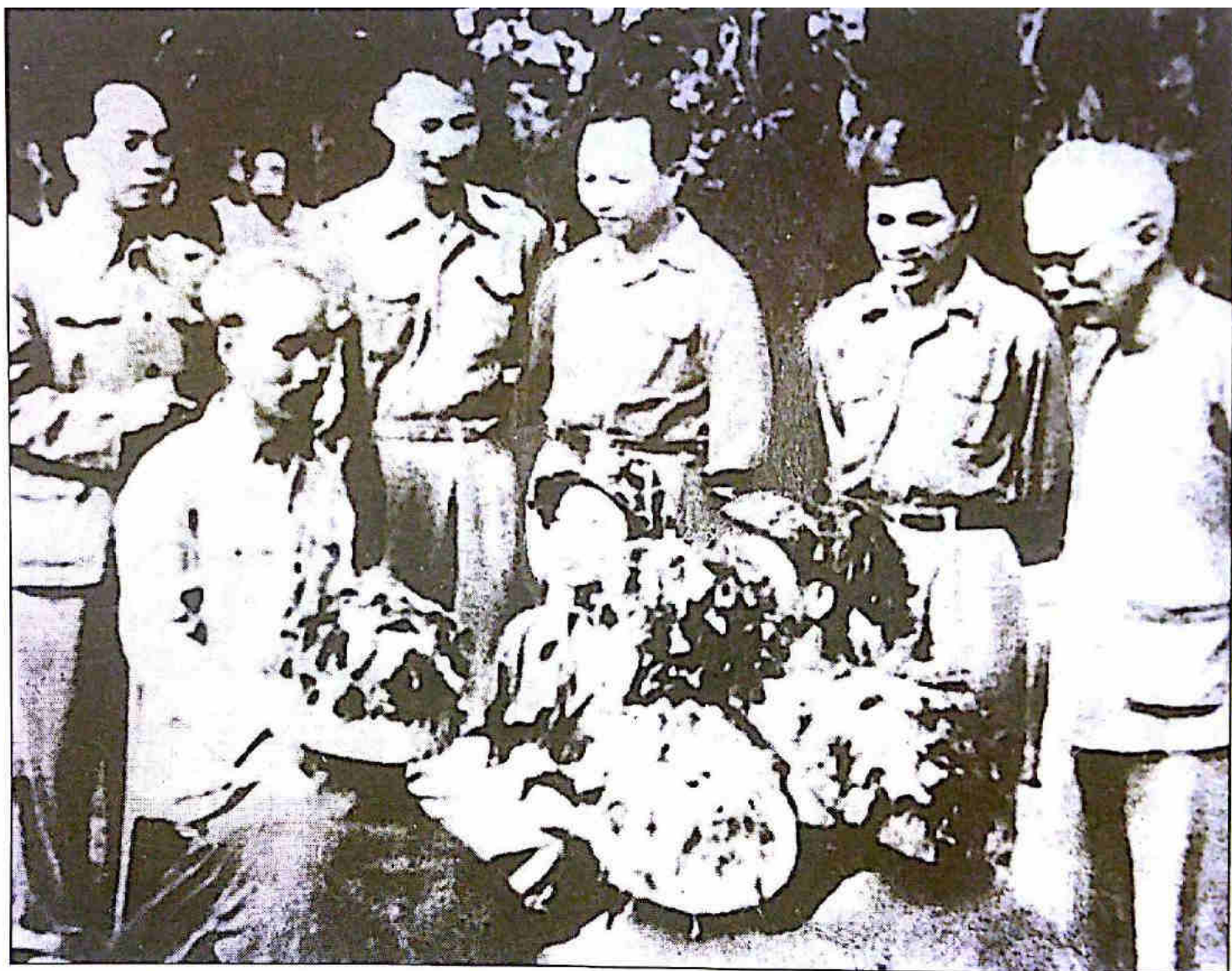
Báo Nhân dân, số 2242, ra ngày 9-5-1960. *Bác Hồ*, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1960, trang 110.

TRẦN LAM

---

\* *Bờ lờ*: Tiếng gọi chế giễu người buôn lậu.





Bác Hồ và Bác Tôn với các chiến sĩ anh hùng Điện Biên Phủ  
tháng 5/1954 (Trong ảnh có: Võ Nguyên Giáp; Hoàng Văn Thái;  
Trường Chinh; Văn Tiến Dũng; Tôn Đức Thắng)

*Ảnh: Bảo tàng Hồ Chí Minh*

## “BÌNH ĐẰNG, BÁC ÁI” KIỂU MỸ

Xem báo tư sản, anh Nhạ - Dẹ thấy những tin tức sau đây:

- 27-8-1962, R. Kennơđi (em ruột tổng Ken, làm Bộ trưởng Tư pháp) nói:

“Nên để học sinh và các đoàn thể nước ngoài đến thăm Mỹ, họ sẽ thấy rõ chế độ và nếp sống Mỹ là tốt đẹp nhường nào...”.

- 18-9-1962. Nhân dịp kỷ niệm 175 năm của hiến pháp Hoa Kỳ, tổng Ken nói: “Hiến pháp này là một văn kiện cách mạng nhất trong lịch sử loài người. Nó là sự hy vọng của nhân dân thế giới, là kiểu mẫu chói lọi cho các nhà nước khác...”.

Xem xong, Nhạ phấn khởi, và định đi thăm Mỹ. Tối 30-9, sáng 1-10, Nhạ đến thành phố Mítxixipì. Việc đầu tiên, Nhạ thấy là: trên con đường to, trước mặt trường đại học Ócpho, quang cảnh rất náo nhiệt: Một bên là độ 6.000 binh lính, súng ống sẵn sàng và độ 600 nhân viên của tòa án. Một bên là độ 2.000 công nhân Mỹ da trắng, mặt mũi hung hăng, “sẵn sàng chiến đấu”, liên miêng chửi rủa: “Đồ da đen bẩn thỉu! Cút đi!”. Giữa hai đám người đó, một thanh niên Mỹ da đen, tay ôm cặp sách, chân bước khoan thai, có mấy tên hiến binh bảo vệ. Đàng xa, có 20 người bị thương và hai xác chết (một phóng viên thông tấn xã Pháp AFP đã chết oan...).

Nhạ ngơ ngác không hiểu chuyện gì đã xảy ra. Một cụ già Mỹ da trắng vẻ mặt hiền lành, khẽ khẽ cho Nhạ nghe đầu đuôi câu chuyện:



“Gã thanh niên Mỹ da đen tên là Mêrêđi, một học sinh da đen độc nhất có trình độ tốt nghiệp lớp 10 ở bang này. Đã ba lần, anh ấy xin vào trường đại học. Nhưng chủ tịch bang nhất định không cho... 9 năm trước đây, do người Mỹ da đen đấu tranh hăng và được dư luận thế giới ủng hộ, tòa án tối cao Hoa Kỳ đã phải ra một đạo luật cho phép người Mỹ da đen được vào học các trường như người Mỹ da trắng. Nhưng các nhóm phản động cứ giữ chặt “hàng rào màu da” và phốt cả tòa án. Nhất là ở các bang Mítxixipi, Alabama, Carôlina, v.v... người Mỹ da đen càng bị áp bức tàn tệ. Ở đó thường xảy ra những vụ “linso”, tức là những người Mỹ da đen vô tội mà bị người Mỹ da trắng giết chết, bêu đầu, treo cổ, mổ bụng, chôn sống, xé thây... Chỉ trong 10 năm (từ 1885 đến 1894) ở Hoa Kỳ đã có hơn 1.700 vụ “linso”!... Nhân vụ Mêrêđi, Đảng Cộng sản Mỹ đã kêu gọi các công đoàn và các tổ chức dân chủ đòi chính phủ Mỹ phải ngăn chặn việc khủng bố người Mỹ da đen...”.

Ông cụ già lại cho Nhạ xem một tờ báo ra ngày 18-9-1962 có tin: “Nhân dịp kỷ niệm 100 năm của Tuyên ngôn giải phóng người Mỹ da đen khỏi ách nô lệ, tổng Ken đã phải nhận rằng: “Sự thực hiện quyền lợi bình đẳng (của người Mỹ da đen) tiến hành một cách phi thường chậm chạp... Ở nhiều nơi họ không có quyền bình đẳng về giáo dục, về làm ăn, về bầu cử... Họ thường bị bạo lực khủng bố...”.

Nhờ ông cụ mà Nhạ - Dẹ đã sáng mắt ra, và y tự bảo: “Đôi với 18 triệu đồng bào da đen của chúng, bọn phản động Mỹ còn tàn bạo như vậy. Hiện nay, ở miền Nam nước ta, mỗi ngày chúng tiêu phí một triệu đô la, chúng phái đến một vạn binh sĩ, hai chục viên tướng, cùng hai, ba trăm chó săn để giúp bọn Diệm “linso” đồng bào ta. Chúng muốn biến 14 triệu nhân dân da vàng miền Nam thành người *da đen Mỹ*.”

Nhưng khác với Hoa Kỳ, chắc là Mỹ - Diệm sẽ thất bại, đồng bào miền Nam anh dũng sẽ đập tan âm mưu độc ác của chúng”.

Rồi Nhạ phẫn khởi ngâm nga:

*Kennơđi, Mêrêđi*  
*Kẻ sang, người tiện<sup>\*</sup>, chỉ vì màu da*  
*... Miền Nam anh dũng nước ta,*  
*Đấu tranh giải phóng nhất định là thành công!*

Báo Nhân dân, số 3120, ra ngày 10-10-1962

T.L.

---

<sup>\*</sup> *Người tiện*: người hèn hạ.



## DI CHÚC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

CÁC BẢN IN NGUYÊN VĂN  
BẢN THẢO DI CHÚC CỦA  
CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH



## VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA

Độc lập, Tự do, Hạnh phúc

*(Tuyệt đối bí mật)*

*Nhân dịp mừng 75 tuổi*

Người làm thơ rất nổi tiếng, ở Trung Quốc đời nhà Đường là cụ Đỗ Phủ có câu thơ rằng: "Nhân sinh thất thập cổ lai hy". Nghĩa là: Người thọ bảy mươi, xưa nay hiếm.

Năm nay, tôi đã 75 tuổi. Tinh thần vẫn sáng suốt, thân thể vẫn mạnh khỏe. Tuy vậy, tôi cũng là lớp người "xưa nay hiếm".

Ai đoán biết tôi sẽ sống và phục vụ Tổ quốc, phục vụ cách mạng mấy năm mấy tháng nữa?

Vì vậy, tôi đề lại mấy lời này, chỉ nói tóm tắt vài việc thôi. Phòng khi tôi sẽ đi gặp cụ Các Mác, cụ Lênin và các vị cách mạng đàn anh khác, thì đồng bào cả nước và đồng chí trong Đảng khỏi cảm thấy đột ngột.

*Trước hết nói về Đảng* - Nhờ đoàn kết chặt chẽ, một lòng một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc, cho nên từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta đã đoàn kết, tổ chức và lãnh đạo nhân dân ta hăng hái đấu tranh tiến từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

*Đoàn kết* là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình.

Trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh *tự phê bình và phê bình* là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng. Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau.

Đảng ta là một đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần *đạo đức cách mạng*, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân.

*Đoàn viên và thanh niên* ta nói chung là tốt, mọi việc đều hăng hái xung phong, không ngại khó khăn, có chí tiến thủ. Đảng cần phải chăm lo giáo dục *đạo đức cách mạng* cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng xã hội chủ nghĩa vừa "hồng" vừa "chuyên".

Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết.

Nhân dân lao động ta ở miền xuôi cũng như ở miền núi, đã bao đời chịu đựng gian khổ bị chế độ phong kiến và thực dân áp bức bóc lột, lại kinh qua nhiều năm chiến tranh.

Tuy vậy, nhân dân ta rất anh hùng, dũng cảm, hăng hái, cần cù. Từ ngày có Đảng, nhân dân ta luôn đi theo Đảng, rất trung thành với Đảng.

Đảng cần phải có *kế hoạch* thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng *nâng cao đời sống của nhân dân*.

*Cuộc kháng chiến chống Mỹ* có thể kéo dài mấy năm nữa. Đồng bào ta có thể phải hy sinh nhiều của nhiều người. Dù sao, chúng ta phải quyết tâm đánh giặc Mỹ đến thắng lợi hoàn toàn.

*Con non, còn nước, còn người,*

*Thắng giặc Mỹ, ta sẽ xây dựng hơn mười ngày nay!*

Dù khó khăn gian khổ đến mấy, nhân dân ta nhất định sẽ hoàn toàn thắng lợi. Đế quốc Mỹ nhất định phải cút khỏi nước ta. Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất. Đồng bào Nam, Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà. Nước ta sẽ có vinh dự lớn là một nước nhỏ mà đã anh dũng đánh thắng 2 đế quốc to - Pháp và Mỹ; và đã góp phần xứng đáng vào phong trào giải phóng dân tộc.



*Về phong trào cộng sản thế giới* - Là một người suốt đời phục vụ cách mạng, tôi càng tự hào với sự lớn mạnh của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế bao nhiêu, thì tôi càng đau lòng bấy nhiêu vì sự bất hòa hiện nay giữa các đảng anh em!

Tôi mong rằng Đảng ta sẽ ra sức hoạt động, góp phần đặc lực vào việc khôi phục lại khối đoàn kết giữa các đảng anh em trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, có lý có tình.

Tôi tin chắc rằng các đảng anh em và các nước anh em nhất định sẽ phải đoàn kết lại.

\*

\* \*

*Về việc riêng* - Sau khi tôi qua đời, chớ nên tổ chức đám đình, lãng phí ngày giờ và tiền bạc của nhân dân.

Tôi yêu cầu thi hài tôi được *đốt đi*, nói chữ là "hỏa táng". Tôi mong rằng cách "hỏa táng" dần dần sẽ được phổ biến. Vì như thế đối với người sống đã tốt về mặt vệ sinh, lại không tốn đất. Bao giờ ta có nhiều điện, thì "điện táng" càng tốt hơn".

*Tro xương* thì tìm một quả đồi mà chôn. Gần Tam Đảo và Ba Vì hình như có nhiều đồi tốt. Trên mộ, xây 1 cái nhà giản đơn, rộng rãi, chắc chắn, mát mẻ để những người đến thăm viếng có chỗ nghỉ ngơi.

Nên có kế hoạch *trồng cây* trên đồi. Ai đến thăm thì trồng một cây làm kỷ niệm. Trồng cây nào phải tốt cây ấy. Lâu ngày, cây nhiều thành rừng, sẽ tốt cho phong cảnh và lợi cho *nông nghiệp*.

Nếu tôi qua đời trước ngày nước ta được thống nhất, thì nên gửi một ít tro xương *cho đồng bào miền Nam*.

Cuối cùng, tôi để lại muôn vàn tình thân yêu cho toàn dân, toàn Đảng, cho toàn thể bộ đội, cho các cháu thanh niên và nhi đồng.

Tôi cũng gửi lời chào thân ái đến các đồng chí, các bầu bạn, và các cháu thanh niên nhi đồng quốc tế.

Điều mong muốn cuối cùng của tôi là: Toàn Đảng toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới. /.

Chứng kiến  
Bí thư thứ nhất  
Ban chấp hành Trung ương.  
LÊ DUẬN

*Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 1965*  
HỒ CHÍ MINH



## VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA

Độc lập, Tự do, Hạnh phúc

(Tuyệt đối bí mật)

Năm nay, tôi vừa 78 tuổi, vào lớp những người "trung thọ". Tinh thần vẫn sáng suốt tuy sức khỏe có kém so với vài năm trước đây. Người ta đến khi tuổi tác càng cao thì sức khỏe càng thấp. Đó là một điều bình thường.

Nhưng không ai đoán biết được tôi sẽ sống và phục vụ Tổ quốc, phục vụ cách mạng mấy tháng, mấy năm nữa?

Vì vậy, tôi viết sẵn và để lại mấy lời này, phòng khi tôi sẽ đi gặp cụ Các Mác, Cụ Lenin và các vị cách mạng đàn anh khác, thì đồng bào cả nước và đồng chí trong Đảng khỏi cảm thấy đột ngột.

### *Về việc riêng*

Suốt đời tôi hết lòng hết sức phục vụ Tổ quốc, phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân. Nay dù phải từ biệt thế giới này, tôi không có điều gì phải hối hận, chỉ tiếc là tiếc rằng không được phục vụ lâu hơn nữa, nhiều hơn nữa.

Sau khi tôi đã qua đời, chớ nên tổ chức điều phúng linh đình, để khỏi lãng phí thì giờ và tiền bạc của nhân dân.

Tôi yêu cầu thi hài tôi được đốt đi, tức là "hỏa táng". Tôi mong rằng cách "hỏa táng" sau này sẽ được phổ biến. Vì như thế đối với người sống đã tốt về mặt vệ sinh, lại không tốn đất ruộng. Khi ta có nhiều điện, thì "điện táng" càng tốt hơn.

Tro thì chia làm 3 phần, bỏ vào 3 cái hộp sành. Một hộp cho miền Bắc. Một hộp cho miền Trung. Một hộp cho miền Nam.

Đồng bào mỗi miền nên chọn 1 quả đồi mà chôn hộp tro đó. Trên mỏ, không nên có bia đá tượng đồng, mà nên xây 1 ngôi nhà giản đơn, rộng rãi, chắc chắn, mát mẻ, để những người đến thăm viếng có chỗ nghỉ ngơi.

Nên có kế hoạch trồng cây trên và chung quanh đồi. Ai đến thăm thì trồng một vài cây làm kỷ niệm. Lâu ngày, cây nhiều thành rừng sẽ tốt cho phong cảnh và lợi cho *nông nghiệp*. Việc sẵn sóc nên giao phó cho các cụ phụ lão.

Tháng 5/1968, khi xem lại thư này tôi thấy cần phải viết thêm mấy điểm không đi sâu vào chi tiết.

Ngay sau khi cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta đã hoàn toàn thắng lợi, công việc toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta phải ra sức làm là mau chóng gần gũi vết thương nghiêm trọng do đế quốc Mỹ gây ra trong cuộc chiến tranh xâm lược dã man. Đó là một công việc cực kỳ to lớn, phức tạp và khó khăn. Chúng ta có kế hoạch rõ ràng, chu đáo, để tránh khỏi bị động, thiếu sót và sai lầm. Theo ý tôi, việc cần phải làm trước tiên là *chỉnh đốn lại Đảng*, làm cho mỗi đảng viên, mỗi đoàn viên, mỗi chi bộ đều ra sức làm tròn nhiệm vụ Đảng giao phó cho mình, toàn tâm toàn ý phục vụ nhân dân. Làm được như vậy, thì dù công việc to lớn mấy, khó khăn mấy chúng ta cũng nhất định thắng lợi.

Đầu tiên là công việc đối với *con người*.

Đối với những người đã dũng cảm hy sinh một phần xương máu của mình (cán bộ, binh sĩ, dân quân, du kích, thanh niên xung phong...), Đảng, Chính phủ và đồng bào phải tìm mọi cách làm cho họ có nơi ăn chốn ở yên ổn, đồng thời phải mở những lớp dạy nghề thích hợp với mỗi người để họ có thể dần dần "tự lực cánh sinh".

Đối với các liệt sĩ, mỗi địa phương (thành phố, làng xã) cần xây dựng vườn hoa và bia kỷ niệm ghi sự hy sinh anh dũng của các liệt sĩ, để đời đời giáo dục tinh thần yêu nước cho nhân dân ta.

Đối với cha mẹ, vợ con (của thương binh và liệt sĩ) mà thiếu sức lao động và túng thiếu, thì chính quyền địa phương (nếu ở nông thôn thì chính quyền xã cùng hợp tác xã nông nghiệp) phải giúp đỡ họ có công việc làm ăn thích hợp, quyết không để họ bị đói rét.



Những chiến sĩ trẻ tuổi trong các lực lượng vũ trang nhân dân và thanh niên xung phong đều đã được rèn luyện trong chiến đấu và đều tỏ ra dũng cảm. Đảng và Chính phủ cần chọn một số ưu tú nhất, cho các cháu đi học thêm các ngành, các nghề, để đào tạo thành những cán bộ và công nhân có kỹ thuật giỏi, tư tưởng tốt, lập trường cách mạng vững chắc. Đó là đội quân chủ lực trong công cuộc xây dựng thắng lợi chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, phụ nữ đảm đang ta đã góp phần xứng đáng trong chiến đấu và trong sản xuất. Đảng và Chính phủ cần phải có kế hoạch thiết thực để bồi dưỡng, cất nhắc và giúp đỡ để ngày thêm nhiều phụ nữ phụ trách mọi công việc kể cả công việc lãnh đạo. Bản thân phụ nữ thì cần phải cố gắng vươn lên. Đó là cuộc cách mạng đưa đến quyền bình đẳng thật sự cho phụ nữ.

Đối với những nạn nhân của chế độ xã hội cũ, như trộm cắp, gái điếm, cờ bạc, buôn lậu, v. v... thì Nhà nước phải dùng vừa giáo dục, vừa dùng pháp luật để cải tạo họ, giúp họ trở nên những người lao động lương thiện.

Trong bao năm kháng chiến chống thực dân Pháp, tiếp đến chống đế quốc Mỹ, đồng bào ta, nhất là đồng bào nông dân đã luôn luôn hết sức trung thành với Đảng và Chính phủ ta, ra sức góp của, góp người, vui lòng chịu đựng mọi khó khăn gian khổ. Nay ta đã hoàn toàn thắng lợi, tôi có ý đề nghị miễn thuế nông nghiệp 1 năm cho các hợp tác xã nông nghiệp để cho đồng bào hỉ hả, mát dạ, mát lòng, thêm niềm phấn khởi đẩy mạnh sản xuất.

Ở đây nói về kế hoạch xây dựng lại thành phố và làng mạc đẹp đẽ, đàng hoàng hơn trước chiến tranh. Khôi phục và mở rộng các ngành kinh tế. Phát triển công tác vệ sinh, y tế. Sửa đổi chế độ giáo dục cho hợp với hoàn cảnh mới của nhân dân, như phát triển các trường nửa ngày học tập nửa ngày lao động. Cùng cố quốc phòng. Chuẩn bị mọi việc để thống nhất Tổ quốc...

Công việc trên đây là rất to lớn, nặng nề và phức tạp, mà cũng là rất vẻ vang. Đây là một cuộc chiến đấu chống lại những

gì đã cũ kỹ, hư hỏng, để tạo ra những cái mới mẻ, tốt tươi. Để giành lấy thắng lợi trong cuộc chiến đấu không lùi này cần phải động viên toàn dân, tổ chức giáo dục toàn dân, dựa vào lực lượng vĩ đại của toàn dân.

10-5-69

Cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta dù phải kinh qua gian khổ hy sinh nhiều hơn nữa, song nhất định thắng lợi hoàn toàn.

Đó là một điều chắc chắn.

Tôi có ý định đến ngày đó, tôi sẽ đi khắp hai miền Nam Bắc, để chúc mừng đồng bào, cán bộ và chiến sĩ anh hùng, thăm hỏi các cụ phụ lão, các cháu thanh niên và nhi đồng yêu quý của chúng ta.

Kể theo đó, tôi sẽ thay mặt nhân dân ta đi thăm và cảm ơn các nước anh em trong phe xã hội chủ nghĩa, và các nước bạn khắp năm châu đã tận tình ủng hộ và giúp đỡ cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta.

Ông Đỗ Phủ là người làm thơ rất nổi tiếng ở Trung Quốc, đời nhà Đường, có câu rằng "nhân sinh thất thập cổ lai hy" nghĩa là "người thọ 70, xưa nay hiếm".

Năm nay, tôi vừa 79 tuổi, đã là hạng người "xưa nay hiếm" nhưng tinh thần, đầu óc vẫn sáng suốt, tuy sức khỏe có kém so với vài năm trước đây. Khi người ta đã ngoài 70 xuân, thì tuổi tác càng cao, sức khỏe càng thấp. Điều đó cũng không có gì lạ.

Nhưng ai mà đoán biết tôi còn phục vụ cách mạng, phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân được bao lâu nữa?

Vì vậy tôi đề sẵn mấy lời này, phòng khi tôi sẽ đi gặp cụ Các Mác, cụ Lênin và các vị cách mạng đàn anh khác, thì đồng bào cả nước, đồng chí trong Đảng và bầu bạn khắp nơi đều khỏi cảm thấy đột ngột.



DI CHÚC  
CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH  
Công bố năm 1969

## VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta dù phải kinh qua gian khổ hy sinh nhiều hơn nữa, song nhất định thắng lợi hoàn toàn.

Đó là một điều chắc chắn.

Tôi có ý định đến ngày đó, tôi sẽ đi khắp hai miền Nam Bắc, để chúc mừng đồng bào, cán bộ và chiến sĩ anh hùng, thăm hỏi các cụ phụ lão, các cháu thanh niên và nhi đồng yêu quý của chúng ta.

Kể theo đó, tôi sẽ thay mặt nhân dân ta đi thăm và cảm ơn các nước anh em trong phe xã hội chủ nghĩa, và các nước bầu bạn khắp năm châu đã tận tình ủng hộ và giúp đỡ cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta.

\*

\*      \*

Ông Đỗ Phủ là người làm thơ rất nổi tiếng ở Trung Quốc, đời nhà Đường, có câu rằng "nhân sinh thất thập cổ lai hy" nghĩa là "người thọ 70, xưa nay hiếm".

Năm nay, tôi vừa 79 tuổi, đã là hạng người "xưa nay hiếm" nhưng tinh thần, đầu óc vẫn sáng suốt, tuy sức khỏe có kém so với vài năm trước đây. Khi người ta đã ngoài 70 xuân, thì tuổi tác càng cao, sức khỏe càng thấp. Điều đó cũng không có gì lạ.

Nhưng ai mà đoán biết tôi còn phục vụ cách mạng, phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân được bao lâu nữa?

Vì vậy tôi đề sẵn mấy lời này, phòng khi tôi sẽ đi gặp cụ Các Mác, cụ Lênin và các vị cách mạng đàn anh khác, thì đồng bào cả nước, đồng chí trong Đảng và bầu bạn khắp nơi đều khỏi cảm thấy đột ngột.

TRƯỚC HẾT NÓI VỀ ĐẢNG - Nhờ đoàn kết chặt chẽ, một lòng một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ



quốc, cho nên từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta đã đoàn kết, tổ chức và lãnh đạo nhân dân ta hăng hái đấu tranh tiến từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

*Đoàn kết* là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và nhân dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình.

Trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh *tự phê bình và phê bình* là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng. Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau.

Đảng ta là một Đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần *đạo đức cách mạng*, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân.

ĐOÀN VIÊN VÀ THANH NIÊN ta nói chung là tốt, mọi việc đều hăng hái xung phong, không ngại khó khăn, có chí tiến thủ. Đảng cần phải chăm lo giáo dục *đạo đức cách mạng* cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa "hồng" vừa "chuyên".

Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và cần thiết.

NHÂN DÂN LAO ĐỘNG ta ở miền xuôi cũng như ở miền núi, đã bao đời chịu đựng gian khổ, bị chế độ phong kiến và thực dân áp bức bóc lột, lại kinh qua nhiều năm chiến tranh.

Tuy vậy, nhân dân ra rất anh hùng, dũng cảm, hăng hái, cần cù. Từ ngày có Đảng, nhân dân ta luôn đi theo Đảng, rất trung thành với Đảng.

Đảng cần phải có *kế hoạch* thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng *nâng cao đời sống của nhân dân*.

CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ có thể còn kéo dài.  
Đồng bào ta có thể phải hy sinh nhiều của, nhiều người. Dù sao  
chúng ta phải quyết tâm đánh giặc Mỹ đến thắng lợi hoàn toàn.

*Còn non, còn nước, còn người,  
Thắng giặc Mỹ, ta sẽ xây dựng hơn mười ngày nay!*

Dù khó khăn gian khổ đến mấy, nhân dân ta sẽ nhất định  
hoàn toàn thắng lợi. Đế quốc Mỹ nhất định phải cút khỏi nước  
ta. Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất. Đồng bào Nam Bắc nhất  
định sẽ sum họp một nhà. Nước ta sẽ có vinh dự lớn là một nước  
nhỏ mà đã anh dũng đánh thắng hai đế quốc to - là Pháp và Mỹ;  
và đã góp phần xứng đáng vào phong trào giải phóng dân tộc.

VỀ PHONG TRÀO CỘNG SẢN THẾ GIỚI - Là một  
người suốt đời phục vụ cách mạng, tôi càng tự hào với sự lớn  
mạnh của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế bao nhiêu,  
thì tôi càng đau lòng bấy nhiêu vì sự bất hòa hiện nay giữa các  
đảng anh em!

Tôi mong rằng Đảng ta sẽ ra sức hoạt động, góp phần đặc  
lực vào việc khôi phục lại khối đoàn kết giữa các đảng anh em  
trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô  
sản, có lý, có tình.

Tôi tin chắc rằng các đảng anh em và các nước anh em nhất  
định sẽ phải đoàn kết lại.

\*

\*      \*

VỀ VIỆC RIÊNG - Suốt đời tôi hết lòng hết sức phục vụ  
Tổ quốc, phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân. Nay dù phải từ  
biệt thế giới này, tôi không có điều gì phải hối hận, chỉ tiếc là  
tiếc rằng không được phục vụ lâu hơn nữa, nhiều hơn nữa.

Sau khi tôi đã qua đời, chớ nên tổ chức điều phúng linh  
đình, để khỏi lãng phí thì giờ và tiền bạc của nhân dân.



\*

\*       \*

Cuối cùng, tôi để lại muôn vàn tình thương yêu cho toàn dân, toàn Đảng, cho toàn thể bộ đội, cho các cháu thanh niên và nhi đồng.

Tôi cũng gửi lời chào thân ái đến các đồng chí, các bầu bạn và các cháu thanh niên, nhi đồng quốc tế.

Điều mong muốn cuối cùng của tôi là: Toàn Đảng, toàn dân ta phải đoàn kết chiến đấu, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới.

*Hà Nội, ngày 10 tháng 5 năm 1969.*

HỒ CHÍ MINH

## CHÚ THÍCH

1. *Đường cách mệnh* là cuốn sách gồm những bài giảng của Nguyễn Ái Quốc tại các lớp huấn luyện chính trị của cán bộ Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí Hội do Người tổ chức tại Quảng Châu (Trung Quốc) trong những năm 1925-1927. Các lớp huấn luyện chính trị này nhằm truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng và phương pháp cách mạng cho những người cách mạng Việt Nam; chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam vào đầu năm 1930. Cuốn sách này do Bộ Tuyên truyền của Hội Liên hiệp các trong bị áp bức ở Á Đông xuất bản năm 1927 để làm tài liệu học tập và tuyên truyền.

*Đường cách mệnh* là một trong những tác phẩm lớn đánh dấu một trong những mốc quan trọng trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Nguyễn Ái Quốc, đồng thời là một trong những văn kiện lý luận đầu tiên của Đảng ta, đặt cơ sở tư tưởng cho đường lối cách mạng Việt Nam.

2. Trong thời gian tiến hành cuộc chiến tranh giành độc lập (1775-1783), các thuộc địa của Anh ở Bắc Mỹ đã tổ chức các cuộc Đại hội đại biểu để thảo luận những biện pháp chống thực dân Anh. Đại hội lần thứ II họp ở Philadenphia (Mỹ) năm 1776 đã cử ra một Ủy ban do Giépphécxơn làm chủ tịch để dự thảo một nghị quyết tuyên bố các xứ thuộc địa là những nước tự do, độc lập, tách khỏi phạm vi quyền lực của nước Anh. Bản dự án nghị quyết đã được đại biểu 13 thuộc địa ở Bắc Mỹ thông qua ngày 4-7-1776 và trở thành

*Tuyên ngôn độc lập* của nước Hợp chúng quốc châu Mỹ (Hoa Kỳ).

Sau khi nêu lên những nguyên tắc về quyền bình đẳng, quyền mưu cầu hạnh phúc của mỗi thành viên, thừa nhận cho nhân dân có quyền làm cách mạng lập ra một chính quyền mới thay thế chính quyền cũ khi chính quyền cũ phản lại nhân dân, bản Tuyên ngôn khẳng định quyền tự do, độc lập, tách rời nước Anh của các thuộc địa ở Bắc Mỹ.

Bản *Tuyên ngôn độc lập* năm 1776 tiêu biểu cho nguyện vọng của nhân dân các thuộc địa Bắc Mỹ đấu tranh giành độc lập, tự do.

3. *Chủ nghĩa tự do bình đẳng*: Một trào lưu tư tưởng ở Pháp thế kỷ XVIII do Vôn-te, Môngtexki-ơ và Rút-xô đề xướng. Mặc dù có nhiều điểm khác nhau, nhưng mục tiêu chung của các ông là chống lại chế độ quân chủ chuyên chế phong kiến, xây dựng một xã hội tự do, bình đẳng. Đương nhiên đây chỉ là quyền tự do, bình đẳng của giai cấp tư sản, nhưng ở thời điểm lịch sử lúc đó thì xu hướng tư tưởng này là tiến bộ.

4. *Cách mạng Pháp* (1789-1794) là cuộc cách mạng tư sản điển hình nhất ở châu Âu. Nó đã xóa bỏ chế độ phong kiến chuyên chế - một chế độ mục nát bị nhân dân lao động và giai cấp tư sản Pháp hết sức căm ghét, - mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển mạnh mẽ ở Pháp và một số nước châu Âu.

Cuộc cách mạng này có ảnh hưởng lớn đến cuộc cách mạng tư sản ở châu Âu trong thế kỷ XIX. Nhưng vì là cách mạng tư sản, cho nên nó vẫn duy trì chế



độ tư hữu và chế độ bóc lột. Thực chất của nó chỉ là việc đưa một nhóm người thuộc giai cấp tư sản bóc lột này vào chính quyền thay thế một nhóm người thuộc giai cấp phong kiến trước kia mà thôi. Đó chính là điều khác nhau căn bản giữa cách mạng tư sản với bất cứ cuộc cách mạng vô sản nào.

5. *Cách mạng tư sản Pháp bùng nổ* ngày 14-7-1789 ở Pari. Sự kiện quân chúng Pari chiếm được nhà tù Baxti đánh dấu thắng lợi của cách mạng. Vua Lu-i XVI và vợ lui về Vécxây, tiếp tục cầm đầu bọn quý tộc trong nước, liên kết với các thế lực phong kiến bên ngoài để chống phá cách mạng. Vì vậy nhân dân rất căm phẫn và ngày 5-10-1789 đã tự động nổi dậy kéo đến cung điện Vécxây buộc vua và bề lũ phải trở về Pari để dễ kiểm soát.

6. *Pari công xã*: Vào cuối thế kỷ XIX, mâu thuẫn giữa giai cấp vô sản với tư sản trong xã hội Pháp ngày càng trở nên gay gắt. Trước cuộc tấn công xâm lược của quân Đức, Chính phủ tư sản Pháp đầu hàng đã cắt nhượng cho Đức hai tỉnh Andátxơ và Loren, chịu bồi thường 5 tỷ phrăng (tiền Pháp), mở đường cho lính Đức tiến vào sát thủ đô Pari. Công nhân và nhân dân Pari đã tự vũ trang và tổ chức bố phòng để bảo vệ thành phố. Nhưng bọn tư sản, đứng đầu là tên bộ trưởng phản động Chie, đã ra lệnh tước vũ khí của công nhân, giải giáp các tuyến phòng thủ. Điều đó làm nhân dân căm phẫn nổi dậy khởi nghĩa ngày 18-3-1871, đánh đuổi giai cấp tư sản, thành lập chính quyền mới ở Pari, gọi là Công xã Pari - chính quyền đầu tiên của giai cấp vô sản.

Cuộc cách mạng năm 1871 là cuộc cách mạng vô sản đầu tiên thiết lập nhà nước của giai cấp vô sản, đánh dấu một bước phát triển mới của phong trào công nhân quốc tế. Nhưng giai cấp công nhân

Pháp lúc này chưa có một chính đảng tiên phong lãnh đạo, chưa thực hiện được liên minh với nông dân và chưa kiên quyết trấn áp kẻ thù đến cùng, lại bị giai cấp tư sản Pháp câu kết với bọn xâm lược Đức phản công quyết liệt, cho nên sau 72 ngày tồn tại, Công xã đã bị thất bại (tháng 5-1871).

7. *Năm 1883, Plêkhanốp* thành lập nhóm *Giải phóng lao động* - nhóm mácxít đầu tiên ở Nga. Nhóm này đã tiến hành một công tác rộng lớn chống chủ nghĩa dân túy và truyền bá chủ nghĩa Mác ở nước Nga. Nhưng nhóm Giải phóng lao động lại mắc phải một số sai lầm nghiêm trọng như còn mang những tàn tích của quan điểm dân túy, đánh giá thấp tinh thần cách mạng của nông dân, đánh giá cao vai trò của giai cấp tư sản tự do. Những sai lầm đó là mầm mống của các quan điểm mensêvích về sau này của Plêkhanốp và của các thành viên khác trong nhóm.

Hoạt động của nhóm Giải phóng lao động đã có tác dụng trong việc hình thành ý thức cách mạng của giai cấp công nhân Nga, mặc dù trong thực tiễn, nhóm đó không liên hệ với phong trào công nhân. Lênin đã chỉ rõ, nhóm Giải phóng lao động chỉ mới đặt cơ sở lý luận cho Đảng Công nhân xã hội - dân chủ và tiến một bước đầu để xích lại với phong trào công nhân.

Tại Đại hội II của Đảng Công nhân xã hội - dân chủ Nga (tháng 8-1903), nhóm Giải phóng lao động tuyên bố giải tán.

8. *Năm 1898*, đại biểu của Liên minh chiến đấu giải phóng giai cấp công nhân ở các tỉnh và thành phố của Nga đã họp tại Minxơ để thành lập Đảng Công nhân xã hội - dân chủ Nga, Lênin không dự được vì đang bị đày ở Xibia. Đại hội ra Bản Tuyên ngôn của Đảng nêu rõ: "Giai cấp vô sản Nga sẽ lật đổ ách chuyên



chế độ rồi lại tiếp tục đấu tranh, với nhiều nghị lực hơn, chống chủ nghĩa tư bản và giai cấp tư sản cho đến khi chủ nghĩa xã hội thắng lợi hoàn toàn". Ngay sau đó, các đại biểu đều bị bắt nên trên thực tế, Đảng chưa hoạt động được.

Năm 1903, Đảng họp Đại hội lần thứ II. Trên thực tế đến Đại hội này, Đảng Công nhân xã hội - dân chủ Nga. Đại hội đã thông qua cương lĩnh, điều lệ và bầu ra cơ quan trung ương của Đảng.

9. Ngày 9-1-1905, cuộc cách mạng dân chủ tư sản lần thứ nhất ở Nga bùng nổ. Trước sự bất mãn ngày càng tăng của công nhân, tên thầy tu tay sai của cảnh sát là Gapông dụ dỗ công nhân tiến hành một cuộc biểu tình hòa bình, mang cờ xí của nhà thờ và rước ảnh nhà vua đến Cung điện Mùa Đông, đệ đơn thỉnh nguyện xin cải thiện đời sống. Mặt khác, Gapông báo cho bọn cảnh sát của Nga hoàng bố phòng căn mật để tiêu diệt công nhân.

Nắm được âm mưu đó, những người bôn-sê-vích ra sức khuyến công nhân không tham gia cuộc biểu tình. Nhưng lúc này, phần lớn công nhân còn tin vào Sa hoàng, nên cuộc biểu tình vẫn diễn ra theo kế hoạch. Khi họ vừa xuất hiện ở Quảng trường Cung điện Mùa Đông thì Sa hoàng hạ lệnh xả súng bắn giết họ. Trên một nghìn người chết và hơn năm nghìn người bị thương. Ngày này được gọi là "Ngày chủ nhật đẫm máu".

Bộ mặt thật của Chính phủ Nga hoàng đã lộ rõ. Nhân dân căm phẫn nổi dậy đấu tranh, nêu cao khẩu hiệu "Đả đảo chế độ chuyên chế!", mở đầu cuộc cách mạng tư sản dân chủ Nga 1905-1907.

10. Bọn cơ hội chủ nghĩa, tự nhận là cách mạng nhưng không tuân theo nguyên tắc của chủ nghĩa Mác - Lênin, thỏa hiệp với tư sản và phong kiến. Chúng lợi dụng cuộc cách mạng Nga tháng 2-1917 để nắm chính quyền, lập

chính phủ lâm thời, tiếp tục theo đuổi cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa, không chịu giải quyết vấn đề ruộng đất cho nông dân, truy lùng Lênin và những người bôn-sê-vích, đàn áp đẫm máu các cuộc bãi công và biểu tình của công nhân.

11. Đoạn này tác giả nói về thời cơ khởi nghĩa của cuộc Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917. Giữa lúc Chính phủ lâm thời ở Nga đang bị khủng hoảng nghiêm trọng, Đảng đã ra nghị quyết về khởi nghĩa vũ trang và chuẩn bị mọi mặt cho cuộc khởi nghĩa đó. Bọn cơ hội chủ nghĩa ở trong Đảng đã phản bội, tiết lộ cho kẻ thù biết kế hoạch khởi nghĩa. Chính phủ lâm thời quyết định tấn công trước vào lực lượng cách mạng. Ngày 6-11 chúng ra lệnh đóng cửa tòa báo *Con đường của công nhân*. Các đội Cận vệ đỏ chiến đấu bảo vệ tòa báo và đến trưa hôm đó, tờ báo đã ra lời kêu gọi khởi nghĩa, lật đổ Chính phủ lâm thời. Đêm 6-11 (tức ngày 24 tháng Mười, lịch Nga), Lênin đến điện Smôn-nui trực tiếp lãnh đạo khởi nghĩa. Người đã chỉ thị về thời cơ cách mạng Nga như sau: "*Vô luận bằng cách nào cũng không được để chính quyền nằm trong tay Kê-rê-n-xki và bè lũ đến ngày 25, việc đó tuyệt đối phải quyết định ngay chiều hôm nay hay đêm nay.*"

*Lịch sử sẽ không tha thứ những người cách mạng hôm nay có thể chiến thắng (và nhất định thắng lợi hôm nay), mà lại chậm trễ vì đợi đến ngày mai, không khéo họ lại bị mất hết cả*". Ngày 7-11, cuộc khởi nghĩa thắng lợi ở Pê-tơ-rô-grát, đánh dấu thắng lợi vĩ đại của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước Nga.

12. Năm 1836, công nhân Đức thành lập ở Pari một hội bí mật lấy tên là Đồng minh những người chính nghĩa. Năm 1840, trụ sở của Hội chuyển sang Luân Đôn (Anh), mở rộng hoạt động.



thu nạp cả công nhân nhiều nước khác. Mục tiêu của Hội là đấu tranh cho nhân quyền (nên còn gọi là Hội nhân quyền).

Vào đầu năm 1847, Mác và Ăngghen tham gia Đồng minh những người chính nghĩa với mục đích cải tổ tổ chức này thành một tổ chức quốc tế của giai cấp vô sản cách mạng.

Do những hoạt động tích cực của Mác và Ăngghen, tháng 6-1847, Đồng minh những người chính nghĩa đã họp hội nghị tại Luân Đôn và đổi tên thành Đồng minh những người cộng sản, khẩu hiệu cũ, mơ hồ: "Tất cả mọi người đều là anh em!" đã được thay bằng khẩu hiệu chiến đấu của chủ nghĩa quốc tế vô sản: "Vô sản tất cả các nước, đoàn kết lại!".

Đồng minh những người cộng sản đề ra mục tiêu của mình là lật đổ giai cấp tư sản, thủ tiêu xã hội cũ dựa trên cơ sở đối kháng giai cấp và thành lập một xã hội mới, không có giai cấp và không có chế độ tư hữu.

Đồng minh những người cộng sản đã đóng một vai trò lịch sử to lớn, là trường học của những người vô sản cách mạng, là mầm mống của đảng vô sản, là tiền thân của Quốc tế thứ nhất. Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản là một văn kiện có tính chất cương lĩnh của giai cấp vô sản toàn thế giới.

13. Trong khoảng 15 năm (từ 1874 đến 1889), nhiều chính đảng của giai cấp công nhân được thành lập. Chính đảng đầu tiên của giai cấp công nhân được thành lập ở Đức năm 1869 - Đảng Xã hội dân chủ Đức. Chỉ vài năm sau khi Công xã Pari thất bại và Quốc tế thứ nhất giải tán, phong trào công nhân ở châu Âu lại phục hồi và phát triển nhanh chóng. Nhiều chính đảng của giai cấp công nhân được thành lập ở Mỹ (1877), Pháp (1879), Bỉ, Italia (1885), Áo (1888)... Việc xuất hiện các đảng đánh dấu một bước tiến mới của giai cấp công nhân và

cũng đề ra yêu cầu thành lập một tổ chức quốc tế mới.

14. Các Đại hội của Quốc tế thứ hai đã thảo luận vấn đề thái độ của giai cấp vô sản đối với cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa sắp bùng nổ. Đặc biệt là tại Đại hội Xtútgát (1907), Copenhagen (1910) và Balơ (1912), Quốc tế thứ hai đã bàn cãi sôi nổi vấn đề này. Bọn cơ hội chủ nghĩa đưa ra những luận điệu bênh vực chính sách chiến tranh của chủ nghĩa đế quốc. Lênin và những người mácxít kiên quyết đấu tranh chống nguy cơ chiến tranh, đòi bác bỏ ngân sách quân sự, kêu gọi công nhân các nước đoàn kết ngăn chặn chiến tranh bùng nổ, vạch trần tính chất ăn cướp, đế quốc chủ nghĩa của cuộc chiến tranh và đưa ra khẩu hiệu "Biến chiến tranh đế quốc thành nội chiến cách mạng" để lật đổ giai cấp tư sản trong nước, giành lấy chính quyền và xây dựng nhà nước chuyên chính vô sản.

15. Đại hội lần thứ II của Quốc tế Cộng sản họp vào tháng 7 và tháng 8-1920. Tại Đại hội này, Lênin đã nhấn mạnh nhiệm vụ đấu tranh chống chủ nghĩa xã hội trong phong trào công nhân để giữ vững nguyên tắc mácxít trong các đảng cộng sản. Đại hội đã thông qua 21 điều kiện gia nhập Quốc tế Cộng sản và thông qua bản *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* do Lênin dự thảo, nhằm vạch ra đường lối đấu tranh giải phóng dân tộc cho nhân dân các dân tộc bị áp bức. Tinh thần cơ bản của 21 điều kiện gia nhập Quốc tế cộng sản, phải có thái độ dứt khoát chống lại đường lối và tổ chức của Quốc tế thứ hai, phải đấu tranh kiên quyết về mặt tư tưởng cũng như về những biện pháp hoạt động cụ thể, chống mọi hình thái của chủ nghĩa cơ hội và chủ nghĩa xét lại. Các đảng đó phải nghiêm chỉnh thực hiện và tuyên truyền giáo dục quần chúng về đường lối



và quan điểm của chủ nghĩa Mác, phải đổi tên là đảng cộng sản, phải có kỷ luật chặt chẽ và triệt để tuân theo những nghị quyết của Quốc tế Cộng sản.

Về vấn đề giải phóng dân tộc, điều 8 của văn kiện ghi rõ: "Đảng nào muốn ở trong Quốc tế thứ ba đều buộc phải thẳng tay vạch mặt những thủ đoạn xảo trá của bọn đế quốc "nước mình" trong các thuộc địa, ủng hộ trên thực tế chứ không phải bằng lời nói mọi phong trào giải phóng ở thuộc địa"; đòi hỏi phải trục xuất bọn đế quốc của nước mình ra khỏi các thuộc địa ấy; gây trong lòng công nhân nước mình thái độ anh em chân thành với nhân dân lao động các nước thuộc địa và các dân tộc bị áp bức; và tiến hành tuyên truyền thường xuyên trong quân đội nước mình chống mọi sự áp bức các dân tộc thuộc địa.

16. *Đại hội lần thứ III của Quốc tế Cộng sản* họp vào tháng 6 và tháng 7-1921. Đại hội đã đề ra nhiệm vụ cấp thiết của các đảng cộng sản là phải đánh tan ảnh hưởng của bọn xã hội dân chủ trong quần chúng, phải tranh thủ quần chúng công nhân đi theo cách mạng. Lênin nêu lên rằng nếu không tranh thủ được quần chúng thì không thể đánh đổ được chủ nghĩa tư bản và do đó không thiết lập được chuyên chính vô sản. Muốn tranh thủ quần chúng, phải tham gia tích cực nhất vào cuộc đấu tranh kinh tế hằng ngày của công nhân, phải chiến đấu kiên trì trong các công đoàn để biến nó thành tổ chức chiến đấu của giai cấp công nhân và trục xuất bọn cơ hội chủ nghĩa khỏi phong trào, phải chuẩn bị cho quần chúng đấu tranh để thực hiện chuyên chính vô sản. Lênin đề ra sách lược về mặt trận thống nhất nhằm đoàn kết các lực lượng của giai cấp công nhân trong cuộc đấu tranh chung.

17. *Đại hội lần thứ IV của Quốc tế Cộng sản* họp vào tháng 11 và tháng 12-

1922. Khi đó, Chính quyền Xôviết đã tồn tại và lớn mạnh được 5 năm, phong trào công nhân phát triển rầm rộ. Đồng thời, bọn phát xít bắt đầu hoạt động trong nhiều nước châu Âu. Đại hội nhấn mạnh nhiệm vụ chủ yếu của các đảng cộng sản là kiên trì tiến hành công tác quần chúng trên cơ sở của sách lược về Mặt trận công nhân thống nhất.

18. *Do điều kiện lịch sử khác nhau*, hoạt động của Quốc tế thứ nhất và Quốc tế thứ ba có những điểm khác nhau:

Quốc tế thứ nhất ra đời giữa thế kỷ XIX là lúc chủ nghĩa tư bản còn đang phát đạt, phong trào công nhân mới ra đời, cho nên số lượng thành viên tham gia Quốc tế thứ nhất còn ít, tư tưởng chưa thống nhất. Quốc tế thứ nhất phải tiến hành đấu tranh quyết liệt trên lĩnh vực tư tưởng, đồng thời lãnh đạo cuộc đấu tranh thực tiễn của giai cấp công nhân. Quốc tế thứ ba đoàn kết các đảng cộng sản thành một khối thống nhất có sự lãnh đạo thống nhất. Trong thời đại mới, phong trào giải phóng dân tộc gắn bó chặt chẽ với cách mạng vô sản. Lênin đã đề ra khẩu hiệu "Vô sản tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức, đoàn kết lại".

19. *Ngày 8-3 là ngày đoàn kết quốc tế của phụ nữ* các nước trong cuộc đấu tranh để tự giải phóng, giành các quyền bình đẳng về kinh tế, chính trị và xã hội.

Ngày 8-3-1899, nữ công nhân ngành dệt và ngành may ở Chicagô (một thành phố lớn ở Mỹ) đã đứng lên bãi công, biểu tình đòi tăng lương, giảm giờ làm. Mặc dù bị bọn chủ đe dọa và khủng bố, chị em công nhân vẫn tiếp tục bãi công, đấu tranh. Cuối cùng, bọn chủ đã phải nhượng bộ và thỏa mãn phần lớn những yêu sách của chị em.

Năm 1910, Hội nghị quốc tế phụ nữ xã hội chủ nghĩa lần thứ II họp ở Copenhagen (Đan Mạch), theo đề nghị của Clara Détkin, đã quyết định hằng



năm lấy ngày 8-3 làm Ngày phụ nữ quốc tế.

20. *Tháng 2-1917 (theo lịch cũ của Nga)*, ở nước Nga đã nổ ra cuộc cách mạng dân chủ tư sản, lật đổ chế độ Nga hoàng chuyên chế.

Trong cuộc cách mạng này, phụ nữ công nhân ở Pêtrôgrát đã giữ một vai trò nổi bật.

Ngày 23-2 theo lịch Nga (tức là Ngày phụ nữ quốc tế 8-3), hưởng ứng lời kêu gọi của Ban Chấp hành bolsêvích Pêtrôgrát, các nữ công nhân đã cùng công nhân các nhà máy ở Thủ đô bãi công, xuống đường biểu tình giương cao các khẩu hiệu: "Đả đảo chiến tranh!", "Bánh mì!", "Hòa bình!", "Tự do", "Đả đảo chế độ chuyên chế". Trong ngày hôm đó, hơn 128 nghìn người chủ yếu là nữ công nhân ngành dệt và công nhân luyện kim) đã tham gia bãi công. Cuộc bãi công chính trị đã biến thành cuộc tổng biểu tình chính trị chống chế độ Nga hoàng.

21. *Vạn quốc công hội*: Đây là một tổ chức quốc tế những công hội có xu hướng cải lương chủ nghĩa, đi ngược với những nguyên lý chủ nghĩa Mác. Vạn quốc công hội chịu ảnh hưởng của bọn cơ hội chủ nghĩa trong Quốc tế thứ hai, chỉ kết nạp công nhân lớp trên ở các nước tư bản Âu, Mỹ, đối lập với quyền lợi của tầng lớp công nhân cơ bản, và không liên hệ với phong trào công nhân các nước Á, Phi, Ôtxtrâyli-a là những vùng thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc. Năm 1919, những công hội này tham gia thành lập Quốc tế Amxtécđam.

22. *Công đoàn chủ nghĩa*: Trong thời kỳ chưa có chính đảng mácxít của giai cấp công nhân lãnh đạo, các công đoàn chưa có phương hướng chính trị, nên phần lớn đã đi vào con đường công đoàn chủ nghĩa - tức là chỉ hạn chế trong việc đấu tranh đòi những quyền

lợi kinh tế trước mắt của công nhân (Xem thêm chú thích số 72: Công đoàn vô chính phủ).

23. *Vô chính phủ công đoàn*: Tức là chủ nghĩa công đoàn vô chính phủ - một trào lưu cơ hội chủ nghĩa trong phong trào công nhân, chịu ảnh hưởng về tư tưởng và chính trị của chủ nghĩa vô chính phủ.

Những người theo chủ nghĩa công đoàn vô chính phủ cho rằng công nhân không cần tiến hành đấu tranh chính trị, phủ nhận sự cần thiết phải có một đảng chính trị độc lập của giai cấp công nhân, phủ nhận công đoàn phải đặt dưới sự lãnh đạo của đảng, phủ nhận sự tất yếu của chuyên chính vô sản.

Họ cho rằng công đoàn là hình thức tổ chức cao nhất của giai cấp công nhân và đấu tranh kinh tế là phương pháp đấu tranh duy nhất phù hợp với lợi ích của giai cấp công nhân, coi tổng đình công kinh tế là hình thức đấu tranh cao nhất giúp cho các công đoàn có thể thủ tiêu được chủ nghĩa tư bản mà không cần đấu tranh cách mạng, để tước đoạt các tư liệu sản xuất và nắm lấy quyền điều khiển nền sản xuất.

Cách mạng Tháng Mười Nga đã giáng một đòn chí tử vào chủ nghĩa công đoàn vô chính phủ, vạch rõ sự vô căn cứ và những hậu quả nặng nề của nó đối với giai cấp công nhân.

24. *Cải lương chủ nghĩa*: Chủ nghĩa cải lương là trào lưu chính trị trong phong trào công nhân, đối lập với chủ nghĩa Mác và những lợi ích căn bản của giai cấp vô sản.

Những người theo chủ nghĩa cải lương chủ trương đấu tranh giành những cải cách nhỏ bé trong khuôn khổ của chủ nghĩa tư bản - không động đến cơ sở của chế độ bóc lột tư bản chủ nghĩa - để thay thế cho cuộc đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân lật đổ



chủ nghĩa tư bản. Mục đích chính của chủ nghĩa cải lương là lừa bịp giai cấp công nhân, điều hòa mâu thuẫn giữa công nhân và tư sản, thực hành "lý luận" hợp tác giai cấp, hồng đem giai cấp vô sản phục vụ quyền lợi của giai cấp tư sản, làm cho công nhân rời bỏ đấu tranh giai cấp triệt để giành thắng lợi cho chuyên chính vô sản và cho chủ nghĩa xã hội.

Lênin và những người cách mạng chân chính đã đấu tranh không khoan nhượng chống mọi hình thức của chủ nghĩa cải lương, bóc trần bản chất tư sản của nó và chống mọi đại biểu của nó ở các nước.

25. *Trung lập chủ nghĩa*: Có thể ở đây tác giả nói đến chủ nghĩa phái giữa, một biến tướng của chủ nghĩa cơ hội trong phong trào công nhân, đối lập với chủ nghĩa Mác - Lênin mà đại biểu về tư tưởng và lý luận của nó là Cauxky.

Trong Quốc tế thứ hai, Cauxky và đồng bọn, về hình thức đã giữ lập trường trung gian giữa phái công khai theo chủ nghĩa cơ hội (Bécxtanh) và phái xã hội - dân chủ cánh tả (Ph.Mêrinh, R.Lúcxambua và C.Lípnhéc), do đó có tên gọi là phái giữa. Nhưng trong thực tế họ ủng hộ và đầu hàng chủ nghĩa cơ hội, chống lại chủ nghĩa Mác và phong trào cách mạng của giai cấp công nhân.

Lợi dụng những lời lẽ mácxít giả hiệu và núp dưới chiêu bài "những người mácxít chính thống". Những người theo chủ nghĩa phái giữa mưu toan xóa nhòa bản chất cách mạng của chủ nghĩa Mác, làm lu mờ mâu thuẫn giai cấp giữa công nhân và tư sản, chủ trương đem quyền lợi giai cấp của giai cấp vô sản phục tùng quyền lợi của giai cấp tư sản, phủ nhận sự tất yếu của cách mạng vô sản và chuyên chính vô sản.

Lênin và những người cộng sản chân chính đã phê phán kịch liệt bọn cơ

hội chủ nghĩa Cauxky, vạch trần sự trá hình, giấu mặt hết sức nguy hiểm của chúng.

26. *Quốc tế Giúp đỡ (tổ chức "Giúp đỡ của công nhân quốc tế")*, được thành lập theo sáng kiến của Quốc tế Cộng sản vào tháng 9-1921 tại Béclin (Thủ đô nước Đức), từ cuộc Hội nghị quốc tế của các ủy ban giúp đỡ nhân dân các vùng bị đói ở nước Nga Xôviết. Sau này tổ chức đó trở thành trung tâm quốc tế giúp đỡ các nạn nhân của chế độ tư bản.

Từ năm 1935, tổ chức quốc tế này ngừng hoạt động; các chi bộ của nó tham gia vào các mặt trận nhân dân hoặc đấu tranh để thành lập các mặt trận nhân dân ở các nước.

27. *Quốc tế Cứu tế đỏ*: Một tổ chức cách mạng thành lập năm 1923 hoạt động theo đường lối của Quốc tế Cộng sản. Mục tiêu chủ yếu của Quốc tế Cứu tế đỏ là đoàn kết các lực lượng cách mạng để đấu tranh chống lại những hành động đàn áp, khủng bố của chính quyền đế quốc, đòi trả tự do cho những nhà hoạt động chính trị của giai cấp công nhân và của phong trào giải phóng dân tộc bị bọn thống trị bắt bớ, giam cầm. Hội còn động viên sự đóng góp của quần chúng lao động để giúp đỡ về tinh thần và vật chất cho những gia đình có người thân hy sinh hay bị tù đầy vì hoạt động cách mạng. Quốc tế Cứu tế đỏ có chi nhánh ở nhiều nước trên thế giới.

Năm 1927, trong tác phẩm *Đường cách mệnh*, Nguyễn Ái Quốc đã giới thiệu tổ chức này và nêu lên sự cần thiết phải thành lập một chi nhánh Cứu tế đỏ ở Đông Dương. Ngay sau khi Đảng ta được thành lập. Hội nghị Trung ương Đảng tháng 10-1930 đã quyết định thành lập Hội Cứu tế đỏ Đông Dương, một chi bộ của Quốc tế Cứu tế đỏ. Hội Cứu tế đỏ không phải là một tổ chức từ



thiện, mà là một đoàn thể đấu tranh cách mạng, một tổ chức tương trợ cách mạng của đại đa số quần chúng, nên hoạt động của Hội chủ yếu hướng vào quần chúng công nông và những người bị áp bức. Đại hội lần thứ I của Đảng ta (năm 1935) ra Nghị quyết về "Cứu tế đồ Đông Dương vận động" đã kiểm điểm hoạt động, rút kinh nghiệm và vạch ra những nhiệm vụ cần kíp của Hội. Cứu tế đồ Đông Dương đã ra sức phát huy vai trò của quần chúng cách mạng trong sự nghiệp giải phóng các dân tộc ở Đông Dương.

28. Trong chương này, tác giả đã nêu lên các kiểu hợp tác xã ra đời từ trong chế độ tư bản chủ nghĩa. Đó là những tổ chức liên hợp tự nguyện của những người lao động trong các lĩnh vực sản xuất, mua bán, tiêu dùng..., nhằm chung sức, chung vốn liếng cùng nhau sản xuất và cải thiện đời sống.

Nêu bật lợi ích của hợp tác xã, tác giả muốn hướng nhân dân lao động đoàn kết đi vào con đường làm ăn tập thể, có tổ chức. Bởi vì, khi chưa được giải phóng thì hợp tác xã vừa là tổ chức kinh tế, nhằm nâng cao sản xuất và đời sống, giảm bớt sự bóc lột của bọn tư bản và phong kiến, vừa là một hình thức tổ chức để vận động, tập hợp nhân dân lao động đấu tranh cho quyền lợi của mình như các hình thức tổ chức khác của quần chúng.

Tác phẩm *Đường cách mệnh* ra đời năm 1927, nhưng tinh thần cơ bản của chương *hợp tác xã* này trong tác phẩm vẫn còn có ý nghĩa to lớn đối với sự nghiệp đổi mới của chúng ta hiện nay.

29. Xyri: Một nước ở phía tây châu Á, nằm giữa vùng Trung Đông trông ra Địa Trung Hải, thủ đô là Đamát. Vì Xyri có vị trí chiến lược nối liền ba châu, có tài nguyên phong phú nên từ cuối thế kỷ XIX đến nửa đầu những năm 40 thế kỷ

XX bị nhiều nước đế quốc như Anh, Pháp, Thổ Nhĩ Kỳ xâm chiếm. Pháp còn đặt ra chế độ "ủy trị" và chia cắt Xyri thành nhiều "nước" rồi lại lập ra "Liên bang Xyri" để dễ bề cai trị.

Trước tình hình đó, phong trào đấu tranh của nhân dân Xyri đòi quyền độc lập và thống nhất đất nước ngày càng mạnh mẽ. Vào những năm 20 của thế kỷ XX, đã có hai đợt sóng đấu tranh mãnh liệt: 1919-1923 và 1925-1926, nhằm thực hiện nguyện vọng của tuyệt đại đa số nhân dân Xyri là "Công nhận nền độc lập thật sự và thống nhất của nhân dân Xyri".

Trong tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp*, tác giả đã vạch trần chính sách cai trị và âm mưu "chia để trị" của thực dân Pháp ở Xyri cũng như ở Việt Nam và các nước thuộc địa khác; ca ngợi phong trào đấu tranh của nhân dân Xyri giành độc lập và thống nhất đất nước trong những năm 20 của thế kỷ XX.

30. *Việt Nam độc lập đồng minh*: Một hội quần chúng do ông Hồ Học Lãm, một chí sĩ yêu nước sống ở Trung Quốc nhiều năm tổ chức, nhằm tập hợp những người yêu nước Việt Nam đấu tranh cho nền độc lập dân tộc. Hội được thành lập năm 1935.

31. *Tuyên ngôn Độc lập của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa* do Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc tại cuộc mít tinh của hàng chục vạn nhân dân Hà Nội ngày 2-9-1945, đã được in trên các báo *Cứu quốc* ngày 5-9-1945, báo *Độc lập* ngày 7-9-1945, báo *Cờ giải phóng* ngày 2-9-1945... Từ sau năm 1954, *Tuyên ngôn Độc lập* được in lại trên các sách *Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội 1958, tập I, *Hồ Chí Minh tuyển tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội 1960, *Hồ Chí Minh Toàn tập*, xuất bản lần thứ nhất, 1983, tập 3, v.v... Trong lần xuất bản thứ hai bộ *Hồ Chí*



*Minh Toàn tập*, theo sự chỉ đạo của Thường trực Ban Bí thư và Bộ chính trị, *Tuyên ngôn Độc lập* được công bố dựa theo bài ghi âm của Chủ tịch Hồ Chí Minh, hiện được lưu giữ tại Viện Hồ Chí Minh trực thuộc Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, đồng thời có tham khảo bản công bố đầu tiên trên báo *Cứu quốc* ra ngày 5-9-1945.

32. *Tuyên ngôn Độc lập năm 1776 của Hoa Kỳ*: trong cuộc chiến tranh giải phóng của nhân dân Bắc Mỹ chống chủ nghĩa thực dân Anh (1775-1783), các xứ thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ đã tổ chức các cuộc đại hội đại biểu để thảo luận những biện pháp chống bọn thực dân Anh. Đại hội lần thứ II họp ở Philadelphia năm 1775 đã cử ra một Ủy ban do Giép phéc-xon làm Chủ tịch để thảo ra một bản nghị quyết tuyên bố các xứ thuộc địa là những nước tự do, độc lập và tách khỏi phạm vi, quyền lực của Anh hoàng. Bản dự án nghị quyết này được đại biểu 13 bang thông qua ngày 13-7-1776 và trở thành Bản Tuyên ngôn Độc lập của nước Mỹ.

Bản Tuyên ngôn Độc lập này tiêu biểu cho nguyện vọng của các dân tộc thuộc địa ở Bắc Mỹ đấu tranh để giành lại độc lập, tự do cho nhân dân Bắc Mỹ lúc bấy giờ.

Sau khi giành được độc lập, giai cấp tư sản Mỹ lên nắm chính quyền đã phản bội quyền lợi của nhân dân, thi hành những chính sách phân biệt chủng tộc, áp bức bóc lột nhân dân trong nước đồng thời xâm lược các nước khác. Chúng đã thực hiện những thủ đoạn tàn bạo của chủ nghĩa thực dân, áp dụng chính sách thâm độc và nham hiểm của chủ nghĩa thực dân mới, thống trị về mặt kinh tế và lũng đoạn về chính trị nhằm thực hiện mưu đồ bá chủ thế giới, chà đạp trắng trợn lên những nguyên tắc

tự do, bình đẳng đã ghi trong Tuyên ngôn Độc lập của nước.

Vận dụng tinh thần tư tưởng tự do, bình đẳng - tiêu biểu cho nguyện vọng độc lập, tự do của nhân dân Mỹ, Khi soạn thảo Tuyên ngôn Độc lập của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trích một câu trong Tuyên ngôn Độc lập của nước Mỹ, khẳng định quyền bình đẳng tự do và độc lập của nhân dân Việt Nam.

33. *Tuyên ngôn Nhân quyền và dân quyền của Cách mạng Pháp*: Cuộc cách mạng năm 1789 ở Pháp là một cuộc cách mạng tư sản điển hình. Sau khi lật đổ chính quyền phong kiến, chính quyền mới - chính quyền tư sản được thiết lập.

Ngày 26-8-1789, Hội nghị lập hiến do chính quyền mới này tổ chức đã thông qua một văn kiện có tính chất cương lĩnh - bản Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền nổi tiếng của cách mạng Pháp.

Bản Tuyên ngôn này đã công khai ghi rõ các quyền tự do dân chủ: tự do thân thể, tự do ngôn luận, tự do tín ngưỡng, quyền bình đẳng của mọi người trước pháp luật, quyền chống áp bức...

Bản tuyên ngôn đã có ảnh hưởng lớn đến phong trào của nhân dân các nước đang đấu tranh chống phong kiến lúc bấy giờ. Nhưng khi giai cấp tư sản đã giành được quyền thống trị đất nước, chúng đã công khai chà đạp lên các quyền tự do dân chủ đó. Chúng ra sức bóc lột nhân dân lao động ở trong nước và thực hiện chính sách xâm lược và bóc lột thuộc địa vô cùng tàn khốc.

34. *Đồng minh*: Liên minh các nước chống chủ nghĩa phát xít trong cuộc chiến tranh thế giới thứ hai (1939 - 1945), hình thành vào cuối năm 1941 đầu năm 1942.

Tháng 1-1942, tại oasinhton (Mỹ), 26 nước Đồng minh trong đó có Liên



Xô, Anh, Mỹ ký chung vào bản Tuyên ngôn chống phát xít xâm lược và bảo đảm trong cuộc chiến tranh này không có sự giảng hòa riêng rẽ. Nhưng mục đích của việc ký Tuyên ngôn này nhằm mục đích tiêu diệt chủ nghĩa phát xít, khôi phục chế độ dân chủ ở châu Âu. Còn Mỹ và Anh ký Tuyên ngôn nhằm đánh bại thế lực của Đức và Nhật để xác lập quyền bá chủ thế giới. Về sau, các chính phủ Mỹ và Anh đã phản bội Đồng minh, phá hoại tất cả các điều khoản trong Tuyên ngôn.

35. *Hội nghị Teherăng*: Hội nghị của đại diện ba nước Liên Xô, Mỹ và Anh họp từ ngày 28-11 đến ngày 1-12-1943 tại Teherăng (thủ đô nước Iran).

Hội nghị đã thông qua kế hoạch tiêu diệt các lực lượng vũ trang của phát xít Đức, quyết định mở mặt trận thứ hai ở châu Âu trước ngày 1-5-1944 và thông qua Nghị quyết bảo đảm nền hòa bình lâu dài trên toàn thế giới sau chiến tranh, v, v... Nhưng sau đó giới cầm quyền Mỹ và Anh không thi hành đầy đủ những điều khoản đã được ký ở Hội nghị này.

36. *Hội nghị Cựu Kim Sơn*: Hội Nghị gồm đại diện 51 nước do Liên Xô, Mỹ, Anh và Trung Quốc (Chính phủ Tưởng Giới Thạch) triệu tập, họp tại Cựu Kim Sơn (tức Xanphranxixco, một thành phố công nghiệp và hải cảng của nước Mỹ), từ ngày 25-4 đến ngày 26-6-1945 để thành lập một tổ chức quốc tế lấy tên là Liên Hợp quốc.

Mục đích thành lập tổ chức quốc tế này là nhằm ngăn ngừa và loại trừ những mối đe dọa đối với hòa bình, phát triển quan hệ thân thiện giữa các dân tộc và thực hiện sự hợp tác giữa các nước để giải quyết những vấn đề quốc tế; tôn trọng các quyền tự do căn bản của con người, không phân biệt chủng tộc, nam, nữ, tiếng nói và tín ngưỡng. Tất cả các

nước hội viên đều bình đẳng, không một nước nào có quyền can thiệp vào nội bộ của các nước khác.

Nhưng tất cả những nguyên tắc quan trọng trên đây đều bị bọn đế quốc thực dân vi phạm không thể thực hiện đầy đủ được.

37. *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*: Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 nhân dân ta cần hòa bình để xây dựng nhà nước và củng cố lực lượng về mọi mặt, cho nên đã nhân nhượng với thực dân Pháp. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký với Chính phủ Pháp Hiệp định sơ bộ ngày 6-3-1946 và Tạm ước ngày 14-9-1946.

Nhưng thực dân Pháp vẫn cố tình cướp nước ta lần nữa.

Trước những hoạt động xâm lược trắng trợn của thực dân Pháp, đêm 19-12-1946, cuộc kháng chiến từ cục bộ đã lan ra khắp cả nước. Ngày 20-12-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến. Trong văn kiện này, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vạch trần dã tâm xâm lược của thực dân Pháp, nêu lên ý chí sắt đá, quyết kháng chiến đến cùng của dân tộc ta. Đồng thời, Người nêu lên những nét cơ bản về đường lối của cuộc kháng chiến lâu dài, toàn dân, toàn diện, và khẳng định cuộc kháng chiến nhất định thắng lợi.

38. *Nhật ký chìm tàu*:

Hiện nay, nhiều tác phẩm (kể cả tác phẩm chính trị và văn nghệ) của Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn còn thất truyền. Riêng về các sáng tác truyện và ký, đặc biệt đáng chú ý là hai tác phẩm *Những hồi ức của tôi...* và *Nhật ký chìm tàu*.

Là một nhà lãnh đạo phong trào nông dân quốc tế có nhiều kinh nghiệm, đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã góp phần quan trọng vào phong trào cách mạng của nông dân Trung Quốc. Theo quyết



định của Đoàn Chủ tịch Ban Chấp hành quốc tế nông dân ngày 31 tháng 7 năm 1925, Đồng chí Nguyễn Ái Quốc được ủy nhiệm làm công tác vận động nông dân ở Trung Quốc và các nước thuộc địa khác trong đó có Đông Dương. Người đã dịch nhiều tài liệu của Ban Chấp hành quốc tế nông dân; và đã viết nhiều tài liệu về nông dân Trung Quốc nói chung và về phong trào nông dân Hải Lục Phong (Hai Luk-Fung) nói riêng, kể cả những hồi ký mang tính chất văn học, như chính Người nói trong thư đề ngày 8 tháng 2 năm 1928 (nguyên văn chữ Pháp) viết từ Beclin gửi các đồng chí lãnh đạo Quốc tế nông dân.

**Người viết:**

*“Các đồng chí thân mến,*

Tôi đã đến phố Lutsô Uphe, tới địa chỉ mà các đồng chí đã cho tôi. Nhưng tôi không gặp ai cả; và chẳng ai biết tạp chí *Niu Đooécphơ*. Tôi đề nghị các đồng chí cho tôi một địa chỉ khác chắc chắn hơn.

Tôi chỉ có thể lên đường trong vòng một tháng rưỡi. Tôi đã tranh thủ thời gian để viết *Những hồi ức của tôi* về phong trào nông dân, chủ yếu là phong trào của Hải Lục Phong, nơi mà hiện nay thành lập những Xô Viết nông dân. “Nhân vật chính” trong hồi ký của tôi chính là đồng chí Bành Bái, cựu Dân ủy nông nghiệp của Xô Viết Quảng Châu và hiện nay là lãnh tụ của nông dân cách mạng. Bản thảo của tôi chỉ gồm những điều có liên quan đến đời sống, tập quán, sự mê tín v.v... của nông dân; nhưng không có hoặc hầu như không có gì thuộc về chính trị và thống kê.

Có khoảng 120 trang đánh máy, và chia thành khoảng năm chục chương. Tôi đang sắp xếp bản thảo theo thứ tự. Nếu các đồng chí muốn xuất bản, tôi đề nghị các đồng chí gửi cho tôi một bưu thiếp theo địa chỉ sau đây:

Ông Louis, tạp chí *Thư tín Quốc tế*, ban biên tập tiếng Pháp.

Số nhà 228, Phrêdrich Strat, Beclin.

Như thế là đủ, và tôi sẽ gửi cho các đồng chí bản thảo viết tay.

Chào thân ái

N. A. K.”.

Theo sách của Hồng Hà, *Bác Hồ trên đất nước Lênin*, Nhà xuất bản Thanh niên, Hà Nội, 1980, các chương của tập sách này có nhan đề như sau:

- 1 - Chang Chung Minh
- 2 - Bóc lột
- 3 - Phụ quyền
- 4 - Người tổ chức đầu tiên
- 5 - Thay đổi chiến thuật
- 6 - Thành công đầu tiên
- 7 - Ý định đầu tiên
- 8 - Bán vợ
- 9 - Bài thơ cảnh nghèo
- 10 - Vợ chưa cưới của ma quỷ
- 11 - Đám cưới thừa kế
- 12 - Quý trắng
- 13 - Trung nông
- 14 - Cuộc gặp gỡ tốt đẹp
- 15 - Tổ chức
- 16 - Đêm?
- 17 - Họa trung đắc phúc
- 18 - Truyện gia đình bê bối
- 19 - Họa vô đơn chí
- 20 - Hợp tác chôn cất
- 21 - Đấu tranh đầu tiên, thắng lợi đầu tiên
- 22 - Thắng lợi tinh thần
- 23 - Hội nông dân Quảng Đông
- 24 - Bần nông
- 25 - Cây rế ở Quảng Đông
- 26 - Con gà trống bằng gỗ
- 27 - Mê tín
- 28 - Trả đũa



- 29 - Cuộc đấu tranh bắt đầu
- 30 - Sống hay chết
- 31 - Biện pháp phát xít
- 32 - Tròn hay vuông
- 33 - Đàn áp
- 34 - Đoàn kết công nhân
- 35 - Các chặng đường đi
- 36 - Thân thuộc bất ngờ
- 37 - Chủ nghĩa xã hội mới của Chang Chung Minh
- 38 - Mưu ông giám đốc
- 39 - Làng đỏ
- 40 - Hội nông dân Quảng Đông
- 41 - Lịch sử một con trâu
- 42 - Chiến tranh cung đình
- 43 - Nông dân Hồ Nam
- 44 - Một cái mũ quái gở
- 45 - Những đức Phật đáng thương
- 46 - Đảo chính
- 47 - Sự phản bội của Quốc dân đảng
- 48 - Báo động
- 49 - Giây phút đau khổ
- 50 - Nông dân chống cự
- 51 - Xô viết nông dân muôn năm

Trên đây là tất cả những tài liệu còn lưu giữ được về tác phẩm *Những hồi ký của tôi...* tác giả viết vào khoảng những năm 1927 - 1928. Tác phẩm này chắc hẳn mang đậm nét tính chất văn học.

\*

\*       \*

Tác phẩm dài *Nhật ký chìm tàu* hiện nay cũng thất truyền. Mở đầu bức thư viết bằng chữ Pháp đề ngày 28 tháng 2 năm 1930, gửi cho một số người bạn ở nước ngoài yêu cầu giúp đỡ về mặt tài liệu (bằng tiếng Pháp hoặc tiếng Anh), Đồng chí Nguyễn Ái Quốc viết: “Người Việt Nam nhất là những người lao động, muốn biết nước Nga. Nhưng các sách báo cách mạng đều bị pháp luật

hà khắc của đế quốc - Pháp nghiêm cấm. Hơn nữa, công nhân và nông dân Việt Nam phần lớn không biết chữ. Những người có học chút ít không biết thứ tiếng nào khác ngoài tiếng Việt. nhiệm vụ của chúng tôi là phải nói với họ tổ quốc của giai cấp vô sản đó như thế nào. Để làm việc đó, tôi có ý định viết một cuốn sách, - bằng tiếng Việt, đương nhiên - dưới hình thức “hồi ký du lịch” (nguyên văn “souvenirs de mon voyage”). Tôi mong nó sinh động, hấp dẫn, dễ đọc và có nhiều mẫu chuyện”.

Tiếp theo, tác giả vạch rõ đề cương của cuốn sách gồm ba phần:

I. Trước cách mạng

II. Trong cuộc cách mạng

III. Ngày nay.

Mỗi phần lại bao gồm nhiều điểm rất cụ thể.

Tuy nhiên Bản đề cương sơ tư tưởng được này (công bố lần đầu tiên trên *Nghiên cứu văn học*, tháng 5 năm 1963) mới chỉ là “mầm mống đầu tiên” vì trong khi viết, tác giả không lệ thuộc hoàn toàn vào bản đề cương ấy, đã bỏ đi ở phần I, các điểm nói về đời sống của nhân dân, các tổ chức cách mạng; và cả phần II, phần nói về các sự kiện, các diễn biến, những khó khăn trở ngại cùng thái độ phản ứng khác nhau của các tầng lớp nhân dân trong cuộc cách mạng đó. “Bác chỉ chú trọng giới thiệu những điều mới lạ, những thành tích xây dựng, bảo vệ đất nước Xô viết từ ngày cách mạng Nga thành công về sau, Bác đã lồng một cách khéo léo phần nào nội dung của hai phần trên vào phần này” (xem bài *Trên đường đi tìm “Nhật ký chìm tàu” của Hồ Chủ tịch*, *Tạp chí Văn học*, số 5 - 1971, do Ninh Viết Giao ghi lại nội dung tác phẩm theo trí nhớ của các chiến sĩ cách mạng đã được đọc *Nhật ký chìm tàu* trong phong trào Xô



Viết - Nghệ Tĩnh). Bác đã chia toàn bộ tác phẩm của mình thành 24 "chương" hoặc "bài". Ngoài 24 chương, còn có phần mở đầu và kết luận. Cuối mỗi chương (có người nói: đầu mỗi chương) Bác đều đặt mấy câu thơ lục bát để gợi lại đại ý toàn chương cho người đọc dễ nhớ, dễ thuộc; nó mang tính quán chúng rõ rệt. Theo bản thuật lại của Nguyễn Đình Hiền (tài liệu lưu trữ tại Ban nghiên cứu lịch sử Đảng trung ương) thì các câu thơ nằm trong các chương có khi là hai dòng sáu tám, có khi là lục bát biến thể, ngoài ra còn có một số thơ của nhân vật (mà thực chất là của tác giả) viết theo thể thơ ba chữ hoặc song thất xen lục bát.

\*

\* \*

Nội dung tác phẩm *Nhật ký chìm tàu* có thể tóm lược như sau:

Một chiếc tàu buôn của Pháp không may gặp giông tố, bị chìm đắm ở ngoài khơi. Hầu hết hành khách trên con tàu đó đều bị thiệt mạng. Riêng có ba anh Pôn (Paul), Zô (Zo) và Râu (một người Âu, một người Phi, và một người Việt Nam - tức anh Râu) làm công ở trên tàu, may mắn còn sống sót. Họ bị trôi giạt lênh dênh, rồi được thủy triều đưa vào một hoang đảo. Về sau có một chiếc tàu tuần tiễu của Liên Xô đi qua đây, các thủy thủ Xô Viết đã tìm mọi cách ra sức cứu và đưa được họ về Liên Xô. Trên cảng ÔĐétxa, họ được đón tiếp nồng nhiệt.

Trong suốt thời gian ở lại Liên Xô, ba anh Pôn, Zô, và Râu đã được đối đãi rất tử tế trong tình cảm đồng chí thân thương, đầm ấm. Không những các anh được chăm lo, bồi dưỡng về sức khỏe, mà còn được đi thăm quan nhiều nơi trên đất nước của Lênin; tìm hiểu về các mặt chính trị, kinh tế, quân sự, văn hóa, đời sống của nhân dân Liên Xô với

bao điều mới mẻ, thú vị... để càng thêm tin tưởng vào tiền đồ sáng lạn của chủ nghĩa xã hội. Không những thế, Đảng Cộng sản Liên Xô còn tạo mọi điều kiện cho ba anh em được học tập văn hóa và chính trị để nâng cao trình độ nhận thức và tình cảm cách mạng.

Sau một thời gian nghỉ ngơi và học tập, ba anh em Pôn, Zô và Râu đều mong muốn được trở về Tổ quốc yêu quý và đau thương của mình, để cùng với nhân dân tổ chức và tiến hành đấu tranh cách mạng. Trên cảng ÔĐétxa ngày nào họ đến bây giờ họ lại chia tay từ biệt các đồng chí Liên Xô, để trở về nước thực hiện nguyện vọng chính đáng và cao cả đó.

*Nhật ký chìm tàu* ra đời sau khi Đảng Cộng sản Đông Dương thành lập, nó có một giá trị lịch sử đặc biệt. Tiếp theo *Đường cách mệnh* viết khoảng 1927, tác phẩm *Nhật ký chìm tàu* viết vào nửa cuối 1930 này, đã đến kịp thời với đông đảo quần chúng cách mạng, góp phần giác ngộ ý thức giai cấp, giáo dục tinh thần quốc tế vô sản, đẩy mạnh phong trào cách mạng trong nước tiến lên dưới ánh sáng soi đường của chủ nghĩa Mác - Lênin. Thông qua việc điều tra tác dụng to lớn của tác phẩm này đối với thế hệ các chiến sĩ cách mạng 1930 - 1931, Phạm Lâm và Tống Trần Ngọc trong bài viết *Chung quanh tác phẩm "Nhật ký chìm tàu"* của Hồ Chủ tịch (*Nghiên cứu văn học*, số 5 - 1965) đã viết: "*Nhật ký chìm tàu* không những là một tác phẩm phản ánh được hiện thực cách mạng ở Liên Xô lúc bấy giờ, mà còn gieo vào lòng người đọc một niềm tin vô bờ bến. Tác phẩm đã vẽ ra một viễn cảnh xã hội Việt Nam ngày mai huy hoàng, đã đốt lên trong lòng người đọc một ngọn lửa chiến đấu không bao giờ tắt".



Với tầm sâu về nội dung tư tưởng và thành công của nghệ thuật thể hiện có sức tác động mạnh trong quần chúng như vậy, *Nhật ký chìm tàu* là tác phẩm văn học cách mạng đầu tiên viết bằng tiếng Việt, mở đầu cho một nền văn học cách mạng hiện đại Việt Nam đi suốt những năm sau. Qua câu chuyện “sinh động, hấp dẫn”, đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã giới thiệu cho nhân dân ta hiểu biết thêm về chủ nghĩa xã hội tốt đẹp của Nhà nước vô sản đầu tiên trên thế giới; động viên nhân dân ta kiên quyết đấu tranh đi theo con đường của Cách mạng tháng Mười góp phần đập tan những luận điệu xuyên tạc của kẻ thù bấy nay nhằm bôi vu không về đất nước vĩ đại của Lenin. “Nhiều đảng bộ địa phương của Đảng ta đã ra nghị quyết lấy cuốn sách này làm tài liệu tuyên truyền về Liên Xô; nhiều đồng chí lão thành cách mạng đã thuộc lòng cuốn *Nhật ký chìm tàu*. Còn kẻ thù thì cho đó là “một vũ khí lợi hại của cộng sản” (Công văn sở mật thám năm 1931) nên nghiêm cấm lưu hành, tàng trữ và ráo riết tịch thu cuốn sách ấy” (*Những sự kiện lịch sử Đảng*, tập I, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1976, trang 183).

Trước khi bản Đề cương tác phẩm *Nhật ký chìm tàu* lần đầu tiên được công bố (tháng 5 năm 1963), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có lần nói về tác phẩm này tại Đại hội văn nghệ toàn quốc lần thứ ba, cuối năm 1962. Người kể lại cho các đại biểu dự đại hội nghe, câu chuyện lý thú về những ngày hoạt động Cách mạng, Người phải làm nhiều nghề. Làm ảnh, làm bếp... Cũng có khi làm văn nghệ. Người có viết một quyển sách về cách mạng tháng Mười. Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: “Bác viết, đồng chí Hồ Tùng Mậu in. In bằng đất. Rồi phát hành bao nhiêu? Một quyển. Mấy quyển nữa thì cảnh sát Anh tịch thu hết. May nó... không tịch thu được người viết vì hai

anh em (Bác và cụ Hồ Tùng Mậu) đi vắng. Vừa đây mới nghe đồng chí Tổ Hữu có xem quyển ấy” (*Chúng ta có Bác Hồ*, tập II, Nhà xuất bản Lao động Hà Nội, 1970, trang 72). Bản in bằng đất tác phẩm *Nhật ký chìm tàu* này của đồng chí Nguyễn Ái Quốc, may mắn cho chúng ta, đã “lọt” về được trong nước, sau đó được Trung ương Đảng ta bí mật in litô (96 trang). Tháng 3 năm 1931, *Nhật ký chìm tàu* lại được bí mật ấn hành tại liên huyện Diễn Quỳnh hơn 1000 cuốn in thạch, ra hai thứ tiếng: quốc ngữ và chữ nôm. Bản quốc ngữ dày 112 trang, bản chữ nôm 120 trang trên giấy bản. (Theo tài liệu của Nguyễn Đình Hiền đã dẫn, thì một phần ba số lượng phát hành là chữ quốc ngữ, còn là chữ nôm). Trên bìa sách, ngoài bốn chữ *Nhật ký chìm tàu* viết to, phía bên trái có bốn chữ “không phải sách bán” trong vòng đơn và gạch dưới, bên phải là ba chữ Hán “phi mại phẩm”, phía dưới mé bên phải có dấu hình bầu dục, vòng ngoài ghi *Bị áp bức dân tộc liên hiệp hội chi bộ*, vòng trong chữ Hán nghĩa tương tự.

Cho đến nay, nguyên bản *Nhật ký chìm tàu* chưa tìm lại được, chỉ mới thấy tờ bìa và bản *Đề cương*...

(Trong tập 5 *Hồ Chí Minh với văn nghệ sĩ - văn nghệ sĩ với Hồ Chí Minh*), chúng tôi xin giới thiệu nội dung tác phẩm *Nhật ký chìm tàu* kèm theo một số câu thơ in theo các chương trong tác phẩm còn thất truyền đó, căn cứ vào các bản sưu tầm của Phạm Lâm, Tống Trần Ngọc, Ninh Viết Giao; và bản thuật lại của Nguyễn Đình Hiền, người đã may mắn được trực tiếp tham gia in thạch *Nhật ký chìm tàu* tháng 3 năm 1931 ở Diễn Quỳnh, Nghệ An.

## MỤC LỤC

|                                                                                                                     |     |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| LỜI NHÀ XUẤT BẢN                                                                                                    | 7   |
| LỜI TỰA                                                                                                             | 9   |
| PHẦN I - TƯ TƯỞNG VỀ VĂN HÓA - VĂN NGHỆ                                                                             |     |
| 1. Đường khách mệnh                                                                                                 | 15  |
| 2. Lời phát biểu trong buổi khai mạc phòng triển lãm văn hóa                                                        | 84  |
| 3. Các nhà văn hóa Việt Nam hãy chú ý đặc biệt đến nhi đồng                                                         | 86  |
| 4. Thư gửi anh em văn hoá và trí thức Nam Bộ                                                                        | 89  |
| 5. Thư gửi Hội nghị Thông tin Tuyên truyền và báo chí toàn quốc                                                     | 90  |
| 6. Thư gửi Hội nghị văn hóa toàn quốc lần thứ hai                                                                   | 93  |
| 7. Thư gửi các họa sĩ nhân dịp triển lãm hội họa năm 1951                                                           | 94  |
| 8. Đại hội văn công                                                                                                 | 96  |
| 9. Nói chuyện trong buổi bế mạc Đại hội Văn nghệ toàn Quốc lần thứ hai                                              | 97  |
| 10. Thư gửi Hội nghị cán bộ văn hoá                                                                                 | 101 |
| 11. Bài nói chuyện tại Hội nghị cán bộ văn hoá                                                                      | 105 |
| 12. Cách viết                                                                                                       | 111 |
| 13. Bài nói chuyện tại Đại hội lần thứ hai của Hội Nhà báo Việt Nam                                                 | 116 |
| 14. Văn hóa phải thiết thực phục vụ nhân dân, góp phần vào việc nâng cao đời sống vui tươi lành mạnh của quần chúng | 126 |
| 15. Bài nói chuyện tại Đại hội lần thứ ba của Hội Nhà báo Việt Nam                                                  | 128 |
| 16. Bài nói chuyện tại Đại hội Văn nghệ toàn quốc lần thứ ba                                                        | 132 |
| 17. Nhân sĩ phải là chiến sĩ                                                                                        | 137 |
| HỒ CHÍ MINH VỚI VĂN NGHỆ SĨ - VĂN NGHỆ SĨ VỚI HỒ CHÍ MINH                                                           | 613 |



|                                                                             |     |
|-----------------------------------------------------------------------------|-----|
| 18. Thư gửi Hội nghị các nhà văn Á-Phi lần thứ hai                          | 138 |
| 19. Miêu tả cho hay, cho chân thật, cho hùng hồn...                         | 141 |
| 20. Lời phát biểu khi tới thăm triển lãm mỹ thuật toàn quốc năm 1962        | 143 |
| 21. Một số ý kiến về chữ Quốc ngữ và tiếng Việt                             | 144 |
| 22. Điện mừng Hội nghị nhà văn Á-Phi                                        | 146 |
| 23. Không có gì quý hơn độc lập tự do                                       | 147 |
| <b>PHẦN II - TÁC PHẨM VĂN XUÔI</b>                                          |     |
| 24. Pari                                                                    | 155 |
| 25. Lời than vãn của bà Trưng Trắc                                          | 163 |
| 26. Con người biết mùi hun khói                                             | 171 |
| 27. Sở thích đặc biệt                                                       | 175 |
| 28. Thư gửi Khải Định                                                       | 177 |
| 29. Đồng tâm nhất trí                                                       | 180 |
| 30. Những người bản xứ được ưa chuộng                                       | 183 |
| 31. Bộ sưu tập động vật                                                     | 187 |
| 32. Viện Hàn lâm thuộc địa                                                  | 193 |
| 33. Y như nước mẹ                                                           | 199 |
| 34. Vi hành                                                                 | 201 |
| 35. Đoàn kết giai cấp                                                       | 205 |
| 36. Hành hình kiểu Linsơ, một phương diện ít người biết của nền văn minh Mỹ | 209 |
| 37. Bản án chế độ thực dân Pháp                                             | 217 |
| 38. Con rùa                                                                 | 349 |
| 39. Những trò lố hay là Varen và Phan Bội Châu                              | 352 |
| 40. Truyện ngụ ngôn                                                         | 358 |
| 41. Nhật ký chìm tàu                                                        | 360 |

|                                                                          |     |
|--------------------------------------------------------------------------|-----|
| 42. Chú ếch và con bò                                                    | 380 |
| 43. Đánh du kích như đánh cờ                                             | 381 |
| 44. Tuyên ngôn Độc lập                                                   | 394 |
| 45. Lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến                                    | 399 |
| 46. Kinh nghiệm du kích Pháp                                             | 400 |
| 47. Giấc ngủ mười năm                                                    | 420 |
| 48. Thư trung thu                                                        | 445 |
| 49. Chết mà chưa hết nhục                                                | 447 |
| 50. Mật thám Mỹ                                                          | 448 |
| 51. Mẫu chuyện về Điện Biên Phủ                                          | 461 |
| 52. Liên Xô vĩ đại                                                       | 468 |
| 53. Tình nghĩa anh em Việt - Ấn - Miến                                   | 509 |
| 54. Chuyện giả mà có thật                                                | 572 |
| 55. “Bình đẳng, bác ái” kiểu Mỹ                                          | 579 |
| 56. Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh                                     | 583 |
| 57. Các bản thảo in nguyên văn bản thảo di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh | 584 |
| 58. Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh công bố năm 1969                    | 593 |
| CHÚ THÍCH                                                                | 598 |



NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN  
65 Nguyễn Du - Hà Nội \* Tel & Fax: 38222135  
Email: nxbhoinhavan@yahoo.com.vn

# Hồ Chí Minh

VỚI VĂN NGHỆ SĨ  
VĂN NGHỆ SĨ VỚI HỒ CHÍ MINH

*Tập 5*

HỒ CHÍ MINH - TƯ TƯỞNG VÀ TÁC PHẨM  
(*Văn xuôi*)

Chịu trách nhiệm xuất bản:  
PHẠM TRUNG ĐÌNH

Chịu trách nhiệm bản thảo:  
TRẦN QUANG QUÝ

Biên tập:  
TẠ DUY ANH  
NGUYỄN VĂN SƠN

Bìa:  
VĂN SÁNG

Trình bày và sửa bản in:  
HẢI LY

---

In 8000 cuốn, khổ 16 x 24cm, tại Công ty In và Dịch vụ Thương mại Phú Thịnh  
Giấy ĐKKHXB số: 438-2012/CXB/11-20/HNV  
Quyết định xuất bản số: 638/QĐ-NXBHNV ngày 15-8-2012  
In xong và nộp lưu chiểu quý II năm 2012